THERAVĀDA
Phật Giáo Nguyên Thủy

CHÚ GIẢI NGƯỜI VÀ CÕI

PARAMATTHAJOTIKA
MAHĀ ABHIDHAMMAMATTHA

SAṆGAHAṬĪKĀ
Chương iv & v

Dịch giả
BHIKKU KUSALAPUÑÑO
Tỳ khưuThiện Phúc

PL : 2543 - DL.1990

THERAVĀDA
Phật giáo Nguyên Thủy

CHÚ GIẢI NGƯỜI VÀ CÕI

PARAMATTHAJOTIKA
MAHĀ ABHIDHAMMAMATTHA
SAṆGAHAṬĪKĀ
Chương IV & V

Dịch giả:
BHIKKHU KUSALAPUÑÑO
Tỳ khưu Thiện Phúc

PL. 2543 - DL. 1990

MỤC LỤC

-ooOoo-

Chương IV: Quyển I
ANUSANDHI và PATINNAṂ

1- Trong Pariccheda Chương thứ 4 tôi đã trình bày dòng tiến trình của tâm với mãnh lực của lộ tâm trong thời bình nhật, bây giờ, tôi sẽ trình bày dòng tiến trình của vithīmuttacitta trong thời tái tục.

2- Trong Vithīmuttasaṅgaha cần phải biết nhóm 4 loại là: Bhūmicatukka, Paṭisandhicatukka, Kammacatukka, Maraṇ upppatticatukka.

TRÌNH BÀY TÓM LƯỢC 4 CÕI

3- Trong 4 loại ấy, gọi là 4 cõi. Tức là cõi khổ, cõi vui, Dục-giới, Sắc-giới, cõi Vô-sắc-giới.

11 CÕI DỤC

NÓI VỀ 4 CÕI KHỔ

4- Trong nhóm 4 cõi ấy, cõi khổ cũng có 4 là: địa ngục, Bàng sanh, Ngạ quỉ và Atula.

NÓI VỀ 7 CÕI VUI DỤC GIỚI

5- Cõi vui Dục-giới có 7 cõi là: Cõi Nhân-loại, Tứ-Đại-Thiên-vương, cõi Đạo-lợi, cõi Dạ-ma, cõi Đâu-xuất, cõi Hóa-lạc-Thiên, cõi Tha-hóa-tự-tại.

NÓI VỀ 11 CÕI DỤC

6- 11 cõi như đã trình bày, được xem là cõi Dục-giới vậy.

NÓI VỀ 16 CÕI SẮC

7- Cõi Phạm-chúng-Thiên, cõi Phạm-phụ-Thiên, cõi Đại-phạm-Thiên. Ba cõi này là cõi Sơ-thiền.

8- Cõi Thiểu-quang-Thiên, cõi Vô-lượng-quang-Thiên, cõi Quang-âm-Thiên. Ba cõi này là cõi Nhị-thiền.

9- Cõi Thiểu-tịnh-Thiên, cõi Vô-lượng-tịnh-Thiên, cõi Biến-tịnh-Thiên. Ba cõi này là cõi Tam-thiền.

10- Cõi Quảng-quả, cõi Vô-tưởng, cõi Ngũ-tịnh-cư-Thiên. Cả 7 cõi này là cõi Tứ-thiền. Tổng cộng thành 16 cõi Sắc-giới.

NÓI VỀ 5 CÕI TỊNH CƯ

11- 5 cõi Tịnh-cư là: Vô-phiền, Vô-nhiệt, Thiện-hiện, Thiện-kiến và Sắc-cứu-cánh. Gom chung lại thành 5 cõi.

NÓI VỀ 4 CÕI VÔ SẮC

12- Cõi Vô sắc có 4 là: cõi Không-vô-biên-xứ, cõi Thức-vô-biên-xứ, cõi Vô-sở-hữu-xứ và cõi Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ.

NÓI VỀ PHÂN CHIA CÕI VÀ NGƯỜI

13- Phàm nhân, bậc Dự-lưu và bậc Nhất-lai. Ba hạng người này không thể sanh trong cõi Ngũ-tịnh-cư.

14- Tám bậc Thánh không sanh trong cõi Vô-tưởng và 4 cõi khổ. Còn lại 21 cõi là: 7 cõi vui Dục, 10 cõi Sắc và 4 cõi Vô-sắc, dù Thánh hay phàm đều sanh vào được (theo thích hợp).

phần trình bày trên là nhóm 4 cõi trong Vithīmuttasaṅgaha.

NÓI VỀ 4 CÕI KHỔ VÀ CÕI NHÂN LOẠI

Padaccheda, padasampandha, nacanattha và giảng giải trong 4 cõi khổ.

Từ Apāyabhūmi, khi đem chiết tự được như sau: Apa + Aya + Bhūmi, gom lại thành Apāyabhūmi, nơi đây tách ly gọi là Apa, nghiệp thiện gọi là Aya, chỗ nương trú gọi là Bhūmi.

Có câu định nghĩa rằng Ayo thành tựu cả ba loại là: Nhân lạc, Thiên lạc, Níp- Bàn lạc thường phát sanh bởi 4 thiện nghiệp. Do vậy, thiện nghiệp ấy mới Gọi là Aya.

Ayato apagato =Apāyo nơi tách ly thiện nghiệp (tức nơi không có điều kiện thực hành thiện nghiệp) gọi là Apāya.

Bhavanti sattā etthāti = Bhūmi. Các chúng sanh sanh trong chỗ ấy, do vậy chỗ ấy được gọi là Bhūmi.

Thật vậy, những nơi mà chúng sanh nương trú không có dịp thực hành thiện nghiệp, được Gọi là Apāyabhūmi. Apāyabhūmi có 4: cõi địa ngục, cõi bàng sanh, cõi Ngạ quỉ, cõi Atula. Tiếp theo sẽ trình bày tuần tự 4 cõi khổ.

Padaccheda, padasampandha, vacanattha và giải rộng về địa ngục. Từ niraya đem chiết tự ra được như sau: Ni + Aya, nơi đây Ni là từ phủ nhận, dịch là không có, Aya dịch là tiến hóa hay an lạc, gom chung lại là Niraya. Có câu định nghĩa (vacanattha) rằng:

1. Ayati vaḍḍhātīti = Ayo: sự an lạc, sự an vui thường Tăng Trưởng, do vậy sự an vui, sự an lạc ấy gọi là Aya.

Một câu nữa là: Ayitabbo sāditabboti = Ayo. Sự an lạc, sự an vui ấy đáng được mong muốn, như vậy Gọi là Aya.

2. Natthi ayo etthāti = Nirayo: sự an lạc, sự an vui không có trong cõi nào, do vậy cõi ấy Gọi là Niraya.

ĐẠI ĐỊA NGỤC CÓ TÁM HẦM LÀ:

1. Địa ngục Sañjiva.
2. Địa ngục Kāḷasutta.
3. Địa ngục Saṅghāta.
4. Địa ngục Roruva.
5. Địa ngục Mahā roruva.
6. Địa ngục Tāpana.
7. Địa ngục Mahā tāpana
8. Địa ngục Avīci.

Địa ngục Saṅghāta còn được gọi là Dhūmaroruva(jālaroruva).

ĐỊA NGỤC USSADA CÓ NĂM HẦM LÀ:

1. Địa ngục Gūtha.
2. Địa ngục Kukakaḷa.
3. Địa ngục Sipalīvana.
4. Địa ngục Asipattavana.
5. Địa ngục Vettaraṇī.

Trong mỗi Địa đại ngục có 16 địa ngục Ussada. Vậy có cả thảy 128 địa ngục Ussada (Đa-khổ-địa-ngục).

Sở dĩ được con số 128 này, bởi tính theo bốn hướng, mỗi hướng có địa ngục ussada là 4, 16 địa ngục này nhân với 8 Địa đại ngục thành 128. Nếu tính theo 8 hướng, thì trong mỗi Địa đại ngục có 32 địa ngục Ussada vây quanh. 32 x 8 = 256.

Trong năm địa ngục ussada ấy, nếu gom địa ngục Asipatta và Vettaraṇī vào thành 1 thì được bốn hầm.

Nơi đây, từ ussada dịch là có nhiều sự khổ, như có câu định nghĩa rằng:

Ussīdanti nānādukhā etthāti = Ussada.

Các sự khổ có nhiều trong cõi địa ngục này. Do vậy, cõi địa ngục này được Gọi là Ussada. 128 hầm địa ngục Ussada Gọi là Cūḷanaraka- tiểu địa ngục cũng được.

VỊ TRÍ CỦA TÁM HẦM ĐẠI ĐỊA NGỤC

Tám hầm Địa đại ngục nằm phía dưới cõi nhân loại, trực hướng với Nam-thiện-bộ-châu (jampūdīpa) tiếp nối với mặt địa cầu. Mặt địa cầu mà nhân loại đang đứng ở đây có bề dày là 240.000 do tuần (1 do tuần = 16km.), phân nửa phía trên là đất, thường gọi là Paṃsupaṭhavī dày 120.000 do tuần, phân nửa phía dưới là đá Gọi là Silāpaṭhavī dày 120.000 do tuần. Cả tám Địa đại ngục này nằm trong phần đất thường, mỗi hầm cách nhau là 1.500 do tuần kể theo thứ tự. Tức là kể từ mặt địa cầu xuống đến Địa đại ngục thứ nhất tên là Sañjīva cách khoảng 1.500 do tuần, từ địa ngục Sañjīva xuống địa ngục lớn thứ hai là Kāḷasutta cách khoảng 1.500 do tuần, từ Kāḷasutta xuống đại địa ngục thứ ba tên là Saṇghāta cách khoảng 1.500 do tuần. Từ đại địangục Saṇghāta xuống Địa đại ngục thứ tư tên là Roruva cách khoảng 1.500 do tuần. Từ địa ngục Roruva xuống đến đại địa ngục thứ năm tên là Mahāroruva cách khoảng 1.500 do tuần, từ đại địa ngục Mahāroruva xuống đến đại địa ngục thứ sáu tên là Tāpana cách khoảng 1.500 do tuần, từ địa ngục Tāpana xuống đến đại địa ngục thứ bảy tên là Mahā tāpana cách khoảng 1.500 do tuần, từ đại địa ngục Mahā tāpana xuống đến đại địa ngục thứ tám tên là Avīci cách khoảng 1.500 do tuần.

Sở dĩ, tám hầm đại địa ngục này nằm phía dưới địa cầu như đã trình bày, là vì khi đến 1.500 do tuần, liền trở thành mỗi một tầng hầm (Umoṅga) theo thứ tự.

Mặt địa cầu dày 240.000 do tuần này, nằm trên tảng băng dầy 480.000 do tuần, tảng băng này nằm trên lớp gió dầy 960.000 do tuần, kế tiếp lớp gió này di chuyển thành hư không, Gọi là Heṭṭhima ajatākāsa (hạ tầng hư không-hư không tầng dưới) hư không ở phía trên từ cõi Phi-tưởng-phi-phi-tưởng trở lên Gọi là Uparima ajatākāsa (thượng tầng hư không-hư không phần trên).

VỊ TRÍ NĂM HẦM ĐỊA NGỤC USSADA

Địa ngục ussada này là các hầm địa ngục nhỏ nằm cùng một nơi với các đại địa ngục cũng có nằm theo rừng núi, Đại dương, sông hằng, các dīpa (châu) nhỏ và vùng hoang đảo cũng có.

CÂU CHUYỆN VỀ YAMARĀJĀ và NIRAYAPĀLA

Diêm vương này là chúa của loài Ngạ qui Vemànikā, có lúc cũng hưởng thọ lạc, tức được ở trong cung điện, có Thiên viên, có những vũ nữ quanh vây ca múa, có lúc cũng bị cảm thọ khổ, chính là quả của nghiệp có trong Địa ngục ấy. như trong uparipaṇṇāsa aṭṭhakathā và Tikaṅguttara aṭṭhakathā có nêu rằng:

Gọi là quả của nghiệp, tức là quả của nghiệp bất thiện, được giải rộng như sau:

Chúa của Ngạ qui Vemànika này lúc còn ở nhân loại đã thường tạo nghiệp bất thiện và nghiệp thiện. Sau khi mệnh chung được sanh lên cõi Tứ-Thiên-vương, tái tục bằng tâm quả thiện vô nhân cũng có, bằng tâm quả nhị nhân cũng có, tâm quả tam nhân cũng có, giống như các Chư Thiên Vinipātika đó là do mãnh lực của thiện nghiệp. Bởi vậy chúa của nhóm Ngạ qui Vemānika ấy mới có thể chứng đạt Đạo quả được. Còn trong thời bình nhật, cũng có lúc cảm thọ quả thiện, có lúc phải cảm thọ quả bất thiện tương xứng với nghiệp mà mình đã tạo. Chúa của nhóm Ngạ qui Vemānika nào đạt được Thánh Đạo rồi, vị chúa của nhóm Ngạ qui Vemānika ấy sẽ luôn luôn hưởng thọ lạc của thiện, kể từ lúc đạt được Thánh Đạo trở đi. Xin các học giả nên biết là như vậy.

Như trong Uparipaṇṇāsa và Tikaṅguttaratīkā có nêu rằng:

Trong mỗi hầm đại địa ngục, không phải chỉ có một Diêm vương, mà thật sự có đến bốn vị tại bốn cửa hầm đại địa ngục, vì lẽ ấy, tổng cộng có đến 32 vị Diêm chúa.

Như trong Upāripaṇṇāsa và Tikaṅguttaraṭīkā có nêu rằng: Trong cả thảy 8 đại địa ngục ấy, mỗi hầm có 4 cửa, tổng cộng 32 cửa, trong mỗi cửa có 4 hầm địa ngục Unada, tổng cộng có 128 hầm, trong mỗi cửa có một vị Diêm vương, tổng cộng có 32 vị Diêm vương.

Như trong chú giải Suttasaṅgaha và chú giải Devadūtasutta có nêu rằng:

Nhóm Nirayapāla(cai ngục) này không phải là chúng sanh địa ngục, vì việc tái sanh của nhóm (nirayapāla-cai ngục) này sanh lên do nghiệp ly bất thiện, tương xứng với nghiệp dẫn đến cảnh giới Niraya. Được giải rằng: nhóm Niraya- cai ngục này có sanh chủng là Quỉ sứ và tái tục bằng thiện nghiệp tương xứng dẫn đi tục sinh trong cõi địa ngục.

Như trong Kathāvatthu anuṭīkā và Uparipaṇṇāsaṭīkā có nêu rằng:

Nếu có người hỏi rằng các cai ngục không phải là chúng sanh địa ngục, nhưng vì sao sanh trong cõi địa ngục ấy? Vì khoảng giữa chỗ, vẫn có sinh mạng, có sự hoan hỷ với việc não hại hoặc giết các chúng sanh như chúng sanh địa ngục chẳng hạn. Giải rằng: thiện nghiệp pha lẫn với Nikantitaṇhā, tức là sự thích thú trong việc não hại chúng sanh, có khả năng dẫn cho tái sanh trong cõi địa ngục, luôn cả cho có thân hình thích hợp với việc hành hình giết các chúng sanh địa ngục. Thế nên nhóm cai ngục này mới có thân hình to lớn, cường tráng, có sức mạnh hơn các chúng sanh địa ngục và biểu lộ hình tướng rất hung dữ, có khả năng làm cho các chúng sanh ở địa ngục sợ hãi, khiếp đảm, như loài quạ, loài chó. . . sanh trong địa ngục này cũng có thân hình to lớn đáng sợ.

Các học giả nên biết theo pālī, trong các Kathāvatthu anuṭīkā và Uparipaṇṇāsāṭīkā có nêu rằng:

Nói về năm loại Thiên sứ, trong Uparipaṇṇāsa Chánh Tạng và atthakathā.

Tất cả nhân loại đang sống trong cõi đời này, thường có tánh sai biệt như người sống thiện hạnh, người sống ác hạnh, tâm tánh đa dạng, nơi đây chỉ tóm tắt 4 loại tương xứng với sở hành của mọi người là:

1. Một số người trong thế gian này thích hành thiện.
2. Có một số người trong thế gian này vừa hành thiện cũng vừa hành ác.
3. Có một số người trong thế gian này thường hành ác hơn hành thiện.
4. Có một số người trong thế gian này chỉ chuyên về hành ác.

Cả bốn hạng người này, hạng thứ nhất trong lúc lâm chung thường nhớ đến việc thiện mà mình làm, do đó hạng người này thoát khỏi bốn cõi khổ.

Còn hạng người thứ hai, nếu không tự mình nhớ tưởng đến điều thiện được, có thân quyến nhắc nhở cho nhớ được điều thiện đã làm, cũng có thể giúp cho thoát khỏi khổ cảnh được. Ngoại trừ người ấy, tự mình không nhớ đến điều thiện mà mình đã làm, và cũng không có người thân nào nhắc nhở cho mà chỉ mang nỗi buồn phiền hay hối tiếc. Với tâm trạng như thế, người ấy sẽ không thoát khỏi khổ cảnh được.

Còn hạng người thứ ba, do tự mình tạo bất thiện nghiệp nhiều hơn thiện nghiệp, cho nên khó tưởng đến điều thiện, ngoại trừ nhận được sự giúp đỡ của người khác, mà người giúp đở này phải hết sức khéo léo, thì người ấy mới có thể thoát khỏi khổ cảnh được, nếu chỉ là sự giúp đở thông thường thì người ấy không thể an trú trong điều thiện được, khi ấy hạng người này chắc chắn rơi vào khổ cảnh.

Còn hạng người thứ tư, thường không thoát khỏi khổ cảnh, ngọi trừ Đức Chánh-Đẳng-Giác, bậc Thượng-Thinh-Văn hoặc bậc Đại-Thinh-Văn mới giúp đở được, và muốn nhận được sự giúp đở từ các vị ấy, người đó phải có Kusala aparāpariyavedaniyakamma "nghiệp có mãnh lực nhiều, tức là thiện nghiệp mà mình thường tạo trong đời quá khứ".

Nếu hạng người này rơi vào Địa ngục, liền rơi thẳng xuống địa ngục, chớ không có dịp gặp Diêm Vương để thẩm vấn.

Còn hạng người thứ hai và thứ ba, nếu bị rơi vào địa ngục, cũng có cơ hội được gặp Diêm Vương, để Diêm chúa sẽ thẩm vấn, gạn hỏi đến 5 vị Thiên Sứ, rồi sau đó mới đi chịu cảnh thọ khổ trong các địa ngục ấy.

Sau khi người ấy rơi xuống Địa ngục, các cai ngục sẽ dẫn người ấy đến gặp Diêm Vương. Câu hỏi của diêm vương về 5 vị Thiên Sứ là:

1. Thiên sứ thứ nhất là sự sanh, sự chào đời của đứa bé.

2. Thiên sứ thứ hai là sự già, tức người già (sống trên đời hay có mặt trên cõi người).

3. Thiên sứ thứ ba là bệnh tật, tức là người bệnh có hiện hữu trên cõi nhân loại.

4. Thiên sứ thứ tư là sự chết, tức là người chết. Sự hiện hữu hiện tượng chết trên cõi nhân loại.

5. Thiên sứ thứ năm là người bị hành tội, tức sự hành hình của pháp luật ở trong nước chẳng hạn như: trộm cắp, cướp bóc, giết người...

Khi Diêm chúa thấy người ấy, bèn nói với họ rằng: "Này người kia! Bây giờ ta sẽ hỏi, khi còn ở trên cõi người, ngươi có từng thấy một đứa trẻ mới sanh ra nằm trên vật nhơ nhớp chăng?

- Chúng sanh tội phạm đáp rằng: Tôi từng thấy.

Diêm vương hỏi tiếp rằng: Khi ngươi thấy đứa bé mới sanh ra như vậy, ngươi có nghĩ rằng: ta đây vẫn còn phải tái sanh nữa, vậy ta phải cố gắng bố thí, trì giới, tu tiến để thoát khỏi sự sanh, khổ do sanh ấy?

Chúng sanh địa ngục ấy, sau khi nghe câu hỏi của Diêm chúa như thế rồi, nếu ngay lúc ấy nhớ lại được thiện sự, thì sẽ thoát khỏi địa ngục ngay và sẽ được sanh lên cõi người hoặc Thiên giới. Nếu trong khi ấy không nhớ được thiện sự, thì đáp rằng: tôi từng thấy đứa bé sanh ra thật, nhưng tôi không có suy nghĩ gì, ngoại trừ thỏa thích vui mừng theo thường tình của thế gian thôi.

Diêm vương bèn phán rằng: "Nếu vậy, đây chính là sự dể duôi của ngươi mặc dầu ngươi đã thấy sự sanh như vậy mà ngươi vẫn vui mừng thoả thích. Sự vui mừng và dễ duôi này khởi lên từ nơi ngươi, không phải do cha mẹ, vợ con, anh em hay bạn bè, thầy tổ hoặc Chư Thiên làm cho ngươi. Vậy chính ngươi phải thọ nhận quả báo mà ngươi đã làm, không có ai thọ nhận thay ngươi được, ngươi đã hành động như thế nào, ngươi sẽ nhận lãnh quả báo như thế ấy".

Rồi Diêm Vương phán tiếp rằng: "Vậy người có từng thấy người già, người bệnh, người chết và kẻ tội phạm chăng?".

Chúng sanh địa ngục ấy đáp rằng: "tôi từng thấy"

Diêm vương phán hỏi tiếp rằng: lúc ngươi thấy người già, người bệnh, người chết hoặc kẻ tội phạm. Ngươi có suy nghĩ rằng chính ta đây cũng bị già, bệnh và chết, ta hãy tinh cần bố thí, trì giới, tu tiến để làm chỗ nương tựa cho chính mình và có thể giúp mình thoát khỏi các sự đau khổ ấy chăng?

Chúng sanh địa ngục ấy, sau khi nghe phán hỏi lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư, lần thứ năm. Nếu nhớ được thiện sự thì sẽ trả lời giống như câu trả lời trong Thiên Sứ thứ nhất.

Đối với những người nào, sau khi làm các thiện sự, có hồi hướng phước cho Diêm Vương, sẽ được Diêm Vương cố gắng giúp cho người ấy nhớ lại các Thiên sứ ấy. Vậy người, sau khi tạo phước bố thí, trì giới hay tu tiến rồi, hãy hồi hướng phước báu đến Diêm Vương. Diêm vương sẽ nhớ được, vì đã từng nhận phước nơi người ấy. Nếu người nào sau khi bố thí, trì giới, tu tiến nhưng không có hồi hướng phước đến Diêm chúa. Diêm Vương không thể nhớ được thiện sự của người ấy. Sau khi Diêm Vương gợi ý, mà người ấy vẫn không nhớ được, vẫn ngồi im lặng. Bấy giờ, các cai ngục đem người ấy ra hành tội tùy theo ác nghiệp mà người đó đã làm.

Nếu Diêm Vương nhớ được thiện nghiệp của người ấy, thì sẽ nói lên, người ấy nghe Diêm Vương nói lên như vậy, cũng nhớ được rằng: "ta đã từng bố thí, trì giới, tu tiến như vầy... như vầy... ngay lúc nào nhớ được thiện nghiệp của mình, liền khi đó, người ấy thoát khỏi địa ngục".

Vậy việc nhắc nhở, gợi ý của Diêm Vương là nhân, việc nhớ được thiện nghiệp của mình là quả. Việc nhớ lại được thiện nghiệp của mình là nhân, việc thoát khỏi địa ngục ấy là quả.

Dứt phần nói về năm vị thiên sứ

-ooOoo-

Phần trình bày định nghĩa và lời giảng rộng trong tám hầm địa ngục và năm hầm địa ngục Ussada.

1- Sañjīvanaraka (Đẳng-hoạt địa ngục) Saṃ punappunaṃ jīvanti etthāti = Sañjīvo.

Các chúng sanh ở trong địa ngục ấy chết đi sống lại hoài . Do vậy, địa ngục ấy Gọi là Sañjīva: Đẳng-hoạt.

Các cai ngục với tay cầm vũ khn sắc bén, sáng chói, chém các chúng sanh trong địc ngục ấy, dù bị chém đến chết, nhưng họ vẫn sống lại được trong địc ngục nào, Địa ngục ấy gọi là Sañjīva.

2- Kāḷasutta (Hắc-thằng địa ngục) Kāḷasuttaṃ ṭhapetvā tacchanti etthāti = Kāḷasutto.

Các cai ngục làm dấu bằng dây đen, rồi xẻo, vạt, hoặc chặt chúng sanh trong địa ngục ấy, do vậy Địa ngục ấy gọi là Kāḷasutta (Hắc-thằng). Và Kāḷasutto = Hắc-thằng, (Hoặc là):Các cai ngục làm dấu bằng dây đen, rồi xẻo vạt hoặc chặt chúng sanh trong địa ngục ấy bằng dao, búa, cưa... do vậy Địa ngục ấy gọi là Kāḷasutta.

Các cai ngục làm dấu bằng dây đen, rồi xẻo vạt hoặc chặt chúng sanh Địa ngục đang té ngã vì bị cai ngục đuổi bắt trong Địa ngục nào, địa ngục ấy Gọi là Kāḷasutta (Hắc-thằng).

3- Saṅghātanaraka (Địa ngục Chúng-hiệp).

Saṅghātenti etthāti = Saṅghāto: Núi sắc nghiền nát chúng sanh trong địa ngục ấy, do vậy địa ngục ấy Gọi là Saṅghata- Chúng Hiệp- và...(Hoặc là): Ngọn núi sắc to lớn cháy đỏ nghiền nát chúng sanh trong địa ngục ấy, gọi là Saṅghāta - Chúng Hiệp.

Khi sắt cháy đỏ, nghiền nát các chúng sanh đang lún xuống nền sắc khoảng tới eo trong địa ngục nào, địa ngục ấy gọi là Saṅghāta.

4- Roruvanaraka (Dhūmarorupa hay Cūḷarorupa) - Khiếu hóa.

Mahāravaṃ ravanti etthāti = Roruvo: các chúng sanh la khóc vang dậy trong Địa ngục ấy. Do vậy, Địa ngục ấy gọi là Roruva - Khiếu hóa. Và Roruva. (Hay là) các chúng sanh trong Địa ngục ấy la khóc vang dội suốt thời gian dài. Do vậy, Địa ngục ấy có tên là Roruva - Khiếu hóa.

Các chúng sanh Địa ngục bị khói xông vào 9 cửa làm cho khó chịu, la khóc vang dội đáng thương ở trong Địa ngục ấy, cho nên Địa ngục ấy gọi là Dhūmaroruva.

5- Mahāroruvanaraka (Jālaroruva) - Đại khiếu hóa. Mahanto roruvo = Mahāroruvo - Đại khiếu hóa. Địa ngục có tiếng la khóc lớn hơn Địa ngục Cūḷaroruva, gọi là Mahāroruvanaraka (Địa ngục Đại khiếu hóa).

Các chúng sanh bị lửa đốt cháy vào 9 cửa khiếu, la khóc tiếng vang dội đáng thương trong Địa ngục ấy, nên Địa ngục gọi là Địa ngục Jālaroruva hay Mahāroruva.

6- Tāpananaraka (Cūḷatāpana) Địa ngục Tiểu viêm nhiệt.

Tāpetīti = Tāpano: Địa ngục làm cho chúng sanh nóng bức. Do vậy, Địa ngục ấy gọi là Tāpana - Viêm nhiệt.

Địa ngục làm cho các chúng sanh ác, ngồi cột dính vào cây sắc nóng đỏ rồi cho lửa cháy. Do vậy, Địa ngục ấy là Tāpana.

7- Mahātāpananaraka (Patāpana) (Địa ngục Đại viêm nhiệt) Itiviyatāpetīti = Mahātāpano

Địa ngục làm cho chúng sanh vô cùng nóng bức. Do vậy, địa ngục ấy gọi là mahātāpana - Đại viêm nhiệt. Và (Hay là) Địa ngục làm cho các chúng sanh nóng bức nhiều hơn địa ngục Cūḷatāpana. Do đó, Địa ngục ấy gọi là Mahātāpana.

Địa ngục khiến chúng sanh ác đến ngọn núi sắt nóng đỏ, rồi rơi xuống cây giáo ở phía dưới do mãnh lực của gió và lửa đang cháy. Do vậy, Địa ngục ấy gọi là Patāpana hay Mahātāpana - Đại viêm nhiệt.

8- Avācinaraka (Địa ngục Vô gián). Natthi vīci etthāti = Avīci.

Khoảng cách của ngọn lửa, chúng sanh Địa ngục và sự khổ không có gián đoạn trong địa ngục ấy. Do vậy, Địa ngục ấy gọi là Avīci - Vô gián. (Và): Avīci. (Hoặc là) khoảng cách của các chúng sanh và ngọn lửa, việc thọ khổ không gián đoạn trong Địa ngục ấy. Do vậy, Địa ngục ấy gọi là Avīci - Vô gián.

Khoảng cách của ngọn lửa, các chúng sanh Địa ngục và sự khổ trong Địa ngục nào không có gián đoạn. Do vậy, Địa ngục ấy Gọi là chỗ miệt mà của các chúng sanh ác, nên Gọi là Avīci - Vô -gián.

Dứt tám hầm đại địa ngục

-ooOoo-

NÓI VỀ THỨ TỰ NĂM HÀM ĐỊA NGỤC USSADA

1- Gūthanaraka (Địa ngục phẩn niệu).

Các chúng sanh Địa ngục còn bất thiện nghiệp, dù đã thoát khỏi Đại địa ngục Vô Gián rồi, cũng chưa thoát khỏi hẳn mà phải tiếp tục thọ khổ, tức bị não hại trong địa ngục Phẩn thúi, nối liền với Địa ngục Vô Gián.

2- Kukkukanaraka (Địa ngục Tro Nóng).

Các chúng sanh vẫn còn dư sót bất thiện nghiệp, dù đã thoát khỏi địa ngục Phẩn niệu rồi, cũng chưa thoát khỏi hẳn, mà phải tiếp tục thọ khổ, tức bị não hại trong địa ngục Tro nóng nằm nối liền với Địa ngục Phẩn niệu.

3- Simpalivananaraka: (Địa ngục Rừng gòn gai)

Các chúng sanh địa ngục vẫn còn dư sót bất thiện nghiệp, tuy thoát khỏi Địa ngục Tro nóng, nhưng vẫn không thoát khỏi hẳn mà còn phải thọ khổ tiếp, tức là bị não hại trong Địa ngục Rừng gòn gai, nằm nối liền với địa ngục Tro nóng ấy.

4- Sipattavananaraka (Địa ngục Rừng lá kiếm).

Các chúng sanh Địa ngục vẫn còn dư sót ác nghiệp, tuy thoát khỏi địa ngục Rừng gòn gai, nhưng còn phải khổ thọ tiếp trong Địa ngục Rừng lá kiếm, nằm nối liền với Địa ngục Rừng gòn gai ấy. Như câu Pāli sau:

5- Vettaraṇīnaraka (Địa ngục Nước mặn có mây gai).

Các chúng sanh Địa ngục, vẫn còn dư sót ác nghiệp, tuy thoát khỏi địa ngục Rừng cây lá kiếm, vẫn phải thọ khổ tiếp trong Địa ngục Dòng nước mặn có mây gai, nằm nối liền với địa ngục Rừng cây lá kiếm ấy.

Nói về tám hầm địa ngục Ussada trong bộ Lokapaññatti.

1- Hầm địa ngục đầy than hừng gọi là Aṅgārakāsuniraya - Khanh thán Địa ngục.
2- Địa ngục nước sắc, gọi là Loharasaniraya - Thiết vị Địa ngục.
3- Địa ngục tro nóng, gọi là Kukkulaniraya - Nhiệt khôi Địa ngục.
4- Địa ngục nước nóng, gọi là Aggisamodakaniraya.
5- Địa ngục đồng sôi, gọi là Lohakunithīniraya - Đồng hoạch Địa ngục.
6- Địa ngục Phẩn hôi, gọi là Gūthaniraya - Phẩn niệu Địa ngục.
7- Địa ngục Rừng gòn gai, gọi là Simpalivananiraya - châm thụ lâm địa ngục.
8- Địa ngục Dòng nước mặn có mây gai, gọi là Vettaraṇīniraya .

Trong mỗi hầm Địa đại ngục có 32 địa ngục Ussada, tức là mỗi hướng của đại địa ngục có 8 địa ngục Ussada, cả 4 hướng thì có 32. Như vậy, mỗi Đại địa ngục có 32 địa ngục Ussada, tổng cộng có 8 Đại địa ngục thì có 8 x 32 = 256 địa ngục Ussada.

PHÂN LOẠI CỦA VÔ GIÁN ĐỊA NGỤC

Trong Saḷāyatanasampayutta aṭṭhakathā và Aṅguttara aṭṭhakathā:

1. Pahāsaniraya; 2. Aparājitaniraya; 3. Ambudaniraya; 4. Nirabbudaniraya; 5. Abhaniraya; 6. Ahahaniraya; 7. Aṭaṭaniraya; 8. Kumindaniraya; 9. Soganthikaniraya; 10. Uppalaniraya; 11. Pundarikaniraya; 12. Mahāpadumaniraya.

Việc phân tích tội lỗi chúng sanh rơi trong Địa ngục:

1) Vua chúa, Đại thần và kẻ có quyền lực, nhiều thân lực, tài sản lực, uy lịnh lực, khi còn làm người, não hại người thấp kém hơn mình một cách phi pháp, hoặc là bọn Đạo tặc cướp phá xóm làng, chỉ đến giết người gom lấy tài sản rồi tẩu thoát. Hạng người nói trên, sau khi chết phần nhiều rơi vào địa ngục Sañjiva thọ khổ.

2) Người nào não hại, sát hại Tỳ khưu, Sa di, Đạo sĩ, hay Đao phủ thủ có nhiệm vụ giết người. Chư Tỳ khưu, Sa di, kẻ ác giới vô liêm sỉ (Ālajjī). Những hạng người này sau khi chết phần nhiều đọa vào cảm thọ khổ trong địa ngục Hắc-thằng, hoặc người nào giết cha, giết mẹ cũng đọa vào địa ngục Hắc- Thằng để thọ khổ cũng có. (Thuyết trong bổn sanh Saṅkicca).

3) Người chuyên huấn luyện voi, ngựa, bò, trâu ... hay người não hại chúng sanh (bàng sanh) của mình có được, để tạo lợi ích riêng, với sự không có tâm từ ấy, thương sót. Hay người săn bắn chim thú ... những người như thế, sau khi chết phần nhiều thọ sanh vào địa ngục Saṅkhāta- Chúng hiệp- để thọ khổ.

4) Hạng ngư phủ, kẻ phá rẫy rừng, đốt rừng nơi có chúng sanh nương sống, hoặc người giam cầm chúng sanh như chim ... Rồi mang đi sát hại, người uống rượu say để hãm hại người khác. Những hạng người này, sau khi chết phần nhiều rơi vào địa ngục Cuḷaroruva - Tiểu khiếu hoán.

5) Người trộm tài sản của cha mẹ, thầy tổ, hoặc trộm của Tỳ khưu, Sa di, Đạo sĩ, người có giới, khiến cho họ gặp khó khăn hoặc trộm vật tôn thờ mà thí chủ dâng cúng cho Tam-bảo, hoặc lường gạt lấy đồ của người, và người trộm cắp một trong 25 cách trộm cắp. Những người này, sau khi chết phần nhiều rơi vào cảm thọ khổ trong địa ngục Mahāroruva - Đại khiếu hoán.

6) Người đốt liêu cốc, Chánh điện, Tịnh xá, Giảng đường, đền Đài, làng xóm, pháp hủy Tháp, Miếu, sau khi chết đọa vào địa ngục Cūḷatāpana - Tiểu viêm nhiệt.

7) Người có suy nghĩ: "Chánh pháp không tốt đẹp, không có cốt lõi lợi ích chi cả, còn phi pháp thì lại nghĩ là tốt đẹp, có cốt lõi. Hoặc người có đoạn kiến, tức nghĩ rằng chết là hết không tái sanh lại nữa, và người có thường kiến, tức là chấp rằng khi làm chó, làm người nghèo, làm người giàu, làm Chư Thiên, làm Phạm Thiên... rồi sẽ tái sanh trở lại là chó, là người nghèo, là người giàu, là Chư Thiên, là Phạm Thiên y như cũ, không thay đổi. Và người nào có vô hữu kiến, tức nghĩ rằng hành thiện như trì giới, tu tiến, trau dồi Chánh kiến... chẳng có quả báu chi cả. Việc ác như sát sanh, trộm cắp... cũng chẳn có tội chi cả. Người có vô nhân kiến như là nghĩ rằng: làm người, làm thú, làm người giàu, người nghèo, có sắc tốt, sắc xấu, trường thọ, yểu tử, hữu bịnh, vô bịnh, thông minh hay ngu dốt... đều là tự nhiên có, không có nguyên nhân chi cả. Hay người nào có vô hành kiến, tức là: chúng sanh làm điều gì cũng đều không có quả báu, sự sống đây cũng không có nhân, và người khuyến dụ người tin theo tà kiến của mình. Những hạng người ấy, sau khi chết đọa vào địa ngục Mahātāpana hoặc Vettaraṇī ussadanaraka - Đại viêm nhiệt hoặc Địa ngục huỳnh tuyền - tuỳ theo nghiệp mà mình đã tạo nhiều hay ít.

Ở đây vô hữu kiến có 10 loại mà Đức Thế Tôn đã thuyết trong bổn sanh Nemirāja như sau:

1. Natthi dinnaṃ: Bố thí không có quả báu.
2. Natthi yiṭṭhaṃ: Cúng dường Tam-bảo không có quả báu.
3. Natthi hutaṃ: Cúng tế Chư Thiên không có quả báu chi.
4. Natthi sukaṭa dukkatānaṃ kammānaṃ bhalavipāko: Quả của nghiệp tốt, nghiệp xấu cũng chẳng có.

5. Natthi mātā: Ân đức của mẹ không có.
6. Natthi pitā: Ân đức của cha cũng không có.
7. Natthi samaṇabrahmmaṇā: Ân đức của Sa môn, Bà la môn, bậc có tịnh hạnh và giới không có.
8. Natthi sattā opapātikā: Chúng sanh hoá sanh, tức Chư Thiên, Phạm Thiên, Ngạ quỉ, Atula và chúng sanh Địa ngục không có.
9. Natthi ayaṃ loko: Đời này không có.
10. Natthi paraloko: Đời sau không có.

Vậy nếu người nào có một trong 10 loại vô hữu kiến này, sau khi chết sẽ đọa vào cảm thọ khổ trong cảnh địa ngục Đại Viêm Nhiệt hoặc địa ngục Huỳnh tuyền đa khổ. *(đoạn này trong Bổn sanh Nemirāja).*

8) Người giết cha, mẹ, A La Hán, chích huyết thân Phật, chia rẽ Tăng chúng, người pháp hủy Tháp thờ Xá Lợi, tượng Phật, cội Bồ Đề chỗ giác ngộ của Ngài bằng tâm hung ác, và người chỉ trích Tăng, bậc Thánh, người có Ân đức hơn mình. Người chấp thủ nhất định ba ác kiến là vô nhân, vô hữu, vô hành kiến. Hạng người như thế, sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián hay địa ngục Đồng Hoạch đa khổ, tùy theo nghiệp đã tạo nhiều hay ít.

Người nữ tự phá thai, sau khi chết đoạ vào địa ngục huỳnh tuyền đa khổ. (*Bổn sanh Saṅkicca).*

9) Người nữ thích giao tình, giật chồng kẻ khác. Nam nhân thích giao tình, giật vợ kẻ khác. Những người nam, nữ ấy sau khi chết, đọa vào Địa ngục Châm thụ lâm đa khổ. Sau đó còn phải thọ khổ trong Địa ngục Đồng hoạch có nước nóng như lửa, tùy theo nghiệp đã tạo nhiều hay ít. *(Bổn sanh Saṅkicca).*

10) Lại nữa, Đức Thế Tôn đã thuyết trong bổn sanh Nemirāja rằng: " Người nam hay nữ nào thích giao tình, với vợ hay chồng của kẻ khác. Sau khi chết nhất định phải thọ khổ trong Địa ngục Chúng hiệp hoặc địa ngục Khanh thán, tức địa ngục Hố than hừng".

Lời vấn đáp liên quan đến địa ngục. *(Nằm trong Bổn sanh Nemirāja - địa ngục Vettaraṇī).*

Vấn: Đức vua Nemi khi nhìn thấy các chúng sanh thọ khổ dưới sông Vettaraṇī. Ngài sợ hãi, kinh hoàng phán hỏi Thiên tử Mātalī rằng: "Các chúng sanh này đã tạo ác nghiệp gì?".

Đáp: Thiên tử Mātalī thưa rằng: "những chúng sanh nào khi còn làm người sống theo ác pháp, thường não hại kẻ cô thế, các chúng sanh sau khi chết với ác nghiệp như thế, đã rơi xuống sông Vettaraṇī.

Địa ngục chó vện

Vấn: Đức vua phán hỏi: "chó đỏ, chó vện, kên kên, quạ có hình dáng đáng sợ, ăn thịt chúng sanh địa ngục. Ta cảm thấy sợ hãi vì thấy các loài thú này đang cấu xé ăn thịt các chúng sanh. Họ đã tạo ác nghiệp gì mà bị chó, quạ mỗ ăn... Người biết ác nghiệp của chúng sanh ấy, hãy nói cho ta biết?

Đáp: Thiên tử Mātalī đáp rằng: "Các chúng sanh hằng có sự bỏn xẻn, đã mắng chưởi Sa môn, Bà La Môn, bức hại Sa môn, Bà La Môn là người có ác nghiệp, cho nên quạ, chó... mới mỗ, cắn xé ăn các chúng sanh ấy.

Địa ngục hằng sắc

Vấn: Đức vua pháp hỏi rằng: "các chúng sanh địa ngục này đã tạo ác nghiệp gì, mà bị bức hại bằng cột sắc cháy đỏ như vậy"?

Đáp: Thiên tử Mātalī đáp rằng: "các chúng sanh ở địa ngục này, khi sống ở trên đời đã tạo ác nghiệp là bức hại những người nam hay nữ có giới hạnh, có Pháp thiện. Nên họ thọ khổ như thế".

Địa ngục hố than hừng

Vấn: Chúng sanh trong địa ngục này đã tạo ác nghiệp gì mà phải chịu la khóc, rên xiết trong đống than hừng vậy?

Đáp: Thiên tử Mātalī đáp rằng: các chúng sanh này thường lừa gạt tài sản của quần chúng. Tức là họ đã phát động gom góp tài sản của dân chúng, tuyên bố rằng sẽ sửa chữa, tu bổ, xây dựng vật bất động (thāvaravatthu), rồi hối lộ cho người Trưởng ban lấy các tài sản ấy cho riêng mình. Sau đó, nói dối rằng: Thu được chừng này, chi tiêu chừng này. Và họ đã rơi vào tình trạng nợ Đại chúng. Do ác nghiệp trên, nên phải chịu la khóc, rên xiết trong đống than hừng.

Địa ngục đồng hoạch.

Vấn: Các chúng sanh này tạo ác nghiệp gì mà phải đọa trong Địa ngục đồng hoạch?

Đáp: Các chúng sanh này bức hại các Sa môn, Bà La Môn có giới, nên đọa và Địa ngục đồng hoạch.

Địa ngục đồng hoạch thứ 2

Vấn: Các chúng sanh này tạo ác nghiệp gì mà phải thiếu đầu?

Đáp: Thiên tử Mātalī đáp rằng: các chúng sanh này, khi là người hằng bắt chim, thú về giết. Do ác nghiệp này, nên phải thiếu đầu.

Địa ngục sông tro trấu

Vấn: Các chúng sanh này đã tạo ác nghiệp gì, mà khi uống nước, nước ấy trở thành trấu?

Đáp: Các chúng sanh ấy đã ác hành không thanh tịnh, bán lúa trộn với trấu, cát, đất ... cho người mua. Nên đọa vào Địa ngục này, có sự nóng bức hơn lửa cháy, khi khát nước, muốn uống nước thì nước ấy trở thành trấu.

Địa ngục các loại vũ khí

Vấn: Các chúng sanh Địa ngục này, đã tạo ác nghiệp gì mà chịu nhục hình bằng cây giáo?

Đáp: Các chúng sanh này, khi là người, là người có tánh xảo trá, lừa gạt tài sản, vàng bạc của kẻ khác, khoét nhà ăn cắp, cướp giật của cải vàng bạc. Thậm chí súc vật đem về nuôi mạng do các ác nghiệp này nên phải chịu nhục hình bằng cây giáo.

Địa ngục thịt

Vấn: Đức vua Nemi nhìn thấy các chúng sanh địa ngục bị quỉ sứ trói cổ bằng dây sắt cháy đỏ, rồi đặt nằm trên nền sắt cháy đỏ, đánh đập bằng các loại vũ khi, một nhóm khác thì bị quỉ sứ chặt ra thành từng mãnh. Ngài bèn hỏi Thiên tử Mātalī rằng: các chúng sanh này đã tạo nghiệp gì mà phải bị như thế?

Mātalī đáp rằng: Các chúng sanh này đã tạo ác nghiệp là giết dê, giết heo, giết cá ... sau khi giết xong, đã đem đặt bán tại các sạp, tiệm bán thịt hay các quầy bán khác. Do ác nghiệp trên mới bị chặt thành đống, thành từng miếng.

Địa ngục phân nước tiểu

Vấn: Đức vua Nemi nhìn thấy chúng sanh trong địa ngục đang ăn phẩn và nước tiểu, nên hỏi rằng: Các chúng sanh đã tạo nghiệp gì mà phải thọ khổ như thế? Phải dùng phẩn và nước tiểu làm vật thực?

Đáp: Thiên tử Mātalī đáp rằng: các chúng sanh này gây đau khổ não hại bạn bè ... thường sống não hại kẻ khác. Do ác nghiệp não hại bạn bè như thế, nên phải ăn phẩn và nước tiểu.

Địa ngục máu mũ

Vấn: Các chúng sanh Địa ngục bị đói khát, bức bách, không thể kìm chế sự đói khát nên phải ăn máu mủ. Đức vua phán hỏi rằng: các chúng sanh này tạo nghiệp gì?

Đáp: Các chúng sanh này khi còn là người đã giết cha mẹ, A La Hán gọi là phạm Pārājika - Triệt khai của cư sĩ. Do ác nghiệp như thế, nên phải dùng máu mũ làm vật thực.

Địa ngục lưỡi câu

Vấn: Các chúng sanh Địa ngục, bị quỉ sứ lấy lưỡi câu sắt đang cháy đỏ to bằng thân cây thốt nốt móc lưỡi và thân, đặt nằm trên nền đồng cháy đỏ, trồi lấy móc sắt móc da, ví như móc da bò vậy. Các chúng sanh Địa ngục ấy không thể chịu đựng đau đớn nên đã cùng nhau vẫy vùng trên đất và la hét rên khóc. Đức vua hỏi rằng: các chúng sanh Địa ngục này đã tạo ác nghiệp gì?

Đáp: Khi còn là người, các chúng sanh ấy là người chuyên nghề đánh giá đồ vật, do nhận hối lộ của người mua nên cho giá mua thấp đối với vật có giá trị cao, giúp người mua được lợi nhiều, tạo nghiệp gian trá bởi có lòng tham, che đậy sự gian trá bằng lời dịu ngọt, ví như người dụ các bằng mồi ngon khéo móc vào lưỡi câu và giết chết cá vậy. Do tạo ác nghiệp như thế nên các chúng sanh phải chịu khổ là bị móc bằng lưỡi câu như thế.

Địa ngục nghiền nát bằng núi sắt

Vấn: Đức Bồ-tát nhìn thấy các nữ chúng sanh địa ngục có thân thể bị nứt nẻ, có Jāti thô xấu lem luốc với máu và mũ, có đầu bị đứt như con bò bị đứt đầu trên chỗ chết. Họ đưa hai cánh tay ra kên khóc, các nữ nhân ấy luôn bị lún đến eo, rồi núi lửa từ 4 hướng thay phiên nhau nghiền nát các nữ nhân ấy cho cháy tiêu ra tro, đầu lại hiện ra nữa, rồi cũng bị nghiền nát tiếp tục không ngừng nghỉ. Các chúng sanh ấy đã tạo nghiệp gì thế mà phải chịu chôn đến eo.

Đáp: Mātalī đáp rằng: Các nữ chúng sanh ấy khi còn là những cô gái nhân loại đã có sở hành bất tịnh, tức là người lăng lơ, trắc nết, bỏ chồng chạy theo nam nhân khác. Sau khi chết, bị đọa vào Địa ngục này, bị lửa từ 4 phương luân phiên nghiền nát thân thể cho tan nát ra.

Địa ngục có đầu chỏng ngược

Vấn: Chúng sanh Địa ngục ấy có đầu bị chỏng ngược xuống dưới. Vì các Quỉ sứ bắt chúng sanh ấy chóng đầu xuống Địa ngục. Do nhân gì các chúng sanh này bị quỉ sứ bắt thả cắm đầu xuống?

Đáp: Mātalī đáp rằng: Các chúng sanh này khi còn sống trên cõi người là người liên hệ với nghiệp Dūrācara tức là đi lại với vợ người và trộm cắp những vật quý, nên phải đọa xuống Địa ngục này, thọ khổ lâu dài.

Địa ngục Rừng gòn gai

Vấn: Khi Đức vua Nemi nhìn thấy chúng sanh Địa ngục nhỏ lớn, có thân hình kỳ dị hiện bày trong Địa ngục. Các chúng sanh này đã tạo ác nghiệp gì mà phải chịu đau khổ, thọ khổ nhiều nóng bức như thế.

Đáp: Mātalī đáp rằng: Các chúng sanh này khi còn là nhân loại, là người tà kiến, si mê, thường tạo nghiệp với 10 tà kiến như: quả bố thí cúng dường không có, quả cúng tế không có, quả của nghiệp tốt hay xấu cũng không có, cha hoặc mẹ không có, Sa môn hay Bà La Môn cũng không có, không có chúng sanh hóa sanh, không có đời này, không có đời sau. Và đã lôi kéo người khác theo tà kiến như thế. Do nhân này, các chúng sanh ấy, cảm thọ khổ nóng bức vô cùng.

Nói về chúng sanh đang thọ khổ do tội lỗi, trong một phần của địa ngục Avīci.

Nói về sự thọ khổ cùng tội lỗi trong địa ngục Pahāsa.

Trong cõi nhân loại, người thường múa vũ, hoặc trình diễn ca kịch với nhiều các thức, sống say mê ngũ dục, biểu diễn độc tấu cũng có, khóc cũng có, cười cũng có, ca hát cũng có, vũ múa cũng có, từ tiết mục mà mình trình diễn làm cho khán giả phát sanh sự hân hoan, ưu sầu cũng có, có lúc phát sanh sự vui thích hấp dẫn quá đến quên mình, chỉ say mê lắng nghe hoặc xem nhân vật đang diễn xuất trước mặt khán giả, những người như thế, sau khi chết đọa vào Địa ngục Pāhāsa. Khi đang thọ khổ trong Địa ngục ấy giống như đang nhảy múa, ca hát vậy. Như trong Saḷāyatanasamyutta aṭṭhakathā có nêu rằng:

"Pahāso nāma nirayoti visuṃ pahāsanāmako nirayo nāma natthi Avīcisseva pana ekasmiṃ kaṭṭhāle naccantā viya gāyantā viya ca naṭavesaṃ gahetvāva paccanti".

Nói về tội lỗi và sự khổ trong địa ngục Aparājika.

Trong cõi nhân loại những người hoan hỷ trong việc đánh nhau (gây chiến tranh). Những người này sau khi chết, thọ khổ giống như đang cưỡi voi, ngựa, xe, cầm năm loại vũ khí chém giết nhau không ngừng nghỉ. Như trong Salàyatanasamyutta aṭṭhakathā có ghi rằng:

Aparājiko nāma nirayoti ayaṃ pi na visuṃ eko nirayo Avīcisseva pana ekasmiṃ koṭṭhāse pañcavudhasannaddhā phalakahatthā hatthi assarathe arugha saṅgāme yujjhantā viya paccanti.

Nói về tội lỗi và sự khổ trong địa ngục Ambuda.

Khi còn sống ở cõi người, đã chỉ trích các bậc Thánh. Những người này sau khi chết phải cảm thọ khổ trong 10 Địa ngục như Địa ngục Ambuda chẳng hạn. Tương truyền rằng: Trong thời gian đấng Chánh-Giác còn tại tiền, có vị Tỳ khưu là Kokālika đã chỉ trích Trưởng lão Sārīputta và Trưởng lão Mahā Moggallàna đã phạm vào điều học Pārājika được Đức Phật chế định. Sau khi Tỳ khưu Kokālika mệnh chung, đọa vào Địa ngục Mahāpaduma, vì tội cáo gian hai bậc Thánh.

Giải về tên của 10 địa ngục như địa ngục Ambuda ...

Được Gọi là Địa ngục Ambuda, địa ngục Nirabbura, Địa ngục Abba ... đây chỉ là tên của việc đếm mà thôi, ví như việc đếm một trăm, một ngàn, mười ngàn, một trăm ngàn, một triệu, mười triệu vậy. Cho nên, việc gọi tên các địa ngục này là Ambuda, Nirabbuda, Abba cũng giống như việc đếm trên vậy.

Thọ lượng Địa ngục Ambuda được tính bằng số lượng hạt mè là 490600000 hạt. Và mỗi hạt mè tương đương 100 năm nhân loại. Đó là thọ lượng của Địa ngục Ambuda.

Thọ lượng Địa ngục Nirabbuda nhiều hơn thọ lượng Địa ngục Ambuda là 20 lần.

Thọ lượng Địa ngục Abba nhiều hơn thọ lượng Địa ngục Nirabbuda 20 lần.

Phần thọ lượng của các Địa ngục Ahaha, Aṭṭa, Kumuda, Sogandhika, Uppala, Puṇḍarika, Mahāpaduma. Các Địa ngục này có thọ lượng nhiều hơn nhau với số lượng là 20 lần theo thứ tự. *(Tăng chi bộ - Chánh tạng và Aṭṭhakathā)*

Sự khổ và sự đọa vào địa ngục một cách bất định:

1. Câu chuyện Devadatta:

Devadatta đã hãm hại Đức Chánh-Đẳng-Giác, bậc bất động với thế gian pháp. Vì lẽ ấy, Devadatta phải đọa trong Địa ngục Avīci một lần.

Trong khi thọ khổ trong Địa ngục ấy, Devadatta có thân cao 100 do tuần, từ lỗ tai trở lên đã chìm vào trong nền sắt cháy đỏ. Có đinh to bằng cây thốt nốt đóng hai tay dính vào móc sắt, rồi giáo sắc đâm thấu từ trước ra sau, từ phải sang trái, từ trên xuống dưới. Y không thể cục cựa gì được, và bị lửa thiêu đốt không ngừng cho đến khi thoát khỏi Địa ngục Avīci.

Sau 100 ngàn Đại kiếp nữa, Devadatta sẽ trở thành bậc Độc-giác-Phật, có hồng danh là Aṭṭhissara. Về Ba-la-mật đã tạo xong hai a Tăng kỳ rồi. Như trong Aṭṭhakathā dhammapāda và trong Milindapañhā có ghi rằng: "Niccale buddho aparajjabhāvena nicalova hutvā Avīcimhi paccatu sohi iti satasahassakappamatthake aṭṭhissaro nāma paccekabuddho bhavissati" *(Chú Giải Pháp cú kinh).*

2. Kệ ngôn mà Devadatta cúng dường Đức Phật lúc đang bị đất rút:

Tôi xin cúng dường Đức Phật, Ngài là bậc Thượng nhân, Ngài là Chư Thiên cao tột hơn Chư Thiên. Ngài là bậc đánh xe điều ngự muôn loài(nāra). Ngài là bậc Biến Nhãn, Ngài có 100 phúc tướng, với các xương này cùng với mạng sống của tôi, tôi xin nương nhờ nơi Đức Phật.

3. Chuyện Đức vua Daṇḍakī:

Trong thành Bārāṇasī, có vị vua tên Daṇḍakī, cùng với dân chúng ngự trong thành Kubhavatī, tất cả đều tà kiến. Lúc bấy giờ, có vị Đạo sĩ tên là Kisavaccha. Vị này đạt được Thiền chứng và Thắng

trí, sống gần bờ sông Godhāvarī. Về sau, Đạo sĩ Kisavaccha đi đến kinh thành Kubhavatī thuộc Quốc độ của vua Daṇḍakī và Đạo sĩ trú ngụ trong vườn thượng uyễ của vua Daṇḍakī. Đạo sĩ được vị tướng quân hộ độ, và hằng mang lại sự an lạc cho Đạo sĩ Kisavaccha.

Tại thành Kumbhavatī này có nàng cung phi sủng ái của vua Daṇḍakī, tên là Sobheṇī. Một hôm, nàng Sobheṇī này bị Đức vua Daṇḍakī bực tức, nên cách chức nàng. Nàng bị cách chức, nên ưu não, đi vào trong ngự uyển, và đi lần đến nơi ngụ của Đạo sĩ Kisavaccha. Khi gặp Đạo sĩ Kisavaccha, nàng Sobheṇī khởi lên ý nghĩ rằng: "Ông Đạo sĩ này là người đê tiện. Những điều xui xẻo trong thân ta đang có, nếu ta trút lên mình kẻ đê tiện này, ta sẽ được điều kiết tường trở lại". Nghĩ như vậy, nên nàng Sobheṇī cầm lấy cây chā răng, đến xúc miệng, nhổ nước nước dơ trên mình Đạo sĩ, rồi quăn bỏ cây chā răng trên mình Đạo sĩ đang ngồi tại chỗ ấy. Rồi nàng trở lại trú xứ của mình, tắm gội đầu cổ, thân thể cho sạch sẽ. Nàng Sobheṇī sau khi làm xong rồi, không bao lâu Đức vua Daṇḍakī lại nghĩ đến nàng trở lại, triệu nàng vào Hoàng cung và ban cho nàng chức vị như xưa. Việc Đức vua Daṇḍakī nghĩ đến nàng Sobheṇī không có liên quan gì đến hành động xấu của nàng cả. Mà sự nghĩ này là do mãnh lực phiền não, đó là việc thường tình mà thôi.

Sau đó, Đức vua Daṇḍakī cũng có sự bực tức quan cố vấn tế tự, nên cắt chức quan cố vấn tế tự như cắt chức nàng cung phi Sobheṇī ấy. Sau khi bị cắt chức quan tế tự tìm đến nàng Sobheṇī thăm hỏi về việc nàng bị thất sủng, nàng đã làm thế nào được phục vị trở lại. Nàng Sobheṇī đã tường thuật lại hành động của mình làm đến Đạo sĩ Kisavaccha, ngự nơi vườn thượng uyễn. Sau khi nghe xong, quan cố vấn tế tự liền vội vã đi vào ngự uyễn và làm y như lời nàng Sobheṇī đã chỉ dẫn. Thế rồi, không bao lâu sau Đức vua hồi tâm, triệu hồi quan cố vấn tế tự đến, và ban chi vị ấy trở lại chức vị xưa.

Sở dĩ quan tế tự nhận lại chức vị xưa, không phải do nơi làm nhục Đạo sĩ Kisavaccha của ông ta, mà là do ông cố gắng chờ cơ hội để nhận lại chức vị và cũng do bản tánh thường tình của Đức vua Daṇḍakī, khi phẫn nộ khởi lên thì cắt chức, lúc hết cơn phẫn nộ cũng nghĩ đến người đã từng phụng sự mình, rồi phục chức lại, đó là sự bình thường.

Thế rồi, một lần nọ, Đức vua Daṇḍakī nhận được tin rằng: Ở biên cương có giặc nỗi lên. Được tin ấy, vua Daṇḍakī cho hội quần thần lại, truyền tập hợp quân binh, sẳn sāng xuất chinh để trừ giặc loạn.

Bấy giờ, vị cố vấn tế tự cũng có mặt trong cuộc hội họp ấy, bèn quì tâu với Đức vua Daṇḍakī rằng:

- Lần này, bệ hạ xuất chinh tảo trừ phiến loạn, bệ hạ muốn thắng hay là bại?

- Trẫm nhất quyết dành lấy chiến thắng.

- Tâu bệ hạ! Nếu bệ hạ muốn chiến thắng loạn quân được nhanh chóng. Giờ đây, có người đê tiện đang ngụ ở trong thành, nơi vườn thượng uyễn của Đại vương. Xin Ngài cùng tất cả thần dân hãy đến tẩy uế hiện có trong thân lên mình kẻ đê tiện ấy, rồi hãy xuất chinh. Sau khi tẩy uế xong xuôi, trở về tắm rữa sạch sẽ toàn thân cho sạch, xong hãy xuất binh chiến đấu với quân thù. Như vậy, Ngài sẽ mau chóng chiến thắng quân thù dễ dàng.

Thật ra, trong cuộc chiến này, Đại vương cũng sẽ thắng thôi, tuy nhiên Ngài cũng nên tẩy rữa uế vật trước, hiện có nơi thân của Ngài cùng binh sĩ, rưới lên mình kẻ đê tiện ấy trước, rồi hãy xuất quân.

Đức vua Daṇḍakī, nghe được lời tâu trình đầy ác kiến ấy của quan cố vấn tế tự, Ngài lại cho là đúng, bèn truyền lịnh tất cả thần dân đi đến chỗ trú của Đạo sĩ Kisavaccha nơi ngự uyễ.

Khi đến trú xứ của Đạo sĩ, Đức vua Daṇḍakī cùng thần dân lấy cây chā răng, súc miệng nhỗ nước dơ lên mình, đầu, cổ ... của Đạo sĩ, rồi ném cây chā răng lên mình Đạo sĩ, nhiều đến nỗi ngập đến đầu của Đạo sĩ rồi bỏ đi về.

Vị tướng quân hộ độ khi hay tin, chạy đến thì Đức vua Daṇḍakī cùng thần dân đã trở về rồi. Vị tướng quân liền khuyến bảo thân tộc, những người có tâm cung kính tịnh tín với Đạo sĩ, đến dọn sạch nơi trú của Đạo sĩ, rồi mang nước đến cho Đạo sĩ tắm rửa thân thể.

Đạo sĩ Kisavaccha sau khi tắm rữa xong, đã tuyên cáo với vị tướng quân rằng:

- Này tướng quân! Ác hạnh mà Đức vua cùng thần dân đã làm đến thân ta như thế. Đối với ta, ta chẳng có chi là buồn phiền phẫn nộ đến Đức vua cùng thần dân cả, dù thế là chút ít. Nhưng hiện nay Chư Thiên đang phẫn nộ Đức vua Daṇḍakī và thần dân. Kể từ hôm nay trở đi cho đến ngày thứ 7, thành Kumbhāvatī có chu vi rộng 60 do tuần này sẽ bị hủy diệt trọn vẹn.

- Vậy, này tướng quân! ngươi nên cùng gia quyến lập tức rời khỏi nơi này đi.

Vị tướng quân, sau khi nghe hung tin ấy từ nơi Đạo sĩ Kisavaccha, ông ta vô cùng kinh sợ, đem tin này tấu trình lên Đức vua Daṇḍakī, rồi tự mình cùng gia tộc, thân hữu là những người có sự tín thành Đạo sĩ, đi ra khỏi vương Quốc Kumbhāvatī.

Riêng về Đạo sĩ Kisavaccha, sau khi vị tướng quân cùng gia tộc đi khỏi thành Kumbhāvatī rồi. Đạo sĩ Sarabhaṅga là Đức Bồ-tát, và là thầy của Đạo sĩ Kisavaccha, Ngài đang trú tại bờ sông Godhāvarī. Vị ấy biết được tình trạng nguy khốn ở thành Kumbhāvatī, và Đạo sĩ Kisavaccha học trò của mình vẫn còn nghĩ trong thành, sẽ không thoát khỏi nguy hiểm. Vì thế, Đạo sĩ Sarabhaṅga bèn nhờ hai vị Đạo sĩ ở với Ngài dùng thần thông đến mang Đạo sĩ Kisavaccha ra khỏi kinh thành Kumbhāvatī.

Nói về Đức vua Daṇḍakī, sau khi được vị tướng quân báo tin cho biết sự nguy hại sẽ đến cho Vương Quốc. Đức vua nghĩ rằng: Chuyện ấy không có thật, nên mới không hề ngần Ngại với việc trầm trọng sẽ phát sanh ấy . Đức vua vẫn thản nhiên.

Các Chư Thiên có sự phẫn nộ về hành động của Đức vua Daṇḍakī và thần dân, đã xúc phạm đến Đạo sĩ Kisavaccha. Khi đã hợp thời, Chư Thiên liền khiến cho mưa rơi xuống khắp Quốc độ nơi kinh thành Kumbhāvatī rộng 60 do tuần. Lần đầu chỉ là mưa thường, kế đến là mưa cát vàng, rồi mưa hoa, mưa bạc, mưa vàng, đến mưa vật trang điểm Chư Thiên. Đại chúng thấy lần lượt những vật quṅ từ trên hư không rơi xuống, mọi người đều vui mừng, hoan hỷ, vội vã chạy ra khỏi nhà để nhặt lấy những vật quṅ như thế. Chính ngay lúc ấy, đã phát sanh những loại vũ khṅ và than hừng như trận mưa lớn từ không trung rơi xuống chém xả vào Đại chúng cùng Đức vua Daṇḍakī. Trận mưa ấy đã tiêu diệt trọn thành Kumbhāvatī.

Sau khi Đức vua Daṇḍakī cùng với thần dân mạng chung, tất cả đã đọa vào Địa ngục Kukakula, tức là Địa ngục Tro nóng. Và trong địa ngục Tro nóng này, khi vào đến cửa thứ 9, trên đầu có than hừng rơi xuống. Ác nghiệp của vua Daṇḍakī cùng thần dân ấy là ác trọng nghiệp, đáng lẽ phải đọa vào Đại địa ngục. Nhưng không như vậy, mà chỉ đọa trong đa khổ địa ngục Kukakula mà thôi.

4- Chuyện Hoàng hậu Mallikā:

Hoàng hậu của Đức vua Pasenadikosala là nàng Mallikā. Khi còn là nhân loại, nàng tạo phước rất nhiều. Một lần nọ, Hoàng hậu đã lừa gạt Đức vua, về sau khi nàng lâm trọng bệnh, nàng thường nhớ đến ác nghiệp mà mình đã tạo, nên trong lúc sắp lâm chung, Hoàng hậu không thể định tâm nhớ tưởng đến phước thiện của mình đã tạo, mà lời nói dối vẫn ám ảnh nàng, khiến nàng phát sanh nhiệt não, bức rứt mãi. Và nàng mệnh chung, rơi vào trong Đại địa ngục A Tỳ hết 7 ngày tính theo thời gian nhân loại.

5- Chuyện Đức vua Coranāga

Đức vua Coranāga là vị lãnh tụ quân xứ Laṅkā. Y là người không có lòng tin với Phật-Giáo, nên Đức vua Coranāga đã cho phá hủy 18 ngôi Đại tự, và bức hại Chư Tỳ khưu, Sa di, cận sự nam, cận sự nữ cùng các bậc hiền nhân tín thành Phật-Giáo thời bấy giờ. Khi Đức vua tạo ác nghiệp như thế, khiến cho Hoàng hậu bất mãn, suy nghĩ tìm cách giết chết Đức vua. Bà đã bỏ độc dược vào vật thực. Đức vua Coranāga dùng vật thực ấy, đã băng hà, và bị rơi vào Địa ngục Lokantarika.

6- Vài Địa ngục của người giết cha mẹ phải đọa xuống

Người giết cha mẹ gọi là Pārājikapuggala, dịch là người tuyệt lộ sanh lại làm người. Vì rằng: Người như vậy, sau khi chết phần nhiều phải bị đọa vào Đại địa ngục Avīci, và khó có thể sanh làm người. Nhưng cũng có một số người giết cha mẹ, lại sanh vào Địa ngục máu mũ (Roruva naraka) cũng có.

7- Chuyện Đức vua Nāḷikera

Thuở quá khứ có Quốc độ Aṅga, Kinh đô của Vương Quốc này là Dantarūpa. Đức vua không tin có tội phước chi cả, cho nên đã giết vị Đạo sĩ có giới, cũng vừa là vị Pháp sư, rồi đem thây cho chó ăn. Đức vua Nāḷikera sau khi đã tạo ác trọng nghiệp ấy, đã bị đất rút. Sau khi Đức vua đã bị đất rút rồi, Ngài bị đọa vào trong Đa khổ Địa ngục Sunakkha, có thân hình cao ba gāvuta, luôn bị chó đen to bằng con voi cắn ăn thịt. Ác nghiệp mà vua Nāḷikera đã làm, đáng bị đọa trong Đại địa ngục, nhưng không phải thế, mà chỉ phải đọa vào đa khổ địa ngục (Ussadanaraka).

8- Chuyện Đức vua Ajjuna

Thuở quá khứ có một Quốc độ Mahiṃ saka trị vì Vương Quốc này là Đức vua Ajjuna, vua Ajjuna là người tà kiến, có vị Đạo sĩ tên là Aṅgīsa thuộc dòng họ Gotama, vị Đạo sĩ ấy là người hành theo Pháp kham nhẫn và tinh cần thực hành Pháp. Một hôm, Đạo sị Aṅgīsa đã bị Đức vua Ajjuna dùng cung bắn đến chết. Khi Đạo sĩ chết dưới mũi tên của Đức vua, do có mãnh lực ác nghiệp mà Đức vua Ajjuna đã tạo là nhân khiến Đức vua bị đất rút. Sau khi Đức vua bị đất rút, đã bị đọa trong đa khổ Địa ngục tên là Sattisīlanaraka. Trong việc thọ khổ của Đức vua Ajjuna này, có trường hợp từ trên cao, đầu chúi xuống phía dưới, bên dưới là giáo nhọn dựng ngược lên. Đang khi rơi xuống, Quỉ sứ dùng dao chặt cũng có, dùng giáo phóng tới cũng có. Ác nghiệp mà vua Ajjuna đã làm đáng bị đọa vào Đại địa ngục, nhưng không là vậy, mà chỉ đọa vào Đa khổ Địa ngục Sattisūla mà thôi.

9- Chuyện Đức vua Majjha

Thuở quá khứ, có một Quốc độ là Majjha. Đức vua trị vì xứ này cũng có tên là Majjha. Đức vua Majjha cùng tùy tùng và một số thần dân là những người tà kiến.

Bấy giờ, có vị Đạo sĩ tên là Mātaṅga, vị Đạo sĩ này có đông đảo tùy tùng, có danh thơm lan truyền khắp Quốc độ. Đức vua Majjha cùng tùy tùng, khi được biết Đạo sĩ Mātaṅga có đông đảo đồ chúng và có danh thơm lan rộng khắp Quốc độ, liền có sự bất bình. Ban đầu chỉ biểu lộ cử chỉ khinh miệt và có lời chỉ trích Đạo sĩ mà thôi. Sau đó, do sự xúi giục của các Bà La Môn tùy tùng, Đức vua Majjha đã giết Đạo sĩ Mātaṅga. Khi Đạo sĩ Mātaṅga chết rồi, đồ chúng của Đạo sĩ tản mạn, cùng nhau di tản sang Quốc độ khác, họ ra đi chung với nhóm người tín thành với Đạo sĩ, chỉ còn lại đám tùy tùng và dân chúng thuộc phe của vua Majjha. Khi Đức vua Majjha cùng với nhóm tùy tùng đồng lòng giết Đạo sĩ Mātaṅga rồi, do ác nghiệp này, khiến mưa tro lửa rơi xuống đầu của dân chúng và các chúng sanh cùng với Đức vua Majjha đã mệnh chung, Quốc độ Majjha đã diệt vong, chỉ còn lại đất trống hoang vu và rừng rậm mà thôi. Những người này sau khi mệnh chung, bị đọa vào Đa khổ Địa ngục Kukakuḷa.

10- Chuyện Đức vua Dasabhātika

Có Quốc độ là Andhakavinda. Đức vua cai trị xứ này có 10 anh em, Ngài là anh cả nên được trị vì Vương Quốc Andhakavinda. Còn chín vị kia, mỗi vị cũng trị vì một Tiểu vương Quốc. Nhưng cả 10 vị vua này, không ai có tâm tín thành Phật Pháp, cho nên họ đã khinh thường, bức hại vị Đạo sĩ có giới hạnh tên là Kaṇhādīpāyana, đã bị các vị vua ấy đồng lòng giết chết.

Sau khi giết chết vị Đạo sĩ Haṇhādīpāyana rồi, cả 10 vị vua này phát sanh sự bất bình với nhau, rồi đi đến sự cải vã, gây gổ cùng nhau, và đã dùng chày sát hại lẫn nhau, và cả 10 vị đều mạng chung. Sau khi chết, tất cả đều rơi vào Đa khổ Địa ngục.

11- Chuyện Đức vua Upavara

Trong thời sơ kiếp, tức kappa vừa mới hình thành. Bấy giờ, gọi là Vivaṭṭathāyīkappa, là kappa mà chúng sanh được hiện sanh, và vừa thành lập xóm, làng, thành quách đàng hoàng và kiên cố.

Trong thời sơ kiếp này, chúng sanh có thọ mạng dài vô lượng tuổi, là 1 a Tăng kỳ tuổi thọ. việc tính tuổi thọ 1 a Tăng kỳ ấy có cách tính như vầy: 1 con số 1 và tiếp theo là 140 con số 0, đơn vị là năm.

Vào thời ấy, có vương Quốc Cetiya, có kinh thành tên là Sotathiya. Quốc độ này có được 11 đời vua rồi, Đức vua đầu tiên là Mahāsamamuti, trãi qua được 10 đời, đến đời thứ 11 là Đức vua Upavara thuộc dòng Sát Đế Lỵ .

Trãi qua 10 đời vua, dân chúng thời ấy đều là những người an trú trong Thiện pháp, tức là những người thực hành 10 Thiện hạnh, không ai thực hành ác hạnh cả, dù chỉ là lời nói rằng: Ác hạnh, cũng không hề có. Mọi người trong thời ấy không hề biết ác hạnh là thế nào.

Một hôm, chúng dân được nghe tin rằng: "Đức vua Upavara, trị vì vương Quốc Cetiya sẽ phán lời vọng ngữ". Tất cả Đại chúng xôn xao bãn tán rằng: "Vọng ngữ này là lời thế nào nhỉ?" Vì họ chưa nghe ai nói cả, nó màu trắng hay màu đen, đỏ như thế nào? Do đó, khắp Quốc độ chờ lắng nghe tin.

Đức vua Upavara có được 4 thần thông lực là: Đi trên hư không được, có 4 vị Thiên tử canh giữ 4 hướng, có cánh tay phải cầm thanh gươm, long thể luôn tỏa hương thơm, môi có hương tỏa ra thơm như mùi hoa sen.

Trong thời Phụ vương của Đức vua Upavara trị vì Vương Quốc, thì vị quan tế tự là Bã la môn Kapila. Bã la môn tế tự Kapila có người em trai là Korakalambha. Bã la môn Korakalambha là bạn học tâm giao của Đức vua Upavara từ khi còn niên thiếu, khi hai người đi học nghệ thuật nơi thành Takkasilā, hai người cùng học chung với nhau nên đã kết thân từ thời ấy. Trong khi còn đang học ngệ thuật, Đức vua Upavara có nói với Bã la môn Korakalambha rằng:

- Khi nào ta lên ngôi Hoàng đế, ta sẽ phong cho người làm quan Purohita (Trưởng cố vấn Tế tự).

Về sau, Upavara lên ngôi vua, trị vì Vương quốc. Chức vị Purohita ấy đang được Bà la môn Kapila, là anh của Korakalambha, muốn tước đoạt chức vị đó của Kapila, Đức vua cũng không thể làm được, vì Bà la môn Kapila có được con trai, và vị ấy sẽ tiếp tục thay cha nắm giữ chức Purohita, đó là qui luật thời bấy giờ. Đức vua Upavara không thể phong chức Purohita cho Korakalambha được, vì sái với luật thời ấy. Ngoại trừ ra Bà la môn Purohita Kapila nhường chức lại thì mới được. Và theo luật thời ấy, chức vụ Purohita không thể để em đặt trước anh.

Bà la môn Korakalambha thường nài nỉ Đức vua ban cho mình chức vị Purohita. Còn Bà la môn Kapila thường tâu xin, khuyên nhủ Đức vua Upavara rằng:

- Bệ hạ nay đã già rồi, không thể trị vì tiếp được nữa, xin Bệ hạ hãy ban vương vị đến cho Hoàng tử đi, rồi ngụ trú vào vườn thượng uyễn, xuất gia làm Đạo sĩ, tu tập Kasiṇa để được chứng đắc Thiền cùng với thắng trí.

Vì rằng: Korakalambha không có được cơ hội này nắm lấy chức vụ Purohita theo ý nguyện của mình, nên y đi đến Đức vua Upavara, yết kiến Đức vua xong rồi tâu hỏi rằng:

- Tâu Đại vương! Bao giờ tôi sẽ được nhận chức vụ Purohita. Vì Ngài đã hứa rằng: "Khi nào ta lên ngôi, sẽ ban chức Purohita đến ngươi ngay khi ấy". Giờ đây, anh của hạ thần đã xuất gia rồi, chức vị Purohita này đang rơi vào tay con trai của Kapila đang nắm giữ.

Khi Kolakalambha đang kêu gão như thế với Đức vua Upavara, Đức vua Upavara phán rằng:

- Việc này, này Kolakalambha! Khanh chớ có lo âu.

Rồi Đức vua im lặng, không bươi móc, đề cập đến những lời mình đã hứa. Và Kolakalambha liền hỏi rằng:

- Bệ hạ sẽ ban thưởng cho thần được bằng cách nào?

- Trẫm sẽ nói dối rằng: Kolakalambha là anh, còn Đạo sĩ Kapila là em.

- Nếu vậy bệ hạ sẽ vọng ngữ như thế vào lúc nào?

- Kể từ hôm nay trở đi, vào đúng ngày thứ 7, ta sẽ nói.

Về phần con trai của Bā la môn Kapila, sau khi biết được sự bàn tính của Kolakalambha và Đức vua Upavara, nên đem sự việc này trình với phụ thân nghe.

Trước khi đến ngày tuyên bố lời vọng ngữ, Bà la môn Kolakalambha, đi vào bàn luận với Đức vua Uparava rằng:

- Tâu Đại vương! Bây giờ, anh tôi đã xuất gia và chứng đạt thiền cùng với thắng trí, và như thế, khi Đại vương tuyên bố giữa Đại chúng rằng: Thần là anh còn Kapila là em, như thế thần lực của bệ hạ sẽ bị tiêu hại, và sẽ bị đất từ từ rút xuống, nhưng đó là điều không có thật đâu, có thể đó là do oai lực thần thông của Đạo sĩ Kapila làm ra mà thôi. Vì thế, nếu có chuyện này hiện khởi đến, bệ hạ chớ có hốt hoảng, vì đó là ảnh hưởng do Thần lực của Đạo sĩ chứ chẳng có thật đâu. Sở dĩ hạ thần nhắc nhở như thế, vì sợ rằng các sự việc ấy khởi lên, Bệ hạ sẽ hốt hoảng, Bệ hạ sẽ nói ngược lại tất cả. Nếu Bệ hạ nói ngược lại thì chức Purohita đáng lẽ hạ thần sẽ được, nhưng lại không được, lợi ích của hạ thần cũng vì thế mà tiêu mất, còn Bệ hạ cũng đánh mất lời hứa với hạ thần cùng lời hứa đã tuyên bố giữa Đại chúng.

Đức vua Uparava đáp:

- Này khanh! Điều này khanh chớ lo ngại, trẫm sẽ không đổi lời đâu.

Kế, đã đến ngày ấy định, dân chúng khắp Quốc độ đã tụ họp đông đảo trước sân triều, để nghe Đức vua Upavara phán lời vọng ngữ, và Đạo sĩ Kapila cũng có mặt tại nơi đó.

Đã đến thời nói lời vọng ngữ, Đức vua Upavara liền bay giữa hư không, Đạo sĩ Kapila cũng bay lên ngồi giữa hư không. Bấy giờ, Đạo sĩ hỏi Đức vua rằng:

- Hôm nay Bệ hạ nói lời vọng ngữ thật chăng?

- Thật vậy!

Đạo sĩ bèn khuyên nhủ Đức vua rằng:

- Xin Đại vương chớ nên nói lời vọng ngữ, hãy nói theo sự thật là tốt hơn.

Đức vua không nghe theo lời khuyên của Đạo sĩ, bèn nói lời vọng ngữ rằng:

- Kolakalambha là anh, Đạo sĩ Kapila là em.

Vừa dứt lời vọng ngữ ấy, cả 4 thần thông lực của Đức vua lập tức bị hoại ngay, từ nơi hư không, Ngài bị sa xuống đất, hương thơm từ thân, từ miệng đột nhiên biến mất, mùi hương trầm, mùi hương sen không còn nữa mà thân khởi lên mùi tanh tưởi, hôi thối ngay. Chính tại nơi ấy Đạo sĩ khuyên nhủ lần thứ hai rằng:

- Xin Đại vương hãy nói theo sự thật đi. Ai là anh? Ai là em?

Đức vua Upavara nghe lời khuyên của Đạo sĩ Kapila, trong tâm khởi lên sự kinh hãi, Ngài đưa mắt nhìn sang Kolakalambha biểu lộ rằng: "Trẫm sẽ thay đổi lời nói". Nhưng Kolakalambha cũng tỏ dấu hiệu bảo rằng: "Đó chẳng qua là thần lực của Đạo sĩ làm ra, không có thật đâu. Xin bệ hạ hãy giữ lời". Và Đức vua Upavara lại nói lời vọng ngữ lần thứ hai, vừa dứt lời vọng ngữ lần thứ hai, Đức vua bị đất rút xuống tới mắt cá. Đạo sĩ Kapila khuyên nhủ Đức vua lần thứ 3, nhưng do quá tin tưởng Kolakalambha, nên Đức vua không chuyển lời lại đến 7 lần như thế. Trong việc nói lời vọng ngữ của Đức vua Upavara ấy được diễn tiến như sau:

Lần thứ 1, cả 4 thần lực bị biến hoại.
Lần thứ 2, đất rút đến mắt cá.
Lần thứ 3, đất rút đến đầu gối.
Lần thứ 4, đất rút đến mông.
Lần thứ 5, đất rút đến rún.
Lần thứ 6, đất rút đến ngực.
Lần thứ 7, đất rút đến đầu.

Và khi ấy, lửa Đại địa ngục Avīci xông lên, làm thành tấm vải màu đen bao trùm lấy Đức vua Upavara từ đầu xuống đến chân và chìm sâu vào lòng đất.

Việc nói dối của Đức vua Upavara không đáng để có tội nặng đến nỗi phải bị đất rút như vậy và phải chịu đọa vào Đại địa ngục Avīci vậy đâu. Mà là do Đức vua không tôn trọng lời khuyên nhủ của Đạo sĩ Kapila cộng với lời vọng ngôn của Đức vua vậy. Cho nên, khi xem xét cũng không đáng phải nhận lãnh trọng tội như thế. so sánh với thời bây giờ, thì lời bất kính và tâm bất kính đối với bậc Đức hạnh, thì cũng cùng khắp. Từ hạng người thấp đến hạng người cao. Nếu lời vọng ngữ này và sự không tôn trọng nặng đến bị đất rút, thì hiện tại đây, người nói dối có rất nhiều, và đất cũng rút những người ấy không còn chỗ trống.

Thật sự, việc nói dối và không tôn trọng của người thời này dù không bị tội nặng như Đức vua Upavara thật, nhưng những tội này không phải là không có kết quả. Trong Samparāyikabhava tức là đời sau, những người này sẽ thọ khổ tương xứng với việc dối trá và không tôn trọng đó, mà chẳng có ngoại lệ chi cả.

12- Chuyện nàng Revatī:

Vào thời Đức Phật, có Vương Quốc Kāsī với kinh thành tên là Bārāṇasī. Trong kinh thành Bārāṇasī có đôi vợ chồng, người chồng tên là Nandiya, vợ là nàng Revatī. Thanh niên Nandiya là người có tâm tịnh tín nơi Tam-bảo, thường xuyên bố thí cúng dường đến Chư Tỳ khưu Tăng và kẻ ăn xin, còn cô vợ trái lại không có niềm tin nơi Tam-bảo, cũng không có tâm hoan hỷ trong việc bố thí hạnh. Do mãnh lực bố thí mà Nandiya thường làm, nơi Đạo-lợi Thiên cung đã hiện khởi tòa cung điện là nơi dành cho chàng, sau khi mệnh chung ở cõi người, Nandiya được sanh về Đạo-lợi, ngự trong Thiên cung ấy.

Còn nàng Revatī, sau khi chồng mạng chung rồi, mọi việc bố thí mà chồng thường làm khi còn sống, nàng không hề gìn giữ để làm như chồng, trái lại nàng còn bỏ bê bố thí hạnh.

Những người từ trước thọ thí nơi chàng Nandiya, tuy chàng Nandiya đã qua đời nhưng họ vẫn đi đến nhận vật thí như thuở Nandiya còn sinh tiền, nhưng đã bị nàng Revatī xua đuổi, sĩ nhục những người thọ thí, tức Chư Tỳ khưu Tăng và những người ăn xin mà thường đến thọ thí như thế. Đức Vessuvaṇṇa bèn bảo hai con Dạ xoa đi bắt nàng Revatī, đem nàng đến cõi Đạo-lợi, cho nhìn thấy Thiên cung mà Nandiya đang ngự.

Sau khi nhận lịnh, hai Dạ xoa liền đi đến nơi ở của nàng Revatī, mỗi con nắm lấy một tay nàng Revatī, đưa đến cõi Thiên cung Đạo-lợi, cho nàng ta thấy chồng mình là chàng Nandiya đang thọ hưởng Thiên lạc trong Thiên cung mà phát sanh từ bố thí hạnh nghiệp ấy. Hai con Dạ xoa, sau khi cho nàng Revatī xem xong tòa cung điện, đã kéo nàng đi xuống địa ngục Ussada - đa khổ, nàng trông thấy quỉ sứ ở nơi ấy bắt, đánh đập tội nhân vô cùng thảm khóc. Rồi nàng Revatī bị ném xuống Địa ngục ấy, bị nhóm quỉ sứ bắt đánh đập, nàng đã kêu la, rên xiết thảm khóc. Nghe những lời than van kêu gào của nàng Revatī, nhóm quỉ sứ thay vì thương cảm nàng, trái lại đã mắng nhiếc nàng rằng:

- Khi còn làm người, tại sao ngươi lại không biết ghê sợ tội lỗi, mà còn tạo ác hạnh đối với Chư Tỳ khưu Tăng và những kẻ ăn xin nghèo khổ, là người hằng thọ thí từ thanh niên Nandiya chồng của ngươi. Ngươi đã từ bỏ con đường tốt mà Nandiya đã làm, nay nhận lấy ác quả đã tạo tương xứng, thì việc rên la của người chẳng có lợi ích chi cho ngươi đâu.

Sau khi nói như thế xong, nhóm quỉ sứ nắm lấy hai chân của nàng dỡ lên cho đầu chỏng xuống, lôi xuống Địa ngục Đa khổ để tiếp tục thọ khổ tại nơi ấy. Như trong Vimānavatthu có nêu rằng: Những người phải bị đọa trong Địa đại ngục, vì những người này khi còn ở nhân loại, đã bức hại, lăng nhục, sĩ mạ các bậc sa môn, Bà la môn.

Như trong chú giải bổn sanh có nêu rằng:

Các chúng sanh bị đọa trong Đại địa ngục hay trong đa khổ địa ngục, việc bị đọa trong các địa ngục ấy bất định, có người chỉ đọa 7 ngày, có người suốt cả kiếp (kappa). Đó là do ác nghiệp của chúng

sanh ấy. Như trong Maṇisāramañjūsāṭīkā có nêu rằng: "Thật vậy, thọ lượng trong các Địa ngục, chính là do nghiệp".

13- Chuyện vua Ajātasattu (A-xà-thế)

Vua Ajātasattu, tuy có duyên lành Đạo quả trong kiếp này (Pacchimabhavikapuggala) nhưng là người kết hợp (Samagama) sai tức kếp hợp sai với Devadatta là ác hữu, và cũng là người đang đối nghịch với đấng Chánh-giác. Do đó, Đức vua Ajātasattu khởi lên tham ác, sân ác và tà kiến ác, đã cho giết phụ vương mình là Đức vua Bimbisāra. Phần nhiều những người giết cha mẹ thường đọa vào địa ngục Avīci. Nhưng sau đó, Đức vua Ajātasattu lìa bỏ Devadatta, trở lại tạo thiện hạnh, tức là qui ngưỡng nơi Đức Thế Tôn cùng với Chư Thánh Tăng, phát tâm tịnh tín cúng dường tứ vật dụng, trở thành người hộ trì Phật-Pháp. Nên khi mệnh chung vua Ajātasattu không bị đọa vào Avīci, mà chỉ thọ khổ trong Địa ngục Đồng-hoạch.

Việc thọ khổ trong Địa ngục Đồng-hoạch hiện bày như vầy:

Tội nhân từ từ chìm xuống từng phút cho đến đáy nồi đồng sôi ấy trọn thời gian là 30.000 của Địa ngục ấy, rồi khi nổi lên cũng từ từ nổi lên với thời gian là 30.000 năm mới đến miệng nồi. Sự thọ khổ của Đức vua Ajātasattu có thời hạn là 60.000 năm của Địa ngục, mới được thoát khỏi nơi ấy.

Sau thời gian 2 a Tăng kỳ nữa, vua Ajātasattu sẽ thành Phật Độc-giác, có hồng danh là Vijitāvī.

Dứt phần nói về Địa ngục

-ooOoo-

PADACCHEDA PADASAMBANDHA VACANATTHA

Và giải rộng về từ ***TIRACCHĀNA***

Định nghĩa: *Tiro añjantīti = Tiracchāna*

Chúng sanh đi bằng chiều ngang gọi là Bàng sanh, hay chúng sanh nào không thể đắc Đạo quả mà có sự đi ngang, gọi là bàng sanh.

Ở đây, giải rằng: Tất cả chúng sanh như nhân loại thường đi bằng chiều cao, tức đầu hướng lên trên, còn Bàng sanh thì khi đi với chiều ngang, tức hai tay dùng làm chân, đầu đặt về phía trước và khom xuống phía dưới.

Đối với loài chim, tuy có hai chân như người, nhưng lúc đi thân không đứng thẳng, gần như cũng khom bằng chiều ngang, cho nên cũng gọi là Bàng sanh.

Lại nữa, trong loài Bàng sanh này, dù là Bồ-tát đi nữa, khi thọ sanh vào sanh chủng này, chắc chắn phải tách rời Thiền Định và Đạo Quả. Do đó, mới gọi là Bàng sanh.

Chiết tự Bàng sanh theo văn phạm Pāli:

Từ Tiracchāna nếu chiết tự ra thì được như sau:

Tira añjayu (ana) hoặc āna tira là upasārapada añja là ngữ căn, yu(ana) hay là āna là tiếp vĩ ngữ.

Định nghĩa từ: Tiracchānayoni, Tiracchānaṃyoni.

Tiracchānayoni: Sanh loại của Bàng sanh gọi là Tiracchānayoni. Nơi đây Yoni dịch là sanh loại, vì các loài Bàng sanh này không có trú xứ riêng. Do vậy, giáo thọ sư Anuruddha mới gọi là Tiracchānayoni.

Bàng sanh có hai loại: loại thấy được bằng mắt thường, và loại mắt thường không thấy được. Nghĩa là Bàng sanh này có loại rất to lớn và loại rất nhỏ bé. Trong tất cả loài Bàng sanh này có cả thảy 4 loại, chia theo chân như sau:

1- Dvipadatiracchāna: loại Bàng sanh có hai chân như chim, công, gà...
2- Catuppadatiracchāna: loại Bàng sanh có 4 chân như bò, trâu, ngựa...

3- BahupPādatiracchāna: loại Bàng sanh có nhiều chân như rít, cuốn chiếu...
4- Apadatiracchāna: loài Bàng sanh không chân như rắn, trùng, cá...

Các loại Bàng sanh trên khác nhau chỗ nương, tức có loại nương trên đất, có loại nương trong nước. Nhóm sống trong nước nhiều hơn nhóm sống trên đất. Như trong Ekaṅguttara có ghi:

Này Chư Tỳ khưu! Các chúng sanh nào sanh trên đất. Các chúng sanh ấy có số lượng ít, các chúng sanh nào sanh trong nước, các chúng sanh ấy có số lượng nhiều hơn.

Trong đoạn Pāli văn trên, Ngài trình bày rằng: Chúng sanh trên đất có số lượng ít, chúng sanh trong nước có số lượng nhiều, Ngài không ám chỉ 1 loại bàng sanh nào cả, mà chỉ nêu chung tất cả chúng sanh hiện hữu trong cõi người, và không hạn định rằng: Chúng sanh ở trên đất hay trong nước có số lượng là bao nhiêu. Ngài chỉ trình bày: Tất cả chúng sanh trên đất và trong nước thì vô hạn lượng (Ananto).

Theo Phật ngôn này, Ngài giáo thọ sư Anuruddha (hay Ngài Buddhaghosa) đã xác chứng trong Manorathapūraṇì aṅguttara aṭṭhakathā rằng: Thật vậy, tất cả chúng sanh sống trong cõi người vô lượng, nhưng chúng sanh sống trong nước thì nhiều hơn vô số kể, vì Ngài đã chứng kiến được rằng: Có loài cá tên là Nandiyavaṭṭa sanh trong Đại dương, nằm giữa đảo Laṅkā và Suvaṇṇabhūmi. Suvaṇṇabhūmi ấy bây giờ Gọi là tỉnh SaThôn, nằm phía dưới nước Miến Điện. Bờ biển bên này tiếp giáp đảo Laṅkā, bờ biển kia tiếp giáp với Suvaṇṇabhūmi, chiều dài tính được là 700 do tuần. Giữa đảo Laṅkā và Suvaṇṇabhūmi thường xuyên có thương buôn qua lại buôn bán. Trong khoảng giữa Đại dương có chiều dài là 700 do tuần này, loài cá Nandiyavaṭṭa đã nỗi lên, hiện bày cho thấy thành từng Đàn và nối tiếp nhau dãy đặc từ bờ Laṅkā cho đến bờ Suvaṇṇabhūmi và không thể ước lượng được chiều rộng ra thêm, chỉ tính được từ bờ Laṅkā đến bờ Suvaṇṇabhūmi ấy có chiều dài là 700 do tuần. Khi các thương nhân dùng ghe tàu đi từ bờ Laṅkā đến Suvaṇṇabhūmi ấy, đã dùng cá ấy làm vật thực trọn bảy ngày, mỗi ngày đi được 100 do tuần.

Tiếp theo sẽ giải về Long vương, Điểu Nhân, Sư Tử, Kim Sĩ Điểu và Kình Ngư.

CÓ 1.024 LOẠI LONG VƯƠNG LÀ:

Có bốn loại Long vương:

1- Kaṭṭhamukha: Long vương có nọc độc mạnh, khi cắn trúng người nào, toàn thân người ấy sẽ cứng đơ. Các bộ phận như tay, chân muốn co vào hoặc duỗi ra cũng không được và rất nhức nhối.

2- Pūtimukha: Loại Long vương có nọc độc, khi cắn vào, thì vết thương chỗ bị cắn sẽ thối và có nước vàng chảy ra.

3- Aggimukha: Loại Long vương có nọc độc, khi cắn trúng, toàn thân người ấy sẽ nóng sốt, vết thương nơi bị cắn trở thành dấu vết giống như bị lửa cháy.

4- Satthamukha: Loại Long vương có nọc độc như điện, khi cắn trúng giống như bị sét đánh.

Mỗi loại Long vương đều có cách truyền nọc độc khác nhau. Có 4 cách truyền nọc độc là:

1. Daṭṭhavisānāgarāja: Nếu cắn thì nọc đọc chạy khắp châu thân.
2. Diṭṭhivisānāgarāja: Phun nọc ra theo đường mắt khi nhìn.
3. Phuṭṭhavisānāgarāja: Có nọc toàn thân, dùng thân cọ chạm thì nọc sẽ phát ra.
4. Vātavisānāgarāja: Dùng hơi thở phun nọc độc và nọc độc này sẽ bay tỏa đi ra.

Mỗi loại Long vương đều có 4 cách truyền như thế gom lại thành 16 loại (4x4=16).

Trong 16 loại Long vương ấy, mỗi loại lại chia thành 4 loại nữa, tùy theo cách thức chạy nọc như:

1. Āgatavisa na ghoravisa: Chạy nọc nhanh nhưng không ác liệt.
2. Ghoravisa na āgatavisa: Có nọc độc mạnh nhưng nọc độc ấy tỏa ra từ từ.
3. Āgatavisa ghoravisa: Có nọc độc tỏa ra nhanh chóng và ác liệt.
4. Na āgatavisa na ghoravisa: Có nọc độc tỏa ra chậm và không ác liệt.

Gom cách chạy nọc độc này lại thành ra có 64 loại. Trong 64 loại ấy, mỗi loại lại chia thành 4 cách sanh là:

1. Aṇḍajanāgarāja: Long vương sanh trong trứng.
2. Jalābujanāgarāja: Long vương sanh trong thai bão.
3. Saṃsedajanāgarāja: Long vương sanh từ mồ hôi.
4. Opapātikanāgarāja: Long vương vừa sanh ra lớn ngay (hóa sanh).

Thành ra có 256 loại Long vương. Trong 256 loại Long vương này mỗi loại chia làm hai là:

1. Jalanāgarāja: Long vương sanh trong nước.
2. Thalajanāgarāja: Long vương sanh trên đất.

Gom lại thành 512 loại Long vương. Mỗi loại lại được chia thành 2 nữa là:

1. Kāmarūpīnāgarāja: Long vương thọ hưởng ngũ dục.
2. Akāmarūpīnāgarāja: Long vương không thọ hưởng ngũ dục.

Gom lại thành ra là 1024 loại Long vương.

Giải về 1024 loại Long vương này có nói rõ trong Khandhavaggasamyutta - Aṭṭhakathā - Phẩm Rồng.

NÓI VỀ LAKKHAṆA CỦA LONG VƯƠNG

Có năm loại thường trực hiện bày:

Những loại Long vương có thần lực, có thể hóa thân thành người được. Tuy hóa thân thành người, nhưng vẫn có 5 đặc tướng thường hiển lộ, không thể làm cho mất được, nó hiện khởi theo thông thường tánh của loài Long vương. Năm đặc tướng đó là:

1- Lúc tục sinh phải hiện nguyên hình là Rồng.
2- Trong lúc lột da, hình dạng cũng phải hiển lộ là Rồng như cũ.
3- Trong lúc hành lạc với Rồng, cũng phải là Rồng.
4- Trong lúc nằm ngủ, nếu lúc ngủ thất niệm thì cũng trở lại nguyên hình là Rồng.
5- Trong lúc chết, cũng hiển lộ lại nguyên tướng là Rồng.

Như trong chú giải Pháp Cú kinh, chú giải Tương Ưng kinh, chú giải Luận Đại Phẩm, có ghi rằng:

"Nāgassa pana pañcasu sabhāvApātukammaṃ hoti paṭisandhikāle tacajahanakāle, sajātiyā methunakāle vessaṭṭhaniddokkamanakāle cutikāleti".

Người có việc làm nguy hại đến Đạo quả chỉ được xếp vào loài Bàng sanh.

Thông thường, tất cả Chư Thiên đều là người đáng được Đạo quả cả, nhưng lại xếp vào loài Bàng sanh, vì xuất gia không được, nhưng trong chú giải Luật Kaṅkhāvitaraṇī aṭṭhakathā, Vinayasaṅgaha aṭṭhakathā có nêu rằng:

Đức Thế Tôn từ chối sự thọ cụ túc giới với người nào, người ấy được gọi là Bàng sanh.

Trong chú giải Luật Đại Phẩm có nêu rằng: "Các bậc trí nên biết rằng người không có sanh chủng là nhân loại, dù là Thiên vương Đế Thích cũng phải xếp vào Bàng sanh".

Tuổi thọ Long vương:

Tuổi thọ Long vương không nhất định, có lúc trường thọ, có lúc yểu thọ. Có nhóm có tuổi thọ dài, cả đến 5 đời Chư Chánh-đẳng-giác vẫn còn, như Long vương Kāla. Long vương Kāla này sanh từ thời Đức Chánh Giác Kakusandha cho đến thời Đức Phật Gotama, rồi sống tiếp tục cho đến thời Đức Phật Mattreyya.

Dứt chuyện Long vương

-ooOoo-

NÓI VỀ ĐIỂU NHÂN

Định nghĩa: Kucchito naro = Kinnaro narasadisatta.

Chúng sanh đáng ghét, như giống người Gọi là Kinnara. Kinnara có hình dạng giống người, chỉ khác vài điểm như hai cánh tay giống người nhưng hai bàn tay giống chim, còn đầu, mặt, mũi giống như người nhưng môi rộng cho đến cổ, miệng dài ra giống như ngựa, bàn chân và móng chân giống như chim.

Như trong Veyyākaraṇakārikāṭikā có nêu rằng: Trong bổn sanh Bhallātiya có nêu rằng: Điểu Nhân có tuổi thọ 1000 năm, thông thường Điểu Nhân rất sợ nước.

Trong chú giải bổn sanh có nêu rằng: Các Điểu Nhân thường sợ nước.

Có 7 loại điểu nhân là: 1- Devakinnarā, 2- Candakinnarā, 3-Dumakinnarā, 4- Daṇṇamāṇakiṇṇarā, 5- Kontakinnarā, 6- Sakunakinnarā, 7- KaṇṇApāvuraṇakinnarā.

Dứt về Điểu Nhân

-ooOoo-

NÓI VỀ SƯ TỬ CHÚA

Có bốn loại Sư tử chúa là: 1- Tiṇasīha; 2- Paṇḍusīha; 3- Kāḷasīha; 4- Kesarasīha.

Nhưng trong Aṅguttara aṭṭhakathā có nêu rằng:

Sīhoti cattāro sīhā tiṇasīho kāḷasiho paṇḍusīho và Kesarasīho.

Trong bốn loại Sư tử này được giải rằng:

1- **Tiṇasiha**: Có thân hình màu đỏ giống như chân chim bồ câu và to bằng con bò tơ, loại này ăn cỏ.
2- **Kāḷasīha**: có thân hình màu đen, lớn bằng con bò tơ, loại này cũng ăn cỏ.
3- **Paṇḍusīha**: Có thân hình màu lá cây chín vàng, to bằng con bò tơ, loại này ăn thịt.
4- **Kesarasīha**: Có môi, đuôi và chân màu đỏ, từ đầu đến lưng có ba sọc đỏ và xung quanh bàn tọa 3 vòng, ở cổ có lông phủ xuống ở vai có màu giống như vải Kambala. Phần còn lại ở trên thân đều có màu trắng, loại này ăn thịt.

Trú xứ của sư tử Kesara này có 5 chỗ là: Hang vàng, hang bạc, hang ngọc mã não, hang ngọc Māṇī, hang kim cương. Sư tử Kesara này chỉ ở trong rừng Hy Mã, có thân hình to như con trâu. Còn ba loại sư tử kia ở trong rừng Hy Mã hoặc rừng rậm. Tuổi thọ Sư tử không nhất định, đôi khi là 200 hoặc 300 cũng có. Trong các loại bàng sanh, sư tử là chúa của loại Bàng sanh.

Dứt đề tài sư tử

-ooOoo-

NÓI VỀ KIM SĨ ĐIỂU

Kim Sĩ Điểu có hình dáng như chim, nên được xếp vào loại chim. Trong tất cả loài chim, Kim Sĩ Điểu là loại chim to nhất, trú xứ của loài chim là núi Sineru. Núi Sineru có ba tầng, Kim Sĩ Điểu ở tầng thứ hai của núi Sineru và ở Đại dương hoặc biển Sīdantara. Trong tầng thứ hai của núi Sineru này có rừng Bả Đậu Chúa, Kim Sĩ Điểu có thân cao 150 do tuần, mỗi cánh rộng 50 do tuần, đuôi dài 20 do tuần, cổ dài 30 do tuần, miệng rộng 9 do tuần, chân dài 20 do tuần. Kim Sĩ Điểu Vương khi đang bay mãnh lực của việc đập cánh phát sanh thành luồng cuồng phong có tầm ảnh hưởng từ 700 - 800 do tuần, thường thì Kim Sĩ Điểu ăn thịt Rồng.

Dứt về Kim Sĩ Điểu

-ooOoo-

NÓI VỀ VOI

Có mười loại voi.

1- Voi Kāḷavaka: Hắc Tượng
2- Voi Gaṅgeyya: Voi Gaṅgā.
3- Voi Daṇḍara: Bạch tượng.
4- Voi Tamba: Voi màu đỏ sậm.
5- Voi Piṅgala: Voi màu nâu.
6- Voi Gandha: Hương tượng.
7- Voi Maṅgala: Tượng Maṅgala.
8- Voi Meha: Voi xám.
9- Voi Uposatha.
10- Voi Chaddanta: Voi sanh tại hồ Chaddanta.

Sức mạnh của 10 người bằng sức mạnh voi Kāḷavaka.
Sức mạnh 10 voi Kāḷavaka bằng voi Gaṅgeyya.
Sức mạnh 10 voi Gaṅgeyya bằng voi Paṇḍara.
Sức mạnh 10 voi Paṇḍara bằng voi Tamba.
Sức mạnh 10 voi Tamba bằng sức mạnh voi Piṅgala.
Sức mạnh 10 voi Piṅgala bằng sức mạnh voi Gandha.
Sức mạnh 10 voi Gandha bằng sức mạnh voi Maṅgala.
Sức mạnh 10 voi Maṅgala bằng sức mạnh voi Hema.
Sức mạnh 10 voi Hema bằng sức mạnh voi Uposatha.
Sức mạnh 10 voi Uposatha bằng sức mạnh voi Chaddanta.

Dứt đề tài về Voi

-ooOoo-

Đề tài về tám loại Kình Ngư đã trình bày trong Paccayajotika mahāpaṭṭhāna rồi, nên mới không trình bày ở đây nữa.

Về Saññā hiện khởi trong Tiracchānabhūmi:

Có ba loại saññā hiện khởi cho các loài bàng sanh là:

1- **Kāmasaññā**: Biết hưởng dục.
2- **Gocarasaññā**: Biết kiếm ăn.
3- **Maraṇasaññā**: Biết sợ chết.

Còn Dhammasaññā: Biết Pháp. Chỉ có loại Bàng sanh như Bồ-tát mới hiện khởi được, phần nhiều các loại Bàng sanh khác chỉ có 3 loại tưởng như đã trình bày.

Trong ba loại saññā này, Maraṇasaññā: Biết sợ chết, là hiện khởi nhiều nhất cho loài Bàng sanh, vì sự nguy hại đến sanh mạng có rất nhiều đối với các loài bàng sanh, tức là thú nhỏ thường bị thú lớn bức hại, những con nhỏ tị thì thằn lằn, rắn mối ăn, mèo ăn thằn lằn, cọp ăn mèo ... Đây được xem là mối nguy hại giữa các loài Bàng sanh với nhau, ngoài ra còn có những mối nguy hại đến sanh mạng bằng cách khác nữa, như thiếu thốn, đói khát, vất vã khó khăn về chỗ ở và thường bị nhân loại bức hại ... cho nên tuổi thọ loài bàng sanh rất ngắn ngũi, chỉ vài giờ, vài ngày, vài năm cũng có, chó có tuổi thọ từ 10-35 năm, bò, trâu, ngựa có tuổi thọ từ 20-30 năm cũng có, hoặc bằng loài người cũng có, voi có tuổi thọ từ 60-100 năm cũng có, không nhất định. Tuổi thọ bàng sanh vô hạn định vậy.

-ooOoo-

PADACCHEDA, PADASAMPANDHA, VACANATTHA
và lời giải rộng trong PETTIVISAYAPADA

Định nghĩa và giải từ Pettivisaya:

1- Sukhasamussayato Pākatṭho entīti = Petā. Gọi là Petā do cách ly sự an lạc.
2- Petānaṃ samūho = Petti: Hội chúng của Ngạ quỉ, gọi là Petti.
3- Pettiyā visayo = Pettivisayo: Chỗ ở, chỗ sanh của Ngạ quỉ, gọi là Pettivisayo.

Từ Peta này, các chúng sanh mạng chung rồi, đều được gọi là Peta được cả. Nhưng ở đây ám chỉ đến chúng sanh Ngạ quỉ.

Theo văn phạm Pāli, từ Peta được phân tích như vầy:

P.I.T; P là Upasara, I là ngữ căn (dhātu), T là tiếp vị ngữ. Thông thường Ngạ quỉ không có chỗ nương tựa riêng, cho nên Ngạ quỉ có chỗ ở cùng khắp như theo rừng, theo núi, vực thẳm, đảo, biển, Đại dương, nghĩa địa. Do vậy, Ngài giáo thọ sư Anuruddha mới trình bày là Pettivisayo.

Gọi rằng Ngạ quỉ tức là quỉ, Dạ xoa là Ngạ quỉ mà mọi người thường nói với nhau, và loài Ngạ quỉ này có nhiều loại, Ngạ quỉ nhỏ cũng có, Ngạ quỉ lớn cũng có, có loài Ngạ quỉ biến hóa cho thành cảnh tốt hoặc cảnh xấu cũng được. về cảnh tốt thì cho thấy thành phố Chư Thiên, hoặc nam nhân, nữ nhân, Đạo sĩ, Sa di, Tỳ khưu. Còn cảnh xấu thì cho thấy là trâu, bò, voi, chó với hình dạng đáng sợ hãi như có đầu to, mắt lồi và có khi không hiện rõ, chỉ cho thấy màu đen, đỏ, trắng.

Trong các loài Ngạ quỉ, có loại phải chịu đói khát khổ sở, có loại ăn những cặn bả được quăng bỏ ở đống rác ... có loại thì ăn Đàm, mũ, nước miếng và phẩn ...

Có loài Ngạ quỉ sống nương theo núi như núi Gijjhakūta, không phải chỉ là đói khát mà thôi, còn phải chịu khổ thọ như những chúng sanh địa ngục.

Như trong Lakkhaṇa samyutta sau đây:

Nói về 12 loại có trong phẩm Lokapaññatti và Gacchatidīpanī:

1- **Vantāsapetā**: Ngạ quỉ ăn nước miếng, đàm, vật nôn mữa.

2- **KuṇApāsapetā**: Ngạ quỉ ăn tử thi người hoặc thú.

3- **Gūthakhādakapetā**: Ngạ quỉ ăn phẩn.

4- **Aggijālamukhapetā**: Ngạ quỉ thường có lửa trong miệng.

5- **Sucimukhapetā**: Ngạ quỉ có miệng bằng lổ kim.

6- **Taṇhaṭṭikapetā**: Ngạ quỉ thường bị ái bức hại cho đói khát.

7- **Sunijjhāmakapetā**: Ngạ quỉ có thân đen như than.

8- **Suttaṅgapetā**: Ngạ quỉ có móng tay nhỏ, móng chân dài và bén nhọn như dao.

9- **Pabbataṅgapetā**: Ngạ quỉ có thân cao lớn bằng quả núi.

10- **Ajagaraṅgapetā**: Ngạ quỉ có thân giống như con trăn.

11- **Vemānikapetā**: Ngạ quỉ bị cảm thọ khổ lúc ban ngày, nhưng ban đêm được thọ hưởng lạc trong Thiên cung.

12- **Mahiddhikapetā**: Ngạ quỉ có Đại thần lực.

Trình bày định nghĩa của 12 loại Ngạ quỉ theo thứ tự:

1- Vantaṃ asati bhakkhatīti = Vantāso. Gọi là Ngạ quỉ Vantāsa bởi ăn nước miếng, đồ nôn mữa, đàm ...

2- Kunapaṃ arati dakkhatīti = Kuṇapāso. Gọi là Ngạ quỉ Kuṇapāsa bởi ăn tử thi người hoặc thú.

3- Aggijālamukhatā etassāti = Aggījālamukho. Gọi là Ngạ quỉ Aggijālamukha bởi có lửa trong miệng.

4- Gūthaṃ khādatīti = Gūthakhadako. Gọi là Ngạ quỉ Gūthakhādaka bởi ăn phẩn.

5- Sūcipamānaṃ sukhaṃ etassāti = Sūcimukho. Gọi là Ngạ quỉ Sūcimukha, bởi có miệng bằng lỗ kim.

6- Taṇhāya aṭṭhito pūḷitoti = Taṇhāhaṭṭito. Gọi là Ngạ quỉ Taṇhāhaṭṭita, bởi bị ái dục bức hại đói khát.

7- Suṭṭhu nissesena jhāno= Sunijjhāmo, Sunijjhāmo viyāti= Sunijjhāmako. Cây bị lửa đốt hết cành, lá, thân, chỉ còn lại gốc cây bị cháy gọi là Sunijjhāmaka. Ngạ quỉ được gọi là Sunijjhāmaka vì đen như gốc cây bị đốt.

8- Sattasadisaṃ aṅgaṃ etassāti = Suttaṅgo. Gọi là Ngạ quỉ Suttaṅga vì có móng tay, móng chân dài và bén nhọn như dao.

9- Pabbatappamaṇo aṅgo etassāti = Pabbataṅgo. Gọi là Ngạ quỉ Pabbataṅgo bởi có thân bằng quả núi.

10- Ajagarasadiso aṅgo etassāti = Ajararaṅgo. Gọi là Ngạ quỉ Ajagaraṅga bởi hình dạng giống như con trăn.

11- Vimāṇe nibbattoti = Vemāniko. Gọi là Vemānika bởi sanh trong cung điện, nhưng ban ngày thì thọ khổ, ban đêm được hưởng lạc.

12- Mahatiyā iddhiyā samannāgatoti = Mahiddhiko. Gọi là Ngạ quỉ Mahiddhika bởi có Đại thần lực.

Trú xứ của 12 loại Ngạ quỉ và chúa Ngạ quỉ:

Chân núi Hy Mã có một khu rừng tên là Vijjhātīavī, rừng Vijjhātīavì này là kinh thành của 12 loại Ngạ quỉ trên trú ngụ.

Trong 12 loại Ngạ quỉ này, loại Ngạ quỉ có Đại thần lực là chúa của loài Ngạ quỉ. Như trong Lokapaññatti có ghi rằng:

" Yattha petanagare petamahiddhiko sabbapetānaṃ issariyādhipaccankaroti".

Rừng Vijjhātīavī là kinh thành của loài Ngạ quỉ, và rừng Vijjhātīavì này nằm trong rừng Hy Mã. Tại đây, loài Ngạ quỉ Mahiddhika là vị chúa tể cai trị tất cả các Ngạ quỉ.

Bốn loại Ngạ quỉ được đề cập trong Petavatthu và Aṭṭhakathā, ṭīkā:

1- Parehidattaṃ upanissāya jīvatīti = paradattupajīviko. Gọi là Ngạ quỉ Paradattupajīvika, vì việc nuôi mạng phải dựa vào người khác cho.

2- Khudā ca pīpāsā ca = Khuppipāsā. KhuppiPāsāhi pilito = KhuppiPāsiko. Đói và khát gọi là Khuppipāsā- sự đói khát. Gọi là Ngạ quỉ Khuppipāsika vì bị sự đói khát bức hại.

3- Nijjhāmena taṅhā etassāti = Nijjhāmataṇhiko. Gọi là Ngạ quỉ Nijjhāmataṇhika vì có ái dục, tức là sự đói khát thường xuyên và liên hệ từ lửa cháy trong miệng.

4- Ngạ quỉ Kaḷakañcika này khỏi phải định nghĩa, vì là tên của Atula, như trong Pātheyyavagga aṭṭhakathā có nêu rằng: "Kālakañcikāti tesaṃ asurānaṃ nāmaṃ". Gọi là Kālakañcika này là tên của Atula thuộc loài Ngạ quỉ.

Vài loài Ngạ quỉ mà Bồ-tát không sanh vào:

Chư Bồ-tát, từ khi được Phật thọ ký thời không sanh vào ba loại Ngạ quỉ là:

1- Ngạ quỉ KhuppiPāsika
2- Ngạ quỉ Nijjhāmataṇhika
3- Ngạ quỉ Kālakañcika

Mà đã trình bày ở trên. Nếu có sanh, chỉ sanh vào loài Ngạ quỉ Paradattupajīvika mà thôi.

(Vấn đề Bồ-tát không sanh vào ba loại Ngạ quỉ này, trong Apādāna aṭṭhakathā, Suttanipāta aṭṭhakathā và Biddhavaṃsa aṭṭhakathā có nêu).

Các cõi mà Bồ-tát khi được thọ ký không sanh vào là:

1- Không sanh thành người bộ lạc thiểu số.
2- Không sanh làm Thiên tử Māra.
3- Không sanh là Phạm Thiên Vô-tưởng.
4- Không sanh làm Phạm Thiên Tịnh-cư.
5- Không sanh trong vũ trụ khác (Cakkavāḷa).
6- Không sanh làm Phạm Thiên Vô-sắc.
7- Không sanh làm người nữ.
8- Không sanh làm người nô lệ.
9- Không sanh làm người câm, đui, điếc.
10- Không sanh làm người tàn tật, cùi cụt.
11- Không thay đổi hình tướng.
12- Không tạo nghiệp Vô gián (5 loại nghiệp).
13- Không sanh trong địa ngục Lokantariya.
14- Không sanh trong địa ngục Avīvi, không sanh làm Ngạ quỉ Nijjhāmataṇhika, Ngạ quỉ khuppiPāsika.
15- Không sanh làm chúng sanh nhỏ hơn chim dòng dọc và không lớn hơn con voi.
16- Không là bậc Thánh trong khoảng giữa 4 A Tăng kỳ và 100.000 Đại kiếp.

Phụ chú: Ngoài 12 loại Ngạ quỉ và 4 loại Ngạ quỉ đã trình bày, còn có nhiều loại Ngạ quỉ khác nữa, như Ngạ quỉ Suciloma tức Ngạ quỉ có lông như kim, Ngạ quỉ Kharaloma, Ngạ quỉ có lông thô, Ngạ quỉ Ghanakha, Ngạ quỉ có móng tay và móng chân dài.

Về 21 loại Ngạ quỉ trong luật và Lakkhaṇasamyutta có đề cập:

1- Aṭṭhisaṅkhasikapetā: Ngạ quỉ có xương dính với nhau thành từng khúc, nhưng không có thịt.
2- Maṃsapesikapetā: Ngạ quỉ có thịt thành từng mãnh, nhưng không có xương.
3- Maṃsapiṇḍapetā: Ngạ quỉ có thịt thành từng cục, thành khối.
4- Nicchaviparisapetā: Ngạ quỉ không có da.
5- Asilomapetā: Ngạ quỉ có lông như gươm.
6- Sattilomapetā: Ngạ quỉ có lông như giáo.
7- Usulomapetā: Ngạ quỉ có lông như cây tên.
8- Sūcilomapetā: Ngạ quỉ có lông như kim.
9- Dutiyasūcilomapetā: Ngạ quỉ có lông như kim, loại thứ hai.
10- Kumbhaṇḍapetā: Ngạ quỉ có aṇḍa (ngọc hành) rất to.
11- Gūthakūpanimuggapetā: Ngạ quỉ chìm ngập trong phẩn.
12- Gūthakhādakapetā: Ngạ quỉ ăn phẩn.
13- Nicchavitakipetā: Ngạ quỉ cái không có da.
14- Duggandhapetā: Ngạ quỉ có mùi hôi thối.
15- Ogilinīpetā: Ngạ quỉ có thân như cây đuốc, lửa.
16- Asisapetā: Ngạ quỉ không có đầu.
17- Bhikkhupetā: Ngạ quỉ có hình tướng giống Tỳ khưu.
18- Bhikkhunīpetā: Ngạ quỉ có hình tướng giống Tỳ khưu ni.
19- Sikkhāmānapetā: Ngạ quỉ có hình tướng giống học nữ.

20- Sāmaṇerapetā: Ngạ quỉ có hình tướng giống Sa di.
21- Sāmaṇerīpetā: Ngạ quỉ có hình tướng giống Sa di ni.

Phụ chú: Ngạ quỉ rắn và Ngạ quỉ quạ mà trong chú giải Pháp-cú có đề cập. Ngạ quỉ rắn này có thân dài 25 do tuần, Ngạ quỉ quạ có thân dài 25 do tuần.

ĐỜI SỐNG CÁC NGẠ QUỈ:

1- Chuyện Ngạ quỉ Kāḷakañcika:

Một hôm, Ngạ quỉ Kāḷakañcika khát nước quá, bèn đi tìm nước uống. Tại nơi ấy, có dòng sông Hằng đang chảy, sông Hằng có chiều rộng và sâu một do tuần. Ngạ quỉ Kāḷakañcika đi đến bờ sông Hằng, nghe tiếng nước sông Hằng chảy, nó biết là tiếng nước chảy, và đây là con sông, bèn đi xuống để uống nước. Nhưng sau khi xuống dòng sông Hằng rồi, thay vì được uống nước theo sở thích, nhưng do mãnh lực ác nghiệp, khiến nước ấy trở thành đá và khói tỏa ra khắp nơi. Ngạ quỉ Kāḷakañcika cứ nghe tiếng nước chảy, nhìn theo hướng tiếng nước mà chẳng thấy nước đâu cả. Nó đi tìm nước để uống từ lúc Hoàng hôn cho đến khi trời rực sáng, cũng không thấy được giọt nước nào cả.

Vào sáng hôm ấy, có 30 vị Tỳ khưu đi khất thực, các Ngài đi ngang qua con đường ấy, đã trông thấy Ngạ quỉ Kāḷakañcika, bèn hỏi Ngạ quỉ ấy rằng:

- Ngươi đang đi tìm các chi thế?

- Thưa các Ngài tôi đang đi tìm nước uống.

- Ngay trước mặt ngươi là dòng sông đấy, ngươi chẳng thấy sao!

- Bạch các Ngài! tôi thật không thấy.

Nhưng tôi có nghe tiếng nước chảy phía trước tuy vậy, tôi đi tìm mãi mà không gặp được giọt nước nào cả tôi tìm từ khi trời Hoàng hôn đến sáng rực như thế này, vẫn Chưa tìm thấy nước.

Chư Tỳ khưu ấy liền bảo Ngạ quỉ Kāḷakañcika hãy nằm xuống tại nơi ấy, cùng nhau lấy bát xuống sông múc nước đến đổ vào miệng của Ngạ quỉ Kāḷakañcika. Ba mươi vị luân phiên đổ nước vào miệng như thế, nhưng nước mà các vị đổ xuống miệng chỉ vào được chút ít, vì Ngạ quỉ Kāḷakañcika có miệng nhỏ bằng lỗ kim. *(lời giải về đời sống của Ngạ quỉ này có trong bộ Sammohavinidanī - aṭṭhakathā).*

2- Chuyện Ngạ quỉ Heo:

Trong thời giáo pháp của đấng Chánh-đẳng-giác, có vị Tỳ khưu khi thu thúc thân, nhưng không thu thúc khẩu. Vị ấy khi mạng chung, bị đọa vào địa ngục liên quan với khẩu không thu thúc. Khi thoát khỏi khổ trong địa ngục ấy rồi, tái sanh làm Ngạ quỉ có miệng như miệng heo, Ngạ quỉ này có thân tướng như người, có màu da vàng ròng, hồng hão nhưng đầu như đầu heo. Ngạ quỉ heo này sống cho đến thời giáo pháp của đấng Đạo sư Gotama.

Một hôm, Ngạ quỉ heo này gặp được Trưởng lão Nārada. Ngạ quỉ heo bạch với Trưởng lão Nārada rằng:

- Bạch Ngài! Sở dĩ tôi sanh làm Ngạ quỉ heo, có đầu không giống người như vầy, là do quả của việc không thu thúc khẩu, còn thân tôi có màu da sáng chói như vàng đây, là do quả mà tôi có thu thúc. Cho nên xin Ngài hãy có thân thu thúc và khẩu khéo thu thúc để sẽ không phải giống như tôi đây. *(chuyện này có trong Petavatthu)*

3- Chuyện Ngạ quỉ Vemānika:

Trong thời giáo pháp của bậc Đạo sư chúng ta, có hai kinh thành là kinh thành Sāvatthī và kinh thành Pātaliputta. Nhóm thương buôn của hai kinh thành Sāvatthī và Pātaliputta thường mang hàng hóa sang xứ Suvaṇṇabhūmi để buôn bán. Một hôm các thương nhân trong thành Sāvatthī và Pātaliputta đem hãng hóa của mình chất lên tàu, rời khỏi kinh thành hướng về Suvaṇṇabhūmi để

bán. Khi tàu ra đến giữa Đại dương, có người thương buôn lâm trọng bệnh, rồi mạng chung ở giữa Đại dương ấy. Trong lúc lâm trọng bệnh, người thương buôn luôn nghĩ đến vợ, và là người có tâm tịnh tín hoan hỷ trong việc tạo phước thiện, cho nên khi mệnh chung, thương buôn này sanh làm Ngạ quỉ Vemànika tại giữa Đại dương ấy.

4- Chuyện về một Ngạ quỉ nữ:

Trong thành Kosambi, có chàng thanh niên tên là Uttara, chàng Uttara rất cung kỉnh và tịnh tín Trưởng lão Mahākaccāyana nên chàng chuẩn bị cất một am thất dâng cho Trưởng lão và hằng ngày chuẩn bị vật thực cúng dường Trưởng lão chu tất.

Mẹ thanh niên Uttara lại là người bỏn xẻn, khi thấy con trai chuẩn bị cấy am thất và cúng dường Trưởng lão như thế, sự bất bình Tăng theo mỗi ngày. Đến một hôm, bã đã nguyền rủa rằng: "Vật thực nào mà dâng cho Trưởng lão ấy, từ đây về sau xin cho vật thực này hãy trở thành máu, để làm vật thực cho vị ấy đi".

Chàng Uttara, khi kiến tạo xong hương thất, chuẩn bị việc khánh thành tịnh thất ấy, và trong lễ khánh thành am thất này, Uttara có sự ước muốn được 100 lông (đuôi) chim công để trang hoàng hương thất cho xin đẹp, dâng đến Trưởng lão. Mọi việc mà thanh niên Uttara làm, bã mẹ chẳng hề có sự hoan hỷ dù chỉ là chút ít nhỏ nhoi, nhưng khi thanh niên mong ước có đuôi chim công để trang Hoàng am thất được xin đẹp, thì bã có sự hoan hỷ, cho rằng đó là hợp lẽ, đã tán thành cùng hoan hỷ với việc như thế. Khi mạng chung, bà đọa vào sanh chủng Ngạ quỉ, do ảnh hưởng sự hoan hỷ trong việc cúng dường lông đuôi chim công đến Trưởng lão Mahā Kaccāyana, nên nữ Ngạ quỉ có được mái tóc nhu nhuyễn, dài oằn xuống, có màu đen bóng, đuôi tóc uống cong lên rất đẹp. Nhưng do nàng có lời ác khẩu rằng: "Vật thực nào được dâng đến Trưởng lão, vật thực ấy hãy trở thành máu". Vì thế, khi nữ Ngạ quỉ ấy khát nước, khi đến sông Hằng để tìm nước uống, nước sông Hằng đã biến thành máu.

Một hôm, nữ Ngạ quỉ gặp được Trưởng lão Kaṅkhārevata, Ngài ngồi nơi bờ sông Hằng, nàng liền xin với Trưởng lão nước uống, Trưởng lão nghe Ngạ quỉ nữ ấy xin nước, bèn bảo rằng:

- Này Ngạ quỉ, nước trong sông Hằng đầy dẫy, vì sao ngươi lại không uống mà đến xin nước nơi ta.

- Thưa Ngài! nước trong sông Hằng không có đâu, chỉ toàn là máu thôi.

Nghe nữ Ngạ quỉ nói thế Trưởng lão Kaṅkharevata phát sanh nghi hoặc rằng: "chính ta thấy rõ là nước sông, tại sao nữa Ngạ quỉ lại bảo rằng là máu nhỉ". Ngài hỏi nữ quỉ ấy rằng:

- Này nữ quỉ! Khi trước ngươi đã hành ác nghiệp chi, mà nay lại thấy nước sông Hằng toàn là máu vậy?

- Bạch Ngài! trong kiếp trước, tôi đã nguyền rủa rằng: "Vật thực nào đã cúng dường đến Trưởng lão Mahā Kaccāyana, những vật thực ấy hãy trở thành máu". Cho nên giờ đây, tôi thấy nước sông Hằng đầy toàn là máu. Xin Ngài hãy thương tưởng đến tôi, lấy nước cho tôi uống 1 lần để tôi đỡ khát đi.

- Vậy thì, này nữ quỉ ta sẽ tìm nước giúp cho ngươi.

Sau khi hứa giúp nữ Ngạ quỉ ấy, Ngài suy nghĩ rằng:

"Nếu giờ đây ta lấy nước sông Hằng cho nữ quỉ ấy, nàng ta cũng không thể thọ dụng, do quả ác quá nặng". Rồi Trưởng lão suy nghĩ tiếp: "Ta hãy đi khất thực, sau khi ta nhận được vật thực, ta sẽ dâng đến Chư Tỳ khưu Tăng, rồi rưới nước hồi hướng phần phước ấy đến cho nữ Ngạ quỉ ấy. Khi nàng tùy hỷ với lời Sādhu thì sẽ được nước để uống theo như ý". Trưởng lão suy nghĩ như thế rồi, liền đi khất thực, khi được vật thực rồi, Ngài mang vật thực cùng nước uống dâng đến Chư Tỳ khưu Tăng, rồi hồi hướng phước, rải nước hồi hướng đến cho nàng Ngạ quỉ ấy. Nói về nàng Ngạ quỉ, khi nhận được phần phước từ nơi vị Trưởng lão, nàng phát lên lời tùy hỷ Sādhu, Sādhu... nhiều lần, từ việc nhận được phước báu và do phát lời tùy hỷ Sādhu của nàng, nàng thoát khỏi sanh loại Ngạ quỉ và sanh về cõi Tứ-Đại-Thiên-Vương, có cả Thiên cung và vật thực Thiên cung phát sanh, sau khi nhận

được quả Chư Thiên như thế, nàng Thiên nữ ấy đi đến Trưởng lão để trình bày cho Trưởng lão biết rằng: "Mình đã nhận được quả an lạc rồi". *(Câu chuyện này có trong Petavatthu pitīaka và aṭṭhakathā)*

5- Chuyện Ngạ quỉ canh giữ tài sản:

Có một thiếu nữ sinh sống bằng nghề buôn bán ở trong thành Sāvatthī. Một hôm, nàng cùng với một số bạn gái khác, cùng nhau rời khỏi thành Sāvatthī, đi đến xứ khác buôn bán. Trong chuyến buôn ấy, nàng đã lời được 500 đồng vàng. Sau khi hoàn tất việc mua bán như ý rồi, Đoàn nữ nhân ấy cùng nhau trở về kinh thành Sāvatthī. Đến giữa đường, không may họ gặp phải nhóm cướp, các nữ nhân kia bỏ chạy và mang theo tài sản bên mình, riêng nàng thiếu nữ, sau khi thấy cướp, nàng lấy 500 đồng vàng chôn tại 1 gốc cây rồi ẩn núp vào 1 gốc cây khác gần đó.

Bọn cướp, sau khi đến nơi, cùng nhau tìm kiếm tài sản chung quanh ấy, vì chúng nghĩ rằng: "các cô gái sẽ ném lại tiền bạc để chạy thoát thân", nhưng họ không tìm gặp. Và họ bắt gặp được nàng thiếu nữ đang ẩn núp gần đó, chúng hăm dọa nàng để nàng chỉ chỗ dấu tiền. Nhưng nàng không chịu khai, chúng đã tra khảo nàng đến chết.

Sau khi nàng bị nhóm cướp tra khảo chết đi, do mãnh lực tâm hối tiết tiền ấy, khiến nàng sanh làm loài Ngạ quỉ tại nơi ấy để canh giữ tài sản mà mình cất dấu. Như trong Petavatthu-aṭṭhakathā có ghi rằng: Do luyến tiếc tài sản nên nàng thiếu nữ ấy sanh làm Ngạ quỉ.

6- Chuyện Ngạ quỉ Rắn:

Trong thành, Bārāṇasī có người triệu phú, y có được số tiền là 400 triệu. Người triệu phú này đã mang 400 triệu ấy chôn tại bờ sông Hằng. Sau đó, vị triệu phú này lâm trọng bệnh và trong lúc bệnh nặng đã luyến tiếc đến số tài sản mình đã chôn. Khi mệnh chung tái sanh làm con rắn nằm tại chỗ chôn tài sản ấy.

Như trong bổn sanh EkaniPātasaccakira aṭṭhakathā có ghi: Trong thời ấy, tại xứ Bārāṇasī có người triệu phú, sau khi chôn dấu số tiền là 400 triệu tại bờ sông, ông đã chết do luyến tiếc tài sản, đã sanh làm con rắn trên đống tài sản.

7- Chuyện Ngạ quỉ Chuột:

Có người Trưởng giả được số tiền là 300 triệu, sống tại thành Bārāṇasī. Người Trưởng giả này đã đem số tiền 300 triệu của mình đến chôn tại bờ sông Hằng, do tâm luyến ái số tài sản này nên khi mạng chung, đã sanh làm con chuột trên chỗ chôn tài sản.

8- Chuyện 84000 Ngạ quỉ:

Thuở quá khứ xa xưa, kể từ Bhaddakappa (Hiền kiếp) này trở về trước cho đến kiếp thứ 92. Trong hiền kiếp 92 này có vị Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trong thế gian có hồng danh là Phussa. Đức Thế Tôn này, Ngài có thêm ba người em, cả 3 người này rất đầy đủ tài sản. Khi Đức Bồ-tát Phussa từ bỏ cung vàng, ra đi xuất gia rồi thành bậc Chánh-Đẳng-Giác, ba người em vô cùng thành tín Đức Thế Tôn và Tam-bảo, cả 3 người đồng ý đem toàn bộ gia sản giao cho người quản gia và người thủ khố, tức là 1 người là Ratthamantasī và người có phận sự thu giữ thuế lệ phí. Cả hai người này có phận sự trông nom, tạo sự lợi ích đến cho 3 người ấy cùng với 1000 tùy tùng của ba vị. Sau khi bàn giao, dặn bảo rõ ràng và chu đáo rồi, cả 3 người dẫn theo 1000 tùy tùng, đi đến nơi ngự của đấng Thập-lực, xin giữ suốt cả 3 tháng mùa an cư, trú mình trong 10 giới tại nơi trú xứ của đấng Thập-lực Phussa.

Nói về hai người quản gia, sau khi nhận các công việc từ ba vị ấy rồi, mỗi ngày hai người đều sắp đặt vật thực để dâng đến Đức Thế Tôn Phussa và Chư Tỳ khưu Tăng. Vị quản gia thì xuất phát tiền bạc, vị thủ khố thì xuất phát vật thực. Công việc phước thiện này đã cần đến 84000 người giúp sức, vợ và thân tộc của hai người quản gia và thủ khố cũng đến tham gia.

Sau khi nấu vật thực xong, thay vì những người này sắp đặt cúng dường đến Đức Phật và Chư Tăng trước, nhưng họ lại là người dễ duôi, đã dùng trước vật thực ấy, mỗi ngày đều như thế. Những

người ấy, sau khi mệnh chung phải bị đọa lạc vào địa ngục ác quả còn dư sót, phải là Ngạ quỉ từ kiếp 90 kể từ kiếp này trở lui lại về trước, trong khoảng 90 kiếp ấy, với nghiệp bất thiện như thế, không thấy được rõ là hiện bày sanh thú gì, những người này đã tái sanh vào cảnh giới nào, chỉ hiện bày rõ nét nhất là sanh vào Ngạ quỉ giới trong thời Đức Phật Kakusandha cho đến Đức Phật Gotama- Cả bốn đời Chư Phật là đấng Kakusandha, đấng Konāgamana, đấng Kassapa, những loại Ngạ quỉ này luôn đói khát, đến thời Đức Phật Gotama, chúng Ngạ quỉ ấy mới có dịp đi đến yết kiến Đức Phật và bạch hỏi rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Cả ba đời Chư Phật đã trải qua, chúng tôi luôn chịu đói khát, vẫn không được vật thực. Xin Đức Thế Tôn hãy thương xót chúng tôi để chúng tôi được vật thực đi.

- Đức Thế Tôn sau khi biết được câu chuyện ấy rồi, Ngài liền phán dạy nhóm Ngạ quỉ ấy rằng:

- Thân quyến ngươi trong thời ấy, là người quản gia đã tạo lợi ích, nay trở thành Đức vua Bimbisāra. Vì thế, nếu Đức vua khi tạo công hạnh gì, Đức vua sẽ hồi hướng công Đức ấy đến cho các ngươi.

Nhóm Ngạ quỉ ấy, nghe được lời của Đức Thế Tôn phán dạy, nên có sự vui mừng hoan hỷ, nghĩ rằng: "Mình sẽ nhận được vật thực từ Đức vua Bimbisāra". Nhưng khi Đức vua Bimbisāra tạo phước thiện rồi, lại không hồi hướng đến nhóm Ngạ quỉ ấy, chỉ hồi hướng chung chung theo cách thông thường, nên nhóm Ngạ quỉ ấy không có dịp tùy hỷ phước, là nhân phát sanh cho quả vật thực đến họ. Ngay đêm hôm ấy, hàng Ngạ quỉ ấy cùng nhau đi đến kêu khóc và hiện hình cho Đức vua Bimbisāra thấy.

Đức vua Bimbisāra sau khi nhìn thấy nhóm Ngạ quỉ và nghe tiếng khóc than của chúng, Ngài hoảng sợ vô cùng, trời vừa rực sáng Ngài đã đi đến nơi ngự của Đức Thế Tôn, bạch hỏi Đức Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! trong đêm nay con nghe tiếng kêu khóc dị thường, và thấy được những chúng sanh có những thân hình dáng đáng kinh hãi khiếp sợ. Xin Đức Thế Tôn từ bi giải cho con được rõ nguyên nhân của sự kiện được hiện khởi đêm qua đến con đi.

Sau khi nghe câu chuyện từ Đức vua Bimbisāra, Đức Thê-Tôn phán rằng:

- Tiếng kêu khóc đêm hôm mà Đại vương nghe được, chính là tiếng kếu khóc của thân tộc Đại vương kiếp quá khứ, vào thời Đức Phật Phussa. Sở dĩ họ hiện hình và kêu than như vậy, vì khi Đại vương tạo phước thiện xong rồi, không hồi hướng phần phước đến cho họ, vì họ đang chờ đợi phần phước là nhân, để được quả là phát sanh vật thực. Vì rằng các Ngạ quỉ ấy đã đói khát từ lâu đời lắm rồi. Vì thế, khi Đại vương tạo phước báu, nên hồi hướng đến cho họ.

Đức vua Bimbisāra nghe theo lời dạy của Đức Thế Tôn, Ngài vội vả ra về, chuẩn bị để làm cuộc Đại thí, rồi sau đó hồi hướng phước báu ấy riêng đến Ngạ quỉ thân tôc ấy.

Về các hàng Ngạ quỉ, khi nhận được phước báu hồi hướng từ Đức vua Bimbisāra, cùng nhau tùy hỷ lời Sādhu. Sau khi họ cùng nhau phát sanh lời Sādhu xong, được thoát khỏi kiếp Ngạ quỉ và được sanh làm Chư Thiên cõi Tứ-Đại-Thiên-vương đồng nhau cả.

Loại Ngạ quỉ không nhận được phước:

Trong 12 loại Ngạ quỉ, 4 loại Ngạ quỉ và 21 loại Ngạ quỉ đã trình bày ở phần trên. Trong tất cả loại Ngạ quỉ chỉ có một loại Ngạ quỉ, khi có dịp nhận phước từ thân tộc mà thôi. Đó là Ngạ quỉ Paradattupajivika, các loại Ngạ quỉ khác không nhận được phần phước mà quyến thuộc hồi hướng cho, vì rằng các loài Ngạ quỉ này ở cách xa nhân loại, chỉ có loài Ngạ quỉ Paradattupajivika này, là loại Ngạ quỉ sanh trong phạm vi làng, như có một số người bị giết, hoặc chết một cách thông thường, nhưng có sự luyến ái trú xứ, nên đến hiển lộ cho thân quyến hoặc người khác thấy, mà dân gian thường Gọi là ma, qui hay Ngạ quỉ. Đó chính là loài Ngạ quỉ Paradattupajivika. Nhưng dù là loại Ngạ quỉ Paradattupajivika đi nữa, nhưng nếu không biết quyến thuộc đang hồi hướng cho, thì cũng không thể nhận được phần phước ấy từ nơi thân tộc hồi hướng, bởi quy luật của Ngạ quỉ nhận được phước là phải có sự tùy hỷ từ nơi tâm của Ngạ quỉ ấy. do đó, dù là loại Ngạ quỉ

Paradattupajivika này cũng không nhất định rằng sẽ nhận được phước do quyến thuộc hồi hướng cho.

Loại chúng sanh sau khi chết không nhận được phước:

Các chúng sanh sau khi quá vãng rồi, sanh làm chúng sanh trong địc ngục, là bàng sanh, loại Ngạ quỉ ở cách xa nhân loại, là Chư Thiên, là Phạm Thiên. Dù cho quyến thuộc rủ nhau làm phước, hồi hướng đến những người này, cũng không có tác dụng gì đến họ cả trong việc thoát sanh từ cảnh giới này đến cảnh giới khác, mà chỉ có lợi ích đến người hồi hướng mà thôi. Ví như: Có người thân nhân ta đã mệnh chung và sanh làm con chó trong nhà, quyến thuộc dù có làm phước, hồi hướng đến, phước ấy không thể thành tựu, lợi ích gì đến con chó ấy được. Đối với Chư Thiên hay Phạm Thiên cũng vậy. Họ chỉ biết rằng quyến thuộc mình có tạo phước và hồi hướng đến cho, nhưng phước ấy không thành tựu lợi ích gì đến Chư Thiên và Phạm Thiên ấy cả.

Riêng đối với người làm phước rồi hồi hướng phước đến thân tộc ấy, họ chỉ biết rằng là như thế, dù quyến thuộc không nhận được phước hồi hướng cho. Phước mà người đã tạo rồi hồi hướng ấy, không phải mất hết đâu, mà phước ấy sẽ dính theo người tạo cả đời này lẫn đời sau và các đời kế tiếp nữa.

Cho nên khi tạo phước rồi, khi hồi hướng đến những người quá vãng, người thí chủ nên kiêng tránh những thú vui náo nhiệt như tiếp đải rềnh rang, hoặc có những thúi vui chơi khác ngay trong lúc ấy. Dù ở chùa hay ở tại nhà cũng vậy, người tạo phước nên thọ trì giới trước cho tâm yên tịnh và phải tu tiến niệm sự chết, niệm tử thi hoặc quán về **vô thường-khổ-vô ngã** để tâm thiện phát sanh. Nếu việc tạo phước được tiến hành như trên, người tạo phước được nhiều Đại quả báu, tức phước ấy sẽ được Tăng Trưởng thêm và người quá vãng cũng nhận được phần phước tăng trưởng như nhau.

Nếu người tạo phước không thực hành như đã nói, mà chỉ say mê vui thích theo những chuyện vui thú, tâm trong khi ấy không được yên tịnh và phước phát sanh ít, cho nên việc tạo phước mà pha lẫn với những thú vui như thế, thì người thí chủ chỉ được phước chút ít không thể được sung mãn, làm cho sung mãn phước được, và người nhận phước do thí chủ hồi hướng ấy cũng chỉ nhận chút ít, tức là tâm thiện phát sanh nơi người thí chủ chỉ có 10 phần trăm thôi, còn tâm bất thiện có đến 90 phần trăm, nếu người thí chủ bổng nhiên mệnh chung trong lúc ấy, sẽ tái sanh vào 4 khổ cảnh. Không nên nghĩ rằng người ấy sẽ sanh về nhân giới hoặc Thiên giới.

Lại nữa, phước đang tạo trong hiện tại, phước ấy được hồi hướng đến cha mẹ, thầy tổ, thân bằng quyến thuộc trong thời quá khứ, phước ấy cũng vẫn thành tựu tốt đẹp đến những người ấy cũng như đến những bậc hữu ân trong hiện tại vậy.

Tuổi thọ các loài Ngạ quỉ không nhất định.

Dứt phần giải rộng về Pettivisayapada

-ooOoo-

PADACCHEDA PADANAMBANDHA VACANATTHA
và lời giảng rộng về ASURAPADA

Định nghĩa: Na suranti issariyakilādihi ra dibhantīti = Asurā: Các chúng sanh nào không sáng chói về quyền lực và không có sự hân hoan, tươi vui. Chúng sanh ấy Gọi là Asura.

Định nghĩa: Asurānam kāyo = Asurakāyo

Tập hợp (nhóm) của các Asura, Gọi là Asurakāyo.

Trong định nghĩa này giải rằng chúng sanh được Gọi là Asura do không sáng chói về quyền lực, và sự hân hoan. Tiếng "SÁNG CHÓI" ở đây không có nghĩa là sáng bởi hào quang từ thân mà là sáng bởi cuộc sống, ví như những người sống trong cõi nhân loại hằng ngày đây, có người tạo ác hạnh sái với Quốc luật, bị kết án, giam trong nhà lao, những người này đã thọ khổ các khổ sai biệt như thiếu thốn vật thực...

Dù cho có được vật thực chăn nữa cũng là loại vật thực thấp kém chí đến y phục, chỗ nghĩ ... cũng đều là vật không tốt. Chẳng phải chỉ là thế mà thôi, có khi còn phải bị xiềng xích, gông cùm nữa. Trong sự sống họ phải chịu sự khổ sở vất vả, như thế được Gọi là không sáng chói về quyền lực và không có sự hân hoan tươi vui như những người ở bên ngoài, có sự giàu sang, đầy đủ tài sản. Những người này được đầy đủ an lạc, thoải mái phát sanh trong cuộc sống do nơi có các tài sản ấy. Những người này được Gọi là người có sự sáng chói về quyền lực và sự vui chơi, họ đối nghịch với những người đang bị giam giữ trong ngục như đã nói trên.

Vì thế, tiếng Asura này, nếu đúng nghĩa thì là Kāḷakañcikapeta asura.

Thông thường loài Kāḷakañcikapeta này không có bhūmi, tức chỗ ở riêng, thường các chỗ như trong chỗ người dọc theo rừng, biển, Đại dương, hải đảo, núi, vực thẳm là trú xứ của loài Kāḷakañcikapeta asura.

Cho nên, Ngài giáo thọ sư Anuruddha mới trình bày là Kāḷakañcikapeta asura này là asurakāyo, tức là nhóm của loài Ngạ quỉ Kāḷakañcika được Gọi là asura bhūmi.

Phụ chú: Sự khổ sở của loài Ngạ quỉ Kāḷakañcika asura này đã trình bày như trong phần Ngạ quỉ, nên ở đây không cần phải trình bày nữa, dù là loại Ngạ quỉ Kāḷakañcika khác cũng chịu sự khổ sở như nhau.

Hạng chúng sanh được gọi là Asura theo ý nghĩa Asurā:

Asurā có 3 loại là Petti asurā, Deva asurā và Niraya asurā.

Deva asurā: là Chư Thiên được gọi là Asurā.

Petti asurā: là Ngạ quỉ được gọi là Asurā.

Niraya asurā: là chúng sanh địa ngục được gọi là Asurā.

Deva asurā có 6 loại là:

1- Vepacitti asurā
2- Subati asurā
3- Rāhu asurā
4- Pahāra asurā
5- Sambarati asurā
6- Vinipātika asurā

Trong cả thảy 6 loại Deva asurā này: Vepacitti asurā, Subati asurā, Rāhu asura, Pahāra asurā và Sambarati asurā. Cả 5 loại này được gọi là Asurā do đối nghịch với Chư Thiên cõi Đạo-lợi, trú xứ của 5 loại Chư Thiên này ở dưới núi Sineru, có địa phận rộng 10.000 do tuần. Tuy trú xứ của nhóm Asurā này ở dưới chân núi Sineru, nhưng cũng được kể vào trong nhóm Chư Thiên Đạo-lợi được.

Còn Chư Thiên mà được Gọi là Vinipātika asurā ấy là Pīyankaramātā, UttaraMātā, Phussamittā, Ahammagutta ...

Loại Vinipātika asurā mà được Gọi là Pīyankaramāta đó, sở dĩ Gọi là asura vì loại Vinipātika asurā này nói theo tướng thì nhỏ hơn Chư Thiên Đạo-lợi, nói về uy lực cũng kém hơn và trú xứ của hạng ViniPātika asurā thì nương khắp cõi nhân loại như dọc theo rừng, cây cối, hội trường được người kiến tạo, thuộc trú xứ của hạng Chư Thiên Bhummattha, cho nên hạng ViniPātika asurā này chính là tùy tùng của Chư Thiên Bhummattha, nếu kể vào nhóm Chư Thiên thì được liệt vào nhóm Chư Thiên Tứ-Đại-Thiên vương.

Petti asurā có 3 loại:

Kāḷakañcikapeta asurā, Vemànikapeta asurā và Āvuddhikapeta asurā. Cả 3 loại Ngạ quỉ này thì:

- Kālakañcikapeta asurā là loại Ngạ quỉ asurā được xếp vào tiếng rằng: Asurakāyo như đã trình bày ở trên.

Nên trong định nghĩa đầu có ghi rằng:

Na suranti issariyakilādihi na dibhantīti = Asurā.

Đại ý của định nghĩa này muốn ám chỉ riêng nhóm Kālakañcikapeta asurā thôi, không đề cập đến các loại Ngạ quỉ khác như trong Jinālankāratikā có nêu rằng:

Asurakayoti yasmā asurā nāma kālakañcikapetā tasmā te petesu pavitthā.

- Ngạ quỉ Vemānika asurā bị thọ khổ vào ban ngày, nhưng ban đêm được hưởng lạc.

Sự an lạc trong lúc ban đêm ấy giống như sự an lạc trong cõi Đạo-lợi, do nương chỗ được hưởng lạc ban đêm giống như Chư Thiên cõi Đạo-lợi, nên được xếp vào loại Asurā.

- Āvuddhikapeta asurā là loại Ngạ quỉ chỗ sát hại nhau bằng các loại vũ khí. Ngạ quỉ Āvuddhika được gọi là Asurā, do cuộc sống trái ngược với Chư Thiên Đạo-lợi, bởi Chư Thiên Đạo-lợi có sự thương yêu lẫn nhau, còn loài Ngạ quỉ Āvuddhika có cuộc sống chỉ tàn hại lẫn nhau.

Niraya asura có 1 loại là:

Loại Ngạ quỉ không gian (Lokantarikapeta). Địa ngục không gian này nằm giữa 3 Cakkavāḷa, mỗi Cakkavāḷa có ranh giới nối liền nhau. Cả ba Cakkavāḷa này tiếp giáp nhau bởi đường cong, mỗi Cakkavāḷa đều có tướng trạng tròn, nên khi ba Cakkavāḷa tiếp giáp nhau, sẽ có 1 khoảng trống ở giữa 3 đường cong giáp ranh nhau, ví như khi ta đặt 3 miệng ly tiếp giáp nhau, sẽ có một lổ trống như thế nào, cũng vậy khi cả 3 Cakkavāḷa tiếp nối giáp nhau cũng có khoảng trống ở giữa Cakkavāḷa ấy, đó chính là địa ngục không gian, là chỗ nương của chúng sanh địa ngục không gian. Bên trong Địa ngục không gian là màn đen tối, bên dưới là chất nước axít, nếu chúng sanh Địa ngục không gian này rơi vào nước ấy, sẽ tan biến thân thể ra như ta lấy muối bỏ vào trong nước vậy.

Cuộc sống của chúng sanh trong địa ngục không gian này giống như con dơi dính vào bức tường, và đang ra sức trèo lên bức tường mãi. Cũng vậy, các chúng sanh Địa ngục không gian này dính theo bức tường ranh giới của 3 Cakkavāḷa ấy. Khi chúng sanh Địa ngục không gian dính theo ranh giới của Cakkavāḷa ấy, họ rất là đói khát, cho nên khi đang trời tới, lui theo ranh giới của Cakkavāḷa, nếu họ gặp được bất luận chúng sanh nào khác trong Địa ngục ấy, ngỡ rằng là vật thực, liền nhảy vào cắn nhau. Khi hai bên đều xông vào nhau, cắn nhau như thế, họ đều rơi xuống vì buông tay ra khỏi chỗ bám, và rớt xuống nước axit phía dưới.

Chúng sanh địa ngục không gian gọi là Asura do trái ngược với Chư Thiên cõi Đạo-lợi, theo trường hợp cảnh tốt và cảnh không tốt. Cảnh của Chư Thiên Đạo-lợi toàn là cảnh tốt, còn cảnh của chúng sanh địa ngục không gian toàn là cảnh không tốt.

Chúng sanh địa ngục không gian được gọi là Asura này, có trong Buddhavaṃsa aṭṭhakathā.

Asurakāyabhūmi này, nếu được xáp nhập, thì được kể vào Pettibhūmi. Nhưng sở dĩ Ngài xếp Asurakāyabhūmi vào nữa, là vì trong các loại Ngạ quỉ ấy, có loại Ngạ quỉ đặc biệt, chính loại Ngạ quỉ đặc biệt này, Ngài mới gọi là Asurakāya.

Chuyện Chư Thiên Đạo-lợi chiến đấu với 5 loại Asurā:

Vào thời sơ kiếp đầu tiên, cõi Đạo lợi này là trú xứ của chúng Atula Thiên. Sau đó thanh niên Māgha được sanh lên làm chúa Đế Thích trong cõi Đạo-lợi này. Một hôm, trời Đế Thích có việc hộp họp cùng Thiên chúng Đạo-lợi, và đải họ bằng nước rượu trời. Sau khi đải rượu vừa theo ý muốn của chúa Đế Thích, trong số ấy có nhóm Chư Thiên Vepacitti asurā uống say. Về Đế Thích thấy nhóm Vepacitti asurā đã uống say sưa theo như ý mong đợi, và gặp được cơ hội thuận lợi như thế để đuổi nhóm này ra khỏi Thiên Quốc Đạo-lợi. Đức Đế Thích cùng tùy tùng, sau khi đã chuẩn bị xong, cùng nhau ra sức bắt nhóm Chư Thiên Vepacitti asurā cùng đồng bọn, ném xuống biển Đại Hải ở dưới chân núi Tu Di (Sineru).

Dưới chân núi Sineru này có 1 thành phố giống như thành phố thiện kiến cõi Đạo-lợi. Và nhóm Vepacitti cùng đồng bọn bị ném xuống biển ấy, do vì quá say, lại việc quăng ném này được thực hiện bởi thần lực của Thiên vương Đế Thích, nên nhóm Vepacitti không hay biết chi cả, sau khi cơn say được hóa giải, nhóm Vepacitti cũng không ngờ rằng: Mình bị đuổi ra khỏi Thiên Quốc Đạo-lợi, bị quăng xuống chân núi Tu Di. Vì rằng dưới chân núi Tu Di này có thành phố giống như thành phố Sudassana ở Đạo-lợi Thiên, nên chúng Vepacitti không hề có sự hoài nghi nào cả, vẫn sống như bình thường như đang sống ở cõi Đạo-lợi.

Trong hai thành phố này, chỉ có điểm sai biệt là cây để nhận biết. Trong thành phố Đạo lợi có cây Paricchattaka (tức cây san hô), còn thành phố của Asurā có cây Pāṭila (tức cây bông kèn hay cây so đủa), nhưng hai cây này có cùng họ, vì giống nhau, tức là có tên chung là Ayujjha-pūranagara. Cho nên, Vepacitti cùng đồng bọn cũng không nghi ngờ chi cả, chỉ đến mùa trổ hoa, cây Pāṭila cũng trổ hoa nhưng khác với sự trổ hoa của cây Paricchattaka trong cõi Đạo-lợi. Khi ấy nhóm Vepacitti mới hiểu ra rằng: Trong lúc mình quá say, Đức Đế Thích cùng với đồng bọn đã dùng thần lực ném mình rớt xuống biển, chiếm đoạt lấy Thiên Quốc Đạo-Lợi rồi.

Nhóm Vepacitti cùng đồng bọn khi hiểu ra được như vậy rồi khởi lên sự phẫn nộ với Đức Đế Thích cùng Thiên chúng Đạo-lợi. Cùng nhau hội họp lại, đi đánh Đức Đế Thích để chiếm lại Thiên Quốc Đạo-lợi và kinh thành Ayujjhapūra trong cõi Đạo-lợi của mình thuở trước.

Nói về núi Tu Di (Sineru), kể từ mặt biển Đại Hải trở lên chia thành 5 tầng: mỗi tầng đều bằng phẳng chung quanh núi, giống như tầng vòng tròn vậy. Mặt phẳng mà giáp một vòng núi, là một tầng, trong mỗi tầng đều có quân canh giữ.

Tầng cuối cùng là Chư Thiên Nāga canh giữ, tầng thứ 2 là Chư Thiên Garuna canh giữ, tầng thứ 3 là Chư Thiên Kumbhaṇḍa canh giữ, tầng thứ 4 là Chư Thiên Yakkha canh giữ, tầng thứ 5 là Chư Thiên Tứ-Đại-Thiên-vương canh giữ. Khi núi Tu Di có tướng trạng 5 tầng, được 5 nhóm Chư Thiên canh giữ như thế, nhưng khi nhóm Asura mạnh, xua binh đánh Đức Đế Thích, nhóm Đế Thích, nhóm Vepacitti ấy cũng phải xua binh tuần tự chiếm đánh từ tầng một. Khi nhóm Asurā đến tầng thứ 1, chiến thắng được Chư Thiên Nāga, vì nhóm này tuy có phận sự canh giữ, nhưng không có thần lực đủ chống trả với Atula chúng, nên đã trốn chạy, lần lượt nhóm Garuna cũng chạy trốn, đến nhóm Kumbhaṇḍa, nhóm Yakkha, cho đến Tứ-Đại-Thiên-vương cũng phải trốn chạy. Nhóm Vepacitti asura tiến quân đến cõi Đạo-lợi. Đức Māghavā bèn đưa quân ra chống cự.

Cuộc chiến giữa Vepacitti asura và Đức Đế Thích với Thiên chúng diễn ra đó, không giống như ở cõi nhân loại, tức là chiến tranh giữa người với người là có sự thương vong, chết chóc, mang thương tích như cụt tay, chân ... vô cùng đau đớn, có máu lưu lại.

Cuộc chiến ở cõi Trời không có chết chóc và đau đớn, thương vong, tương tự như hình nộm đấu với hình nộm. Nếu bên nào chống cự không lại, vì ít quân hơn, liền bỏ chạy trở vào thành đóng cửa thành lại, bên chiến thắng đánh phải rút về, vì không thể nào phá cửa thành vào được.

Cuộc chiến giữa Đế Thích và Vapacitti diễn ra đều có thắng có bại. Có lúc Đức Đế Thích thua, cùng Thiên chúng chạy vào thành đóng cửa thành lại, nhóm Vepacitti đành phải rút quân về, vì không thể phá thành được. Có lúc Đức Đế Thích đông quân nên chiến thắng, khi quân Asura thối lui, Đức Đế Thích cùng Thiên chúng đuổi theo, nhóm Asura chạy về thành của mình, cho đóng kín bốn cửa thành lại, thế là Đức Đế Thích cùng Thiên binh cũng đành rút quân về. Do nhân này, cả hai thành ấy đều mang tên là Ayujjhāpūranagata (bất khả hại thành) tức là thành có khả năng ngăn chặn sự nguy hiểm phát sanh từ bên ngoài, không cho xâm nhập vào.

Lịch sử, chiến tranh giữa Asura và Thiên chúng ấy, bắt đầu từ thời sơ kiếp kéo dài đến thời Đức Phật Gotama và cho đến bây giờ Đức Đế Thích cùng Vepacitti vẫn còn gây chiến mỗi năm với nhau, khi hoa Pāṭila hay hoa Paricchattaka nở hoa.

Vào Phật Gotama hiện tiền, có một câu chuyện xuất hiện, được Đức Thế Tôn thuyết trong bộ Mahāvagga samyutta như vầy:

Trong xứ Majjhima, có hồ nước trong mát tên là Sunāgadha. Trong hồ có rất nhiều hoa sen đang nở. Bấy giờ, có chàng thanh niên, đang ngồi suy nghĩa trên bờ hồ, trong lúc ngồi nghĩ, chàng khởi lên tư tưởng rằng: "Mặt trời, mặt trăng, các tinh tú, các loại cây có trong thế gian, cả chúng sanh hữu tình ... những thứ này xuất phát được do từ đâu nhỉ"? Trong lúc chàng đang suy tư như thế, thì trước mặt người ấy xuất hiện một đoàn quân đầy đủ với bốn quân binh chủng là Tượng binh, Ky binh, Xa binh và Bộ binh, họ thất trận cùng nhau trốn chạy đến bờ hồ.

Khi chạy đến bờ hồ, bốn Đại binh chủng ấy hóa thành nhỏ, rút vào trong những cọng sen, hoa sen trong hồ ẩn núp, trốn mất không cho kẻ thù thấy được. Rồi mất luôn. Đó là nhóm Atula hóa thân nhỏ lại, ẩn mình trong hoa sen, cọng sen, rồi họ lần về Kinh thành Asura nằm dưới chân núi Sineru của mình.

Chàng thanh niện thấy được sự kiện ngoài sức tưởng tượng của mình như thế, khiến ông ta vô cùng kinh Ngạc, nghĩ rằng:

"Ta thấy được điều quái lạ này, chắc là ta đã điên mất".

Ông ta bèn đem sự kiện mà mình thấy được đến trình bày với Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn phán dạy rằng:

- Này thanh niên! việc mà ngươi chứng kiến đó là sự thật. Đoàn quân chiến bại ấy chính là nhóm Asura thất trận, bị quân Đức Đế Thích đánh bại, nên Asura ấy hóa thân nhỏ lại, trốn vào hoa sen, rồi cùng nhau trốn chạy về kinh thành Asura của mình, dưới chân núi Tu Di.

Nguyên nhân tái sanh vào cõi Asura:

Trong thế gian này, có hạng người được danh vị, tài sản lớn ... nhưng những người này có tâm không tốt, hoặc không phải là bậc hiền trí, nên họ không thể nhận biết rằng: đây là bậc đáng tán thán, đây là kẻ không đáng tán thán. Và do đó, họ đã dùng quyền lực của mình vào việc bất chánh, tức là những người có giới Đức cao trọng, đáng được tán thán, họ lại dùng quyền lực áp chế, và dùng lời nói để nhục mạ, chỉ trích. Còn những người sống theo ác hạnh, vô giới Đức họ lại tán thán những người ấy. những người này sau khi thân hoại mệnh chung, thường tái sanh vào cõi Asura vậy.

Dứt phần giải rộng về Asurakāya

-ooOoo-

Trình bày việc phân tích 4 cõi khổ theo trực tiếp và gián tiếp:

Địa ngục, bàng sanh, Ngạ quỉ, Atula cả 4 loại này gọi là cõi khổ như đã trình bày ở phần trước. Bốn cõi này gọi là khổ cảnh, vì là chúng sanh khổ của những chúng sanh trú trong ấy, theo như câu định nghĩa rằng: Cõi phát sanh khổ của tất cả chúng sanh, gọi là cõi khổ cảnh.

Trong bốn cõi khổ là địa ngục, Ngạ quỉ, và Asura được gọi là khổ trực tiếp còn bàng sanh là khổ gián tiếp, vì có loại Bàng sanh như Long vương, sư tử chúa, tượng vương Chaddanta, các loài này đều có thần lực, và có sự an lạc, nhưng vẫn xếp vào sanh chủng Bàng sanh, do đó khổ cảnh này không là khổ trực tiếp mà là khổ gián tiếp, như trong Netti aṭṭhakathā có ghi rằng: Đức Chánh-đẳng-giác thuyết sanh chủng của loài Bàng sanh là Apāya. Ngài thuyết Địa ngục, Ngạ quỉ, Asura bằng từ Duggati.

Nhưng trong Netti aṭṭhakathā khi nói đến Địa ngục, Ngạ quỉ, atula, Ngài chỉ dùng 1 danh từ là Petti, gom luôn cả Địa ngục và atula vào. Vì rằng: Tất cả chúng sanh sau khi chết, tái sanh vào các cõi này, đều hiện bày thân tướng to lớn rằng, nếu sanh vào địa ngục thì gọi là chúng sanh Địa ngục, sanh vào Ngạ quỉ giới thì gọi là chúng sanh Ngạ quỉ, sanh vào Asura giới thì gọi là chúng sanh Atula. Cả ba loại chúng sanh này Ngài gom chung vào 1 loại chúng sanh Ngạ quỉ (Petti), là Ngài muốn ám chỉ đến thân tướng của ba loại này là cảnh không tốt. Lại nữa, sau khi mệnh chung, chúng sanh sanh vào cõi này đều có thân tướng to lớn ngay, do nương vào nhân này, nên Ngài gom lại thành 1 loại là chúng sanh Ngạ quỉ.

Giải Về Khổ Cảnh Và Nhàn Cảnh:

1- Về khổ cảnh và các loại khổ cảnh:

Duggati nếu chiết tự ra thì là: Du + gati. Du có nghĩa là không tốt, Gati có nghĩa là chỗ tái sanh của chúng sanh.

Gati có 4 loại:

1) **Gatigati**: Cõi là nơi tái sanh của chúng sanh.
2) **Nibbattigati**: Sự tái sanh.
3) **Ajjhāsayagati**: (cảnh giới, tác ý đến) căn tánh đang diễn tiến.
4) **Vibhavagati**: Sự sanh khởi của thành quả, tài sản.

Từ Gati nơi đây là Gatigati như trong Paṇṇāsa- aṭṭhakathā có định nghĩa rằng:

Sukatadukatakammavasena gantabbāti= Gati. Cõi mà chúng sanh đi theo mãnh lực của nghiệp đã tạo gọi là Gati.

Từ Duggati trong Paṇṇāsa aṭṭhakathā có định nghĩa rằng:

Dukkhassa gati pativararanti = Duggati.

Đó ẩn nương cảnh giới của khổ nên Gọi là khổ cảnh, hay: Do là nơi phát sanh khổ, nên Gọi là khổ cảnh.

Hoặc: Dukkhena gantabbāti = Duggati. Cõi mà chúng sanh phải tiến hành với khổ, Gọi là khổ cảnh.

LOẠI CỦA KHỔ CẢNH

Khổ cảnh có 3 loại:

1) Agāriyapatipattiduggati.
2) Anāgāriyapati pattiduggati.
3) Gatiduggati.

Trong ba loại duggati này, người cư sĩ tạo ác nghiệp do mãnh lực của phiền não, gọi là Agāriyapatipatti duggati.

Tỳ khưu, Sa di trong Phật giáo đã hành sai, tức là đã phá hoại niềm tin đang có của người Phật tử cho cấu uế (Kuladusana) và tự mình hành nghề thầy bói, thầy thuốc (Anesana - tà mạng). Vị Tỳ khưu, Sa di mà hành sai như thế, Gọi là Anāgāriyapatipattiduggata.

Còn Gati duggati ấy, là cư sĩ, Tỳ khưu, Sa di đã hành quấy như đã nói trên, sau khi chết tái sanh vào bốn cõi khổ, Gọi là Gatiduggati.

(ba loại khổ cảnh này trong Mùḷapaṇṇāsaka aṭṭhakathā có nêu lên).

2-Giải về nhàn cảnh và loại của nhàn cảnh:

Sugati nếu chiết tự sẽ là: Su + gati. Su nghĩa là tốt, Gati là nơi tái sanh của chúng sanh.

Như trong Netti aṭṭhakathā có định nghĩa rằng: Sudarāgati = Sugati. Cảnh giới (nơi tái sanh) tốt đẹp, Gọi là Sugati.

Loại Của Nhàn Cảnh

Nhàn cảnh có 3 loại là:

1) Agariyapati patti sugati.
2) Anāgāriyapatipatti sugati.
3) Gatisugati.

Trong ba loại nhàn cảnh này, khi người cư sĩ thực hành thập thiện, Gọi là Agāriyapatipattisugati. Vị Tỳ khưu, Sa di trong Phật giáo thực hành phận sự pháp học, hoặc phận sự pháp hành hoặc cả hai, Gọi là Anāgariyapatipattisugati.

Còn Gatisugati là cư sĩ, Tỳ khưu, Sa di mà thực hành tốt, thực hành chơn chánh như đã nói. Sau khi mệnh chung được tái sanh về cõi người, cõi Chư Thiên, Gọi là Gatisugati. *(ba loại Sugati này trong Mūḷapaṇṇāsa aṭṭhakathā có ghi).*

Dứt Phần Nói Về Khổ Cảnh

-ooOoo-

GIẢI RỘNG VỀ CÕI VUI DỤC GIỚI

Cõi vui dục giới có 7 cõi là: Nhân-giới, Tứ-Đại-Thiên-vương, Đạo-lợi-Thiên, Dạ-ma-Thiên, Đẩu-suất-Thiên, Hóa-lạc-Thiên, Tha-hóa-tự-tại.

Định nghĩa cõi vui dục giới là:

Kāmacahacaritā sugati = Kāmasugati.

Cõi nhàn cảnh câu hành với dục ái, Gọi là Kāmasugati. Nhàn cảnh có 27 cõi, kể từ Nhân-giới đến Phi-tưởng-phi-phi-tưởng xứ. Nhưng cõi nhàn cảnh mà câu hành với dục thì chỉ có 7 cõi, tức là cõi người và 6 cõi trời dục mà thôi. Gọi là câu hành với dục, vì các chúng sanh sanh vào 7 cõi vui dục này, có liên hệ với sự ước muốn, mong muốn là:

- Mong thấy vật có sinh mạng hoặc vật vô sinh mạng.
- Mong nghe tiếng của vật có sinh mạng hoặc vật vô sinh mạng.
- Muốn ngửi mùi nơi vật có sinh mạng hoặc vật vô sinh mạng.
- Muốn nếm vị của vật có sinh mạng hoặc vật vô sinh mạng.
- Muốn xúc chạm với vật có sinh mạng hoặc vật vô sinh mạng.

Và trong lúc đang thấy, đang nghe, đang nếm, đang ngửi, đang xúc chạm có sự khả ý, khả hỷ. Chính điều này đã câu hành với ái dục.

Thông thường, chúng sanh được làm người, làm Chư Thiên phải do mãnh lực của bố thí, trì giới, tu tiến thuộc về Đại thiện mà các chúng sanh đã đào tạo, tích trữ từ đời quá khứ, hay hiện tại. Nhưng tại sao nơi đây lại gọi là câu hành với ái dục đối với chúng sanh sanh làm người hay Chư Thiên.

Thật vậy, các chúng sanh được sanh làm người hay Chư Thiên đều sanh từ Đại thiện cả, nhưng Đại thiện mà dẫn chúng sanh tái sanh làm người hay Chư Thiên ấy, vẫn còn luân chuyển trong 31 cõi, gọi là Saṃvāravaṭṭa. 31 cõi hay vòng luân hồi này, Ngài xếp vào Khổ-đế, cho nên bất kỳ chúng sanh nào còn luân chuyển trong 31 cõi, không ai thoát khỏi khổ cả, dù đó là người hay Chư Thiên sanh từ quả Đại thiện cũng vậy, vẫn còn chịu sự khổ tức là sự sanh diệt, hoặc sanh, lão, bệnh, tử ...

Lẽ thường, khi Khổ-đế phát sanh đều sanh từ nhân. Khổ-đế hiện khởi phải liên hệ từ cội nguồn, tức Tập-đế. Tập-đế là nguồn gốc của Khổ-đế, mà Khổ-đế được xem như là nhân loại, Chư Thiên này. Tập-đế chính là ái dục, nên mới có câu định nghĩa rằng:

Kāmasahacaritā sugati = Kāmasugati

Nhàn cảnh câu hành với ái dục.

Định nghĩa và giải rộng từ Manussabhūmi:

1- Định nghĩa thứ nhất:

Manussannaṃ etesanti = Manussā.

Các chúng sanh được gọi là người, do có tâm sáng chói và dũng cảm.

Trong định nghĩa này, từ Manussa được nói riêng, tức là nói đến người ở trong Nam Thiện Bộ Châu, nếu nói chung theo khía cạnh Sadisūpacāra - tương cận - thì gom luôn cả 4 châu.

Ở đây, nên hiểu rằng tâm của người Nam Thiện Bộ châu khác với tâm của người trong 3 châu kia, tức là tâm của người Nam Thiện Bộ châu có sự dũng cảm cả phần thiện lẫn phần ác.

Về phần thiện, có khả năng tu tiến thành bậc Chánh-đẳng-giác, Độc-giác, Thượng-Thinh-văn, Đại-Thinh-văn, Thường-Thinh-văn, Chuyển-Luân-vương, được chứng thiền, được thắng trí ...

Về phần ác xấu thì: Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm chảy máu Phật và chia rẽ Tăng.

Tâm của người thuộc ba châu kia thì không như vậy cả tốt lẫn xấu.

Vì thế, từ Manussa, phần chánh yếu là chỉ người trong Nam Thiện Bộ châu. Còn gọi người trong ba châu kia là Manussa do căn cứ vào hình tướng giống người Nam Thiện Bộ châu, do đó gọi là phần tương cận.

Người Nam Thiện Bộ châu như chúng ta ở đây, ở khắp hoàn vũ, được Gọi là Manussa, không có sự biểu lộ hoặc đặc biệt, vì sự diễn tiến trong cả hai là đường tốt và đường xấu. Mà được hiển lộ rõ ràng là Đức Chánh-đẳng-giác... chỉ sanh trong Cakkavāḷa này mà thôi, và việc tạo 5 nghiệp vô gián chỉ có trong Cakkavāḷa này mà thôi.

2- Một định nghĩa nữa là:

Kāraṇākaraṇaṃ manati jānātīti = Manusso.

Người Nam Thiện Bô châu Gọi là Manussa, vì hiểu biết điều nên làm và không nên làm. Định nghĩa này giải rằng:

Thường trong thế gian này chỉ có hai loại là: vật có mạng quyền và vật vô mạng quyền. Vật có sinh mạng lại chia nhiều loại, vật không có sinh mạng cũng được chia nhiều loại. Hai loại có sinh mạng ấy và không có sinh mạng ấy phát sanh ra từ nguyên nhân sai biệt.

Người Nam Thiện Bô châu, khi gặp những vật ấy, thường có sự suy xét, tìm hiểu theo từng nguyên nhân sai biệt phát sanh ra từ vật ấy, như là: Vật này được sanh ra từ nhân này, không sanh ra từ nhân này. Hay pháp này là nhân sanh ra pháp này, không là nhân để sanh ra pháp này...

Ví như người khi thấy cây xoài, cây sầu riêng, cây cam, thì biết được rằng: Cây xoài sanh ra từ hột xoài, không phải sanh ra từ hột sầu riêng... như thế nào, người Nam Thiện Bộ châu cũng biết được nguyên nhân thích hợp và không thích hợp cũng như thế ấy.

Trong định nghĩa này, từ Kāraṇa nghĩa là, có hai loại nhân là: Nhân danh và nhân sắc. Nhân thuộc về danh là sự hiểu biết nơi sanh khởi của chúng sanh trong kiếp này và kiếp trước. Nhân thuộc sắc là hình thể của vật có sinh mạng hay không có tri giác.

Những nguyên nhân như đã nói trên, người Nam Thiện Bộ châu thường có sự hiểu biết thích hợp theo tự nhiên (Dhammajāti), không cần có sự chỉ dẫn.

Trong định nghĩa này, cho thấy rằng người trong 3 châu kia, cả Chư Thiên lẫn Phạm Thiên, sự hiểu biết về nhân thích hợp lẫn không thích hợp, không bằng người Nam Thiện Bộ châu.

Ở đây, người Nam Thiện Bộ châu là người sống trên quả đất này, được giáp ranh với chúng ta và không chắn bởi Đại dương tức là Á châu, Âu châu, Phi châu.

3- Một định nghĩa nữa là:

Atthānatthaṃ manati jānati = Manusso.

Người Nam Thiện Bộ châu gọi là Manussa, vì hiểu biết điều lợi ích và không lợi ích.

Định nghĩa này giải rằng: thường chúng sanh, khi quả hiện khởi mà khả hỷ, khả lạc, khả ý, hoặc không khả hỷ, khả ý. Cả hai loại quả này đều xuất phát từ thân, khẩu, ý mà thôi. Khi thân, khẩu, ý tốt thì có quả tốt, có lợi ích, nếu thân, khẩu, ý không tốt tức là không có lợi ích, có quả xấu.

Người Nam Thiện Bộ châu có sự hiểu biết rằng: Thân, khẩu, ý như vầy tốt, sẽ có quả tốt như vầy. Thân, khẩu, ý như vầy là không tốt, có quả xấu như vầy.

Trong định nghĩa này, từ Attha nghĩa là quả lợi ích. Có hai loại quả lợi ích là: Lợi ích hiệp thế và lợi ích siêu thế, lợi ích hiệp thế là lợi lộc, danh vị, tán thán, an lạc, hoặc nhân sản, Thiên sản, Phạm Thiên sản. Lợi ích siêu thế là sự liễu tri pháp hoặc là bậc Thánh và chân nhân, kể từ bậc Chánh-đẳng-giác xuống đến Dự-lưu.

Các quả lợi ích như đã nói, người Nam Thiện Bộ châu thường có sự hiểu biết được thích hợp theo tự nhiên, từ tín, tấn, tuệ, balamật và nghe (văn).

Trong định nghĩa này, trình bày cho thấy rằng: Người trong ba châu kia và Chư Thiên, chí đến Phạm Thiên, hiểu biết điều lợi ích và không lợi ích không bằng người Nam Thiện Bộ châu.

4- Một định nghĩa nữa là:

Kusalākusalaṃ manati jānātīti = Manusso.

Người Nam Thiện Bộ châu gọi là Manussa vì hiểu biết điều thiện, điều bất thiện.

Định nghĩa này giải rằng: Thường chúng sanh chỉ có ba hành là: Thân, khẩu, ý hành. Ba hành này hoặc là có lợi ích, hoặc không có lợi ích, nói theo thực tính pháp là thiện hay bất thiện. Thân hành, khẩu hành, ý hành liên hệ với Tín, Giới, Thí, Tu-tiến là thiện, còn thân hành, khẩu hành, ý hành liên hệ với 10 ác hạnh là bất thiện.

Người Nam Thiện Bộ châu có sự hiểu biết rằng: thân, khẩu, ý hành như vầy là thiện. Thân, khẩu, ý hành như vầy là bất thiện.

Trong định nghĩa này, từ ngữ Kusala là thiện, Akusala là bất thiện. Thiện cũng có hai loại là: Thiện hiệp thế và thiện siêu thế; thiện hiệp thế là bố thí, trì giới, tu chỉ, tu quán ... thiện siêu thế là Thánh-Đạo được phát sanh từ tu tiến quán và có khả năng sát tuyệt phiền não, bất thiện như tham, sân, si...

- Tham: là sự ham muốn trong 5 dục, như muốn xem phim, muốn nghe ca hát, muốn ngửi mùi thơm, muốn ăn vật thực ngon, muốn xúc chạm với vật tốt, khoái lạc và suy nghĩ đến cảnh là vật có sinh mạng hoặc vật vô sinh mạng, cả nội phần lẫn ngoại phần.

- Sân: là sự phẫn nộ, bất bình, bất nghịch ý, bất mãn và hiềm hận.

- Si: là sự si mê, là sự không tin tưởng, không tín thành do sự hoài nghi Phật, Pháp, Tăng. Tâm không yên tịnh, có sự trạo cữ trong các cảnh.

Người Nam Thiện Bộ châu này, có sự hiểu biết về điều thiện và bất thiện như đã nói theo sự tự nhiên từ tín, cần, tuệ, văn, balamật. Cho nên, sự khác nhau của người Nam Thiện Bộ châu, theo giáo lý chẳng hạn như vầy: người Nam Thiện Bộ Châu có niềm tin với Phật-giáo, có sự chú trọng trong Pháp, có Tín, Cần, Tuệ, Ba la mật và việc nghe tốt, nên thường hiểu biết nhiều trong điều thiện và điều bất thiện.

Người Nam Thiện Bộ châu chỉ tin theo Giáo lý khác (ngoài Phật-giáo), không có sự chú trọng trong Pháp, không có Tín, Cần, Tuệ, Ba la mật và không thân cận các bậc thân nhân, thường hiểu biết ít trong điều thiện và điều bất thiện. Sự khác nhau chỉ có bấy nhiêu thôi.

Trong 4 định nghĩa đã trình bày, cho thấy rằng: người trong ba châu kia, chí đến Chư Thiên lẫn Phạm Thiên, có sự hiểu biết trong điều thiện và điều bất thiện ít hơn, không bằng người Nam Thiện Bộ châu. Gom định nghĩa 2,3,4 lại được như sau:

Kāranākāranaṃ atthānatthaṃ kusalākusalaṃ manati jānātīti = Manussa.

Người Nam Thiện Bộ châu, Gọi là Manussa do hiểu biết nhân thích hợp và không thích hợp, hiểu biết điều lợi ích và không lợi ích, hiểu biết điều thiện và điều bất thiện.

Giáo thọ sư về văn phạm Pāli, đã trình bày định nghĩa từ Manussa như vầy:

Manuno apaccāti = Manussā.

Được Gọi là Manussa, bởi là con của Manu.

Trong thời sơ kiếp, khi tất cả chúng dân hợp lại, tôn Bồ-tát lên làm vị lãnh tụ, cai trị Quốc độ đầu tiên trong thời sơ kiếp ấy, Ngài lấy danh hiệu là Mahāsammata. Đức vua Mahāsammata này có tên gọi cũ là Manu. Đức vua Mahāsammata sau khi lên ngôi, Ngài đã sắp xếp ngăn nắp, ban hành luật lệ thuộc về Pháp để cho toàn thể dân chúng thực hành đúng theo luật, không cho vượt ra khỏi ngoài luật lệ Ngài đã ấn định.

Toàn thể dân chúng trong Quốc độ ấy, đã cùng nhau thực hành theo các điều luật ấy. Điều nào Đức vua ngăn cấm, điều nào được Đức vua cho thực hành và họ đã nghiêm chỉnh chấp hành, không làm điều không cho phép, chỉ thực hành điều được cho phép, không có người nào kháng cự lại, hoặc bất tuân, giống như những con ngoan, luôn làm theo lời dạy của bậc cha mẹ tốt. Vì thế, những người ấy được Gọi là Manussa, nghĩa là con của Đức vua Manu tức Đức vua Mahāsammata trong thời sơ kiếp. Và những luật lệ điều khiển cho có trật tự, ngăn nắp mà Đức vua Manu đã chế định đó, được Gọi là luật pháp, và trở thành phương thức lưu truyền cách chế định đó cho đến ngày nay. Như trong Manuvaṇṇarādhammasattha có ghi rằng:

"Đức vua Mahāsammata này, tất cả thần dân đều gọi Ngài là Đức vua Manu. Đức vua Manu có Đại danh, tuỳ tùng đông đảo, là người hộ thế, làm cho nhân loại có nề nếp trước nhất, là vị vua đâu tiên. Đức vua Mahāsammata có tên là Manu này, là người lợi tuệ, tinh nhuệ, thiện xảo trong việc phán xử."

-ooOoo-

Ba đặc điểm thù thắng hơn của người Nam Thiện Bộ Châu so với người của ba châu kia, Chư Thiên Đạo-lợi.

Người Nam Thiện Bộ châu có ba đặc điểm thù thắng hơn người Bắc Câu Lưu châu và Chư Thiên Đạo-lợi là:

1- Sūrabhāva: Có tấm dũng cảm trong việc hành thí, giới và tu tiến.
2- Satimanta: Có niệm vững chắc.
3- Brahmacariyavāsa: Sống phạm hạnh, tức là xuất gia được.

Như trong NavakaniPāta aṅguttara, Đức Thế Tôn có thuyết rằng:

Này Chư Tỳ khưu! những người Nam Thiện Bộ châu thù thắng hơn những người ở Bắc Câu Lưu châu và Chư Thiên cõi Đạo-lợi với 3 điều. Thế nào là 3? Tức là dũng cảm, có chánh niệm vững và sống đời phạm hạnh được.

Nguyên nhân Bồ-tát sống không trọn tuổi thọ nơi Thiên giới:

Trong ba đặc điểm này Idha brahmacariyavāso, là sống phạm hạnh, tức là việc xuất gia, trì bát giới, 9 giới, 10 giới ... chỉ có cơ hội thực hiện được trong cõi Nam Thiện Bộ châu của chúng ta mà thôi. Trong Thiên giới không có cơ hội hành phạm hạnh được như thế, vì thế, Bồ-tát khi Ba la mật Chưa tròn đủ, mặc dù sống trong Thiên giới có thọ lượng dài, nhưng Ngài không sống hết tuổi thọ (āyukappa) trong Thiên giới ấy, mà chú nguyện chấm dứt tuổi thọ, để được sanh về nhân loại trong Nam Thiện Bộ châu. Việc chết của Bồ-tát với trường hợp như thế Gọi là Adhimuttikālakiriya. Như trong Mahāvagga aṭṭhakathā - Dīghānikāya có ghi rằng:

thường trong cõi trời, rất khó đào tạo Ba la mật, nên Bồ-tát khi được sanh trong cõi trời, có tuổi thọ lâu dài, Ngài không sống cho hết tuổi thọ kiếp.

Ba đặc điểm thù thắng của người Bắc Câu Lưu châu so với người Nam Thiện Bộ châu và Chư Thiên Đạo-lợi.

Người Bắc Câu Lưu châu có 3 đặc điểm thù thắng là:

1- Không chấp vàng bạc là của ta.
2- Không luyến tiếc, hoặc chấp rằng là con, vợ, chồng của ta.
3- Có tuổi thọ đến 1000 năm.

Nơi tái sanh của người Bắc Câu Lưu châu:

Người Bắc Câu Lưu châu giữ gìn 5 giới một cách tự nhiên, cho nên khi mênh chung, thường tái sanh về Thiên giới như trong Navaṅguttara aṭṭhakathā và Sāratthadīpanī ṭīkā có ghi rằng:

- khi người Bắc Câu Lưu châu mệnh chung, sẽ tái sanh Thiên giới là chắc chắn.

Thật vậy, người Bắc Câu Lưu châu sau khi chết từ cõi cũ, phải tái sanh trong Thiên giới chắc chắn, nhưng lúc mạng chung ở Thiên giới, họ có thể sanh vào khổ cảnh, hoặc bất luận một cõi nào cũng có. Cho nên, sở dĩ người Bắc Câu Lưu châu rơi vào khổ cảnh, chỉ có một cảnh giới là cảnh giới mà họ đang ở mà thôi.

Nói về định nghĩa từ Manussabhūmi. Định nghĩa của từ Manussabhūmi là:

Manussānaṃ bhūtīti = Manussabhūmi. Chỗ ở, chỗ nương của nhân loại, Gọi là Manussabhūmi.

Manussānaṃ nivāsā = Manussā. Chỗ ở, chỗ nương của nhân loại Gọi là Manussā.

Xuyên qua định nghĩa của hai từ Manussā và Manussabhūmi, đều là chỗ nương của nhân loại, chỉ khác nhau về văn phạm là: Từ Manussabhūmi là hợp âm, nếu chiết tự thì thành hai từ: Manussa + bhūmi = Manussabhūmi, trong từ này bỏ ngữ cách thứ sáu ra.

Còn từ Manussā là từ Nivàsataddhita - Tiếp vĩ ngữ Ā và bỏ ngữ cách.

Trú xứ của nhân loại:

Nhân loại nương sống trên mặt địa cầu, nằm theo 4 hướng của núi Tu Di. Núi Tu Di nằm giữa 4 châu, ở giữa 4 hướng, phạm vi còn lại tức là trừ ra 4 châu lớn cùng 2000 châu nhỏ ra, chỉ toàn là nước mà thôi, là Đại Hải.

Bốn hướng của Sineru là 4 châu lớn, là nơi nương của nhân loại, có tên là:

1- Pubbavidehadīpa (Đông Thắng Thần Châu).
2- Aparagoyanadīpa (Tây Ngưu Hóa Châu).
3- Jambūdīpa (Nam Thiện Bộ Châu).
4- Uttarakurudīpa (Bắc Câu Lưu Châu).

Nhân loại nương trú trong 4 Đại châu này, có tuổi thọ được xác định như sau:

Người Nam Thiện Bộ Châu, có tuổi thọ bất định, khi Tăng khi giảm. Khi nào người Nam Thiện Bộ Châu, có thân, khẩu, ý liên hệ với Đạo Đức, thì thời ấy có tuổi thọ cao, cùng tột là 1 aTăngkỳ tuổi. Cách tính 1 aTăngkỳ đã có giải trong chuyện Đức vua Upavara. Và khi nào thân, khẩu, ý liên hệ với phi Đạo Đức, thời ấy tuổi thọ giảm xuống, tối thiểu là 10 tuổi.

Người Đông Thắng Thần Châu có tuổi thọ là 700 năm.

Người Tây Ngưu Hóa Châu có tuổi thọ là 500 năm.

Người Bắc Câu Lưu Châu có tuổi thọ là 1000 năm.

Mỗi Đại châu có 500 châu nhỏ, tổng cộng là 2000 tiểu châu. Người trong các tiểu châu có tuổi thọ Tăng giảm tùy theo Đại châu đó. Như trong Samyuttanikāya aṭṭhakathā có ghi rằng:

Dứt phần trình bày về cõi nhân loại.

Ghi chú: Việc giải rộng cõi nhân loại này sẽ được nêu rõ tiếp ở phần cuối ờ phần Bốn Cõi.

-ooOoo-

Chương V: Quyển II

TRÌNH BÀY LIÊN QUAN ĐẾN SÁU CÕI TRỜI THEO AṬṬHAKATHĀ VÀ ṬĪKĀ

Định nghĩa từ Deva:

Pañcahi kāmeguṇehi dibbanti kiḷantīti = Deva.

Người vui chơi với 5 dục Trưởng dưỡng, Gọi là Deva.

Deva có 3 loại là:

1- Sammutideva (chế định Chư Thiên): là Đức vua, Hoàng hậu, Thái tử, công chúa.
2- Uppattideva: là tất cả Chư Thiên và Phạm Thiên.
3- Visuddhideva (tịnh Chư Thiên): là các bậc A-La-Hán.

Trong định nghĩa này, chỉ đế cập đến Uppattideva là người ở trong 6 cõi trời mà thôi.

I- CÕI TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG

1- Định nghĩa: Cattāro mahārājāno = Cātumahārājaṃ .

Bốn vị trời chúa tể, Gọi là Tứ Đại Thiên Vương. Bốn vị Thiên vương ấy là:

1- Đức Dhataraṭṭha (Trì Quốc Thiên Vương) ở hướng Đông núi Tu Di, là người cai quản Càn Thát Bà (Gandhabba).
2- Đức Viruḷhaka (Tăng Trưởng Thiên Vương), ở hướng Nam Núi Tu Di, là người cai quản nhóm Kumbhaṇḍa (Chư Thiên bụng to).
3- Đức Virūpakkha (Quãng Mục Thiên Vương), ở hướng Tây núi Sinera, là ngườicai quản loài Rồng (Nāga).
4- Đức Kuvera hay Đức Vessuvaṇṇa (Đa Văn Thiên Vương), ở hướng Bắc núi Tu Di, là người cai quản nhóm Dạ xoa (Yakkha).

Như trong Mahāvagga suttanta và Paramatthadīpanī mahāṭīkā có nêu rằng:

> Đức Dhataraṭṭha ở hướng Đông núi Tu Di.
> Đức Viruḷhaka ở hướng Nam núi Tu Di.
> Đức Vīrūpakkha ở hướng Tây núi Tu Di.
> Đức Kuvera ở hướng Bắc núi Tu Di.

Trú xứ của 4 vị Trời này ở khoảng giữa núi Tu Di, ngang bằng với đỉnh núi Yugandhara.

Bốn vị Thiên vương ấy ngự ở bốn hướng của núi Sineru.

Tattha dhataraṭṭho gandhabbānaṃ rājā hoti Viruḷhako kumbhaṇḍānaṃ Virūpakkho nāgānaṃ kuvero yakkhānaṃ . (Paramatthadīpanī mahāṭīkā)

Nghĩa là: Ở đây, Đức Dhataraṭṭha là chúa tất cả Gandhabba. Đức Viruḷhaka là chúa tất cả Kuṃbhaṇḍa. Đức Vīrūpakkha là chúa tất cả loài Rồng. Đức Kuvera là chúa tất cả loài Dạ xoa. Bốn vị Thiên vương này cũng là bậc hộ trì nhân giới cho nên được Gọi là CatulokApālạ - Tứ hộ thế. Như trong Aṭṭhakathā có ghi rằng:

1- Lokaṃ Pālentīti = Lokapālà cattāro mahārājāno.

Chư Thiên hộ trì nhân giới, nên Gọi là Chư Thiên hộ thế, chính là Tứ Đại Thiên Vương.

Đối với bậc trí có sự hiểu biết về thế gian, gọi bốn vị hộ thế này là Inda, Yama, Varuna, Kuvera. Như trong Netti aṭṭhakathā có nêu rằng: “Đối với người hiểu biết trong thế gian, gọi 4 vị Chư Thiên hộ thế này là Inda, Yama, Varuna và Kuvera.”

2- Catūsa Mahārājesu bhatti ettesanti = Catumahārājikā.

Tất cả Chư Thiên nơi được Gọi là Cātumahārājika, vì có nhiệm vụ phục vụ cho Tứ Đại Thiên Vương.

Giải rằng: Tất cả Chư Thiên trong cõi Tứ Thiên Vương này, đều là tùy tùng, dưới quyền lực của Tứ Đại Thiên Vương, do đó các vị Thiên nhân này mới Gọi là Cātumahārājika.

Một định nghĩa nữa là: Cātumahārājebhavāti = Cātumahārājikā.

Tất cả Chư Thiên nơi gọi là Cātumahārājika, vì rằng sanh lên tại chỗ trú của Tứ Thiên Vương cai quản.

Giải rằng: chỗ Tứ Thiên Vương cai quản nằm khoảng giữa núi Sineru ngang đỉnh Yugandhara trở xuống Đại châu, nơi trú của nhân loại. Và phạm vi mà cao bằng núi Yugandhara ấy, lan rộng cho đến Cakkavāḷa và núi Sattapabba, cùng khắp cả Đại dương. Phạm vi mà Tứ Đại Thiên Vương cai quản đó, Gọi là cõi Tứ Đại Thiên Vương. Như có định nghĩa rằng:

Cātumahārājikānaṃ nivāsāti = Cātumahārājikā.

Trú xứ của Tứ Đại Thiên Vương cùng với tùy tùng, Gọi là cõi Tứ Đại Thiên Vương (Cātumahārājikabhūmi).

Chư Thiên tùy tùng của Tứ Đại Thiên Vương là:

1- Pabbataṭṭhadevatā: Chư Thiên ngự ở núi.
2- Ākāsaṭṭhadevatā: Chư Thiên ngự trên hư không.
3- Khiḍḍāpadosikadevatā: Chư Thiên ở nơi say mê dục lạc, quên dùng vật thực rồi chết.
4- Manopadosikadevatā: Chư Thiên chỗ chết do sự sân hận.
5- Sītavalāhakadevatā: Chư Thiên làm mưa.
6- Uṇhavakāhakadevatā: Chư Thiên làm trời nóng.
7- Candimadevaputtadevatā: Chư Thiên trú trong mặt trăng.
8- Suriyadevaputtadevatā: Chư Thiên trú trong mặt trời.

Như trong Sammohavinodāni aṭṭhakathā có ghi rằng: "Trú xứ của Tứ Đại Thiên Vương ấy, nằm giữa khoảng núi Tu Di, từ khoảng giữa núi Tu Di trở xuống cõi người ấy, có hai hạng Chư Thiên là: Chư Thiên trên núi và Chư Thiên ở hư không, trú xứ các vị Chư Thiên này nối tiếp nhau cho đến núi Cakkavāḷa. Chư Thiên tầng Tứ Đại Thiên Vương này có nhiều hạng:

Khiḍḍāpadosikadevatā, Manopadosikadevatā, Sītavalāhakadevatā, Uṇhavakāhakadevatā, candimadevaputtā, suriyadevaputta.

Các vị Chư Thiên này được xếp vào nhóm Cātimahārājikābhūmi.

Ba hạng Chư Thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương là:

1- Bhummaṭṭhadevatā: Chư Thiên ở địa cầu.
2- Rukkhaṭṭhadevatā: Chư Thiên ở trên cây.
3- Ākāsataṭṭhadevatā: Chư Thiên ngự nơi hư không.

Bhummaṭṭhadevata là Chư Thiên nương ngụ theo các nơi khác nhau như núi, sông, Đại dương, dưới đất, nhà, tháp, đền, miếu, ngọ môn...

Còn Tứ Đại Thiên Vương và một số Chư Thiên ở quanh khoảng giữa núi Sineru, có Thiên cung riêng. Chư Thiên địa cầu mà không có Thiên cung riêng, nếu vị ấy nương ngụ ở chùa, nhà, núi... cũng chấp rằng nơi ấy là cung điện của mình.

Rukkhaṭṭhadevatā có hai hạng là:

- Hạng có Thiên cung ở trên cây.
- Hạng ở trên cây, nhưng không có Thiên cung.

Như trong Sāratthadīpanīṭīkā có nêu rằng: "Gọi là Mộc Thiên cung nghĩa là cung điện hiện khởi trên ngọn cây ấy, gọi là Rukkhavimāna, vì được gắn liền với cây còn sākhaṭṭhavimāna ấy là chỗ cung điện nương an lập trên các cành cây."

Ākāsaṭṭhadevatā: hạng Chư Thiên này có Thiên cung riêng của mình như mặt trời, mặt trăng và tất cả những vì sao mà chúng ta thấy, chính là Thiên cung của các Ākāsaṭṭhadevata. Cả trong lẫn ngoài Thiên cung ấy đều có liên hệ với bảy loại báu, phát sanh lên do mãnh lực của hạnh nghiệp. Bảy loại báu là: ngọc bích, ngọc trai, san hô, ngọc manī, ngọc lưu ly, bạc và vàng. Tùy theo Thiên hạnh của vị ấy, Thiên cung liên hệ với hai báu, hoặc ba báu, hoặc bốn, năm, sáu hay cả bảy báu. Các Thiên cung này thường vần quanh núi Sineru.

Chư Thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương mà là Rukkhaṭṭhadevatā có thể được xếp vào bhummaṭṭhadevatā. Như trong Dhammapāda aṭṭhakathā, Buddhavaṃsa aṭṭhakathā và Sagāthāvaggasamyutta aṭṭhakathā và Tīkā có ghi rằng:

1- Bhūmitale rukkhagacchapabbatādīsu bhummaṭṭhādevatā. *(Dhammapāda aṭṭhakathā)*
2- Bhūmāti bhūmaṭṭhapāsāṇapabbatāvana rukkhādisu thitā. *(Buddhavaṃsa aṭṭhakathā)*
3- Bhūmāti bhūmavāsino. (*Sagāathāvaggasamyutta aṭṭhakathā)*
4- Bhūmavāsinoti bhūmipatiladdhavuttino etena rukkhapabbatanivāsinopi gahitā honti. *(Sagāthāvaggasamyutta ṭīkā)*

Chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương có tâm hung dữ, có 4 loại là:

1- Yakkho, yakkhinī: Dạ xoa nam, Dạ xoa nữ.
2- Gandhabbo, gandhabbī: Nam Càn Thát Bà, nữ Càn Thát Bà.
3- Kumbhaṇḍo, kumbhaṇḍī: Nam cưu bàn trà, nữ cưu bàn trà.
4- Nāgo, nāgī là Long vương nam và Long vương nữ.

1- Dạ xoa: Có hai loại là Chư Thiên Dạ xoa và bàng sanh Dạ xoa. Chư Thiên Dạ xoa là hạng có thân hình xinh đẹp và có hào quang, là loại chúng sanh không phải người. Bàng sanh Dạ xoa là loại Dạ xoa có thân hình thô xấu, khả ố không có hào quang.

Chư Thiên Dạ xoa đôi lúc cũng có tâm bức hại chúng sanh, khi có tâm vui thích trong sự não hại chúng sanh khi nào, khi ấy liền hóa thành Quỉ sứ đi xuống hành tội chúng sanh địa ngục theo sở thích của mình, hoặc khi khởi tâm muốn ăn thịt chúng sanh địa ngục, liền hóa thành kên kên Dạ xoa, quạ Dạ xoa, chó Dạ xoa đến bắt chúng sanh địa ngục ăn thịt.

Chư Thiên Dạ doa ở dưới quyền cai quản của Đức Kuvera hay Vessuvaṇṇa (Đa Văn Thiên Vương).

2- Càn thát bà: Là Chư Thiên sanh ra ở trong cây có mùi hương và nương ngụ tại nơi ấy, chí đến cây ấy bị hư mục hay bị người đến mang về làm nhà, làm tàu... cũng mặc, Càn Thát Bà ấy vẫn không chịu rời bỏ trú sứ ấy, vẫn nương mãi cây ấy. Vì thế, nhà nào hay ghe thuyền nào có Gandhabba nương ngụ, thường có sự quấy phá hoặc hiện hình ra cho người sống thấy mang đến sự tai hại cho những người sống nơi ấy, như gây bệnh, gây tổn hại tài sản của những người ấy... như có định nghĩa rằng:

Patisandhivasena gandharukkhesu appenti upagacchatīti gandhabbā: Chư Thiên được Gọi là Gandhabba, do sinh ra và ngụ tại cây có mùi thơm.

Có 10 hạng Gandhabba sanh ra từ cây có mùi hương là:

1- Mūlagandhabba: Càn Thát Bà sanh trong rễ cây.
2- Kandagandhabba: Càn Thát Bà sanh trong gốc cây.
3- Sāragandhabba: Càn Thát Bà sanh trong lõi cây.
4- Pheggugandhabba: Càn Thát Bà sanh trong giác cây.
5- Tacagandhabba: Càn Thát Bà sanh trong vỏ cây.
6- Papatikagandhabba: Càn Thát Bà sanh trong vỏ ngoài .

7- Saragandhabba: Càn Thát Bà sanh trong nước thơm.
8- Dannagandhabba: Càn Thát Bà sanh trong lá cây.
9- Pupphagandhabba: Càn Thát Bà sanh trong hoa, bông.
10- Phalagandhabba: Càn Thát Bà sanh trong quả, trái cây.

Cả 10 hạng Chư Thiên Càn Thát Bà này gọi là Katthayakkha.

Sự khác biệt giữa chỗ nương ngụ của Gandhabba và Rukkhattha:

Chư Thiên Rukkhattha có sự nương ngụ nơi cây giống như Chư Thiên Gandhabba, nhưng khác nhau trong việc nương tức là:

Chư Thiên Rukkhattha tuy nương ngụ nơi cây, nhưng nếu cây ấy bị gió thổi ngã, hay bị đốn đi, thì Rukkhattha Chư Thiên sẽ dời đi nơi khác, còn Chư Thiên Gandhabba thì sẽ không bỏ trú xứ như đã trình bày.

Hạng Gandhabba sanh lên trong thân nhân loại

Cá hạng nữ Càn Thát Bà, thường tạo nghiệp bất thiện trong quá khứ, nên tái sanh trong thân người nữ. Hạng nữ Gandhabba này, trong kinh Phệ Đà Gọi là Yoginī. Người nữ là nơi ngụ của Gandhabba ấy, cũng được Gọi là Yoginī, mà người đời Gọi là ma nhập (hay đồng cốt).

- Nhóm bị Gandhabba đến nương nhập khi còn trong thai mẹ.

- Nhóm bị Gandhabba đến nương nhập khi phát sanh sự bất bình với người nào đó, khi có dịp thích hợp sẽ nhập vào. Người nữ bị nhập vào đã lớn, trưởng thành rồi, người này có thể khiến Gandhabba đang nương nơi thân mình, đi hảm hại người thù của mình khi có cơ hội thuận lợi.

Người nữ bị Gandhabba nhập vào lúc bình thường thì khác, nhưng nếu nhập vào lúc ngày trăng rằm, do mãnh lực Gandhabba nhập trong thân, nữ nhân ấy nữa đêm đi tìm vật thực, trong lúc đi tìm vật thực, cũng có ánh sáng phát ra từ thân, do thần lực của Gandhabba. Vì thế, hạng này có tên là Junhā. Nghĩa là: Chư Thiên có ánh sáng. Như có câu định nghĩa rằng:

Jusanti dibbantīti = Junhā.

Gandhabba được Gọi là Junhā, vì khiến phát ra ánh sáng.

Từ Yoginī, Junhā, ma nhập. Cả ba từ này đều có nghĩa giống nhau, tất cả Càn Thát Bà nói trên đều ở dưới quyền cai quản của Đức Dhataraṭṭha (Trì Quốc Thiện Vương).

3- Kumbhaṇḍadevatā:

Đây là hạng Chư Thiên có bụng to, mắt đỏ lộ to. Chư Thiên Kumbhaṇḍa có hai trú xứ là cõi người và cõi địa ngục.

Kumbhaṇḍadevatā ở cõi người có nhiệm vụ bảo vệ rừng, núi, cây cối, ao hồ, sông, tháp Phật, ngọc báu, cây thuốc quí, cây có mùi hương như núi Vepulla có ngọc Māṇi, cây xoài chỗ có tên Abhantara.

Nơi được Kumbhaṇḍa bảo vệ, nếu có ai xâm nhập vào khu vực được Tứ Thiên Vương cho phép, thì Kumbhaṇḍa được quyền bắt lấy ăn thịt mà vô tội. Như có định nghĩa rằng:

Ratanādīni sakkhitvā asantī bhakkhantīti = Rakkhasā.

Chư Thiên bảo hộ các báu vật như ngọc Māṇi ... nếu có ai đến lấy thường bắt lấy người ăn thịt, Gọi là ác quỉ.

Hạng Kumbhaṇḍa ở địa ngục, chính là quỉ sứ cai ngục (NirayApāla), ác quỉ quạ, ác quỉ chó, ác quỉ kên kên, có nhiệm vụ hành tội chúng sanh địa ngục và bắt chúng ăn thịt.

Lại nữa, các Dạ xoa cai ngục, Dạ xoa quạ, Dạ xoa chó, Dạ xoa kên kên, các Dạ xoa này là hạng Chư Thiên Dạ xoa.

Chư Thiên Kumbhaṇḍa ở dưới sự cai quản của Đức Viruḷhaka (Tăng Trưởng Thiên Vương).

4- Nāgadevatā:

Có hai loại sanh chủng là: Sanh chủng Vasunadhara và sanh chủng Bhummadeva.

Chư Thiên này cũng có hai trú xứ là: Ở dưới đất và ở dưới núi. Nāgadevatā nương hai trú xứ này, có tên là Pathavīdevatā.

Các Nāgadevatā này, đôi lúc cũng có sự hân hoan, vui thích với các trò chơi, và trong lúc Nāgadevatā đang đùa giỡn, có khi làm rung chuyển địa cầu. Nhưng không phải quả địa cầu rung động là đều do sự chơi giỡn của Long vương, vì có nhiều nguyên nhân khiến quả địa cầu rung chuyển.

Nāgadevatā này có khoa liên hệ với các kệ chú thuật của Phệ Đà. Trong kinh Brahmajāla có nêu tên các bài chú thuật Phệ Đà này là Vatthuvijā hoặc Bhūmivijā. Các Nāgadevatā này khi du hành trong cõi người, có khi đi nguyên hình Rồng, có khi hóa thân thành người, thành chó, thành cọp, thành sư tử.

Hạng Nāgadevatā cũng có loại thích hành hạ tội nhân như nhóm Yakkhadevatā và Kumbhaṇḍadevatā, khi đi xuống địa ngục để hành tội chúng sanh địa ngục, Nāgadevatā cũng hiện thành kên kên, quạ, chó rồi bắt chúng ăn thịt.

Nāgadevatā ở dưới sự cai quản của Đức Virūpakkha (Quãng Mục Thiên Vương).

Chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương có tâm hung dữ, có bốn hạng như đã trình bày. Hạng này, chẳng phải chỉ não hại chúng sanh khác, chí đến đồng loại cũng có sự bức hại lẫn nhau, vì thế Tứ Thiên Vương mới sắp xếp người cầm đầu, để ngăn chặn không cho não hại chúng sanh khác và tranh cãi lẫn nhau.

Đôi khi trong cõi người, có sự chết do bệnh dịch quá nhiều nếu người sắp đặt tế lễ cúng dường đến Tứ Thiên Vương, thì nơi có tai họa ấy cũng từ từ giảm xuống, như trong Petavatthu có ghi rằng: "Tứ Đại Thiên Vương là Đức Kuvera, Dhataraṭṭha, Vīrūpakkha, Viruḷhaka này có danh tiếng và tùy tùng nhiều, là người hộ trì nhân loại, người nào cúng dường người ấy sẽ được quả an lạc.

Tóm lại, Chư Thiêntrong cõi Tứ Thiên Vương có nhiều loại, có nhóm có thân hình xinh đẹp, có nhóm thì thân hình thô xấu,có nhóm có Đức tin với Phật-giáo, có nhóm thì không, có nhóm thích bức hại chúng sanh khác,có nhóm lại hộ trì người, hộ trì Phật- giáo, hộ trì thế gian, gìn giữ các chỗ, gìn giữ báu vật...

Việc trình bày diễn tiến của Chư Thiên cõi Tứ Thiên Vương này có nêu trong Abhidhamma aṭṭhakathā và ṭikā, Dīghānikāya aṭṭhakatīhā, Jātaka aṭṭhakatīhā, Vedapakaraṇa.

Dứt phần trình bày Chư Thiên cõi Tứ Thiên Vương.

-ooOoo-

II- CÕI ĐAO LỢI

Định nghĩa: Tettiṃ sajanā nibbattanti etthāti = Tetiṃsā: Sanh vào cõi của chúng 33 do đó được gọi là Tettiṃsa.

Tettiṃsa eva niruttinayena = Tāvatiṃsā:

Do phần từ ngữ nêu Tettimsa, được gọi là Tāvatiṃsa.

Giải về hai định nghĩa trên, cõi trời thứ hai, nơi gọi là Tettiṃsa ấy, có nghĩa là: Chỗ sanh lên của 33 người.

Nguyên nhân khiến phát sanh lên cõi trời ấy là Tāvatiṃsa, có câu chuyện được tóm lược như sau:

Thuở quá khứ có 1 khu làng tên là Macalagāma, trong làng này có nhóm người, tên là Garasahapuññakārī: Nhóm cùng tạo phước, nhóm này gồm 33 thanh niên, có thanh niên Māgha là

trưởng nhóm. Ba mươi ba người này cùng nhau tạo con đường tốt đẹp trong khuôn viên làng ấy, và khi con đường bị hư hoại, họ cùng nhau sửa, đắp lại cho tốt đẹp, mang lại sự thoải mái, an lạc cho những người qua lại, cất một ngôi nhà, chứa đầy nước trong lu để người đi đường có nơi trú, có nước để giải khác, tắm rửa ... cất một Sālā tại ngã tư đường lớn cho những người lỡ đường trú ngụ qua đêm. Về sau, cả 33 chàng lại kiến tạo một phước xá bố thí vật thực đến những người hành khất, kẻ nghèo khó... khi mệnh chung, cả 33 người đều thọ sanh lên tầng trời thứ hai, thanh niên Māgha ấy trở thành Đức Đế Thích, 32 cháng trai trở thành 32 vị Thiên chủ có Đại uy lực, tên là Pajāpati, Varuna, Esāna... Do nhân đó, cõi trời này mới có tên là Tettiṃsa.

Sở dĩ Gọi là Tāvatiṃsa, do chuyển thể từ ngữ Tettiṃsa theo văn phạm Pāli như sau:

TE đổi thành TĀVA, xóa T; giữ nguyên Tiṃsa. Gom lại thành ra Tāvatiṃsa.

Hoặc là đổi E thành Ā, T giữ nguyên, T thứ hai đổi thành VA, Tiṃsa giữ nguyên. Gom lại là Tāvatiṃsa.

Hỏi rằng: Trong Cakkavāḷa khác, ngoài Cakkavāḷa mà ta đang ngụ đây, có cõi trời thứ hai như thế, vậy cõi trời thứ hai trong Cakkavāḷa đó cũng có tên là Tāvatiṃsa như thế sao?

Giải rằng: Cõi trời thứ hai trong Cakkavāḷa khác cũng có tên là Tāvatiṃsa, nhưng là Janitaruḷhīsaññā, nghĩa là mượn tên cõi trời thứ hai trong Cakkavāḷa của chúng ta mà đặt tên.

Định nghĩa và lời giải khác trong từ Tāvatiṃsa:

Tāvapatīhanaṃ tinsati Pātubhavatīti = Tāvatiṃsa.

Địa Đại nào hiện ra trước các Địa đại khác, do vậy, địa Đại ấy có tên Gọi là Tāvatiṃsa.

Giải rằng: Khi thế gian này bị hoại diệt, sau đó lại bắt đầu hình thành một thế gian mới với cơn mưa lớn rơi xuống. Mưa ấy tràn ngập khắp thế gian nơi đã bị hoại diệt, ban đầu nước mưa ấy tinh khiết, sau đó một thời gian dài, nước mưa từ từ phát sanh cặn bụi, dần dần trở thành đất, rồi nước ấy từ từ rút xuống cạn khô, cho đến khi mặt đất đầu tiên hiện ra, chính là đỉnh núi Sineru, và cũng là trú xứ xủa Chư Thiên tầng thứ hai. Do đó, phần đất này Gọi là Tāvatiṃsa, nghĩa là phần đất hiện khởi đầu tiên.

Từ đỉnh Sineru, là cõi Đạo-lợi này, đo thẳng xuống đến tầng Tứ Thiên vương thì được là 42000 do tuần, từ tầng Tứ Thiên Vương xuống đến cõi nhân loại cũng là 42000 do tuần. Tổng cộng chiều cao từ đỉnh núi xuống đến nhân giới là 84000 do tuần.

Khoảng cách từ Đạo-lợi đến cung Dạ Ma Thiên, từ Dạ Ma Thiên đến Đâu Suất Thiên, từ Đâu Suất Thiên đến Hóa Lạc Thiên, từ Hóa Lạc Thiên đến Tha Hóa Tự Tại Thiên. Cả 5 tầng này có khoảng cách như nhau là 42000 do tuần.

Trên đỉnh núi Sineru có hình tròn, rộng 84000 do tuần bằng với chiều cao núi, chính giữa đỉnh núi là kinh thành Sudassana (Thiện-kiến), rộng 10.000 do tuần, bốn phía được bao bọc bởi tường thành, mỗi hướng có 250 cửa thành. Tổng cộng có 1000 cửa thành.

Phần đất trên đỉnh núi Tu Di sơn thành tựu với bảy loại ngọc báu, còn bốn mặt của núi Tu Di, hướng Đông là bạc, hướng Bắc là vàng, tây là ngọc pha lê, hướng Nam là ngọc bích. Cho nên Chư Thiên ở tầng này chân không hề chạm đất.

Màu nước trong Đại dương của 4 Đại châu, màu mây bầu trời, màu là cây của Đại châu đó sẽ có màu nương từ ánh sáng nơi triền núi Tu Di, tức là do ánh sáng của vật báu nơi hướng núi Tu Di ấy, khiến ảnh hưởng màu đến Đại châu đó. Nam Thiện Bộ châu nằm theo hướng Nam của núi Tu Di, triền núi là ngọc bích, nên màu nước Đại dương, màu lá cây, bầu trời, do ảnh hưởng ánh sáng ngọc bích này chiếu rọi xuống nên hiện thành màu xanh.

Bắc Câu Lưu châu thì nước trong Đại dương, màu lá cây, màu bầu trời có màu vàng, vì triền núi hướng Bắc của Sineru bằng vàng.

Đông Thắng Thần châu, màu nước Đại dương, màu bầu trời, màu lá cây là trắng, vì triền núi hướng Đông Tu Di sơn bằng bạc.

Tây Ngưu Hóa châu, màu nước Đại dương, màu bầu trời, màu lá cây có màu ngọc pha lê, vì triền núi hướng Tây Sineru là ngọc pha lê.

Chư Thiên Đạo-lợi có hai hạng là: Bhummaṭṭhadevatā và Ākāsaṭṭhadevatā.

- Bhummaṭṭhadevatā là Đức Đế Thích, 32 vị Đại Thiên chủ cùng Thiên chúng tùy tùng trên đỉnh Sineru.

Năm hạng Deva asura ở dưới núi Tu Di cũng được xếp vào Bhummaṭṭhadevatā.

- Ākāsaṭṭhadevatā là Chư Thiên ở trong Thiên cung trôi giữa hư không, kể từ đỉnh núi Tu Di suốt đến ranh giới Cakkavāḷa, có một số Thiên cung còn trống Chưa có vị Thiên tử nào ngự.

Ở giữa kinh thành Sudassana có cung điện Vejayanta (chiến thắng điện), là trú xứ của Đức Đế thích. Hướng Đông thành phố là vườn hoa Nanda, rộng 100 do tuần, trong vườn có hai hồ nước là Mahānandā và Cūḷanandā. Quanh khuôn viên và ranh bờ hồ được lót đá, đá lót quanh khuôn viên và bờ hồ nào, đá ấy được gọi tên theo tên hồ ấy.

Hướng Tây thành phố Sudassana có vườn Cittalatā rộng 500 do tuần, có hai hồ nước là Vicittā và Cūḷacittā.

Hướng Nam có khu vườn tên là Phārusaka rộng 700 do tuần, có hai hồ nước là Bhaddhā và Subhaddā.

Cả bốn khu vườn này là nơi vui chơi khả ý của tất cả Chư Thiên trong tầng Đạo-lợi này.

Cạnh phía trên hướng Đông thành phố Sudassana, có hai khu vườn là Puṇḍarika không rộng lắm, khu vườn kia là Mahāvana rộng 700 do tuần. Vườn Puṇḍarika có cây Pāricchattaka (hoa tán lọng) với tān cây rộng 50 do tuần. Khi đến mùa trổ hoa, hương thơm tỏa ra đến 100 do tuần. Dưới cây Pāricchattaka là bảo tọa Paṇḍu kambala, bảo tọa này dài 60 do tuần, rộng 50 do tuần, cao 15 do tuần, có màu đỏ giống như hoa hồng (Japā), có trạng thái co giản, tức là xọp xuống khi Đức Đế Thích ngự lên, là phồng lên khi Đức Đế Thích đứng dậy. Cạnh gần đó là giảng đường Sudhammā, là nơi Chư Thiên tụ hội nghe giảng Pháp. Có một Bảo tháp tên là Cūḷamaṇi cao 100 do tuần, trong tháp có tôn trí thờ chiếc răng nhọn bên phải của Đức Thế Tôn, và tóc mà Ngài cắt bỏ lúc xuất gia.

Lại nữa, vườn Mahāvana là nơi ngự hoan hỷ, khả ý của vua trời Sakka, ở đây có hồ nước rộng 1 do tuần, tên là Sunandā và có đến 100 Thiên cung.

Khả Ái Trong Cõi Tam thập tam Thiên

Chư Thiên nào sanh vào cõi Tam thập tam, là người được hưởng quả an lạc do tạo được trong đời quá khứ, vì thế các cảnh trong cõi Tam thập tam này đều là các cảnh khả ái, nam Chư Thiên thì có sắc thân trong lứa tuổi 20 cho đến trọn kiếp sống ấy, còn Thiên nữ thì có sắc tướng như lứa tuổi 16.

Sự già, tóc bạc, răng long, mắt mờ, tai lãng, da nhăn, bệnh hoạn. Những thứ này không hề có cho Chư Thiên ấy, chỉ có sự xinh đẹp như trai tơ, gái lứa mà thôi.

Sự bệnh hoạn, đau đớn về thân cũng không có. Sự thọ hưởng vật thực, đều là thượng vị tịnh thực. Do vậy, sự đại tiện, tiểu tiện cũng không có nơi cõi này. Thiên nữ không có kinh nguyệt, không có thai bào. Riêng địa cư Thiên (ở địa cầu hay cõi Tứ Thiên Vương) có một số vị thì giống như người, tức là giống như nữ nhân loại, cũng có kinh nguyệt, thai nghén.

Thông thường thì Thiên nam hay Thiên nữ trong Thiên giới, con trai hay gái được sanh ra như nhân loại thì không có. Gọi là con của vị Thiên tử ấy, do sanh từ nơi bắp vế của vị ấy. Thiên nữ nào tái sánh làm vợ vị Thiên tử nào đó, sẽ sanh lên nơi ngủ, Gọi là túc hạnh thê. Chư Thiên phục vụ cho việc trang điểm thì sanh lên trong phòng ngủ, nếu là người phục vụ thì sanh trong Thiên cung. Như trong Sakkapañhasuttanta aṭṭhakathā và Mūlapaṇṇāsa aṭṭhakathā có ghi rằng:

Khi vị Thiên tử sanh lên trong bất luận Thiên cung của vị Thiên chủ nào, thì Thiên nam, Thiên nữ ấy xem như tùy tùng của Thiên cung chủ ấy, những Thiên cung chủ khác không thể tranh giành được. Nếu vị tân Thiên tử sanh lên giữa ranh giới hai Thiên cung, thì các Thiên cung chủ sẽ khởi lên sự tranh luận để giành lấy vị tân Thiên tử ấy, làm sở hữu cho riêng mình. Nếu vấn đề không giải quyết được, hai (hay ba) Thiên cung chủ sẽ mang vị tân Thiên nhân mới sanh cùng nhau đi đến Đức Đế Thích, nhờ Ngài phân xử. Bây giờ, tân Thiên nhân ấy ở gần cung nào thì thuộc về vị Thiên chủ cung ấy. Nếu khoảng cách ranh giới đến Thiên cung bằng nhau, thì vị Thiên nhân mới sanh hướng về cung nào, sẽ thuộc về Thiên cung ấy. Nếu vị tân Thiên nhân không hướng về Thiên cung nào cả, mà ngó lên trời, Đức Kosiya sẽ phán quyết rằng: đó là của Ngài, để cắt đứt sự tranh chấp của các Chư Thiên.

Một số nam Chư Thiên có đến 500-700-1000 Thiên nữ xinh đẹp là vợ (túc hạnh thê).

Như thế, cho thấy rằng: có nhiều Thiên nhân cũng không có biệt cung, và trong Thiên giới cũng tương tự nhân giới, tức là cũng có sự tranh chấp lẫn nhau và cũng có người phán xử vụ tranh chấp ấy.

Chư Thiên nam, nữ trong cõi này cũng có sự đi tìm tình yêu lẫn nhau, giống như trong cõi người. Biết được từ vị Thiên tử Pañcasikha (ngũ kế đồng tử). Vị Thiên tử này đánh đàn rất hay, cây đàn có tên là Beluva, ca rất hay. Chàng thương yêu nàng Thiên nữ Suriyavacchasā, ái nữ của vị Đại tiên là Timbaru.

Một hôm, Thiên tử Pañcasikha đến tìm Thiên nữ Suriyavacchasā và vừa đánh đàn vừa hát có ý nghĩa như vầy: "Những phước báu nào mà tôi tạo được chân chánh nơi bậc Ứng-cúng có Đại ân Đức. Xin cho những phước báu ấy thành tựu quả đến tôi cùng với nàng Thiên nữ kiều diễm Suriyavacchasā."

Nhưng Thiên nữ Suriyavacchasā ấy đã thương yêu Thiên tử Sikhanti, là con trai của Thiên tử Mātali. Và khi Thiên tử Pañcasikha giúp đỡ Thiên vương Sakka đến yết kiến Đức Thế Tôn, được Đức Thế Tôn đoạn nghi, Đức Kosiya đắc quả Dự-lưu, Ngài nghĩ rằng: "Thiên tử Pañcasikha là người tốt với ta, đã chân chánh tạo nhiều lợi ích đến ta". Ngài quyết định đưa nàng Suriyavacchasā đến cho Thiên tử Pañcasikha.

Một số Thiên nữ, mặc dù có Thiên cung riêng, nhưng bạn đời đã mất, khiến phát sanh sự chán nản trong cuộc đời của mình, không có sự hân hoan và tươi vui như những Thiên nữ có đôi bạn. Còn những Thiên nữ có đôi bạn, thường rủ nhau đi tìm khoái lạc trong bốn khu vườn cùng với tùy tùng của mình.

Lại nữa, tùy tùng, Thiên cung, các cảnh sắc mà là tài sản riêng của những Thiên nhân ấy, cũng có sự sai biệt, xinh đẹp, thù thắng, hơn kém nhau tùy theo phước báu đã tạo trữ. Vì thế, hào quang phát ra từ thân, từ trang phục, từ vật trang điểm luôn cả từ Thiên cung của các Thiên nhân ấy cũng khác nhau. Có vị hào quang chiếu được 12 do tuần, có vị hào quang sáng rực cả 100 do tuần do có nhiều phước báu. Như trong Suttanta mahāvagga aṭṭhakathā có nêu rằng:

Hỏi rằng: Trong sáu cõi trời này, Chư Thiên có nhìn thấy nhau chăng?

Đáp rằng: Chư Thiên tầng cao thấy được Chư Thiên tầng dưới, Chư Thiên tầng dưới không thấy được Chư Thiên tầng trên. Thông thường Chư Thiên tầng cao thì có thân sắc tế hơn Chư Thiên tầng dưới. Ngoại trừ khi Chư Thiên tầng trên hóa thân thành thô xấu lại thì Chư Thiên tầng thấp mới thấy được, và điều này được diễn tiến theo thứ tự mỗi tầng. Như trong Suttanta mahāvagga aṭṭhakathā có ghi rằng:

Giữa nhân loại và Chư Thiên cũng vậy, tức là: Nhân loại không thể thấy được Chư Thiên vì Chư Thiên có sắc thân vi tế, ngoại trừ vị Thiên nhân ấy hóa thân thành sắc thô thì nhân loại mới có thể thấy được.

Lại nữa, như đã nói ở đoạn trước rằng: Các cảnh sắc sai biệt trong cõi Tam thập tam này, đều là những cảnh khả ái, mà tất cả Thiên chúng nam hay nữ thọ hưởng đó, là những Thiên sản. Tức là chỉ

thọ hưởng Thiên lạc, trang phục, trang sức đều là tịnh sắc, chí đến thân thể cũng là Thiên sắc, tức là không hề có vật uế trược, hôi thúi chảy ra từ chín cửa như người nhân loại. Như vậy, khi Chư Thiên ngửi mùi nhân loại, có cảm giác như thế nào?

Đáp rằng: Tất cả Chư Thiên Tam thập tam khi ngửi mùi hôi từ thân nhân loại, dù ở cách xa trăm do tuần trong thời nào, khi ấy có cảm giác như là đang ngửi mùi chó sình đeo trước ngực, dù đó là Chuyển Luân Vương mà trong ngày đã tắm hai lần, thay giày ba bận, thoa sức khắp thân thể với vật thơm thượng hạng đi nữa, khi nhận được mùi ấy Chư Thiên vẫn có cảm giác như là mùi vật chết đã sình thúi đang đeo trên ngực vậy.

Sự xinh đẹp đa dạng và sự an lạc thuộc Thiên sản trong cõi Tam thập tam này, không thể kể cho hết được, các tài sản trong nhân giới, dù là tài sản của vua Chuyển Luân Vương, hoặc vua chúa, Trưởng giả, gia chủ ... không thể so sánh với tài sản Chư Thiên được. Các cảnh khả ái trong cõi Tam thập tam, như cảnh khả ái trong vườn Nanda là cảnh tuyệt diệu hơn hẳn các cảnh đẹp khác trong cõi Tam thập tam. Vì rằng: Khi vị Thiên nhân nào phát sanh sự sầu muộn do thấy được 5 hiện tượng báo tử phát sanh đến mình, vị Thiên nhân ấy đi vào vườn Nanda, sự ưu bi về cái chếp sắp đến không còn nữa. Vì thế, nhân loại hay Thiên nhân nào Chưa đi đến vườn Nanda, thì người ấy được xem như Chưa biết lạc tối thắng trong cõi Tam thập tam. Như trong Sagāthava samyutta có nêu rằng:

"Những người nào Chưa từng đi đến vườn Nanda, là nơi giải trí của tất cả Thiên nam và Thiên nữ, dù là những người có phước, có sự xinh đẹp, có tùy tùng nhiều trong cõi Tam thập tam này, người ấy được Gọi là người Chưa tròn đủ với sự hưởng lạc trong ngũ dục, có trong cõi trời này."

Lại nữa, vườn Nanda này không phải chỉ ở cõi Tam thập tam mới có, mà ở cõi khác cũng có như thế. Và sở dĩ vườn ấy có tên là Nanda, vì rằng chỗ ấy khả hỷ

Trong Sāratthadīpaniṭīkā có ghi rằng: "Sáu khu vườn trong cõi Tam thập tam này đều có Thiên mộc. Mỗi khu vườn có 1000 Thiên mộc.

Trong vườn Cittalatā có dây leo tên là Āsāvatī, 1000 năm cõi Tam thập tam mới có trái 1 lần, bên trong là nước, Gọi là Thiên thủy hay rượu trời của cõi Tam thập tam. Vị Chư Thiên nào uống nước ấy sẽ khiến cho say sưa, thần lực của loại nước ấy làm cho ngủ suốt thời gian là 4 tháng mới hết say. Như trong Jātaka và Apadāna Pāli có ghi rằng: "Dây leo trời Gọi là Āsāvati này có trong vườn Cittalatā, loại dây leo trời này, một ngàn năm mới có trái một lần. Bông của dây leo này cũng là Thiên hoa."

Chuyện Đế Thích Có Danh Hiệu Là Sakka

Định nghĩa:

Sakkañca dānaṃ dadātīti = Sakko. Gọi là Sakka do bố thí với tâm cung kính.

Hoặc là: Asure jetuṃ sakkunātīti = Sakko. Gọi là Sakka do có khả năng chiến thắng asura.

Đức Thiên vương Sakka, hay Gọi là Đức Kosiya, Amriṇḍa này là vị cai quản Chư Thiên cõi Tam thập tam và Chư Thiên cõi Tứ Thiên Vương. Trong hai cõi trời này, Đức Kosiya amriṇḍa trú nơi Đạo-lợi Thiên, trong tòa Thiên cung bằng vàng tên là Vejayanta. Chung quanh cung Vejayanta có cờ dựng, được trang Hoàng bằng bảy loại ngọc báu, cao ba trăm do tuần, có vương xa dành cho Thiên vương Kosiya, cũng mang tên là Vejayanta. Phía trước vương xa là chỗ ngồi của Thiên tử xa phu Mātalī, chỗ ngồi này dài 50 do tuần, phần giữa là nơi ngự của Thiên chúa cũng dài 50 do tuần, phần cuối cũng dài 50 do tuần. Tổng cộng chiều dài của Vương xa Vejayanta là 150 do tuần, chiều rộng vương xa là 50 do tuần, chu vi vương xa là 400 do tuần. ngai báu bên trong Vương xa làm bằng bảy loại ngọc báu, cao 100 do tuần, rộng 10 do tuần được che với lọng trắng cao 300 do tuần. Vương xa được kéo đi bởi 1000 con ngựa Sindhava, ngựa Sindhava này không phải là loài bàng sanh mà chính là Chư Thiên Tam thập Thiên hóa thân.

Đôi khi Thiên vương Sakka đi bằng voi, voi này chính là Thiên tử Erāvaṇa hóa thân thành. Như trong Sāratthādīpaniṭīkā có ghi rằng:

Voi Erāvaṇa này có thân to 150 do tuần, có 33 ngà lớn, mỗi ngà lớn có 7 ngà nhỏ, thành ra có 231 ngà. Mỗi ngà nhỏ dài 50 do tuần, mỗi ngà có 7 hồ nước bằng 1.617 hồ nước, mỗi hồ nước có 7 cụm sen bằng 11.319 cụm sen, mỗi cụm sen có 7 đóa hoa sen bằng 792.33 đóa hoa sen, mỗi đóa hoa sen có 7 cánh sen bằng 554.631 cánh sen, mỗi cánh sen có 7 nàng tiên nữ đang múa hát bằng 3.882.417 nàng tiên nữ. Tất cả đều đang múa hát dâng lên Đức Đế Thích ngự lãm.

Trên đỉnh đầu voi Erāvaṇa, nơi chính giữa là ngā Sudassana có Thiên kiệu Maṇḍapa cao 12 do tuần, bên trong Thiên kiệu là bảo tọa bằng ngọc maṇī rộng 1 do tuần, dành riêng cho Đức Kosiya ngồi. Maṇḍapa này rộng 30 do tuần, chung quanh có cặm cờ, mỗi lá cờ dài 1 do tuần, có chuông lá bồ đề treo ở chuôi cờ, khi có gió những chuông này phát ra âm thanh vi diệu như tiếng đàn.

Đức Thiên vương Sakka này tuy có mắt giống như mắt Chư Thiên nhưng mắt của vị ấy có khả năng nhìn thấy được các vật ở rất xa tương đương với 1000 con mắt, nên có danh hiệu là Sahassayana.

Lại nữa, người muốn trở thành Đế Thích, phải hội đủ 7 pháp:

1- Nuôi dưỡng cha mẹ.
2- Tôn kính bậc Trưởng thượng trong gia tộc.
3- Nói lời dịu ngọt.
4- Không nói lời đâm thọc.
5- Không bỏn xẻn.
6- Có sự chân thật.
7- Chế ngự được tâm sân hận.

Như trong Ekani Pātajātaka aṭṭhakathā có ghi rằng:

Mātāpettibharam jātuṃ
Kule jetthāpacāyinaṃ
Saṇhaṃ sakhilasambhāsaṃ
Pesuneyyappahāyinaṃ
Maccheravinaye yuttaṃ
Saccaṃ kodhābhibhuṃ naraṃ
Taṃ ve Devā tāvatiṃ sā
Āhu sappuriso iti.

Ai hiếu dưỡng cha mẹ
Kính trọng bậc gia Trưởng
Nói những lời nhu hòa
Là người nói chân thật
Chế ngự lòng bỏn xẻn
Từ bỏ lời đâm thọc
Nhiếp phục được phẫn nộ
Với con người như vậy
Chư Thiên Tam thập tam
Gọi là bậc tịnh sĩ.

-ooOoo-

Chuyện Liên Quan Với Thiện pháp đường

Như phần trước có nêu, cõi Tam thập tam này, nhiều chỗ có đạp kỳ diệu khác nhau, như thành Sudassana. Bốn khu vườn phổ thông ở bốn nơi, và hai khu vườn đặc biệt nữa là vườn Puṇḍarika và vườn Mahāvana. Vườn Mahāvana là nơi nghĩ khả ý của Thiên vương Sakka, những nơi này được xem như sự hỗ trợ cho khoái lạc hạnh phúc thuộc hiệp thế mà thôi. Riêng vườn Puṇḍarika tuy nhỏ nhưng là khu vườn đặc biệt, có tầm quan trọng hơn các khu vườn khác, vì là nơi tọa lạc của chỗ đáng cúng dường, như có Bảo tháp Cūḷamaṇī, có bảo tọa Paṇḍukambala dưới gốc cây Pāricchattaka (hoa tán lộng), là nơi an tọa của Đức Chánh-đẳng-giác ngự thuyết giảng 7 bộ Diệu-pháp. Và có giảng đường Sudhammā là nơi Chư Thiên hội lại nghe pháp.

Sudhammā là nơi tất cả Thiên nam lẫn Thiên nữ có tâm hướng về pháp, cùng nhau đi đến hội tụ lại nghe pháp thoại hay Đàm luận Pháp với Thiên đế Amarinda khi Ngài là vị chủ tọa.

Sudhammā này được làm bằng 7 loại ngọc báu, cao 500 do tuần, rộng 300 do tuần, dài 300 do tuần, chu vi giảng đường được 500 do tuần. Nền giảng đường được làm bằng ngọc pha lê, cột bằng vàng, những kèo, rui, mè, đòn tay... được hình thành bằng 7 loại ngọc báu. Nóc lợp bằng ngọc Indanila - Xa-phia xanh.

Trần nhà và cột dọc (đứng) được trang Hoàng với nhiều hình thức mỹ thuật xinh đẹp, bằng ngọc san hô. Chóp của đỉnh được hình thành bằng bạc, bên trong giảng đường, ngay chính giữa đặt một pháp tòa dành để thuyết pháp, cao 1 do tuần, làm bằng 7 loại ngọc báu, che phía trên là cây lọng trắng cao 3 do tuần. Cạnh pháp tòa là chỗ ngồi của Thiên vương Kosiya, kế tiếp là nơi ngồi của 32 vị Đại Thiên chủ Pajāpai, Varuṇa, Isāna... theo thứ lớp. Tiếp theo là chỗ ngồi các Đại Chư Thiên, rồi tiểu Chư Thiên tuần tự theo thứ lớp như thế. Thiện pháp đường này nằm cạnh cội hoa Pāricchattaka.

Cây Pāricchattaka (hoa tán lọng) này mỗi năm trổ hoa một lần. Khi sắp có hoa, lá cây sẽ có màu vàng úa, Chư Thiên nhìn thấy lá cây Pāricchattaka vàng úa, có sự vui mừng rằng: Không bao lâu nữa, cây Pāricchattaka sẽ trổ hoa, chúng ta sẽ được ngắm hoa Pāricchattaka. Rồi Chư Thiên năng tới lui Sudhammā để xem chừng. Đến lúc trổ hoa, tất cả lá đều rụng cuống, rớt xuống đất cả, chỉ có bông trổ đầy khắp cả cây. Bông hoa Tán-lọng có màu đỏ, ánh sáng thành tia chiếu sáng khắp chu vi rộng 500 do tuần. Bông hoa Tán-lọng này, không cần phải leo lên cây hái lấy, hay dùng cây hái, mà có một loại gió tên là Kantana-đoạn hoa phong- có phận sự thổi cho hoa ấy rụng xuống, khi hoa rơi xuống, không cần phải có đồ đựng như tráp... mà có một loại gió tên là Sampaṭicchana-tiếp thọ phong- có phận sự tiếp nhận hoa ấy không cho rụng xuống nền, kế có một loại gió tên là Pavesana có nhiệp vụ cuốn lấy hoa ấy đem vào Thiện pháp đường, rồi có một loại gió tên là Sammijjana có nhiệm vụ cuốn lấy hoa cũ ra và sau cùng là 1 loại gió tên là Santhaka có nhiệm vụ sắp xếp hoa ấy đàng hoàng cho để nhìn, không cho gom lại thành cụm, thành chùm.

Qui Ước Tụ Hội Nghe Pháp Trong Thiện pháp đường

Khi đến thời tụ hội nghe pháp. Đức Thiên vương Amarinda sẽ thổi tù và, tù và ấy có tên là Vijayuttara - Thượng thắng - tù và dài khoảng 120 hắc tay, tiếng vang dội khắp cả trong và ngoài thành Sudassana, mỗi lần thổi, tù và âm thanh vang suốt cả 4 tháng cõi nhân loại.

Thiên nam và Thiên nữ cõi Tam thập tam, khi nghe được tiếng tù và vang lên, mọi người cùng nhau đi đến giảng đường Sudhammā. Và hào quang từ thân, từ trang phục, từ vật trang điểm của Chư Thiên đã làm sáng rực SudhammaSālā.

Khi Thiên chúa thổi tù và xong, Thiên vương cùng với 4 vị Thiên hậu bèn rời khỏi lâu đài Vejayanta, ngự lên voi Erāvaṇa có khoảng 30 triệu Thiên chúng tùy tùng theo sau, cùng đi đến SudhammaSālā. Vị Pháp sư thường thuyết giảng Pháp nơi Sudhammā là Đại Phạm Thiên Sanaṅkumāra, nhưng đôi lúc đức Kosiya thuyết hoặc có vị Thiên tử nào là người trí tuệ, hiểu biết Pháp cũng trở thành Pháp sư khi ấy.

Lại nữa, Thiện pháp đường này không phải chỉ có riêng ở cõi Tam thập tam mà thôi, trong các tầng trời khác từ cõi Dạ-ma đến Tha-hóa-tự-tại cũng vẫn có Thiện pháp đường như thế.

Chuyện Đế Thích Tạo Phước Trong Phật Giáo

Đức Đế Thích hoặc Thiên vương Sakka là vị chúa tể của Chư Thiên trong hai cõi trời Tứ-Thiên-vương và Tam-thập-tam, trước thời kỳ giáo pháp của sa môn Gotama sanh khởi trong thế gian. Sự xinh đẹp, hào quang và Thiên cung cũng không tuyệt mỹ bằng 1 số tân Thiên tử mới thọ sanh sau này, Ngài chỉ có được duy nhất là quyền lực cao hơn mà thôi. Khi giáo pháp của Đức Thế Tôn Gotama hiện khởi thì sự xinh đẹp, hào quang cùng Thiên cung của Đức Đế Thích mới hoàn toàn tuyệt mỹ viên mãn. Điều này là do năng lực thiện nghiệp mà Đức Đế thích đã ngự xuống cúng dường Trưởng lão Mahā Kassapa như câu chuyện sau:

Thời Thiên vương thọ hưởng Thiên sản trong cõi Tam thập tam, Ngài nhìn thấy một số đại Thiên tử mới tái sanh lên, có hào quang, có Thiên cung mỹ lệ hơn mình nhiều, tuy Ngài vẫn là chúa của những vị ấy. Đức Thiên vương khởi sự suy nghĩ rằng: "Do nhân nào mà các tân Thiên tử này, có hào quang, Thiên cung xinh đẹp hơn ta như thế?". Đức Đế Thích biết được: "Sở dĩ có hiện tượng này, là vì những đại Thiên ấy đã tạo phước báu trong Phật giáo, khi Giáo pháp còn đang trụ, cho nên thiện nghiệp nào mà người đã tạo trong Phật giáo, sẽ có quả tối thắng". Đối với ta có hào quang kém, có Thiên cung không xinh đẹp bằng, do ta tạo phước trong thời không có Phật giáo vậy.

Sau khi biết được như thế, Đức Đế Thích cố gắng tìm dịp thuận lợi để tạo phước trong Phật giáo.

Vào một hôm, Đức Đế thích nhìn thấy Đức Mahā Kassapa vừa xuất Thiền diệt và định đang đi tế độ người nghèo tại một xóm nhà. Khi biết được như thế Đức Đế thích vô cùng hoan hỷ vì dịp may này đã chờ đợi từ lâu rồi. Ngài bèn rủ Thiên hậu Sujātā ngự xuống nhân giới, mang tịnh thực theo để cúng dường Trưởng lão.

Sau khi ngự xuống cõi người, hai vị hóa thân thành đôi vợ chồng Bà la môn nghèo khổ, đang dệt vải trong mái nhà tranh dột nát ở đầu xóm, trên đường mà Trưởng lão Mahā Kassapa sẽ ngự đến khất thực.

Riêng về Trưởng lão Mahā Kassapa sau khi xuất khỏi Thiền diệt, Ngài có tác ý là sẽ đi tế độ những người nghèo trong xóm nghèo ấy. Khi đến xóm nghèo, Ngài tuần tự khất thực, đứng yên lặng trước mái nhà đầu tiên. Thiên vương Đế Thích nhìn thấy Trưởng lão đang đứng trước cửa nhà mình, Ngài vội vả bước ra, bảo nàng Sujātā mang vật thực đến để Ngài đặt vào bát Trưởng lão. Nàng Sujātā liền lấy tịnh thực đã được chuẩn bị sẵn, đem đến cho chồng. Đế Thích nhận lấy tịnh thực ấy đặt vào bát của Trưởng lão.

Lúc đầu, Trưởng lão không biết rằng hai vợ chồng đặt bát này là Thiên Đế và Thiên hậu, Ngài cứ ngỡ là những người nghèo thông thường. Sau khi nhận vật thực, thì mùi thơm của tịnh thực tỏa ngát khắp xóm, Ngài biết được rằng: Đây không phải là loại vật thực của người nghèo. Vậy đôi vợ chồng này không phải là thường nhân, họ là ai nhỉ? Đức Mahā Kassapa dùng trí quán sát, biết được rằng: Chính là Thiên Đế và Thiên hậu trá hình. Trưởng lão Mahā Kassapa khi biết được như thế đã quở trách Thiên chúa Amarinda rằng:

- Này Kosiya, chính là ngươi ư? Mục đích của ta là đến tế độ người nghèo khổ nơi này, chứ chẳng phải là tế độ người có phước báu như Thiên chủ Đế Thích đâu.

- Bạch Ngài! Tôi cũng là người nghèo khổ, vì rằng: Tuy tôi là chúa cõi Tam-thập-tam, nhưng hào quang, Thiên cung của tôi vẫn kém xa một số vị đại Thiên, do vì tôi không có dịp tạo phước trong Phật giáo. Bây giờ, tôi được gặp Ngài, và có dịp may rồi, tôi mong muốn được tạo phước trong Phật giáo vậy, để hào quang và Thiên cung của tôi được trở nên thù diệu mỹ lệ, được sáng chói viên mãn. Chính do nhân này, tôi đã trá hình làm như thế.

Việc cúng dường đến bậc Lậu Tận vừa xuất Thiền diệt như Trưởng lão Mahā Kassapa, nên khi Đức Đế Thích sau khi trở về cõi Tam-thập-tam ấy, hào quang từ thân, từ Thiên cung cũng hiển lộ sáng chói, xinh đẹp, viên mãn thù diệu như vậy.

Đức Đế Thích Thành Bậc Dự Lưu Và Sẽ Là Vua Chuyển Luân Trong Nhân Loại

Đức Thiên đế Inda, sau thời pháp thoại được thuyết giảng bởi Đức Thế Tôn, nhằm đoạn nghi cho Đức Đế Thích. Vua trời Amarinda chứng đạt Dự-lưu quả và sống trong Thiên giới cho đến khi dứt tuổi thọ. Sau khi mạng chung từ cõi Tam-thập-tam sẽ được tái sanh vào nhân giới, là vị Chuyển-luân-vương và sẽ chứng đạt quả Nhất-lai. Sau khi mạng chung từ cõi nhân loại được sanh về cõi Tam-thập-tam và chứng quả Bất-lai tại nơi ấy. Từ cõi Tam-thập-tam, khi mệnh chung được tái sanh về cõi Tịnh-cư-vô-phiền, tuần tự sanh lên đến Sắc-cứu-cánh thiền và Níp- Bàn tại cõi ấy.

Câu chuyện được hiện khởi trong bài kinh Đế Thích sở vấn, trong Dīghānikaya.

Chuyện Asurindarāhu:

Trong cõi Tam-thập-tam thiên, có vị Chư Thiên tên là Asurindarāhu. Vị này có thân cao lớn nhất trong cõi trời dục. Thân của Asurindarāhu cao 4800 do tuần, khoảng giữa hai sườn vai là 112 do tuần, vòng tròn thân là 600 do tuần, bān tay bān chân to 300 dơ tuần, miệng to 300 do tuần, mỗi ngón tay dài 50 do tuần, vầng trán rộng 300 do tuần, đầu to 900 do tuần, trán rộng 300 do tuần, khoảng giữa hai chân mày là 50 do tuần. Sự cao lớn của Asurindarāhu này nếu đi xuống chỗ sâu của Đại dương nước của Đại dương chỉ ngập đến đầu gối.

Câu chuyện về sự cao lớn của Asurindarāhu và thần lực của Đức Thế Tôn như vầy:

Thiên tử Asurindarāhu được thọ hưởng ngôi vị thứ vương trong cõi Asura, ở dưới chân núi Tu Di. Khi được nghe danh truyền tốt đẹp về Đức Thế Tôn, là đấng Đại bi Chánh-đẳng-giác tại trú xứ của các Chư Thiên, vị ấy được thấy Chư Thiên rủ nhau đi đến yết kiến bậc Đạo-sư và nghe pháp từ nơi Ngài. Asurindarāhu có sự suy nghĩ rằng:

- Ta đây có thân cao lớn, nếu đi đến nơi ngụ của sa môn Gotama, là người có thân nhỏ bé, ta phải khom người xuống để xem Ngài. Điều này ta không làm được vậy.

Sau khi suy nghĩ như thế nên Asurindarāhu không đi đến nơi ngự của Đức Thế Tôn. Cho đến một lần nọ, Asurindarāhu được nghe Chư Thiên tán thán uy lực của Đức Thế Tôn, là uy lực quảng Đại vô lượng vô biên của đấng Chánh-giác, bèn suy nghĩa rằng: "Vị sa môn ấy thù thắng như thế nào mà Thiên nhân tán thán quá chừng như vậy? Ta cũng phải cố gắng đi xem 1 lần cho biết, nhưng ta sẽ phải khom lưng như thế nào đây để chiêm ngưỡng vị ấy, mới nhìn thấy được sa môn Gotama?".

Suy nghĩ như thế rồi, Asurindarāhu cũng đi đến nơi ngụ của Đức Thế Tôn.

Bây giờ, với Phật-nhãn, Đức Thế Tôn biết được ý nghĩ của Asurindarāhu, Ngài suy nghĩ rằng:

- Lần này Rāhu đến chỗ của Như-lai, Như-lai sẽ dùng oai nghi nào? Oai nghi đứng, oai nghi ngồi hay oai nghi đi hoặc oai nghi nằm?

Ngài lại suy nghĩ tiếp:

- Lẽ thường, người đi, đứng hay ngồi dù thấp cũng hiện bày giống như cao. Do đó, ta nên dùng oai nghi nằm đến Rāhu, cho Rāhu thấy Như-lai trong oai nghi nằm, bởi vì với ba oai nghi kia, Rāhu sẽ không thể thấy được Như-lai.

Khi suy nghĩ như thế xong rồi, Đức Thế Tôn phán dạy Trưởng lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Ngươi hãy mang giường của Như-lai, đặt cạnh Hương thất này đi, Như-lai sẽ nằm tại chỗ ấy.

Trưởng lão Ānanda sau khi nhận lời Đức Thế Tôn đã mang giường đặt cạnh Hương thất, rồi chính tại nơi ấy, Đức Thế Tôn an ngự trong oai nghi nằm với dáng nằm con sư tử.

Về phần Asurindarāhu, khi đến nơi ngự của đấng Chánh-giác y đã phải ngước mặt lên nhìn Ngài, ví như trẻ con ngước mặt nhìn mặt trăng vậy. Đấng Thế-y đã phán hỏi Asurindarāhu rằng:

- Này Asurindarāhu! Ngươi đến chiêm ngưỡng Như-lai, ngươi thấy thế nào?.

- Bạch Đức Thế Tôn! Con không thể thấy và hiểu biết được rằng:

Đức Thế Tôn có Đại uy lực như thế, có uy Đức Thù diệu như thế.

Con cứ ngỡ rằng: Ta sẽ phải khom lưng xuống để chiêm bái Đức Thế Tôn. Do nghĩ thế nên con đã lơ là, không đi đến nơi ngự của Ngài.

- Này Asurindarāhu! Như-lai khi tạo Pháp độ, Như-lai không hề có sự cúi mặt xuống, thậm chí trong việc tích trữ pháp độ ấy mà Như-lai luôn ngẫng mặt lên để thực hành Pāramī. Do lẽ ấy, người nào chiêm ngưỡng đấng Như-lai mà phải cúi mặt xuống nhìn, sự kiện ấy sẽ không xảy ra.

Sau khi nói như thế rồi, Đức Thế Tôn đã thuyết pháp thoại đến Rāhu. Dứt thời pháp Rāhu đã xin quy y nơi Đức Thế Tôn.

Dứt Cõi Tam thập tam.

-ooOoo-

III- NÓI Về CÕI DẠ MA

Định nghĩa:

Dukkhato yātā apagatāti = Yāmā.

Yāma được phân tích là: Ngữ căn YA + tiếp ngữ MA.

Chư Thiên được Gọi là Yāma vì đã viễn ly sự nóng bức.

Hoặc là: Dibbasukhaṃ yātā payātā sampattati = Yāmā.

Những Thiên nhân nào đã đến, đi đến, đạt đến Thiên lạc, những vị ấy Gọi là Chư Thiên Yāma - Dạ-ma vậy.

Cả hai định nghĩa này muốn ám chỉ đến Chư Thiên ở trong cõi trời Dạ-ma này, nếu ám chỉ đến cõi Dạ-ma thì có định nghĩa:

Yamānaṃ nivāsā = Yāma (Nivàsa taddhita). Cõi tức chỗ ở của những Chư Thiên đã xả ly sự khổ, đã đến Thiên lạc. Do vậy, cõi ấy Gọi là cõi Dạ-ma.

Cả ba định nghĩa trên là trình bày theo từ ngữ Pāli. Cho nên, từ Yāma này ám chỉ cho tất cả Chư Thiên ở tầng trời thứ ba, vì những Chư Thiên này có sự xả ly khổ nóng bức và có Thiên lạc. Do vậy, những Chư Thiên này Gọi là Dạ-ma.

Chỗ ở của những Chư Thiên Gọi là Dạ-ma ấy, được gọi theo chính tên của Chư Thiên.

Lại nữa, chức vị Thiên vương, vị chúa tể cai quản tất cả Chư Thiên ấy không phải chỉ có trong cõi Tam-thập-tam mà thôi, trong cõi khác cũng vẫn có vị Thiên chúa ấy. Vị Thiên chúa cõi Dạ-ma này có tên là Suyāma hoặc Yāma.

Vị Thiên chúa ở cõi Đẩu-suất tên là Santusiya. Vị Thiên chúa ở cõi Hóa-lạc là Sunimmita hay Nimmita. Vị Thiên chúa cõi Tha-hóa-tự-tại tên là Paranimmita.

Vì vậy, cõi trời thứ ba ấy, Gọi là Yāma là do gọi theo tên của chúa Yāma. Như có định nghĩa trình bày rằng: Yāmanāmakassa devarājassa nibbattoti = Yāma. Cõi của Thiên vương có tên là Yāma, do vậy cõi ấy Gọi là Yāma.

Cõi Yāma này nằm trong hư không, nên không có nhóm Bhummaṭṭhadevatā - Địa cư Thiên - mà chỉ có Ākāsaṭṭhadevatā là duy nhất. Thiên cung, Thiên sản, Thiên sắc thân của Chư Thiên cõi này vi tế hơn Chư Thiên cõi Tam-thập-tam, và tuổi thọ cũng lâu hơn nhiều.

Chu vi cõi Dạ-ma này trãi rộng ra bằng với bức tường Cakkavāḷa, và Thiên cung của các Chư Thiên ở cõi này đầy khắp.

Dứt Phần Trình Bày Cõi Dạ Ma

-ooOoo-

IV- NÓI VỀ CÕI ĐẨU SUẤT

Định nghĩa:

Niccaṃ tusanti ettha nibbattā Devāti = Tusitā.

Gọi là cõi Đẩu-suất, vì các Thiên nhân nơi cõi này thường có sự hoan hỷ và tươi vui.

Giải rằng: Cõi trời tầng thứ tư này là chỗ xả ly sự nhiệt não, mà chỉ mang lại sự hoan hỷ và sự hân hoan cho những người ở trong cõi ấy. Nên cõi này được gọi là cõi thù thắng.

Lại nữa, Chư vị Bồ-tát, trước khi hạ sanh về nhân giới để thành đạt quả vị vô thượng Chánh-đẳng-giác-tuệ, là sanh hữu cuối cùng, thường tái sanh về cõi Đẩu-suất này. Như đấng Chánh-đẳng-giác trong vị lai là Bồ-tát Mettreyya cùng với bậc Thượng Thinh Văn cùng thọ hưởng Thiên lạc nơi cõi Đẩu-suất này. Đến khi tuổi thọ của nhân loại là 100000 năm, Ngài sẽ cùng bậc Thượng Thinh Văn mạng chung từ cõi Đẩu-suất, hạ sanh về nhân giới, và sẽ đắc vô thượng Chánh-đẳng-giác-tuệ. Điều này cũng là nhân nói rằng: Cõi Đẩu-suất này thù thắng hơn những cõi trời khác. *(trích trong Anāgatavaṃsa aṭṭhakathā)*

Một định nghĩa khác của từ Tusita là:

Attano sirìsampattiyā tusaṃ pītiṃ itā gatāti = Tusitā.

Những Chư Thiên nào đã đến cùng với sự hoan hỷ và vui tươi trong Sirīsampatti của mình. Do vậy, những Thiên nhân ấy gọi là Tusitā.

Trong định nghĩa này, từ Tusitā ám chỉ tên của Chư Thiên mà thôi. Hoặc là:

Tusitānaṃ nivāsā = Tusitā.

Chỗ ở của Chư Thiên đã đến cùng với sự hoan hỷ và tươi vui trong Sirīsampatti của mình. Do vậy, chỗ ấy Gọi là Tusitā.

Định nghĩa này ám chỉ đến cõi.

Cõi Đẩu-suất này cách xa cõi Dạ-ma 42.000 do tuần, Chư Thiên ở trong cõi này chỉ có một nhóm duy nhất là Ākāsaṭṭhadevatā. Thiên cung, Thiên sản và Thiên sắc thân của Chư Thiên cõi này cũng vi tế thù diệu hơn Chư Thiên cõi Dạ-ma, tuổi thọ cũng lâu dài hơn.

Dứt phần nói về Chư Thiên cõi đẩu suất

-ooOoo-

V- NÓI VỀ CHƯ THIÊN CÕI HÓA LẠC

Định nghĩa:

Yathā rucite bhoge sayameva nimminitvà nimminitvā ramati etthāti = Nimmānarati.

Những Chư Thiên sanh trong cõi này tự hóa ngũ dục theo ý thích của mình, rồi hân hoan thỏa thích trong các cảnh ấy. Do vậy, cõi ấy Gọi là Nimmānarati.

Có định nghĩa nữa là:

Nimmārati etesanti = Nimmānaratino. Chư Thiên được Gọi là Nimmānarati ấy, do sự hoan hỷ thỏa thích trong ngũ dục mà tự mình đã hóa tạo.

Nimmānaratīnaṃ nivāsā = Nimmānaratī. Cõi của Chư Thiên thọ hưởng ngũ dục mà tự mình hóa tạo. Do vậy, cõi ấy Gọi là Nimmānaratī.

Giải rằng: Trong Thiên giới từ cõi Tứ-Thiên-vương, Tam-thập-tam, Dạ-ma, Đẩu-suất, cả 4 cõi này tất cả Chư Thiên đều có tình nhân. Nhưng trong cõi Hóa-lạc và cõi Tha-hóa-tự-tại thì không có tình nhân. Thiên nam, Thiên nữ trong cõi này, khi nào muốn hưởng dục thì tự hóa hiện ra tình nhân. Ở cõi Hóa-lạc này cách xa cõi Đẩu-suất là 42.000 do tuần, chỉ có duy nhất một loại Chư Thiên là Ākāsaṭṭhadevatā. Sự vi tế, xinh đẹp của Thiên cung và sắc thân của Chư Thiên ấy thì thù thắng hơn Chư Thiên cõi Đẩu-suất, tuổi thọ cũng dài hơn.

Dứt Phần Nói Về Cõi Hóa Lạc

-ooOoo-

VI- NÓI VỀ CÕI THA HÓA TỰ TẠI

Định nghĩa:

Attano ruciṃ ñatvā parehi nimmitesu bhogesu vasaṃ vatthanti etthāti = Paranimmitavasavatti.

Tất cả Chư Thiên sanh trong cõi này thọ hưởng ngũ dục từ nơi Chư Thiên khác biết được ý muốn, đã hóa tạo cho. Do vậy, cõi này có tên là Tha-hóa-tự-tại.

Hoặc là: Paranimmittesu bhogesu vasaṃ vattentīti = Paranimmitavasavattino.

Những Chư Thiên Gọi là Tha-hóa-tự-tại, do thọ hưởng dục lạc từ nơi Chư Thiên khác hóa tạo cho.

Paranimmitavasavattīnaṃ nivāsā = Paranimmitavasavatti.

Cõi của Chư Thiên hưởng ngũ dục từ nơi Chư Thiên khác hóa tạo cho. Do vậy, nơi ấy Gọi là Tha-hóa-tự-tại.

Giải rằng: Thiên nam, Thiên nữ trong cõi Tha-hóa-tự-tại này, khi muốn thọ hưởng năm dục khi ấy có Chư Thiên phục vụ, biết được ý sẽ hóa hiện theo như ý. Vì thế, tất cả Chư Thiên trong cõi Tha-hóa-tự-tại không có tình nhân riêng của mình, giống như cõi Hóa-lạc vậy.

Cõi Tha-hóa-tự-tại này ở cách xa cõi Hóa-lạc 42.000 do tuần. Chư Thiên trong cõi này chỉ là duy nhất Ākāsaṭṭhadevatā. Sự xinh đẹp, sự thù diệu của Thiên cung, Thiên sản và Thiên sắc thân cũng vi tế hơn Chư Thiên cõi Hóa-lạc. Và tuổi thọ cũng lâu hơn.

Dứt Phần Nói Về Cõi Tha Hóa Tự Tại

-ooOoo-

Người Cai Quản Cả Sáu Cõi Trời:

Vị có Đại quyền lực, thù thắng hơn tất cả Chư Thiên trong sáu cõi trời dục là Thiên tử Vasavattīmāra, ở cõi Tha-hóa-tự-tại. Thiên tử Māra này là vị tà Chư Thiên, không có tâm tịnh tín với Phật-giáo, thường gây trở Ngại cho đấng Chánh-giác. Từ khi Bồ-tát rời bỏ Hoàng cung đi xuất gia cho đến khi Ngài viên tịch rồi, sau 300 năm, vào thời Hoàng đế Dhammāsoka là Đức vua cai trị vương Quốc có kinh đô là Pātaliputta. Đức vua có tâm tịnh tín với Phật-giáo, Ngài đã cho xây tháp và Đại tự với số lượng mỗi loại là 84.000 để cúng dường Pháp-bảo, bởi Pháp-bảo có số lượng là 84.000. Đức vua cho kiến tạo ngôi Đại tháp tôn trí Xá-lợi Phật, để làm nơi lễ bái cúng dường.

Sau khi xây dựng xong, Đức vua đã tổ chức Đại lễ khánh thành các ngôi Bảo-tháp và Đại tự với thời gian là 7 tháng, 7 ngày. Trong lúc hành lễ, Thiên tử Māra này đã đến quấy rầy với nhiều cách do thần lực của mình. Nhưng sự quấy rầy của Māra ấy không thành, vì Trưởng lão Upagutta đã ngăn chặn và nhiếp phục được Māra, khiến cho vị ấy từ bỏ sự ương Ngạnh. Cuối cùng Māra đã từ bỏ tà kiến, trở lại tịnh tín với Phật-giáo và sẽ thành vị Chánh-đẳng-giác trong tương lai.

Việc Thọ Hưởng Dục Lạc Của Chư Thiên Trong Sáu Cõi Trời

Vấn đề này có hai luận thuyết là:

1- Luận thuyết của một số giáo thọ sư:

Các vị này cho rằng: Việc hưởng dục của Chư Thiên cõi Tứ-Thiên-vương và Đạo-lợi Thiên, hai nhóm Chư Thiên này khi hành sự giống như người vậy.

Chư Thiên cõi Dạ-ma hưởng dục bằng cách ôm hôn và xúc chạm thân lẫn nhau mà thôi.

Chư Thiên cõi Đẩu-suất hưởng dục chỉ cần chạm tay là xong việc.

Chư Thiên cõi Hóa-lạc khi hưởng dục là chỉ cần nhìn và mỉm cười với nhau, coi như xong việc.

Chư Thiên cõi Tha-hóa-tự-tại khi hưởng dục, chỉ cần dùng ánh mắt chạm nhau thì coi như là xong việc.

2- Luận thuyết của chú giải sư:

Các Ngài cho rằng: Việc hưởng dục lạc của Chư Thiên trong sáu cõi đều cùng hành sự theo một cách, không có gì sai khác nhau. Như trong Saṅgīti aṭṭhakathā có nêu rằng:

"Channampi kāmāvacarānaṃ kāmā pakātikā eva".

"Việc hưởng dục của Chư Thiên trong sáu cõi trời cũng diễn tiến bình thường y như cõi nhân loại".

Và Ngài cũng nói rõ rằng: Theo luận thuyết của một số giáo thọ sư thì diễn tiến hành sự ấy, sẽ không thể hiện trong thế gian này đâu. Bởi vì, theo lẽ thường sự hưởng dục nếu không có sự xúc chạm thân lẫn nhau, thì sự hưởng dục ấy không thành tựu được. Như trong Suttantapāthikavagga aṭṭhakathā, có ghi rằng: "Etaṃ pana natthīti paṭikkhittaṃ na hi kāyena aphussantassa phoṭṭabbaṃ kāmakiccaṃ sādheti".

Nghĩa là: Đại chú giải sư đã đồng ý bát bỏ luận thuyết của một số Chư giáo thọ sư, vì quả thật việc hưởng dục trong sự xúc chạm cảnh này, không thể làm cho thành tựu đến người không có sự xúc chạm thân lẫn nhau.

Giáo thọ sư Tirasakaṇḍavinayaṭīkā đã chấp nhận luận thuyết của chú giải sư với câu Pāli trình bày rằng: "Thật vậy, Chư Thiên trong sáu cõi dục, hành dâm với mãnh lực- khả năng của sự thành tựu đôi cặp y như nhân loại".

Trong bộ Kāthavatthu aṭṭhakathā có nêu rằng: "Sự xuất tinh không có đối với các Chư Thiên ấy."

Trong bộ Vinayaterasakaṇḍaṭīkā có nêu rằng: "Trưởng lão giáo thọ sư Dhamāpāla nói rằng: Sự xuất tinh thời không có với bậc Lậu-tận và Chư Phạm-Thiên."

Việc thọ dụng dâm pháp chỉ có ở cõi dục mà thôi, nhưng khi nói theo người thì không phải diễn tiến hết, tức là ngoại trừ bậc A-la-hán và bậc Bất-lai, vì những bậc này đã loại trừ việc thọ dụng phi diệu pháp (Asaddhamma), nhóm chúng sanh địa ngục và nhóm Ngạ quỉ Nijjhāmataṇhika cũng không thọ dụng dâm pháp, vì hai loại chúng sanh này thọ khổ bởi lửa thiêu đốt suốt, cho nên mới không có dịp để nghĩ đến điều này đâu.

Còn chúng sanh khác ngoài ra đó, thọ dụng hết tất cả, có kệ ngôn trình bày lời giáo giới trong vấn đề hưởng dục này như sau:

"Tại sao bậc thiện trí không chán ghét việc thọ hưởng dục mà liên hệ với đôi cặp được, vì bị sự khao khát với điều này luôn bức bách và sự lạc thú chỗ nhận từ việc thọ hưởng này cũng giống như sự lạc thú của nhóm Ngạ quỉ vậy.

Cõi Người Và Cõi Trời, Cõi Nào Nhiều Bậc Thánh Hơn?

Đáp rằng: Trong Thiên giới, bậc Thánh nhiều hơn.

Vì rằng: Trong thời Đức Phật, những cư sĩ và bậc xuất gia ở trong thành Sāvatthī và thành Rājagaha, thành Vesalī, Kosambi, Kapilavatthu ... những người này sau khi nghe pháp thoại của Đức Thế Tôn, chứng đạt Dự-lưu cũng có, Nhất-lai cũng có, mỗi xứ đôi khi có đến nhiều Koṭi- 10 triệu. Sau khi mệnh chung, những vị này thọ sanh về Thiên giới, một trong sáu cõi trời.

Riêng về Chư Thiên trong sáu cõi trời, khi có dịp nghe Pháp thoại của Đức Thế Tôn, như nghe 7 bộ Diệu-pháp. Kinh Chuyển-pháp-luân, kinh Mahāsamaya. Kinh Đại-niệm-xứ, kinh Vô-ngã-tướng, kinh Samacitta... cũng được chứng quả Dự-lưu, Nhất-lai với số lượng nhiều vô số kể. Vì thế, bậc Thánh trong 6 sõi trời không thể ước lược được là bao nhiêu.

Đối với bậc Bất-lai và bậc A-la-hán thì không tính vào trong số lượng này. Vì bậc Bất-lai không còn tái sanh vào Dục-giới, bậc A-la-hán thì viên tịch Níp- Bàn, cho nên bậc Thánh này có trong cõi người cũng không định được rằng số lượng ít hay nhiều hơn cõi trời được.

Sở dĩ bậc Thánh trong cõi người ít hơn trong cõi trời, là vì người tín thành Phật-giáo trong cõi người này ít quan tâm trong việc thực hành Minh-sát tuệ. Và muốn trở thành bậc Thánh, chuyển từ phàm tộc sang Thánh tộc, phải hội đủ 7 điều kiện là:

1- Phải là người Tam-nhân.
2- Từng tạo Ba la mật liên hệ với Pháp quán từ quá khứ.
3- Phải có sự tinh cần trong hiện tại.
4- Cách tu tiến quán phải đúng theo Chánh tạng và chú giải.
5- Có được trú xứ thích hợp với việc thực hành Minh-sát.
6- Không có 10 điều ràng buộc.
7- Phải được vật thực hợp thời.

Chính vì ít người quan tâm trong phận sự Minh-sát, nên khó tìm người hội đủ 7 pháp trên, và có người lại nghĩ sai rằng:

- Nếu tu tiến quán sẽ làm cho ta có danh tiếng tốt.

- Sẽ là chỗ tôn kính và tin tưởng cho mọi người, và sẽ làm cho cuộc sống của ta sẽ tiến triển dễ dàng.

Sự hiểu sai ấy chẳng phải ám chỉ cho tất cả mọi người, nơi đây chỉ muốn nói phần nhiều là thế. Do nhân ấy mới nói rằng: Bậc Thánh ở cõi người ít hơn cõi trời.

Có Phật ngôn khẳng định 5 chi căn bản, Gọi là Padhāniyaṅga dùng làm mực thước để tự khẳng định rằng: "Kiếp này ta có thể trở thành bậc Thánh được chăng? Năm chi ấy là:

1- Phải có tâm tịnh tín với Phật-Pháp-Tăng và vị thầy dạy thiền quán.
2- Phải có thân thể khỏa mạnh, vô bệnh.
3- Không có tâm man trá với thầy hoặc với bạn đồng tu.
4- Phải có sự tinh cần nhiệt tâm rằng: Dù máu và thịt của ta đây có khô cạn, chỉ còn da, gân, xương, ta quyết không từ bỏ sự tinh cần.
5- Hành giả phải tinh cần đạt được tuệ sanh diệt.

Phật ngôn làm căn bản để tự khẳng định mình là theo 5 chi trên. Khi người tự xét thấy rằng: Ta hội đủ năm chi ấy, nên an tâm rằng: Chắc chắn ta sẽ chứng ngộ Đạo quả trong kiếp này, còn như thiếu sót 1 trong 5 điều thì xem như không có hy vọng chứng Đạo quả trong kiếp này.

Sự Tiến Triển Phật Giáo Trong Cõi Người Và Cõi Trời

Khi nói đến sự tiến triển của Phật-giáo trong cõi người và cõi trời, thì có thể khẳng định rằng: Phật-giáo trong cõi trời tiến triển và sáng chói hơn cõi người. Vì đối với Phật-giáo muốn được tiến triển lan rộng, điều quan trọng là phải dựa vào Phật-giáo đồ. Nơi nào Phật-giáo đồ đông, nơi ấy Phật-giáo Tăng thịnh. Và khi bậc Thánh trong cõi trời nhiều hơn cõi người, điều này cho thấy rằng: Phật-giáo trong cõi trời hưng thịnh hơn nhiều, chính là vì có bậc Thánh nhiều.

Còn trong cõi người, quả thật Phật-giáo có rất ít. Nhưng nơi đây lại có điều đặc biệt hơn cõi trời là: Trong cõi người có Pháp-học, tức là việc dạy, học Tam-tạng, thuyết pháp, thính pháp. Cả bốn điều này có đầy đủ, còn cõi trời chỉ có hai điều là thuyết pháp và thính pháp.

Lại nữa, cõi trời không có Chư Tăng, chỉ có cõi người mới có Chư Tăng thôi.

-ooOoo-

TUẦN TỰ NÓI VỀ 16 CÕI SẮC GIỚI

16 cõi trời Sắc-giới này là trú xứ Chư Phạm Thiên, vậy từ Brahma này có ý nghĩa ra sao? Và hạng người nào? Từ Phạm Thiên Brahma, nghĩa là người tu tiến với ân Đức đặc biệt như thiền định chẳng hạn. Gọi là Brahma tức là Chư Thiên ở trong cõi Phạm Thiên. Có định nghĩa rằng:

Brūhanti vaḍḍhanti atipanītehi jhānādigunehīti = Brahmāno.

Những Chư Thiên phát triển tu tiến pháp thù thắng đặc biệt như thiền... Do vậy, những Chư Thiên ấy được Gọi là Phạm Thiên.

Giải rằng: Sự phát triển có hai: Là sự phát triển theo đời và sự phát triển theo Đạo pháp.

- Sự phát triển theo đời, là việc đầy đủ tài sản, danh vọng, tùy tùng, chỗ ở, chỗ nương, các vật thọ dụng, có trình độ và kiến thức về nghệ thuật thế gian, có tuổi thọ dài, có màu da xinh đẹp, có sự an lạc thân tâm, có sức mạnh. Những điều này, gọi là có sự phát triển theo đời.

- Sự phát triển theo Đạo pháp, là việc phát triển theo các loại thiện pháp như: Giới, Định, Tuệ hoặc Thiền, Thắng trí, Đạo-quả, Níp- Bàn. Hay làm Tăng Trưởng Pháp học, Pháp hành, Pháp thành. Những điều này gọi là có sự phát triển theo Đạo pháp.

Đối với người được gọi là Phạm Thiên, thường có sự phát triển cả đời lẫn Đạo. Sự phát triển theo đời của vị Phạm Thiên ấy là việc có tuổi thọ lâu dài, màu da xinh đẹp, thanh khiết có sự an lạc thù thắng, có thần lực mạnh mẽ, có Thiên cung rực rỡ xinh đẹp, có vườn hoa ngoại cảnh, có đồ chúng thích hợp. Các tài sản của hàng Phạm Thiên thù thắng đặc biệt hơn Chư Thiên cõi dục.

Sự tăng trưởng Đạo pháp của vị Phạm Thiên là: Việc có giới, định, tuệ hoặc Thiền chứng, thắng trí và phạm trú pháp. Việc phát triển các pháp có ân Đức đặc biệt như Thiền... cho nên mới Gọi là Phạm Thiên.

-ooOoo-

NÓI VỀ BA CÕI SƠ THIỀN

1- Phạm Chúng Thiên:

Định nghĩa: Parisati bhavā = Pārijjā. Hạng ở trong đồ chúng Gọi là Pārisajja, tức là hạng thông thường, không có quyền lực gì đặc biệt.

Brahmānaṃ Pārisajjā = BrahmApārisajjā.

Hạng Phạm Thiên đồ chúng của Đại Phạm Thiên, Gọi là Phạm Chúng Thiên, nghĩa là hạng Phạm Chúng Thiên này là tùy tùng của Đại Phạm Thiên.

Trong bốn cõi sắc là: Cõi Sơ-thiền, cõi Nhị-thiền, cõi Tam-thiền, cõi Tứ-thiền (ngoại trừ cõi chúng sanh Vô-tưởng). Cả 4 cõi, mỗi cõi đều chia Phạm Thiên ra thành ba bậc:

1- Phạm Thiên làm tùy tùng phục vụ cho Phạm Thiên thủ lãnh, gọi là Phạm Chúng Thiên.
2- Phạm Thiên là cố vấn giúp việc cho Phạm Thiên thủ lãnh, gọi là Phạm Phụ Thiên.
3- Phạm Thiên là thủ lãnh, gọi là Đại Phạm Thiên.

Cả ba hạng Phạm Thiên này đều có trong 4 cõi sắc. Từ Phạm Chúng Thiên này là tên của một hạng Phạm Thiên sanh trong cõi Sơ-thiền, và những chỗ sanh, chỗ nương của hạng Phạm Thiên này, cũng gọi là phạm chúng Thiên. Ở đây, lấy tên của người ở trong chỗ ấy và đặt tên cho chỗ ấy. Và ở đây đặt tên theo Tīhānayùpacāranaya, tức là đặt tên theo lối đa diện chứ không phải đặt tên theo lối trực diện.

Định nghĩa của từ Phạm Chúng Thiên cũng là tên của cõi như vầy:

BrahmApārisajjānaṃ nibbattāti = BrahmApārisajjā.

Tầng nào là chỗ sanh, chỗ nương của hạng Phạm Chúng Thiên, tầng ấy cũng là tầng Phạm Chúng Thiên.

2- Phạm Phụ Thiên:

Định nghĩa: Pure ucce tīhāne chanti tiṭṭhantīti = Purohitā. Người có chức vị cao, có vị trí là người chỉ dẫn trong mọi công việc của Đại Phạm Thiên, Gọi là Purohitā - Cố vấn. Hoặc:

"Pure ucce dhīyate thapiyatehi = Purohito". Người được sắp đặt trong chức vị là người dẫn dắt, Gọi là Purohita.

Hai định nghĩa này là người có chức vị Purohita.

Brahmānaṃ purohitā = Brahmapurohitā. Hạng Phạm Thiên làm cố vấn cho Đại Phạm Thiên, gọi là Phạm Phụ Thiên.

Từ Phạm Phụ Thiên này cũng là tên của hạng Phạm Thiên sanh trong cõi Sơ-thiền. Những chỗ sanh, chỗ nương của hạng Phạm Thiên này cũng có tên là Phạm Phụ Thiên, do lấy tên của người nương trong chỗ ấy mà đặt tên cho chỗ ấy.

Định nghĩa của từ Phạm Phụ Thiên cũng là tên của cõi như vầy:

"Brahmapurohitānaṃ nibbattāti = Brahmapurohitā". Tầng nào là chỗ sanh, chỗ nương của hạng Phạm Thiên cố vấn, tầng ấy Gọi là Phạm Phụ Thiên.

3- Đại Phạm Thiên:

Định nghĩa: Brūhati parivaddhatīti = Brahmā.

Người có sự phát triển với ân Đức đặc biệt như Thiền... Gọi là Phạm Thiên, tức người có sự phát triển trong thiền, thắng trí và tuổi thọ, dung sắc, an lạc, sức lực nhiều hơn nhân loại, cùng với tất cả Chư Thiên Dục-giới.

Mahanto brahmā = Mahābrahmā.

Vị Phạm Thiên lớn hơn cả (trưởng), Gọi là Đại Phạm Thiên, tức vị Phạm Thiên thù thắng, to trọng hơn cả Phạm Chúng Thiên và Phạm Phụ Thiên.

Đại Phạm Thiên có ba hạng là:

1- Đại Phạm Thiên có hào quang phát ra xa 1000 Cakkavāḷa, gọi là Sahassabrahma.
2- Đại Phạm Thiên có hào quang phát ra xa 2000 Cakkavāḷa, gọi là Dvisahassabrahma.
3- Đại Phạm Thiên có hào quang phát ra xa 3000 Cakkavāḷa, gọi là Tisahassabrahma.

Mahābrahmānaṃ nibbattāti = Mahābrahmā.

Chỗ sanh, chỗ nương của các vị Đại Phạm Thiên, gọi là tầng Đại Phạm Thiên.

Từ Đại Phạm Thiên ấy cũng là tên của hạng Phạm Thiên thù thắng vĩ Đại trong cõi Sơ-thiền, và chỗ của hạng Phạm Thiên này cũng Gọi là Đại Phạm Thiên, bởi lấy tên của người nương trong chỗ ấy và đặt tên cho chỗ ấy, giống như hai tầng đã trình bày trên.

Vị trí của bậc Sơ-thiền này không phải nằm theo thứ tự tầng bậc. Thật vậy, ba cõi Sơ-thiền này cùng nằm trong 1 lãnh vực như nhau, giống như lãnh vực của nhân loại. Lãnh vực này nằm giữa hư không, cách xa cõi Tha-hóa-tự-tại là 5.508.000 do tuần, đầy khắp Phạm cung, vườn hoa, hồ nước, được an lập trên nền hình thành bởi 7 loại báu, có hào quang vô cùng xinh đẹp. Trong ba cõi Sơ-thiền được chia ranh giới ra thành từng phần, một phần là trú xứ của Đại Phạm Thiên, một phần là trú xứ của Phạm Thiên, một phần là trú xứ của Phạm Chúng Thiên.

Tất cả đều cùng ở trong một lãnh vực với nhau. Nhưng sở dĩ gọi tên theo thứ tự tầng bậc, không phải mục đích lấy cõi, mà chỉ nương gọi theo chức vụ của Chư Phạm Thiên trong cõi Sơ-thiền này, như trong Dhammahadaya vibhaṅga aṭṭhakathā có nêu rằng: Ime tayopi janā pathamajjhānabhūmiyaṃ ekatale vasanti.

Cả ba hạng Phạm Thiên này ở trong cùng một lãnh vực của cõi Sơ-thiền. Có vị Đại Phạm Thiên là bậc cao trọng trong cõi Sơ-thiền. Sở dĩ biết được như thế cũng do nương vào ý nghĩa mà Đức Thế Tôn thuyết trong kinh Brahmajāla rằng:

"Khi thế gian bị diệt bằng lửa, bằng nước, bằng gió thì cõi Sơ-thiền này đều bị hủy hoại đi mỗi lần, và khi bắt đầu hình thành thế gian mới, trong cõi Sơ-thiền cũng có một vị Đại Phạm Thiên sanh lên trước, còn Phạm Phụ Thiên và Phạm Chúng Thiên, hai hạng này sanh đến sau".

Lại nữa, Ngài đã thuyết trong kinh Brahmasamyutta rằng: "Tatra sudaṃ bhikkhave brahmā (mahābrahmā) ca brahmaparisā ca brahmapārisajjā da ujjhāyanti khīyanti ..."

Theo đoạn Pāli trên, sau khi xét theo văn phạm thì thấy rằng: "Từ chỉ một vị Phạm Thiên là số ít, còn từ chỉ Phạm Phụ Thiên và Phạm Chúng Thiên thì dùng số nhiều. Do nhân này mới kết luận rằng: Chỉ có một vị Đại Phạm Thiên trong cõi Sơ-thiền.

-ooOoo-

NÓI VỀ BA CÕI NHỊ THIỀN

1- Cõi Thiểu Quang Thiên:

Định nghĩa: Parittā ābhā etesanti = Parittābhā. Phạm Thiên có hào quang ít hơn Phạm Thiên ở phía trên, gọi là Thiểu Quang.

Parittānbhānaṃ nibbattāti = Parittābhā. Chỗ sanh của Phạm Thiên Thiểu Quang, Gọi là Thiểu Quang.

2- Cõi Vô Lượng Quang Thiên:

Định nghĩa: Appamāṇā ābhā etesanti = Appamāṇābhā. Phạm Thiên có hào quang Vô Lượng, Gọi là Vô Lượng Quang Thiên.

Appamāṇābhānaṃ nibbattāti = Appamāṇābhā. Chỗ sanh của hạng Vô Lượng Quang Thiên, Gọi là Vô Lượng Quang.

3- Cõi Biến Quang (Quang Âm Thiên):

Định Nghĩa: Sarati nissaratīti = Sarā. Hào quang có chỗ chiếu phát Gọi là Sarā.

Ābhāsarā etesanti = Ābhassarā. Phạm Thiên có hào quang chiếu phát từ thân, Gọi là Ābhasarā.

Hoặc: "Ābhā saranti niccharanti etesūti = Ābhasarā. Hào quang chiếu phát từ thân của hạng Phạm Thiên nào, do vậy hạng Phạm Thiên ấy gọi là Ābhasarā.

Các Phạm Thiên Quang âm này, có sự sung mãn hỷ ở trong thiền của mình và được diễn tiến do mãnh lực của hỷ thường xuyên. Chính vì vậy, mới là cho tâm trạng của hạng Phạm Thiên này rất tinh khiết, khi tâm được tinh khiết rồi thì sắc tâm cũng được tinh khiết theo, và chính do mãnh lực của tâm thanh khiết là nhân cho thấy sắc quý tiết, tức sắc hiện khởi cho thành ánh hào quang cũng được tinh khiết. Vì thế, sở dĩ hạng Quang Âm Thiên có hào quang biến mãn khắp thân này là do mãnh lực của sắc quí tiết nương vào sắc tâm sanh, gọi là Cittapaccaya utujarūpa mà có sự thanh khiết hiện khởi.

Ābhassarā nibbattāti = Ābhasarā. Chỗ sanh của hàng Quang Âm Thiên, gọi là Quang Âm.

Từ Thiểu Quang, Vô Lượng Quang và Quang Âm. Cả ba tên này chính là tên của Chư Phạm Thiên, dùng tên cõi để đặt tên cho các hạng Phạm Thiên trong cõi ấy. Nơi đây, gọi tên theo Tīhānayūpacāranaya, giống như nhóm Phạm Thiên cõi Sơ-thiền vậy.

Cị trí ba cõi Nhị-thiền này nằm giữa hư không cách cõi Sơ-thiền 5.508.000 do tuần, phần nền của ba cõi này nằm trong lãnh vực, hình thành bằng 7 loại ngọc báu, đầy đủ với Thiên cung, vườn hoa, ao hồ và cây kiểng.

Ba cõi Nhị-thiền nằm giữa hư không ví như chiếc tàu lớn bồng bềnh giữa Đại dương. Và tất cả Chư Thiên trong ba cõi Nhị-thiền này:

- Hạng Thiểu Quang Thiên có chức vị như Phạm Chúng Thiên.
- Vô Lượng Quang Thiên có chức vụ như Phạm Phụ Thiên.
- Quang Âm Thiên có chức vị như Đại Phạm Thiên.

-ooOoo-

NÓI VỀ BA CÕI TAM THIỀN

1- Cõi Thiểu Tịnh

Định nghĩa: Parittā subhā etesanti = Parittasubhā. Phạm Thiên có hào quang xinh đẹp, nhưng ít hơn ở phía trên, Gọi là Thiểu Tịnh.

Parittasubhānaṃ nibbattāti = Parittasubhā. Cõi sanh của các Thiểu Tịnh Thiên, Gọi là Thiểu Tịnh.

2- Cõi Vô Lượng Tịnh

Định nghĩa: Appamāṇa subhā etesanti = Appamāṇasubhā. Phạm Thiên có hào quang xinh đẹp vô lượng, gọi là Vô Lượng Tịnh Thiên.

Appamāṇāsubhānaṃ nibbattāti = Appamāṇasubhā. Cõi sanh của các Vô Lượng Tịnh Thiên, Gọi là Vô Lượng Tịnh.

3- Cõi Biến Tịnh

Định nghĩa: Subhāki ākiṇṇāti = Subhākiṇṇā. Phạm Thiên có hào quang xinh đẹp biến mãn khắp thân, gọi là Biến Tịnh.

Subhākiṇṇānaṃ nibbattāti = Subhākiṇṇā. Cõi sanh của các Phạm Thiên Biến Tịnh, Gọi là Biến Tịnh.

Từ Subhā nơi đây ám chỉ đến sự xinh đẹp của hào quang phát ra từ thân của hàng Phạm Thiên ở cõi Tam-thiền này.

Hào quang như thế nào mới gọi là hào quang xinh đẹp.

Giải rằng: Hào quang xinh đẹp của các Phạm Thiên này có tướng trạng giống như hào quang của mặt trăng, tức ánh sáng hào quang ấy gom lại thành vòng tròn, không có sự rời rạc, chính vì vậy mới Gọi là Subhā, tức là hào quang xinh đẹp.

Từ Subhākiṇṇā này gọi là Subhakiṇhā cũng được, điều này diễn tiến theo văn phạm Pāli, tức là đổi Ā thành A, chữ ṇ thứ hai thành H, gom lại thành Subhakiṇhā. Hoặc muốn gọi là Subhakiṇṇā cũng được, không sai văn phạm. Như định nghĩa sau:

Subhena Kiṇṇāti = Subhakiṇṇā.Phạm Thiên có hào quang xinh đẹp biến mãn khắp thân, gọi là Biến Tịnh.

Từ Parittasubhā, appamāṇasubhā, subhakiṇhā. Cả ba từ này là tên của Phạm Thiên, nhưng sở dĩ cũng được gọi là tên của cõi như thế vì lấy tên của người ở trong chỗ ấy đặt tên cho chỗ ở ấy. Ba cõi Tam-thiền này nằm giữa hư không, cách cõi Nhị-thiền là 5.508.000 do tuần. Phần nền của ba cõi này nằm trong 1 lãnh vực, hình thành với 7 loại báu, đầy đủ với Thiên cung, vườn, ao hồ và cây kiểng.

Tất cả Phạm Thiên ở ba cõi Tam-thiền này:

- Thiểu Tịnh Thiên có chức vụ như Phạm Chúng Thiên.
- Vô Lượng Tịnh Thiên có chức vụ như Phạm Phụ Thiên.
- Biến Tịnh Thiên có chức vụ như Đại Phạm Thiên.

-ooOoo-

NÓI VỀ 7 CÕI TỨ THIỀN

1- Cõi Quãng Quả

Định nghĩa: Vipulaṃ phalaṃ etesanti = Vehapphalā.

Phạm Thiên có quả rộng lớn gọi là Quãng Quả.

Nơi đây từ Quãng Quả dịch từ chữ Nipphanna ấy, nếu theo định nghĩa, đáng lẽ sẽ là Vipulaphalā. Nhưng sở dĩ không diễn tiến theo từ này cũng vì ảnh hưởng của văn phạm, diễn tiến ấy như vầy: Vipula thành Veha, Pha thành Paya (Asadisa theo Dvābhāva). Vehapphalānaṃ nibbattāti = Vehapphalā. Cõi sanh của các Phạm Thiên Quãng Quả, Gọi là Quãng Quả.

Hoặc "Jhānānurūpaṃ visesena thitaṃ aneñjitaṃ puññaphalaṃ ettha atthīti vehapphalā".

Quả phước rộng lớn bất động (do nổ lực) đặc biệt theo thiền có trong cõi nào thì cõi ấy gọi là Quãng Quả.

Giải rằng: Quả phước hiện khởi trong ba cõi Sơ-thiền, ba cõi Nhị-thiền, ba cõi Tam-thiền. Cả 9 cõi này không Gọi là Quãng Quả, vì rằng, khi thế gian này bị diệt bằng nước thì ba cõi Nhị-thiền bị hoại, khi thế gian bị hoại bằng gió thì ba cõi Tam-thiền bị hoại. Tất cả Phạm Thiên nương trú trong các cõi này đều phải mạng chung, Thiên cung và Thiên sản của các vị ấy cũng bị hủy diệt theo.

Cả 9 cõi này, Phạm Thiên sanh trong tầng Biến Tịnh Thiên có tuổi thọ lâu nhất. Thọ lượng của Phạm Thiên Biến Tịnh này lâu đến 64 Đại kiếp, nhưng Phạm Thiên Biến Tịnh có thọ lượng tròn đủ 64 Đại kiếp đó, phải sinh cùng thời với thế gian khi mới tạo lập, còn những vị Phạm Thiên sanh lên

về sau, không tròn đủ mà phải giảm theo tuần tự, vì rằng: Trong số 64 Đại kiếp ấy, ba cõi Tam-thiền này sẽ bị hủy diệt 1 lần bởi gió.

Còn cõi Quãng Quả được thoát khỏi nạn hủy diệt, cho nên những vị Phạm Thiên sanh trong cõi này, dù sanh lên trong thời nào vẫn có thọ lượng là 500 Đại kiếp. Chính do nhân này, quả phước dẫn cho tái tục vào cõi này, được gọi là Quãng Quả, được sanh từ mãnh lực thiện ngũ thiền Sắc-giới tương ưng xả thọ. còn Phạm Thiên sanh lên trong ba cõi Sơ-thiền, là do mãnh lực thiện Sơ-thiền. Do mãnh lực thiện Nhị-thiền và Tam-thiền, sanh về cõi Nhị-thiền. Do mãnh lực thiện Tứ-thiền sanh về cõi Tam-thiền, đó là những tâm thiền tương ứng hỷ thọ.

Thông thường Thiền thiện tương ưng xả thọ là loại Thiền thù thắng bất động, cao hơn thiền Thiện tương ưng hỷ thọ. Cho nên, quả sanh từ Thiền thiện tương ưng xả thọ mới là quả thù thắng diễn tiến theo nhân.

Còn quả sanh từ Thiền thiện hỷ thọ thời không thù thắng và không kiên cố, cũng diễn tiến theo nhân như nhau.

2- Cõi Vô Tưởng

Định nghĩa: Natthi saññā etesanti = Asaññā.

Sở hữu tưởng không có với Phạm Thiên nào, hạng Phạm Thiên ấy Gọi là Vô-tưởng.

Ở đây, từ Vô-tưởng được trình bày bằng cách đưa sở hữu tưởng lên làm chủ, nhưng thật sự tâm và các sở hữu khác thuộc tứ danh uẩn cũng không có phần trình bày này, chỉ trình bày theo Upalakkhaṇa nidassana.

Hoặc: Natthi saññāmukhena cattāro arūpakkhandhā etesanti = Asaññā: Sở hữu tưởng làm trưởng trong tứ danh uẩn không có với vị Phạm Thiên nào. Do vậy, Phạm Thiên ấy Gọi là Vô-tưởng.

Asaññā ca te sattā cāti = Asaññāsattā.

Phạm Thiên không có tứ danh uẩn, do sở hữu tưởng là trưởng, nhưng Phạm Thiên này cũng gọi là chúng sanh, do vậy mới gọi là chúng sanh Vô-tưởng.

Phần đông mọi người đều hiểu rằng: Những vật nào không có danh uẩn, những vật ấy không gọi là chúng sanh, sự hiểu như thế không được đúng hoàn toàn, tức là chỉ đúng trong cõi dục, nhưng đối với cõi sắc thì không hoàn toàn là vậy. Có những vị Phạm Thiên sanh lên do mãnh lực ngũ thiền và có tưởng ly tham là căn bản, hạng Phạm Thiên này không có danh uẩn, chỉ có sắc uẩn duy nhất, nhưng vẫn xếp vào loại chúng sanh, vì có sắc mạng quyền gìn giữ. Cho nên Ngài giáo thọ sư Anuruddha mới trình bày rằng:

Chúng sanh liên hệ với Vô-tưởng, gọi là chúng sanh Vô-tưởng.

Asaññasattānaṃ nibbattāti asaññāsattā.

Cõi sanh của hãng Phạm Thiên Vô-tưởng, Gọi là chúng sanh Vô-tưởng. Chỗ gọi của cõi Quãng Quả và cõi Vô-tưởng là do lấy tên của người ở trong các cõi ấy đặt tên cho chính cõi ấy.

Hai cõi Tứ-thiền này nằm giữa hư không cách cõi Tam-thiền 5.508.000 do tuần. Phần nền của hai cõi này trong cùng một lãnh vực, được hình thành bằng 7 báu, đầy đủ với vườn hoa, ao hồ và cây kiểng.

Phạm Thiên trong cõi Quãng Quả và chúng sanh Vô-tưởng cũng được chia thành ba bậc chính, do liên quan từ sự khác nhau của thiện Ngũ-thiền, tức là nếu thiện Ngũ-thiền bậc hạ thì sanh vào trong chức vụ như Phạm Chúng Thiên, nếu là bậc trung thì sanh vào chức vụ như Phạm Phụ Thiên và nếu là bậc thượng thì sanh vào chức vụ như Đại Phạm Thiên.

Sở dĩ, Ngài giáo thọ sư không chia tên của chứ Phạm Thiên cõi Quãng Quả và cõi Vô-tưởng ra thành ba bậc giống như các Phạm Thiên ở những cõi thấp, vì các Phạm Thiên sanh ra trong hai cõi này đều có thọ lượng như nhau, và Phạm Thiên cõi Quãng Quả có khả năng nhìn thấy Phạm Thiên cõi Vô-tưởng. Riêng các Phạm Thiên ở cõi Sơ-thiền, Nhị-thiền, Tam-thiền thì không thể nhìn thấy

nhau được. Do nhân này, Ngài chú giải sư mới gom Phạm Thiên cõi Quãng Quả và Vô-tưởng vào gọi chung, không chia thành nhóm bậc.

Năm Cõi Tịnh Cư

Cõi Tịnh Cư này là cõi của bậc Bất-lai và bậc A-la-hán, tức là những bậc có sự thanh tịnh, còn những người khác ngoài ra, dù chứng Ngũ-thiền, nhưng vẫn không sanh vào được. Như câu định nghĩa: "Suddhānaṃ anāgāmi arahantānaneva āvāsāti = Suddhāvāsā". Cõi trú thanh tịnh của bậc Bất-lai và bậc A-la-hán, do vậy cõi này gọi là cõi Tịnh Cư.

Năm cõi Tịnh Cư, cõi Quãng Quả và cõi Vô-tưởng, gọi chung là cõi Tứ-thiền, vì sanh từ thiện Tứ-thiền (nói theo phần bốn) hoặc thiện Ngũ-thiền (theo phần năm).

Năm cõi Tịnh Cư này nằm giữa hư không và nằm thành từng bậc theo thứ tự cõi, không phải nằm trong cùng một lãnh vực như các cõi khác, cách cõi Quãng Quả và Vô-tưởng là 5.508.000 do tuần, mỗi cõi Tịnh Cư lại cách nhau 5.508.000 do tuần.

1) Cõi Vô Phiền

Định nghĩa: Appakena kālena attano tīhānaṃ na vijahantīti = Avihā. Các Phạm Thiên nào không rời bỏ trú xứ của mình, dù chỉ trong khoảnh khắc, các Phạm Thiên ấy gọi là Aviha. Hoặc:

Attano sampattiyā na hāyantīti = Avihā. Các Phạm Thiên nào không rời bỏ trú xứ của mình, dù chỉ trong khoảnh khắc Phạm Thiên ấy gọi là Aviha. Các Phạm Thiên nào với tài sản của mình không bị tổn giảm, các Phạm Thiên ấy Gọi là Avihā.

Nơi đây giải rằng: Phạm Thiên sanh trong cõi Vô-phiền, không rời bỏ trú xứ của mình, tức không chết trước khi hết tuổi thọ. đối với Phạm Thiên trong 4 cõi còn lại là Atappā, Sudassā, Sudassī, Akaniṭṭhā ấy dù chưa tròn đủ tuổi thọ, cũng có thể chết trước đi.

Hoặc những Thiên sản của những vị Phạm Thiên này vẫn tròn đủ suốt thọ lượng, không hề thay đổi bất luận 1 loại nào. Do nhân đó mới Gọi là Aviha.

Avihānaṃ nibbattāti = Avihā. Cõi sanh của những Phạm Thiên Vô-phiền, Gọi là Aviha.

Từ Aviha này chính là tên của Phạm Thiên ấy, còn tên của cõi sở dĩ cũng gọi giống như thế, là do lấy tên của Phạm Thiên ấy. Đặt tên cho cõi, và bốn cõi còn lại cũng diễn tiến như vậy.

2) Cõi Vô Nhiệt

Định nghĩa: Na tappantīti = AtapPā. Phạm Thiên không có sự nhiệt não, Phạm Thiên ấy Gọi là Vô-nhiệt.

Giải rằng: Tất cả Phạm Thiên Vô-nhiệt thường nhập Thiền, hoặc nhập Thiền quả, các phiền não là nhân khiến cho sanh nhiệt não ấy, không có cơ hội sanh khởi, nên tâm của nhóm Phạm Thiên này chỉ có sự an tịnh mát mẽ, không có loại nhiệt não nào cả.

Atappānaṃ nibbattāti = Atappā. Cõi sanh của các Phạm Thiên Vô-nhiệt, Gọi là Vô-nhiệt.

3) Cõi Thiện Hiện

Định nghĩa: Sukhena dissantīti = Sudassā. Phạm Thiên khi người khác nhìn thấy được sự an lạc, do vậy, Phạm Thiên ấy Gọi là Thiện Hiện.

Lại nữa: "Parisuddhehi pasādadibbadhammapaññā cakkhūhi sam pannattā suṭṭhu passantīti = Sudassā". Những Phạm Thiên nhìn thấy vật rất rõ ràng, do nhục nhãn hoặc Thiên nhãn, pháp nhãn, tuệ nhãn thanh tịnh, Gọi là Thiện-hiện.

Giải rằng: Phạm Thiên ở cõi Thiện-hiện này có thân rất xinh đẹp, nên bất luận người được nhìn thấy sẽ phát sanh an lạc. Bởi lẽ ấy, nhóm Phạm Thiên này có tên là Thiện-hiện.

Lại nữa, Phạm Thiên Thiện-hiện này đầy đủ với 4 loại nhãn là nhục nhãn, Thiên nhãn, pháp nhãn và tuệ nhãn.

Trong 4 loại nhãn này, mắt thường Gọi là nhục nhãn, Thiên nhãn thông Gọi là Thiên nhãn, hoặc mắt thường của Thiên nhân cũng được Gọi là Thiên nhãn, vì thông thường những vị Thiên nhân có mãnh lực nhìn thấy các vật ở xa hay vật nhỏ bé được dễ dàng. Ba trí Đạo thấp là Pháp nhãn. Minh sát tuệ, phản khán tuệ và các thắng trí Gọi là tuệ nhãn.

Sudassānaṃ nibbattāti = Sudassā. Cõi sanh của Phạm Thiên Thiện-hiện, Gọi là Thiện-hiện.

4) Cõi Thiện Kiến

Định nghĩa: Sukhena passantīti = Sudassī. Phạm Thiên nhìn thấy các vật khác bằng sự thoải mái, Gọi là Thiện-kiến.

Lại nữa: "Tato atisayena suṭṭhu dassanabhāvena samannāgatāti= Sudassī". Phạm Thiên khéo đầy đủ trong việc thấy mà thù thắng hơn nhóm Thiện-hiện, nên Gọi là Thiện-kiến.

Giải rằng: Phạm Thiên Thiện-kiến này, nói về 4 loại nhãn thì nhục nhãn, Thiên nhãn và tuệ nhãn, cả ba loại nhãn này thù thắng hơn Phạm Thiên Thiện-hiện, còn pháp nhãn thì bằng nhau.

Sudassīnaṃ nibbattāti = Sudassī. Cõi sanh của Phạm Thiên Thiện-kiến, Gọi là Thiện-kiến.

5) Cõi Akaṇṇitthā

Định nghĩa: Natthi kaniṭṭho etesanti = Akaniṭṭhā. Thiên sản và an lạc có không ít đối với các Phạm Thiên này. Do vậy, các Phạm Thiên này được Gọi là Akaniṭṭha.

Lại nữa: "Natthi rūpīnaṃ sattānaṃ majjhe kenaci guṇena kaniṭṭhabhāvo etesanti = Akaniṭṭhā.

Trạng thái chút ít với bất luận một Guṇasampatti nào giữa các chúng sanh hữu sắc, thời không có với các Phạm Thiên này. Do vậy, các Phạm Thiên này mới Gọi là Akaniṭṭha.

Akaniṭṭhānaṃ nibbattāti = Akaniṭṭhā. Cõi sanh của các Phạm Thiên Sắc Cứu Cánh gọi là Akaniṭṭhā.

Giải rằng: Phạm Thiên ở tầng thứ năm của cõi Tịnh-cư này, là Phạm Thiên có Guṇasampatti thù thắng hơn tất cả Phạm Thiên hữu sắc, vì Phạm Thiên ở tầng thứ 1-2-3-4 của cõi Tịnh-cư này, tức là Vô-phiền Thiên, Vô-nhiệt Thiên, Thiện-hiện Thiên, Thiện-kiến Thiên. Khi Chưa chứng quả A-la-hán, phải tuần tự sanh lên cõi Tịnh-cư trên, không sanh lại cõi cũ hoặc cõi thấp hơn. Riêng Phạm Thiên Sắc Cứu Cánh sẽ không sanh lại nữa. Tức Níp- Bàn tại chính cõi ấy, điều này cho thấy rằng: Phạm Thiên Sắc Cứu Cánh có ân Đức thù thắng về giới, định, tuệ hơn các Phạm Thiên hữu sắc.

Trong 5 cõi Tịnh-cư, không chia thành từng bậc như cõi Sơ-thiền, Nhị-thiền... cõi Vô-phiền chỉ có duy nhất là Phạm Thiên Vô-phiền, các cõi Vô-nhiệt, Thiện-hiện, Thiện-kiến, Sắc Cứu Cánh cũng y như vậy. Vì rằng: Thọ lượng của Chư Phạm Thiên mỗi cõi đều như nhau, đều có khả năng thấy nhau được. Do nhân này, mới không chia mỗi cõi ra thành 2 hoặc 3 hạng. Người sanh vào cõi Tịnh-cư này phải là bậc Bất-lai, dù đó là người, Chư Thiên hay Phạm Thiên cũng vậy, và phải chứng đắc Ngũ-thiền.

Sở dĩ Ngũ-tịnh-cư có 5 cõi, là do mãnh lực của 5 quyền:

- Vị có Tín quyền mạnh hơn 4 quyền kia, sẽ sanh về cõi Vô-phiền.
- Vị có Tấn quyền trội hơn, sẽ sanh về cõi Vô-nhiệt.
- Vị có Niệm quyền mạnh hơn cả, sẽ sanh về cõi Thiện-hiện.
- Vị có Định quyền mạnh hơn cả, sẽ sanh về cõi Thiện-kiến.
- Vị có Tuệ quyền mạnh hơn cả, sẽ sanh về cõi Sắc Cứu Cánh

-ooOoo-

VIỆC SAI BIỆT TÊN CỦA PHẠM THIÊN TRONG 15 CÕI SẮC
(trừ Phạm Thiên Vô tưởng)

Như phần trước đã trình bày, trong bốn cõi Phạm Thiên, mỗi cõi đều có ba hạng Phạm Thiên, như việc gọi tên của Phạm Thiên trong 3 cõi Nhị-thiền, 3 cõi Tam-thiền và 7 cõi Tứ-thiền không giống

việc gọi tên trong 3 cõi Sơ-thiền. Vì: Phạm Thiên trong cõi Sơ-thiền được gọi tên theo chức vụ, còn các cõi kia tuy cũng có chức vụ như Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên và Đại Phạm Thiên, nhưng cõi Nhị-thiền, cõi Tam-thiền gọi tên theo hào quang của các vị Phạm Thiên. Còn cõi Tứ-thiền thì gọi tên theo ân Đức Pháp, phát sanh trong các cõi ấy.

Việc gọi tên Phạm Thiên theo cách vừa trình bày, nhằm mục đích cho chúng sanh có sự hiểu biết về Chư Phạm Thiên sanh trong các cõi được dễ dàng nhớ tên gọi. Do nhân đó, sự gọi tên Phạm Thiên trong cõi sắc không giống nhau.

Nơi Đáng Cúng Dường Trong Sắc Cứu Cánh

Trong cõi Tam-thập-tam có chỗ đáng cúng dường là Bảo-tháp Cūḷamaṇī là nơi tôn trí răng nhọn bên phải và tóc của Bồ-tát cắt bỏ khi xuất gia.

Nơi Sắc Cứu Cánh này cũng có nơi đáng cúng dường quan trọng như là: Bảo-tháp Dussa, tôn trí những trạng phục của Bồ-tát mang trên người, lúc rời kinh thành đi xuất gia. Khi Ngài cởi bỏ những trang phục ấy, Phạm Thiên Ghātikāra từ cõi Sắc Cứu Cánh đi xuống, mang theo 8 món tư cụ bậc xuất gia đến dâng cho Bồ-tát và nhận lại những trang phục ấy, đem về tôn trí trong Bảo-tháp Dussa. Bảo-tháp này cao 12 do tuần.

Nói Về Thiên Sản Của Phạm Thiên

Như đã trình bày, trong sáu cõi trời dục, mỗi cõi có Thiên sản khác nhau như: Thiên cung, vườn hoa, ao, hồ, cây phát sanh tịnh thực cùng các vật khác, mỗi cõi có khác nhau.

Thiên sản trong cõi Phạm Thiên cũng có như cõi dục, nhưng có sự khác nhau là: Không có cây phát sanh tịnh thực. Và các Thiên cung, vườn hoa, ao, hồ ... đều thù thắng hơn Dục-giới Thiên.

Lại nữa, tuy Phạm Thiên có sự hoan hỷ với Thiên cung và vườn hoa của mình, nhưng tham dục triền cái không có, vì khi còn là nhân loại, đã tu tập pháp ly tham dục. Lại nữa, Phạm Thiên không hiện bày nam tướng hay nữ tướng, nhưng sắc tướng thì giống như nam nhân.

Đời sống của vị Phạm Thiên, có tu tiến 4 phạm trú, có vị nhập định, còn bậc Thánh thì nhập thiền quả.

Câu Chuyện Phạm Thiên Sahampati

Sau khi đấng Đạo-sư đạt được Vô-thượng Chánh-giác-tuệ, có Đại Phạm Thiên Sahampati từ cõi Phạm Thiên xuống cung thỉnh Ngài từ bi thuyết pháp tế độ chúng sanh. Có câu hỏi rằng: Vị Phạm Thiên này ở cõi nào?.

Đáp rằng: Đại Phạm Thiên Sahampati này ở tầng thứ ba cõi Sơ-thiền.

Tương truyền rằng trong thời giáo pháp của Đức Phật Kassapa, có hai vị Tỳ khưu bạn. Một vị hoan hỷ với pháp học, còn vị kia thì hoan hỷ với pháp hành. Vị pháp hành nỗ lực tu tiến chỉ và chứng đạt được Sơ-thiền. Sau khi mệnh chung được tái sanh về cõi Sơ-thiền là Đại Phạm Thiên, có tên là Sahampati. Vị Tỳ khưu hoan hỷ với pháp học, sau khi mệnh chung được sanh về cõi Dục-giới Thiên và trở thành bậc Đạo-sư Chánh-đẳng-giác của chúng ta, có hồng danh là Gotama.

Dứt Phần Trình Bày 16 Cõi Phạm Thiên

-ooOoo-

TRÌNH BÀY 4 CÕI SẮC

Định nghĩa:

1- Ākāsānañcāyatanassa bhūmi = Ākāsānañcāyatanabhūmi. Cõi của Thiền Không-vô-biên, Gọi là cõi Không-vô-biên xứ.

2- Viññāṇañcāyatanassa bhūmi = Viññāṇañcāyatanabhūmi. Cõi của Thiền Thức-vô-biên, Gọi là cõi Thức-vô-biên xứ.

3- Ākiñcaññāyatanassa bhūmi = Ākiñcaññāyatanabhūmi. Cõi của thiền Vô-sở-hữu, Gọi là cõi Vô-sở-hữu xứ.

4- Nevasaññānāsaññāyatanassa bhūmi= Nevasaññānāsaññāyatanabhūmi. Cõi của thiền Phi-tưởng-phi-phi-tưởng, Gọi là cõ Phi-tưởng-phi-phi-tưởng xứ.

Trong 4 cõi Vô-sắc này, mặc dù Gọi là 4, nhưng cõi này không hiện bày bất luận một hình dạng nào. Vì cõi này chỉ là hư không trống rỗng mà thôi. Phạm Thiên Vô-sắc là vị Phạm Thiên chỉ có 4 danh uẩn, không có sắc uẩn. Tứ danh uẩn ấy sanh diệt nối tiếp nhau không gián đoạn, kể từ khi tái tục đến khi mệnh chung.

Sở dĩ bốn cõi Vô-sắc Gọi là cõi, vì có nhóm tà ngữ nói rằng: "Nếu người không có sắc, chỉ có danh, trú xứ người ấy không gọi là cõi". Do vậy, Ngài giáo thọ sư Anuruddha mới trình bày là: Cõi Không-vô-biên xứ... nhằm xóa tan quan niệm của nhóm tà ngữ ấy.

Về điều này, lại có một số vị hiểu sai, cho rằng: Vị Phạm Thiên Vô-sắc, tuy không có sắc, nhưng trong cõi ấy cũng có Thiên cung, vườn tược, ao hồ, cây cảnh như cõi trời sắc giới. Đây cũng là tri kiến sai lầm, thật ra các Phạm Thiên Vô-sắc sanh lên do mãnh lực tu tiến ly tham hoan hỷ trong sắc (Virāgabhāvanā- tu tiến ly tham), vì cớ đó nên lãnh vực của Phạm Thiên Vô-sắc mới không có sắc hiện bày.

Trình bày khoảng cách giữa cõi nhân loại và địa ngục Vô-gián là 120.000 do tuần.

- Nhân loại cách cõi Tha-hóa-tự-tại là 252.000 do tuần.
- Nhân loại với cõi Phi-tưởng-phi-phi-tưởng là 71.856.000 do tuần.
- Giữa Địa đại ngục Vô-gián và cõi Phi-tưởng-phi-phi-tưởng là 71.876.000 do tuần.

Phân Chia Người Và Cõi Theo Gāthāsaṅgaha

Tiếp theo sẽ giải bài kệ Saṅgaha mà đã trình bày ở phần đầu:

1- Puthujjhanā na labbhanti	2- Ariyā nopalabbhanti
Saddhāvāsesu sabbathā	AsaññāPāyabhūmīsu
Sotāpannā ca sakadā	Sesatthānesu labbhanti
Gāmino cāpi puggalā.	Ariyanasiyāpica.

Kệ ngôn thứ I giải rằng: Bốn hạng phàm nhân, Sơ-Đạo, Nhị-Đạo, Tam-Đạo, Sơ-quả, Nhị-quả, 9 bậc này không có trong cõi Tịnh-cư. Ngay cả Tam-Đạo cũng không sanh khởi được trong cõi Tịnh-cư này. Ngài Anuruddha dùng danh từ PI - CŨNG. Còn 8 hạng kia thì Ngài dùng theo lối trực diện.

Dù giáo thọ sư Anuruddha không dùng PI, nhưng cũng biết được theo lý là: Người Tam-Đạo không hiện khởi trong cõi Tịnh-cư, vì Ngài chỉ trình bày từ Sakadāgāmino.

Lại nữa, người Đạo chỉ tồn tại 1 sát na, Tam-Đạo sanh khởi do nương vào người Nhị-quả. Mà ở đây, Ngài Anuruddha đã xác định rằng: Người Nhị-quả không có trong cõi Tịnh-cư. Khi không có người Nhị-quả, chắc chắn sẽ không có người Tam-quả.

Trong cõi Tịnh-cư chỉ có ba hạng người là: 1- Tam-quả ngũ thiền; 2- Vị Tứ-Đạo và 3- Vị Tứ-quả.

Trong ba hạng người này. Vị Tam- quả sanh lên được do mãnh lực tái tục, còn người Tứ-Đạo và Tứ-quả hiện khởi trong thời bình nhật nơi cõi ấy. Sở dĩ chia thành ba người như thế là do nương theo siêu lý chế định (Paramatthavohāra), nếu gọi theo tục đế chế định (Sammutivohāra) thì chỉ có 1 người. Vì: Vị A-na-hàm sau khi chết ở cõi Dục, hoặc cõi Sắc thấp, được sanh lên cõi Tịnh-cư do mãnh lực của Ngũ-thiền và quyền mạng. Sau khi sanh lên cõi Tịnh-cư, vị ấy tiếp tục tu quán chứng đạt A-la-hán Đạo, A-la-hán Quả, nên chỉ gọi là: Có 1 người theo tục đế chế định.

Kệ ngôn thứ II: Câu Pāli: "Ariyā nopalabbhanti asaññāPāyabhūmi". Nghĩa là: 8 bậc Thánh không có trong cõi Vô-tưởng và 4 cõi khổ, cả thời tái tục lẫn thời bình nhật. Theo ý nghĩa kệ ngôn Pāli này: Cả 8 bậc Thánh không bao giờ sanh trong 2 cõi là Vô-tưởng và cõi khổ, đó là nói riêng. Nếu nói chung thì ngay cả phàm tam nhân cũng không có trong hai cõi này, dù thời tái tục hay thời bình nhật. Vì rằng: Phàm tam nhân hiện khởi ở cõi nào, nơi ấy mới có bậc Thánh hiện khởi. Vì thế, tuy

Pāli văn chỉ đề cập đến 8 bậc Thánh, nhưng cũng nên hiểu có cả phàm tam nhân vậy. Còn phàm nhị nhân, Pāli văn ấy không đề cập đến có hay không (cả về phần riêng lẫn phần chung). Nhưng thật ra, phàm tam nhân cũng không sanh vào hai cõi ấy như nhau.

Quán xét thử xem: người nhị nhân có trong 4 cõi khổ cùng cõi Vô-tưởng được chăng? Đối với cõi Vô-tưởng thì không phải nghi ngờ gì cả, vì đây là cõi không có tâm thức, chỉ có sắc pháp. Riêng về bốn khổ cảnh thì có cả danh lẫn sắc, khi xét đến phần tế nhị, sẽ thấy rằng: Bốn cõi khổ là nơi tục sanh của tâm vô nhân bất thiện, nghĩa là sanh vào 4 cõi này là do mãnh lực của nghiệp bất thiện. Do đó, kết luận rằng: Người nhị nhân là người tái tục bằng tâm dị thục hai nhân, chắc chắn không sanh vào bốn cõi khổ.

Câu: "Sesaṭṭhānesu labbhanti ariyānariyāpica" Nghĩa là 21 cõi còn lại là: 7 cõi vui Dục-giới, 10 cõi Sắc và 4 cõi Vô-sắc, những cõi này là nơi sanh của 8 bậc Thánh và 3 hạng phàm nhân (trừ người khổ vô nhân).

Giải rằng: "Ariyānariyāpica" này, là sự trình bày liên hệ đến khắp hạng người. Nhưng nơi đây phải trừ người khổ vô nhân, vì đây là 21 cõi vui, nên người khổ vô nhân chắc chắn không sanh lên được 21 cõi này.

12 Hạng Người

- Bốn hạng phàm nhân là: Người khổ vô nhân, người lạc vô nhân, người nhị nhân và người tam nhân.
- Bốn Thánh Đạo là: Người Sơ-Đạo, người Nhị-Đạo, người Tam-Đạo và người Tứ-Đạo.
- Bốn Thánh Quả là: Người Sơ-quả, người Nhị-quả, người Tam-quả và người Tứ-quả.

Người Đạo và người Quả gọi chung là bậc Thánh.

Sự Phân Chia 31 Cõi Theo 12 Hạng Người

- Bốn cõi khổ là nơi sanh của người khổ vô nhân.
- Nhân loại và Tứ-Thiên-vương là nơi sanh của 11 hạng người (trừ người khổ vô nhân).
- Năm cõi trời: Đạo-lợi, Dạ-ma, Đẩu-suất, Hóa-lạc và Tha-hóa-tự-tại Thiên là nơi sanh của 10 hạng người là: 8 bậc Thánh, phàm tam nhân và phàm nhị nhân.
- 3 cõi Sơ-thiền, 3 cõi Nhị-thiền, 3 cõi Tam-thiền và cõi Quãng Quả. Mười cõi này là nơi sanh của 9 hạng người là: 8 bậc Thánh và phàm tam nhân.
- Cõi Vô-tưởng: là nơi sanh của người lạc vô nhân, chỉ có sắc tái tục mà thôi.
- Năm cõi Tịnh-cư là nơi sanh, trú của 3 hạng người: Bất-lai quả, A-la-hán Đạo và A-la-hán quả.
- Bốn cõi Vô-sắc: Là nơi sanh của 8 hạng người là: phàm tam nhân và 7 bậc thánh (trừ Sơ-Đạo).

214 Người Ở Trong 31 Cõi

- Bốn cõi khổ, mỗi cõi có 1 hạng người = 4 hạng.
- Cõi nhân loại và Tứ-Thiên-vương có: 2 x 11 = 22 hạng.
- Năm cõi vui Dục-giới còn lại có: 5 x 10 = 50 hạng.
- Mười cõi sắc phàm có được: 10 x 9 = 90 hạng.
- Cõi Vô-tưởng có: 1 hạng.
- Năm cõi Tịnh-cư có: 5 x 3 = 15 hạng.
- Bốn cõi Vô-sắc, mỗi cõi có 8 hạng = 32 hạng.

Tổng cộng 31 cõi có 214 hạng người.

Trình Bày Chín Hữu Tình Cư

1- Nānattakāyabhūmi: Cõi sanh của các chúng sanh hữu tình có thân dị: được 14 cõi là 11 cõi dục và ba cõi Sơ-thiền.
2- Ekattakāyabhūmi: Cõi sanh của những chúng sanh có thân đồng, được 12 cõi là: 3 cõi Nhị-thiền, 3 cõi Tam-thiền, cõi Quãng Quả và 5 cõi Tịnh-cư.
3- Nānātattasaññībhūmi: Cõi sanh của chúng sanh hữu tình có tưởng dị (tâm tục sinh khác), được

10 cõi: 7 cõi vui Dục-giới, 3 cõi Sơ-thiền.
4- Ekattasaññībhūmi: Cõi sanh của chúng sanh hữu tình có tưởng đồng, được 16 cõi: 4 cõi khổ, 3 cõi Sơ-thiền, 3 cõi Tam-thiền, cõi Quãng Quả, 5 cõi Tịnh-cư.
5- Asaññībhūmi: Cõi sanh của chúng sanh hữu tình vô danh uẩn có 1 cõi là cõi Vô-tưởng.
6- Cõi Không-vô-biên xứ.
7- Cõi Thức-vô-biên xứ.
8- Cõi Vô-sở-hữu xứ.
9- Cõi Phi-tưởng-phi-phi-tưởng xứ.

Trình Bày Diễn Tiến Của Sắc Và Thức Tái Tục

1- Nānattakāya nānattasaññī: chúng sanh có thân dị, tưởng dị, được 7 cõi: 7 cõi vui Dục-giới.
2- Nānattakāya ekattasaññī: chúng sanh có thân dị tưởng đồng, được 7 cõi là: 4 cõi khổ, 3 cõi Sơ-thiền.
3- Ekattakāyanānāttasaññī: chúng sanh có thân đồng tưởng dị, có 3 cõi là: 3 cõi Nhị-thiền.
4- Ekattakāya ekattasaññī: chúng sanh có thân đồng, tưởng đồng, được 9 cõi là: 3 cõi Tam-thiền, cõi Quãng Quả và 5 cõi Tịnh-cư.

Ghi chú: Cõi Vô-tưởng và 4 cõi Vô-sắc không xếp vào dị hay đồng, vì trong cõi Vô-tưởng không có danh uẩn, còn cõi Vô-sắc thì không có sắc uẩn. Do đó, 5 cõi này không xếp vào dị hay đồng.

Trình Bày 7 Thức Trú (Viññāṇatīhiti)

1- Nānattakāyanānattasaññībhūmi: Cõi thân dị tưởng.
2- Nānattakāya ekattasaññībhūmi: Cõi thân dị tưởng đồng.
3- Ekattakāyanānattasaññībhūmi: Cõi thân đồng tưởng dị.
4- Ekattakāya ekattasaññībhūmi: Cõi thân đồng tưởng đồng.
5- Ākāsānañcāyatanabhūmi: Cõi Không-vô-biên xứ.
6- Viññāṇañcāyatanabhūmi: Cõi Thức-vô-biên xứ.
7- Ākiñcaññāyatanabhūmi: Cõi Vô-sở-hữu xứ.

Ghi chú: Cõi Phi-tưởng-phi-phi-tưởng, tuy có danh uẩn, nhưng danh uẩn này không hiển lộ rõ rệt, bởi vậy mới không Gọi là cõi Thức-trú.

Trình Bày Cõi Tịnh Cư Trống Vắng Phạm Thiên

Theo Pāli này giải rằng: Các Phạm Thiên Tịnh-cư không hiện hữu luôn trong cõi Tịnh-cư. Vì đây là những Phạm Thiên có vị trí ngoài vòng luân hồi (Saṅkhāravaṭṭa), trong khoảng 100.000 Đại kiếp hoặc 1 a Tăng kỳ Đại kiếp ấy, nếu không có vị Phật nào xuất hiện trong thế gian thì Phạm Thiên cõi Tịnh-cư không có, nếu có chỉ có trong khoảng 16.000 Đại kiếp sau khi giáo pháp Đức Phật hoại diệt mà thôi. Ngài ví cõi Tịnh-cư này như những nơi hiện khởi theo pháp tánh (Dhammajāti). Khi Đức Chánh-đẳng-giác thuyết kinh Chuyển-pháp-luân thì những nơi ấy hiện khởi lên, khi Ngài giảng xong, ngự đi nơi khác, các điều kiện khởi theo Dhammajāti ấy cũng diệt và sẽ không hiện khởi lên nữa, cho đến khi giáo pháp của Đức Phật Mettreyya sanh khởi lên trong thế gian, khi ấy lại hiện khởi lên một lần nữa, và khi Ngài thuyết xong chỗ ấy cũng diệt đi như trước. Điều này như thế nào thì cõi Tịnh-cư cũng như thế đó, tức là khi giáo pháp Phật trãi qua 16.000 Đại kiếp, khi ấy cõi Tịnh-cư sẽ trống vắng Phạm Thiên. Vì Phạm Thiên tầng cao nhất là Sắc-cứu-cánh có tuổi thọ nhiều nhất là 16.000 Đại kiếp, rồi cũng Níp- Bàn. Các Phạm Thiên khác ở cõi thấp hơn, luôn đến Chư Thiên và nhân loại cũng là phàm nhân thôi, nên những người này khi mệnh chung từ các cõi ấy cũng không thể sanh về cõi Tịnh-cư được. Vì thế cõi Tịnh-cư trong lúc ấy cũng không có người nương trú và có trạng thái hoang vắng. Do đó, 5 cõi Tịnh-cư này không được xếp vào 9 tình cư hay 7 cõi thức trú. Lời được trình bày đây là lòi giải của Ngài Buddhaghosa.

Một quan điểm khác, là ý kiến của Trưởng lão Mahāsiva như vầy: Cõi tịnh-cư dù không có Phạm Thiên sanh lên trong khoảng giữa Suññakappa - Kiếp không - nhưng cũng từng có nương trú trong quá khứ, và sẽ nương trú trong tương lai, nên cõi Tịnh-cư được xếp và 9 hữu tình cư và 7 cõi thức

trú như nhau. Quan điểm của Trưởng lão Mahāsiva nêu lên, Ngài giáo thọ sư Buddhaghosa cũng thấy là hợp lý.

Trình Bày Cõi Bậc Thánh Sanh Lên, Không Tái Sanh Vào Cõi Khác

Có ba cõi là: Cõi Quãng Quả, cõi Sắc-cứu-cánh và cõi Phi-tưởng-phi-phi-tưởng. Ba cõi này là đỉnh cao của cõi, thù thắng hơn. Sở dĩ Gọi là đỉnh cao của cõi, thù thắng cõi ấy, bởi bậc Thánh từ Bất-lai trở xuống, khi sanh vào cõi ấy, sẽ không sanh vào cõi thấp hoặc cao hơn cõi ấy nữa. Đối với 3 bậc Thánh thấp, khi sanh vào aõi Quãng Quả và cõi Phi-tưởng-phi-phi-tưởng, nếu Chưa chứng đắc quả A-la-hán, sẽ tái sanh lại chính cõi ấy, cho đến khi chứng quả A-la-hán rồi Níp- Bàn chính nơi ấy.

Bậc A-na-hãm ở cõi Sắc-cứu-cánh thì chắc chắn sẽ đắc A-la-hán ngay trong kiếp đó, và Níp- Bàn ở nơi ấy. Không còn sanh lại nơi cõi nào khác nữa.

Trong Sammohavinodanī aṭṭhakathā có trình bày rằng:...Theo đoạn Pāli văn này không đề cập Phạm Thiên Dự-lưu và Phạm Thiên Nhất-lai, chỉ đề cập Phạm Thiên Bất-lai. Vì bậc Bất-lai bao gồm:

- Bhala anāgāmī: Phạm Thiên Bất-lai.
- Jhāna anāgāmī: Phạm Thiên Dự-lưu và Phạm Thiên Nhất-lai.

Vì thế, Phạm Thiên Dự-lưu và Phạm Thiên Nhất-lai được xếp vào trong từ Anāgāmino, vì theo thông thường người Bất-lai không sanh lại Dục-giới nữa, giống như Phạm Thiên Bất-lai nên mới dùng một từ rằng: Anāgāmino.

-ooOoo-

Sự Tái Sanh Đặc Biệt Của Phạm Thiên

Phạm Thiên trong 4 cõi Tịnh-cư thấp, sẽ không tái sanh lại cõi ấy, tức là khi mệnh chung những vị này không sanh vào cõi thấp hơn và cõi đó, nhưng sanh lên cõi Tịnh-cư cao hơn.

Bậc Thánh Phạm Thiên ở cõi khác (ngoài cõi Tịnh-cư) khi mệnh chung, sẽ sanh lại ngay chính cõi ấy hoặc cõi cao hơn, nhưng không sanh lại cõi thấp hơn.

Đỉnh Của Phạm Thiên Giới Hay Chỗ Gọi là Bhavagga

Trong 20 cõi Phạm Thiên ấy, cõi Quãng Quả được coi như cao nhất của 11 cõi sắc (trừ cõi Tịnh-cư), Gọi là Puthujjana bhavagga, nghĩa là cõi tột đỉnh của phàm phu.

Cõi Sắc-cứu-cánh được xem là cõi tột đỉnh của Thánh cư, Gọi là Ariyabhavagga: cõi tột đỉnh của bậc Thánh.

Cõi Phi-tưởng-phi-phi-tưởng xứ được xem là đỉnh cao nhất của Vô-sắc-giới, Gọi là Sabbabhavagga, nghĩa là cõi tột đỉnh của phàm và Thánh.

Phân Tích 12 Hạng Người Theo Jātikhetta Và Ānākhetta

Trong 12 hạng người: 4 hạng phàm có trong 100.000 Koṭi cakkavāḷa (luân vi), cũng là Āṇākhetta của một vị Phật, cả thời tục sinh lẫn thời bình nhật.

Tám bậc Thánh hiện hữu trong 10.000 luân vi cũng là Jātikhetta của một vị Phật, cả trong thời tục sinh lẫn thời bình nhật tương hợp với người.

Sở dĩ, bậc Bất-lai không (chấp nhận) tái sanh trong cõi Tịnh-cư nằm ngoài Jātikhetta, cũng vì những vị này không có Nikanṭitaṇhā, tức sự hoan hỷ với tái sanh. Và sở dĩ bậc Bất-lai hiện hữu trong 5 cõi Tịnh-cư ngoài Jātikhetta ở thời bình nhật, là vì bậc Bất-lai ở cõi Tịnh-cư Jātikhetta ấy, có sự hoan hỷ ở những nơi yên tịnh, không có nhiều nhóm người, nên mới đi đến đó.

Trình Bày Loại Kappa Và Sự Diễn Tiến Của Hoại Kiếp Và Thành Kiếp

Kappa (kiếp) có 4 loại là:

1- Āyukappa (thọ kiếp)
2- Antarakappa (vô gián kiếp)
3- Asaṅkheyya (A tăng kỳ kiếp)
4- Mahākappa (Đại kiếp).

1- Āyukappa (thọ kiếp)

Thời nào nhân loại có tuổi thọ từ a Tăng kỳ năm, giảm dần đến chỉ còn 10 tuổi, thời ấy Gọi là Āyukappa. Đây là dựa theo quy trình tuổi thọ để gọi. Như vào thời Đức Phật, khi ấy Āyukheyya của nhân loại là 100 năm, cũng được xem Āyukappa thời ấy là 100 năm, kế đến Kheyya giảm xuống, đến thời hiện tại là 75 năm, dựa vào 75 năm này được Gọi là Āyukappa, tức là Āyukheyya 75 năm. Trong cõi trời dục và cõi Phạm Thiên cũng tương tự như vậy, như cõi Tứ-Thiên-vương có tuổi thọ là 500 năm cõi ấy, dựa vào 500 năm Chư Thiên ấy, là Āyukappa của cõi Chư Thiên Tứ-Đại-Thiên-vương. Trong cõi Phi-tưởng-phi-phi-tưởng có tuổi thọ là 84.000 Đại kiếp, đó cũng là Āyukappa của Phạm Thiên cõi ấy.

Như có định nghĩa rằng:

Kappīyate paricchijjateti = Kappo. Các bậc trí nên xác định tuổi thọ của chúng sanh, xem có số lượng là bao nhiêu, do vậy các tuổi thọ của chúng sanh mới Gọi là kiếp.

2- Antarakappa (vô gián kiếp)

Đặc tính của Antarakappa này được tính như sau:

Vào thời sơ kiếp tuổi thọ chúng sanh là 1 a Tăng kỳ năm là thọ kiếp, dần dần tuổi thọ giảm xuống đến 10 năm, là thọ kiếp tối thiểu. Rồi là từ từ Tăng lên đến 1 a Tăng kỳ năm là thọ kiếp cao nhất. Chu kỳ như thế được Gọi là Antarakappa.

3- Asaṅkheyyakappa (A Tăng kỳ kiếp)

Số lượng của Antarakappa như được trình bày, cứ 64 Antarakappa là 1 Asaṅkheyyakappa.

Một số giáo thọ sư cho rằng: 20 Antarakappa là 1 Asaṅkheyyakappa, vị giáo thọ sư khác thì cho là 80 Antarakappa là 1 Asaṅkheyyakappa. Và các vị chiêm tinh cổ xưa thì cho rằng 14 Antarakappa là 1 Asaṅkheyyakappa.

Asaṅkheyyakappa có 4 loại là:

1) Saṃvaṭṭa asaṅkheyyakappa (hoại kiếp).
2) Saṃvaṭṭathāyī asaṅkheyyakappa (không kiếp).
3) Vivaṭṭa asaṅkheyyakappa (thành kiếp).
4) Vivaṭṭathāyī asaṅkheyyakappa (trụ kiếp).

1) Saṃvaṭṭa asaṅkheyyakappa (hoại kiếp).

Lúc luân vi (Cakkavāḷa) có số lượng 100.000 Koṭi luân vi đang hoại thì Gọi là Saṃvaṭṭa asaṅkheyyakappa. Có định nghĩa rằng: "Saṃvaṭṭatīti = Saṃvaṭṭa: Kiếp đang hoại gọi là Saṃvaṭṭa".

2) Saṃvaṭṭathāyī asaṅkheyyakappa (không kiếp).

Luân vi chỗ bị hoại cho đến không còn dư sót gì cả, chỉ còn trống không, Gọi là Saṃvaṭṭathāyì asaṅkheyyakappa.

Có định nghĩa rằng:

Saṃ vaṭṭo hutvà tiṭṭhayīti = Saṃvaṭṭathāyī.

Luân vi chỗ đã bị hoại, chỉ còn lại sự hại cho nên Kappa ấy gọi là Saṃvaṭṭathāyī.

3)Vivaṭṭa asaṅkheyyakappa (thành kiếp).

Sau khi luân vi bị hoại hết và bắt đầu hình thành luân vi mới, gọi là Vivaṭṭa asaṅkheyyakappa. Có định nghĩa rằng:

Vivaṭṭatīti = Vivaṭṭo. Kiếp đang tuần tự hình thành, gọi là Vivaṭṭa.

4)Vivaṭṭathāyī asaṅkheyyakappa (trụ kiếp).

Luân vi khi hình thành, là hình thành được đầy đủ cả 100.000 Koṭi luân vi, hoàn chỉnh với Đại cầu, núi, rừng, Đại dương, sông, mặt trời, tinh tú, mặt trăng, người, thú, y như luân vi cũ, gọi là Vivaṭṭathāyì asaṅkheyyakappa. Có câu định nghĩa rằng:

Vivaṭṭo hutvā tiṭṭhatīti = Vivaṭṭatīhāyī.

Kiếp đã hình thành đầy đủ với những chỗ sai biệt và an trụ bình thường, do vậy kiếp ấy Gọi là Vivaṭṭatīhāyī.

4- Mahākappa (Đại kiếp)

Cách tính Đại kiếp như vầy: Cứ 4 Asaṅkheyya kappa là 1 Đại kiếp. Mỗi Mahākappa có thời gian lâu dài không thể ước lượng được bao nhiêu. Ngài ví thời gian dài như thế này: Có mãnh đất dài và rộng đều nhau 100 do tuần, đổ đầy hạt cải trên đó, mỗi hạt cải ứng với 100 năm, khi hết số lượng hạt cải ấy, bấy giờ cũng Chưa đủ số lượng thời gian của 1 Đại kiếp. Đây chỉ là sự ví dụ thôi, thật ra thời gian của Đại kiếp không sao ước lượng được. Có định nghĩa rằng:

Sāsaparāsopamādīti kappiyatīti = Kappo. Các bậc hiền trí nên tính sự trụ của thế gian bằng các ví dụ như đống hạt cải ... cho nên sự trụ của thế gian gọi là kiếp tức là Đại kiếp.

Lại nữa, Đại kiếp có hai là:

a- Suññakappa: Ám chỉ kiếp không đấng Chánh-giác, Độc-giác, và vua Chuyển-luân sanh lên.
b- Asuññakappa: Ám chỉ kiếp có Đức Chánh-đẳng-giác, Độc-giác hay Chuyển-luân-vương sanh lên.

Suññakappa lại có 4 loại là:

1- Suññamahākappa: Là Đại kiếp không có Đức Phật sanh lên.
2- Suñña asaṅkheyyakappa: Là Saṃvaṭṭa asaṅkheyyakappa, Saṃvaṭṭatīhāyī asaṅkheyyakappa, Vivaṭṭa asaṅkheyyakappa.
3- Suñña antarakappa: Là Vô-gián kiếp ấy không có Đức Phật sanh lên.
4- Suñña āyukappa: Là khoảng nhân loại có tuổi thọ nhiều hơn 100.000 trở lên, và khoảng nhân loại có tuổi thọ 100 tuổi trở xuống.

Asuññakappa có 5 là:

1- Sārakappa: Là Đại kiếp có một vị Phật sanh lên.
2- Maṇḍakappa: Là Đại kiếp có hai vị Phật sanh lên.
3- Varakappa: Là Đại kiếp có ba vị Phật sanh lên.
4- Sāramaṇḍakappa: Là Đại kiếp có bốn vị Phật sanh lên.
5- Bhaddakappa: Là Đại kiếp có năm vị Phật sanh lên.

Đại kiếp có 6 hay 7 vị Phật sanh lên có chăng?

Giải rằng: Thông thường Chư Phật sanh lên trong mỗi Đại kiếp, ít nhất là 1 vị, nhiều nhất là 5 vị. Đại kiếp mà có Đức Chánh-đẳng-giác sanh lên thì không có. Như trong Anāgatavaṃsa aṭṭhakathā có nêu rằng:

Thật vậy, không có 6 hoặc 7 vị Phật sanh lên trong 1 Đại kiếp.

Giải Rộng Về Saṃvaṭṭa Asaṅkheyyakappa Tức Hoại Kiếp

Saṃvaṭṭa asaṅkheyyakappa có ba loại là:

1- Tejo saṃvaṭṭa asaṅkheyyakappa: là kiếp hoại với lửa.
2- Āpo saṃvaṭṭa asaṅkheyyakappa: là kiếp hoại với nước.
3- Vāyo saṃvaṭṭa asaṅkheyyakappa: là kiếp hoại với gió.

Tổng số Đại kiếp bị hoại với lửa, nước và gió ấy là 64 Đại kiếp. trong 64 Đại kiếp này, hoại do lửa có đến 56 Đại kiếp, hoại do nước là 7 Đại kiếp và hoại do gió là 1 Đại kiếp. cả 64 Đại kiếp này gom chung lại là 1 Đại chu kỳ.

Đại chu kỳ ấy được chia thành 8 tiểu chu kỳ, mỗi tiểu chu kỳ là 8 Đại kiếp.

Tiểu chu kỳ thứ nhất bị hoại do lửa từ Đại kiếp thứ nhất đến Đại kiếp thứ 7 Đại kiếp thứ 8 là bị hoại do nước.

Tiểu chu kỳ thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7 cũng diễn tiến y như tiểu chu kỳ thứ nhất.

Riêng tiểu chu kỳ thứ 8, thì Đại kiếp thứ nhất đến Đại kiếp thứ 7 cũng hoại do lửa, nhưng Đại kiếp thứ tám thì hoại do gió. Đây là sự hoại cuối cùng của Đại chu kỳ vào Đại kiếp thứ 64.

Như trong Visuddhimagga aṭṭhakathā và Sāratthadīpanīṭīkā có ghi rằng: "Đại kiếp bị hoại do lửa 7 lần, lần thứ tám bị hoại do nước. Khi tròn đủ 64 Đại kiếp, Đại kiếp thứ 64 bị hoại do gió."

Bản đồ trình bày sự hoại của thế gian trong 64 Đại kiếp.

Đại kiếp bị hoại do lửa, lửa cháy hết 3 cõi Sơ-thiền, nếu bị hoại do nước thì sẽ ngập hết 3 cõi Nhị-thiền, nếu hoại do gió thì tuêu hủy luôn cả 3 cõi Tam-thiền, tức là hoại hết cõi Subhakiṇha thì dứt (Biến-tịnh-Thiên).

Như trong Visuddhimagga và Sāratthadīpanī ṭīkā ghi rằng: "Khi thế gian bị hoại với lửa, chỉ hoại dưới cõi Quang Âm Thiên trở xuống. Khi hoại với nước, chỉ hoại dưới cõi Biến-tịnh Thiên trở xuống. Khi hoại dưới gió thì dưới cõi Quãng Quả trở xuống. Sự hoại của thế gian diễn tiến như vậy."

Trình Bày Rộng Về Ranh Giới Bị Hoại

Nói rộng theo Ānākhetta đến 100.000 Koṭi luân vi (Cakkavāḷa) cũng là Ānākhetta của vị Phật Chánh-giác, sự hoại do lửa, do nước, do gió đều đi đến ranh giới này. Ranh giới của vị Phật Chánh-giác có 3 là: Jātikhetta, Āṇākhetta và Visayakhetta.

1- Jātikhetta: Xác định với 10.000 luân vi, vì do nhân rằng:

Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, khi đản sanh, khi thành bậc Chánh-giác và khi Ngài Níp- Bàn, cả 10.000 Cakkavāḷa này rung động, chuyển mình cho nên được Gọi là Jātikhetta (sanh vức).

2- Āṇākhetta (uy vức): Xác định với 100.000 Koṭi cakkavāḷa, do nhân oai lực kinh Pāritta như KhandhApāritta, ĀṭāṇātiyApāritta, DhajaggApāritta, MorApāritta, Ratanasutta. Các bài kinh này gây ảnh hưởng khắp 100.000 koṭi cakkavāḷa, nên được gọi là Āṇākhetta (uy vức).

3-Visayakhetta (tuệ vức): Là Anata lakadhātu liên hệ với Cakkavāḷa vô lượng, không có chỗ cùng tận, vì rằng: trí tuệ của bậc Chánh-đẳng-giác, quán tri xuyên thấu các Anantalokadhātu này nên mới Gọi là Visayakhetta.

Trong ba loại ranh giới ấy, khi Āṇākhetta có số lượng là 100.000 Cakkavāḷa bị hoại thì Jātikhetta cũng hoại theo, vì Āṇākhetta và Jātikhetta khi bị hoại cũng bị hoại một lượt, khi hình thành cũng hình thành một lượt, còn đối với Visaya thì không đồng nhất, lúc hoại hay lúc hình thành, mà lại diễn tiến theo luân phiên mỗi lần.

Xác Định Thời Thế Gian Hoại

Trong thời hiện tại đây, được xem là Vivaṭṭatīhāyī asaṅkheyyakappa. Và khi Vivaṭṭatīhāyī asaṅkheyyakappa này, khi tròn đủ 64 Antarakappa (vô gián kiếp), cùng với tuổi thọ của nhân loại

khi nhân loại từ a Tăng kỳ năm xuống còn 1000 năm. Hai yếu tố này khế hợp với nhau vào lúc nào thì lúc ấy thế gian đã đến thời kỳ hoại.

Nhân Khiến Cho Thế Gian Hoại

Nguyên nhân chính khiến cho thế gian hoại là Tham, sân, Si.

Thời nào chúng sanh bị tham trói buộc mạnh, khi đến thời hoại sẽ bị hoại do lửa, vì nhân tham ấy nóng như lửa.

Thời nào chúng sanh bị sân trói buộc mạnh, khi hoại sẽ hoại do nước, vì nhân sân này ác liệt ví như nước acít.

Thời nào chúng sanh bị si mê trói buộc mạnh, khi hoại sẽ hoại do gió, vì nhân si ấy ví như gió acít. Vì nhân tham, sân, si có tác hại như thế nào, cho nên Lokadhātu - thế gian giới - mới bị hoại như đã trình bày.

Kolāhala Tức Tiếng Vang Động Có 5 Là:

1- Kappakolāhala: Tiếng kêu vang động rằng: Kể từ nay trở đi 1000 năm nữa, thế gian sẽ bị diệt.

2- Buddhakolāhala: Tiếng kêu vang động rằng: Kể từ nay trở đi 1000 năm nữa, sẽ có Đức Phật xuất hiện trong thế gian.

3- Cakkavattikolāhala: Tiếng kêu vang động rằng: Kể từ nay trở đi 100 năm nữa, sẽ có vua Chuyển-luân-vương hiện khởi.

4- Maṅgalakolāhala: Tiếng kêu vang động rằng: Trong khoảng 12 năm nữa, Đức Phật sẽ thuyết giảng 38 pháp hạnh phúc.

5- Moneyyakolāhala: Tiếng kêu vang động rằng: Trong 7 năm nữa sẽ có người thực hành Moneyya - tịnh hạnh - phát sanh trong thế gian.

Giải Rộng Về Thế Gian Hoại Do Lửa

Khi thế gian sắp hoại với lửa, trận Mahāmegha (Đại vũ) đã rơi xuống, báo hiệu kiếp hoại (Kappavinasā). Trận mưa ấy rơi khắp cả 100.000 koṭi cakkavāḷa, nhân loại vui mừng hoan hỷ, chuẩn bị cày xới, gieo hạt xuống ruộng. Nhưng khi lúa mọc vừa đủ để con bò ăn được, thì có tiếng sấm sét nọ vang rền, ví như tiếng gầm thét. Và từ đó trở đi không có một giọt mưa nào rơi xuống thế gian nữa. Do đó, Đức Thế Tôn đã phán dạy rằng: "này Chư Tỳ khưu! khi có trận mưa lớn, khi có tiếng sấm sét ví như gầm thét, kể từ đó trở đi cả 100 năm, 1000 năm, 10.000 năm, 100.000 năm, mưa không rơi xuống nữa, tất cả chúng sanh sống trong nước, nương nước mưa chết dần đi, lần lượt tái sanh về Phạm Thiên giới. Những chúng sanh nương hoa quả để nuôi mạng, cả đến Chư Thiên nương hoa quả cũng chết đi, lần lượt sanh về Phạm Thiên giới. Không bao lâu thì nước trong suối, ao, hồ, giếng đều khô cạn hết. Những chúng sanh sống ở những nơi ấy mệnh chung, lần lượt sanh về Phạm Thiên giới. Rồi thì, khi tất cả chúng sanh sanh về Phạm Thiên giới tất cả thì mặt trời thứ 7 hiện ra, tất cả chúng sanh cùng thế gian bị diệt do lửa".

Có câu hỏi rằng: Chúng sanh muốn sanh về Phạm Thiên giới phải nương vào thiền chứng, trong khi ấy có nhóm chúng sanh không có thiền chứng, có nhóm chết do đói khát, có nhóm thiếu khả năng với thiền chứng. Vậy tại sao được sanh về Phạm Thiên giới?

Đáp rằng: Các chúng sanh này từ cõi nhân loại sanh về Dục-giới Thiên, ở đó tu tiến thiền, chúng đắc thiền rồi sanh về Phạm Thiên giới. Sở dĩ diễn tiến được như thế, vì khi thế gian sắp hoại, bấy giờ bản chất thế gian thông thường đã tác động, nhắc nhở cho Chư Thiên Dục-giới biết, Gọi là Lokabayuhadeva. Cho biết rằng: 100.000 năm nữa, thế gian bị hoại, Chư Thiên ấy cùng nhau xõa tóc, mặt y đỏ, hai mắt đẫm lệ, đưa tay lên chùi mắt, thân thể tiều tụy đáng thương, cùng nhau đi khắp nơi trong cõi người, báo tin rằng: "Này các bạn! chúng ta sẽ bị hủy diệt kể từ hôm nay trở đi đến 100.000 năm nữa, kiếp hoại sẽ phát sanh, thế gian bị hủy diệt, Đại dương, đất, đá, núi luân vi cùng Tu Di sơn đều bị lửa đốt cháy thiêu hủy thành hoang trống thấu đến cõi Phạm Thiên. Các bạn

chớ nên dể duôi nữa, hãy cùng nhau tu tập bốn phạm trú đi, là tu tập Từ, Bi, Hỷ,Xả, hãy phụng dưỡng cha mẹ, cung kỉnh bậc Trưởng thượng trong gia đình cho tốt đẹp đi".

Chư Thiên Lokabayuha xuống nhắc nhở cảnh tỉnh cho chúng sanh biết như thế, là do nhân pháp tánh (Dhammajāti) tự nhiên, khiến Chư Thiên biết được thế gian sắp hoại. Một số giáo thọ sư nói rằng: Sở dĩ Chư Thiên biết được kiếp hoại sắp hiện khởi vì thấy nhiều bất thiện tướng phát sanh. Hoặc có trường hợp khác nói rằng: Các vị Phạm Thiên được thiền chứng, thấu hiểu tình trạng hoại sẽ phát sanh trong tương lai, nên nhắc bảo Chư Thiên xuống báo tin.

Bấy giờ, tất cả Chư Thiên và nhân loại được nghe Chư Thiên Lokabayuha bố cáo như thế, mọi người đều bàng hoàng, xúc cảm, khởi lên tâm bi mẫn, cùng nhau thực hành thiện sự, tu tiến Từ, Bi đến tất cả chúng sanh. Do oai lực sự tu tập phạm trú pháp, nên khi mệnh chung, được sanh lên Thiên giới, rồi tu tiến đề mục gió ở nơi Dục-giới Thiên, và được sanh về Phạm Thiên giới.

Còn chúng sanh địa ngục, bàng sanh, Ngạ quỉ, a tu la có ác nghiệp nhẹ được sanh lên cõi trời do sức mạnh của thiện nghiệp mà họ đã tạo trong thời quá khứ, Gọi là Aparāpariyavedaniyakamma, đó là việc bình thường. Bởi vì: Gọi là chúng sanh khi du hành trong luân hồi mà không tạo được Aparāpariyavedaniyakamma, điều này không xảy ra. Cho nên khi sắp đến thời hoại, nhóm chúng sanh khổ cảnh mà có nghiệp nhẹ cũng được sanh lên Thiên giới rồi tu thiền trong Thiên giới, khi chứng thiền được sanh về Phạm Thiên giới cả, còn các chúng sanh có nghiệp nặng, như nghiệp tà kiến nhất định (Niyata micchādiṭṭhikamma), khi thế gian sắp hoại, họ mệnh chung từ khổ cảnh ấy và tái sanh vào các luân vi khác mà không bị hoại, thuộc về khổ cảnh cũng có.

Một số giáo thọ sư khác lại cho rằng: Khi thế gian sắp hoại thì các chúng sanh địa ngục, luôn cả nhóm Niyatamicchādiṭṭhikamma và nhóm có nghiệp chia rẽ Tăng cũng thoát được khổ cảnh. Nhóm chúng sanh địa ngục, phải chuyển đi sang Cakkavāḷa khác không bị hoại, và thọ khổ trong địa ngục của Cakkavāḷa ấy, điều này không xảy ra. Vì rằng: Mặc dù chúng sanh ấy khi còn sống trên nhân giới, là người có hất định tà kiến (Niyatamicchādiṭṭhi), sau khi mệnh chung rơi vào địa ngục Lokantariya, cũng tự nhận thức được rằng: Sở dĩ ta phải thọ khổ như thế là do mãnh lực tà kiến của ta, nên chúng sanh địa ngục ấy sẽ từ bỏ tà kiến của mình, và sở dĩ chúng sanh ấy cảm nhận như vậy là do mãnh lực của Jātisaraññāṇa, tức nhớ được tiền kiếp, nên khi thế gian sắp bị hoại, nhóm Chư Thiên Lokabayuha đến bố cáo cho biết, chúng sanh địa ngục ấy liền từ bỏ tà kiến thuộc về Niyatamicchādiṭṭhi, do nhờ mãnh lực thiện thuộc Aparāpariyavedaniyakamma đã giúp các chúng sanh ấy thoát khỏi khổ cảnh, tái sanh làm người hay Chư Thiên, cùng nhau tu tiến chứng đạt Thiền. Sau khi chết sanh về Phạm Thiên giới.

Lúc đầu thế gian giới (Lokadhātu) không có mưa cả 1 thời gian dài, khiến các hạt giống khô héo chết lần mòn, các chúng sanh cũng chết vì đói khát lần mòn. Khi mặt trời thứ hai mọc lên, thế gian không còn phân biệt đêm, ngày, vì mặt trời này lặn thì mặt trời kia mọc lên thiêu đốt thế gian. Mặt trời thứ hai này không giống mặt trời thời bình nhật, tức là không có Thiên tử Suriya ở trong Thiên cung ấy. Còn Thiên tử Suriya tu tiến, đắc thiền chứng Kasiṇa sanh về Phạm Thiên giới, mặt trời thứ hai có năng lực rực chiếu mạnh hơn mặt trời bình nhật, bầu trời khi ấy không có mây, mưa hay sương mù che án nữa. Ánh sáng mặt trời thứ hai trong sáng mãnh liệt như Pha-lê, vì thế các con sông nhỏ, lớn đều bị khô cạn, chỉ trừ năm con sông lớn là Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Mahimahā và Sarabhū.

Thời gian sau, mặt trời thứ ba lại xuất hiện, bấy giờ năm con sông lớn lại khô cạn, rồi thì thời gian sau mặt trời thứ tư xuất hiện, bấy giờ 7 hồ lớn là hồ Anotatta, hồ Kuṇāla, hồ Rathakāra, hồ Maṇḍākini, hồ SīhapApāta, hồ Kammamuṇḍa và hồ Chaddanta, nước trong 7 hồ này đều khô cạn. Khi ấy nước trong Đại dương, có độ sâu là 84.000 do tuần cũng khô cạn dần. Khi mặt trời thứ năm hiện ra, nước trong Đại dương khô cạn hẳn, nước đọng là dù chỉ là một lóng tay cũng không có. Thời gian sau, mặt trời thứ sáu hiện ra, cả 100.000 Koṭi cakkavāḷa bị bốc khói như trong Sattaṅguttara, Đức Thế Tôn có thuyết rằng: "Ví như, này Chư Tỳ khưu các lò của người thợ gốm khi mới nhen lửa lên, có khói bốc lên như thế nào, khi mặt trời thứ sáu mọc lên, cả 100.000 koṭi cakkavāḷa bị bốc khói như thế ấy".

Tình trạng này kéo dài thật lâu, rồi mặt trời thứ bảy hiện ra. Khi mặt trời thứ 7 hiện ra Lokadhātu - thế gian giới trong 100.000 koṭi cakkavāḷa này đều bốc cháy rực sáng, phát ra những âm thanh quái dị vang rền, vô cùng kinh hãi, đỉnh núi Sineru bị một khối lửa lớn phá hoại, liền sụp ngã. Ngọn lửa Thiên hủy thế gian ấy, khởi đầu từ cõi nhân loại, và sau đó bốc cháy đến cõi Tứ-Đại-Thiên-vương, đến cả Thiên cung, châu báu đều bị thiêu hủy, rồi cháy tuần tự đến cõi Tam-thập-tam, Dạ-ma, Đẩu-suất, Hóa-lạc, Tha-hóa-tự-tại, luôn cả đến ba tầng Sơ-thiền là Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên và Đại Phạm Thiên, rồi ngọn lửa dùng lại ở nơi đó.

Tất cả các hành như địa đại .... Cũng bị cháy tiêu tan, ví như bơ và dầu cháy không còn dư sót, tìm thấy được tro, than không có như thế nào, lửa thiêu hủy thế gian không có tro tãn như thế ấy. Khi hỏa giới thiêu hủy thế gian chấm dứt rồi, thì hạ tầng hư không và thượng tầng hư không được giao lưu với nhau, bóng tối đã phát sanh suốt thời gian dài.

Hình Thành Thế Gian Mới

Khi thế gian hợp lại (Sannivāsa) hoại diệt và hư không nối liền với nhau, phát sanh hình dạng thế gian mới bởi cơn mưa lớn (Mahāmegha), bầu trời được an lập, trận mưa rơi khắp nơi, xuống chỗ đã bị lửa thiêu hủy, lúc đầu hạt mưa chỉ bằng hạt sương bụi trong mùa thu, tức là loại sương vào cuối thời còn 4 ngày sẽ hết ba tháng và ba ngày đầu của tháng thứ tư, khi ấy hạt sương mới nẩy mầm rất nhỏ như bụi. Trận mưa kiến tạo thế gian, khởi đầu cũng nhỏ hạt như thế. Mưa như thế suốt thời gian dài, rồi hạt mưa dần dần to lên, ban đầu bằng hạt mưa li ti, sau bằng hạt mè, hạt gạo, hạt đậu, rồi bằng cuốn hoa Kamuda, bằng cây sào, bằng cái chày giả gạo, bằng cây thốt nốt đầy khắp trong cả 100.000 Koṭi cakkavāḷa, dập tắt nơi lửa cháy từ cõi Nhị-thiền trở xuống, phía dưới hạ tầng hư không cũng phát sanh một loại gió nâng đỡ nước mưa không cho chảy xuống phía dưới, như lá sen nâng đỡ giọt nước. Nhờ năng lực mãnh liệt của gió ấy, đã thổi tạt nước lên, đọng thành từng khối, rồi tuần tự hạ xuống dần, khi nước hạ khỏi Phạm Thiên giới Sơ-thiền, thì Sơ-thiền cõi được an lập, rồi tuần tự nước hạ xuống khỏi 4 cõi trời dục là Tha-hóa-tự-tại, Hóa-lạc-Thiên, Đẩu-suất, Dạ-ma, thế là 4 tầng trời này được an lập. Chỉ còn lại cõi Đạo-lợi và Tứ-Thiên-vương Chưa được tái lập, vì hai cõi này dính liền vào núi Tu Di. Và núi Tu Di dính liền với Địa đại. Khi nước mưa càng hạ xuống thì gió càng phát sanh mãnh liệt, thổi khắp chung quang, giữ nước lại không cho chảy đi ví như bờ đê giữ nước sông, địa đại được thổi dùn lại tạo thành mãnh lớn, gió tiếp tục thổi đại địa càng dùn lên, nước càng hạ xuống khô cạn, đọng lại thành mãng lớn nỗi trên mặt nước ví như lá sen nỗi trên mặt nước. Mặt đất đầu tiên hiện khởi có màu vàng như hoa Kaṇṇikā, có mùi thơm cùng vị ngọt, gọi là vị đất nằm trên nước.

Mặt đất này, khi bị hủy là hủy sau cùng, hình thành thì hình thành trước, nên được gọi là đỉnh địa đại, do ý nghĩa là cứ điểm chủ yếu của Nam-thiện-bộ châu. Nơi ấy là nơi hy hữu, có bụi sen mọc lên trước tiên, là tiền tướng. Nếu là kiếp không (Suññakappa) thì bụi sen không có hoa sen nở. Nếu là kiếp Asuñña thì bụi sem sẽ nở hoa sen, tùy theo số lượng vị Chánh-giác xuất hiện trong Đại kiếp ấy, bụi sen sẽ có số lượng tương ứng, như là: Có 1 vị thì có 1 hoa sen, có 2 vị thì có hai hoa sen... Bấy giờ, Chư Phạm Thiên sẽ nhìn thấy hoa sen nở, có sự vui mừng rằng: "Sẽ có Đức Chánh-giác hiện khởi". Nếu không thấy hoa sen thì phát sanh bi động, xúc cảm, thốt lên rằng: "Tất cả chúng ta, khi thế gian này hoại, sẽ không có chỗ nương tựa, sẽ không có đuốc ngọc soi sáng thế gian". Sau khi nói như vậy xong, các vị Phạm Thiên ấy cũng bi cảm.

Khi địa Đại hình thành các chúng sanh được sanh lập như vầy: Từ Quang-âm Thiên, một số chúng sanh hết phước, hết tuổi thọ, mệnh chung, sanh xuống làm người nhân loại. Những người này có hình dáng giống như Phạm Thiên, tức là không hiện bày nam hay nữ tánh, có hào quang tỏa chiếu từ thân, bay lên hư không được và sống rất an lạc. Sau đó, có người phát sanh tâm tham do nhìn thấy màu đất xinh đẹp, có mùi thơm, có ý muốn nếm thử xem vị như thế nào, bèn nhặt lấy một chút ít đất ấy, đặt lên chót lưỡi của mình, nhưng khi vừa chạm lưỡi, đất ây lan tỏa khắp châu thân (Sabbaṅgakāya) và hương vị rất ngon, rất khả ý. Bấy giờ, do ái dục chế ngự, khiến những vị ấy dùng vị đất ấy mãi, những người khác thấy vậy cũng làm theo để biết thử hương vị ấy, khi biết rồi cũng phát sanh luyến ái vị đất ấy, họ cùng nhau dùng đất ấy. Thế là hào quang từ thân biến mất cả, bóng tối phát sanh lên. Những người ất vô cùng kinh hãi, mặt trời hiện ra xua đuổi bóng tối, có chu

vi là 50 do tuần hiện khởi giữa hư không, phát ánh sáng cùng khắp. Nhóm người ấy thấy được mặt trời vàng, chiếu ánh sáng giữa hư không mang lại sự dạn dĩ, nên phát sanh sự hoan hỷ, thốt lên cảm hứng ngữ rằng: "Vị Chư Thiên này có hào quang chiếu sáng, thường mang lại sự an lạc đến chúng ta". Do đó, Thiên cung vàng ấy có tên Gọi là Suriya - mặt trời - và lưu truyền đến ngày nay. Khi Thiên cung ấy di chuyển về tây, thì mặt đất lại rơi vào bóng tối, mọi người lại hốt hoảng, sợ sệt thốt lên rằng: "Tất cả chúng ta sẽ ra sao, khi Thiên tử Suriya là chỗ nương tựa của chúng ta đã ra đi. Làm sao chúng ta có được nơi nương tựa về ánh sáng?". Giống như hiểu được ý muốn của những người ấy. Thiên cung mặt trăng có chu vi 49 do tuần hiện ra giữa hư không, khiến nhân loại hoan hỷ đặt tên là Gandadevaputta. Khi mặt trời, mặt trăng hiện khởi trong thế gian giới (Lokadhātu), các vì tinh tú cũng xuất hiện theo, kể từ đó phân ra ngày, đêm, năm, tháng, thời tiết, mùa. Và chính ngày rằng tháng tư ấy, núi Sineru, núi Cakkavāḷa, núi Hy Mã, mặt trăng, mặt trời và Đại dương cùng hiện khởi. Nghĩa là 6 loại, dù xuất hiện trước sau như thế nào chăng nữa, nhưng có cùng ngày, là ngày rằm tháng tư. Nên câu hỏi: Thực tính các vật như mặt đất, núi khi sanh lên sẽ sanh lên như thế nào?.

Đáp rằng: Khi thực tính thế gian phát sanh, ví như hạt kê. Thường hạt kê khi bị nấu, được một lúc thì sẽ sôi phồng lên (do bọt), có chỗ phồng cao thành từng chùm, có chỗ lõm xuống, có chỗ ngang nhau như thế nào, thì khi thế giới được an lập, hình thành cũng như thế đó, những chỗ cao thành núi, chỗ lõm là Đại dương, chỗ ngang bằng là địa đại, tức là các châu nhỏ lớn.

Khi chúng sanh bị ái dục chi phối, cùng nhau thưởng thức vị đất thì một số có màu da sáng chói, một số có màu da thô xấu. Do đó, sự khinh thường phát sanh lên, hai pháp thân kiến và mạn sanh khởi, là nhân khiến cho thế giới biến động phát sanh. Khi hai ác pháp này sanh khởi mãnh liệt, địa tố thượng vị biến mất, mặt đất trở thành địa bì (da đất), nhưng địa bì ấy vẫn thơm ngon, hấp dẫn, thành vật thực của nhân loại. Khi tân chúng sanh càng thiên nặng về ác pháp, địa bì ấy biến mất, rồi thì có loại cây bồ đào phát sanh, dứt loại cây bồ đào, đến loại lúa sāli trắng, không có trấu, tự phát sanh, không có cám, có mùi thơm thành từng chùm, mọi người mang về nấu ăn, hái ăn buổi sáng, buổi chiều mọc lại như cũ, hái buổi chiều thì sáng ra vẫn có lại. Việc nấu ăn cũng chẳng khó nhọc chi cả, tuốt gạo bỏ vào nồi, xong đặt lên trên tảng đá, gạo tự sôi chín. Lại nữa, vật thực nhân loại lúc bấy giờ, không cần phải có thực phẩm phụ dùng với cơm ấy chi cả, vị nào thích ý với mùi vị nào, gạo ấy sẽ có mùi vị ấy ngay.

Nhưng khi nhân loại dùng gạo ấy, là loại vật thực cần tiêu hóa, không phải là loại tịnh thực, nên nước tiểu và phẩn phát sanh. Vì đây không phải là loại tịnh thực (Suddhāhāra), khác với loại địa tố, địa bì, bồ đào là loại tịnh thực. Và khi có nước tiểu và phân thì có khiếu để bài tiết phát sanh. Từ đó phát sanh hai giới là nam giới và nữ giới, tùy theo nghiệp quá khứ khi trước, ai trước là nam giới thì nay là nam nhân, trước là nữ giới thì nay là nữ nhân.

Đối với những vị Phạm Thiên, sau khi hết phước mạng chung sanh về cõi người, do ảnh hưởng sống lâu dài trong cõi Phạm Thiên, nên lúc đầu vẫn còn cận định, tức là có sự chế ngự tham dục, không cho phát sanh, nhưng khi có sắc nữ căn và sắc nam căn hiện khởi, khiến tham dục có cơ hội phát sanh và chúng sanh ấy mất đi cận định. Khi cận định mất, là cơ hội khiến tham dục tăng trưởng và bấy giờ sắc nam tính hay nữ tính trở thành cảnh cận y cho tham dục sanh khởi lên, những nam nữ ấy nhìn nhau, liếc nhau bằng sự ái luyến, sự nóng nảy do ái dục cũng sanh khởi. Và nhân loại phát sanh sự giao hợp, đó là nhân khiến tạo dựng nhà cửa để che kín. Khi có nhà rồi, một số người lười biếng, khi hái gạo sāli trắng lại hái thật nhiều màng về tích trữ trong nhà, những người khác thấy thế làm theo. Khi ấy, gạo sāli phát sanh có vỏ và cám, gại sāli trắng khi trước biến mất, không còn mọc lại như trước nữa. Bấy giờ, mọi người họp lại với nhau than vãn rằng:

- Này các bạn, pháp hạ liệt phát sanh đến chúng ta rồi, khi trước chúng ta sống với pháp hỷ được an lạc, muốn đến nơi nào đều được như ý. Sau đó, nuôi sống bằng địa tố, địa bì, bồ đào, rồi gạo sāli. Trước đây gạo sāli này không có vỏ và cám, sáng hái thì chiều mọc lại như cũ, chiều hái thì sáng có lại. Bây giờ đều mất cả. Không bao lâu sinh kế của chúng ta sẽ khó khăn, giờ đây chúng ta hãy chia lúa sāli thành từng phần và phân ranh giới cho nhau đi.

Thời gian sau, một số người lại khởi lên tâm bất thiện, đi trộm cắp phần người khác, khi bị chủ bắt được cũng thả ra. Nhưng khi bị bắt đến lần thứ ba thì bị chủ đánh đập bằng đất, roi rồi mới thả ra. Kể từ đó trộm cắp phát sanh, sự chỉ trích, dối trá, bồi thường, hình phạt cũng sanh khởi. Dân chúng khởi lên tâm ích kỷ, đã họp cùng nhau bàn luận rằng:

- Bây giờ đây, tâm chúng sanh đã tăng trưởng ác xấu, hạ tiện, chúng ta không thể để yên được, chúng ta hãy sắp đặt chức vụ, phận sự cho nhau. Tất cả chúng ta ở nơi đây, hãy để cử người có niệm, tuệ để nhận việc xét cử, trừng phạt người đáng trừng phạt, tẩn xuất người đáng tẩn xuất, như thế mới có sự an vui đến chúng ta. Và chúng ta có bổn phận nộp lúa cho người ấy mới thích hợp. Sau khi bàn tính với nhau như thế, họ đi tìm người tài đức như đã nói.

Trong thời sơ kiếp này, Đức Chánh-đẳng-giác của chúng ta còn là Bồ-tát, Ngài có thân hình cường tráng, có niệm, tuệ đầy đủ, có oai nghi khả kính, có khả năng giáo hóa được mọi người. Mọi người cùng nhau đi đến nơi Bồ-tát, cung thỉnh Ngài, rồi làm lễ tôn vương, có tên là Đức vua Khattiya Mahāsammati. Khi dân chúng là lễ tôn vương, an lập Đức vua Mahāsammati hoàn mãn rồi. Một số người có sự suy nghĩ rằng:

Các ác pháp đã phát sanh đến ta, và các chúng sanh khác nhiều rồi. Vậy ta hãy từ bỏ các ác pháp ấy.

Những người ấy đi vào rừng, dựng thảo am ở và khất thực sống, những người ấy được gọi là Bà la môn, do nhân? Tự nguyện từ bỏ dâm pháp.

Những người thích hưởng dục, những người ấy phải bận rộn với các việc sinh kế như nghề nông, chăn nuôi, buôn bán, gọi là thương buôn, nông gia,... Những người không thích làm hại chúng sanh khác, làm những công nghiệp, gọi là công nhân và đã lưu truyền đến nay.

Xác Định Bốn Loại A Tăng Kỳ Kiếp

Từ khi Mahāmegha khởi lên cho đến khi lửa thiêu hủy thế gian rồi lửa ấy tắt đi, Gọi là Saṃvaṭṭa asaṅkheyyakappa (hoại kiếp).

Từ khi lửa tắt cho đến khi có Mahāmegha thành lập thế gian, rơi đầy những nơi bị lửa thiêu hủy, Gọi là Saṃvaṭṭatīhāyì asaṅkheyyakappa (không kiếp).

Kể từ khi mưa rơi đầy khắp chỗ bị lửa thiêu hủy, 1 vạn Koṭi cakkavàla cho đến khi mặt trời và mặt trăng hiện khởi đầy đủ, Gọi là Vivaṭṭa asaṅkheyyakappa (thành kiếp).

Kể từ khi mặt trời mặt trăng sanh khởi cho đến kiếp hoại, tức là khi có mưa lớn khởi lên, Gọi là Vivaṭṭatīhāyì asaṅkheyyakappa.

Thế Gian Bị Hoại Do Nước

Khi thế gian bị hoại do nước, cũng diễn tiến tương tự như khi hoại do lửa. Nhưng có điểm khác là: khi đến giai đoạn hoại kiếp tức là khi trận mưa lớn rơi xuống rồi, thay vì sẽ có mặt trời thứ hai mọc lên như sự hoại do lửa. Bấy giờ, có mây đen Khārudakamahāmegha, tức mây đen tạo mưa acít, ban đầu là những hạt mưa li ti, dần dần to lên đầy khắp cả 1 vạn Koṭi cakkavāḷa. Tất cả địa đại, núi khi đụng phải trận mưa acít đều tan chảy nát nhuyễn ra, ví như muối tan trong nước sôi vậy. Lúc bấy giờ, phát sanh gió, gió này thổi bao bọc nước ấy không cho chảy lan ra ngoài 1 vạn Koṭi cakkavāḷa. Nước này tràn ngập cả sáu cõi trời dục, dâng ngập cả 6 cõi trời sắc, nhiều hơn sự hoại do lửa là ba cõi Nhị-thiền, rồi nước dừng lại. Tất cả các hành đều tan chảy ra hết, nếu có còn chỉ là những vi trần. Nước ấy tồn tại cho đến khi thế gian hoại hết, nước mới rút khô đi, thượng tầng hư không và hạ tầng hư không hòa nhập lại thành một. Và khi thế gian sắp hình thành cũng diễn tiến như cách đã trình bày, tức là hình thành từ cõi Quang-âm Thiên dần dần xuống theo tuần tự, giống như hình thành thế gian khi bị hoại do lửa.

Từ khi Mahāmegha khởi lên cho đến khi mưa acít xuất hiện là hoại thế gian cho đến cõi Nhị-thiền, Gọi là hoại kiếp.

Từ khi mưa acít khô cạn đến khi có mưa thành lập thế gian hiện hởi, trān ngập những nơi bị mưa acít hủy hoại, Gọi là không kiếp (Saṃvaṭṭatīhāyī asaṅkheyyakappa).

Kể từ khi mưa rơi đầy, rồi từ từ rút xuống cho đến khi mặt trời, mặt trăng hiện khởi Gọi là Vivaṭṭa asaṅkheyyakappa.

Kể từ khi mặt trời mặt trăng sanh lên cho đến khi Mahāmegha khởi lên báo hiệu hoại, Gọi là trụ kiếp (Vivaṭṭatīhāyī asaṅkheyyakappa).

Và bốn Asaṅkheyyakappa này có khoảng thời gian bằng nhau, gom lại thành một Đại kiếp.

Thế Gian Hoại Do Gió

Thế gian hoại do gió cũng diễn tiến tương tự như thế gian hoại do lửa, chỉ có sự sai khác là: Khi mây đen phủ kín bầu trời, rồi trận mưa lớn rơi xuống khắp cả 1 vạn Koṭi cakkavāḷa, rồi ngừng lại, mặt trời thứ hai mọc lên (do hoại vì lửa), thì sự hoại do gió này, không hiện khởi mặt trời mà hiện khởi loại gió Vàyosaṃvaṭṭa, tức là gió thiêu hủy thế gian, lúc đầu chỉ thổi nhè nhẹ, vừa đủ để làm những hạt bụi tung lên, rồi gió thổi từ từ mạnh lên, cuốnlấy những hòn đá lớn, nhỏ tung lên, rồi mạnh dần cuốn lấy những cây nhỏ, lớn, núi lớn, nhỏ, bốc lên lơ lững trên hư không khiến va chạm vào nhau bể nát vụn ra trong hư không mà không rơi xuống được. Rồi có loại gió khác phát sanh từ dưới mặt đất, thổi cuốn lật mặt đất lên, hất tung lên hư không, nền địa Đại với độ dāy là 240.000 do tuần cũng bị rách rời thành từng mãnh, có mãnh dāy trăm do tuần cũng có, 400 do tuần cũng có, chạm vào nhau nát nhừ thành bụi nhỏ, rồi gió này cuốn lấy núi Satta, núi Sineru, núi Hy Mã, núi Cakkavāḷa và các Thiên cung trong cõi trời dục của một vạn Koṭi cakkavāḷa cho bay lơ lửng và va chạm vào nhau nát nhuyễn ra trong hư không.

Kể từ cõi nhân loại cho đến 3 cõi Tam-thiền, đều bị hoại hết. Gió này khi hủy diệt thế gian từ hạ tầng hư không đến 9 cõi Sắc-giới, phá hủy ất cả mọi thứ, chí đến nước nâng đỡ đất và gió nâng đỡ nước cũng đều bị tiêu hoại. Sau khi hủy diệt xong thế gian, gió trở lại sự yên lặng, khi ấy hạ tầng hư không và thượng tầng hư không hòa nhập cùng nhau và bóng tối bao trùm khắp thế gian.

Khi sắp hình thành thế gian, mây đen lại xuất hiện, khiến mưa rơi đầy khắp cả 1 vạn Koṭi cakkavāḷa nước ấy ngập trān đến nơi bị gió thiêu hủy khắp, rồi nước rút đi từ từ. Thế gian được tái lập từ cõi Biến-tịnh Thiên dần dần xuống. Phần diễn tiến cũng giống như trên.

Từ khi mưa lớn báo hiệu hoại thế gian cho đến khi gió làm hoại thế gian đến 9 cõi Sắc-giới, Gọi là Saṃvaṭṭa asaṅkheyyakappa (hoại kiếp).

Từ khi gió thổi hoại thế gian cho đến khi có trận mưa lớn hình thành thế gian, Gọi là Saṃvaṭṭatīhāyī asaṅkheyyakappa.

Kể từ khi nước ngập đầy cho đến khi mặt trời, mặt trăng hiện khởi, Gọi là Vivaṭṭa asaṅkheyyakappa.

Kể từ khi mặt trời mặt trăng hiện khởi cho đến khi trận mưa báo hiệu thế gian hoại là Vivaṭṭatīhāyī asaṅkheyyakappa.

Bốn loại Asaṅkheyyakappa này có thời gian bằng nhau, tức mỗi Asaṅkheyyakappa này tính theo Antarakappa thì có đến 64 Antarakappa. Vậy tổng một Đại kiếp là 4 Asaṅkheyyakappa = 256 Antarakappa.

Sự Khác Nhau Giữa Mặt Trời Và Mặt Trăng

(Phần này có lẽ đời sau viết thêm vào, chúng tôi tôn trọng bản Sớ giải nên dịch đầy đủ. Xét ra không phù hợp với khoa học - Nd).

Chiều dài, rộng và cao của mặt trăng đều là 49 do tuần, chu vi là 147 do tuần.

Chiều dài, rộng và cao của mặt trời là 50 do tuần, chu vi là 150 do tuần.

Mặt trời ở trên, mặt trăng ở dưới, cách nhau là 1 do tuần. Nếu tính từ phía dưới cuối cùng của mặt trăng đến đỉnh cao nhất của mặt trời là 100 do tuần. Bên trong mặt trăng là Thiên cung bằng ngọc Māṇi, bên ngoài là bạc, cả bên trong lẫn bên ngoài đều có trạng thái lạnh. Còn mặt trời, bên trong thành tựu bằng vàng, bên ngoài là ngọc Pha-lê, cả bên trong lẫn bên ngoài đều có trạng thái nóng.

Cả mặt trời và mặt trăng cùng nằm ngang đỉnh núi Yugandhara, núi Tu Di thì nằm chính giữa. Mặt trời và mặt trăng di chuyển chung quanh núi Tu Di suốt thời gian của Vivaṭṭatīhāyī asaṅkheyyakappa, từ cõi người đến núi Yugandhara có khoảng cách là 4 muôn hai ngàn do tuần. Mỗi vòng di chuyển của mặt trời quanh núi Tu Di là 24 giờ, tức 1 ngày, 1 đêm, được là 3 triệu do tuần, như vậy mỗi giờ mặt trời đi được 125.000 do tuần.

Mặt trăng cũng xoay quanh núi Tu Di, cùng với mặt trời, thời này là cuối hạ huyền (tức là ngày 30), đây là qui luật. Nhưng mặt trời di chuyển nhanh hơn mặt trăng mỗi ngày là 100.000 do tuần. Nếu tính giờ, thì mỗi giờ mặt trời đi nhanh hơn mặt trăng là 4.167 do tuần, vì mỗi giờ mặt trăng đi được là 120.833 do tuần, cho nên 24 giờ, mặt trăng đi được 2.900.000 do tuần.

Khi mặt trăng di chuyển chậm hơn mặt trời như thế, nên mỗi ngày mặt trời cāng cách xa mặt trăng, ánh sáng mặt trăng cáng hiển lộ theo khoảng cách, cho đến khi hiển lộ rõ toàn chu vi đó là ngày 15, hay đến cuối của thượng huyền. Mặt trời từ từ xa mặt trăng, nhưng sau đó lại đuổi theo mặt trăng, khi đuổi theo càng ngày càng gần, thì ánh sáng mặt trăng càng ngày càng giảm chu vi bị che án từng giờ, cho đến khi mặt trời đến ngay mặt trăng vào thời nào, khi ấy mặt trăng bị che kín hoàn toàn, không hiển lộ hình tướng, vì mặt trời ở trên, mặt trăng ở dưới, ví như vật nhỏ bị vật lớn che khuất, không thể nào nhìn thấy vật nhỏ được, mặt trời an trí cao hơn mặt trăng và khi đến đối diện với mặt trăng thì che án mặt trăng, nên vào thời ấy không nhìn thấy mặt trăng được, đó là ngày 29 hay 30

Lộ trình di chuyển của mặt trời và mặt trăng là khoảng giữa núi Tu Di và núi Cakkavāḷa (luân vi sơn). Khoảng cách giữa hai núi này là 559.725 do tuần, nếu chia làm 4 phần, mỗi phần là 139.931 do tuần và 1 Gāvuta. Trong bốn phần này, phần tiếp cận với núi Sineru và phần tiếp cận núi Cakkavāḷa không phải là lộ trình của mặt trời và mặt trăng. Lộ trình ấy nằm trong hai phần giữa.

Hai phần này tổng cộng là 279.862 do tuần và 2 Gāvuta, được chia làm 3 Đại lộ (Vithì) là:

- Antovithī là nội lộ: Tức tiếp giáp với phần tiếp cận núi Tu Di.
- Majjhimavithī: Trung lộ.
- Bāhiravithī: Ngoại lộ, tức phần tiếp cận núi Cakkavāḷa.

Ba Đại lộ ấy, mỗi Đại lộ rộng 93.287 do tuần và 2 Gāvuta.

Ba Đại lộ này ứng với ba mùa là: Mùa mưa, mùa nóng và mùa lạnh.

- Antovithī là Vassanta utu: Mùa mưa.
- Majjhevithī là Gimhanta utu: Mùa nóng.
- Bāhiravithī là Hemanta utu: Mùa lạnh.

Trong Sāratthadīpanīṭīkā: Trình bày lộ trình mặt trời và mặt trăng có ba lộ là:

- Ajavithī là Majjhevithī: Mùa nóng.
- Nāgavithī là Antovithī: Mùa mưa.
- Govithī là Bāhiravithī: Mùa lạnh.

Ajavithì là lộ ví như dê, vì thông thường loài dê sơ nước, cho nên Ajavithī này được xếp vào mùa nóng.

Nāgavithī là lộ ví như voi, thông thường loài voi có tánh thích nước, nên Nāgavithī (tượng lộ) được xếp vào mùa mưa.

Gocithī là lộ ví như bò, thông thường loài bò cá tánh thích lạnh và nóng ngang nhau, nên Govithī (ngưu lộ) mới được xếp vào mùa lạnh.

Khi mặt trời hạ xuống, rời khỏi lộ trình bình thường vào lúc nào, lúc ấy các vị Thiên tử Vassavalāhaka (thần mưa) vì nể sợ uy lực của mặt trời, không thể rời khỏi Thiên cung của mình để dạo chơi trong hư không, làm mưa rơi xuống theo như ý được. và khi mặt trời đi vào lộ trình thấp, mặt trăng cũng phải hạ theo, vì lộ trình mặt trăng có sự liên hệ dnnh liền với lộ trình mặt trời. Hạ lộ mà mặt trời và mặt trăng chuyển xuống, được gọi là dương lộ (Ajavithī).

Thời nào mà mặt trời và mặt trăng chuyển lên khỏi lộ trình bình thường, khi ấy các thần mưa không còn lo sợ nữa, cùng nhau rời khỏi Thiên cung của mình, dạo chơi trong hư không, làm cho mưa rơi xuống theo như ý. Lộ trình mà mặt trời và mặt trăng chuyển lên đên là tượng lộ (Nāgavithī - mùa mưa).

Thời mà mặt trời và mặt trăng ở mức độ bình thường, lúc ấy các vị thần mưa hợp thời mới rời Thiên cung, và lúc dạo chơi cũng khế hợp với Ajjhāsaya (tác ý), lúc ấy mưa cũng rơi khế hợp vào thời tiết, lộ này Gọi là Givithì (ngưu lộ - mùa lạnh).

Khi mặt trời, mặt trăng di chuyển theo Ajavithī, thời ấy không có mưa. Khi di chuyển theo Nāgavithī, khi ấy sẽ có mưa thường, nếu đi theo Givithī thì mưa có chừng mực.

Nếu trình bày theo Suriyagatidīpanī thì việc chuyển quay của mặt trời và mặt trăng theo ba lộ là Antovithī, Majjhevithī, Bāhiravithī như đã trình bày. Mỗi lộ được chia thành 60 tiểu lộ, mỗi ngày mặt trời quay được 1 tiểu lộ, nên mỗi đại lộ mặt trời phải dùng thời gian là 60 ngày, mặt trăng thì đi chậm hơn nên thời gian phải nhiều hơn mặt trời.

Việc di chuyển của mặt trời và mặt trăng này, có hai loại là đi ra và đi vào.

Đi ra là bắc đầu tách rời núi Tu Di, hướng đến núi Cakkavāḷa. Đi vào nghĩa là sau khi di chuyển sang qua núi Cakkavāḷa rồi, mặt trời từ từ di chuyển trở về phía núi Sineru.

Việc ra đi của mặt trời, mặt trăng được khởi hành từ nội lộ, tức là lộ tiếp cận với núi Sineru, hướng đến trung lộ nối cùng ngoại lộ tức là lộ tiếp cận với núi Cakkavāḷa và trong mỗi lộ thời gian mất đi hai tháng. Như vậy, ba lộ mất đi sáu tháng.

Việc di chuyển của mặt trời, mặt trăng được xác định như sau:

Theo nội lộ là tháng 7, tháng 8. Theo trung lộ là tháng 9 và tháng 10. Theo ngoại lộ là tháng 11 và tháng 12. Việc ra đi của mặt trời và mặt trăng là như thế.

Còn việc đi vào, bắt đầu khởi hành từ ngoại lộ, từ tháng 1, tháng 2. Đến trung lộ là tháng 3, tháng 4. Đến nội lộ là tháng 5, tháng 6. Nếu gom lại cả đi ra và đi vào thì tròn đủ 1 năm.

Khi mặt trời, mặt trăng di chuyển sang hướng Nam núi Tu Di, xua bóng tối nơi đó, chiếu sáng khắp hướng, xa đến 9 vạn do tuần cho mỗi hướng, và chiếu khắp cả ba châu.

Khi mặt trời mọc ở Đông-thắng-thần châu, thì ở Bắc-câu-lưu châu là buổi trưa, Tây-ngưu-hóa châu là buổi chiều. Nam-thiện-bộ châu là buổi tối.

Khi mặt trời mọc ở Nam-thiện-bộ châu, thì Đông-thắng-thần châu là buổi trưa, ở Bắc-câu-lưu châu là buổi chiều, Tây-ngưu-hóa châu là vào ban đêm.

Khi mặt trời mọc ở Bắc-câu-lưu châu, ở Tây-ngưu-hóa châu là trưa, ở Nam-thiện-bộ châu là buổi chiều, Đông-thắng-thần châu là buổi tối.

Khi mặt trời mọc ở Tây-ngưu-hóa châu, thì Nam-thiện-bộ châu là buổi trưa, Đông-thắng-thần châu là buổi chiều, Bắc-câu-lưu châu là buổi tối.

Thật vậy, khi Nam-thiện-bộ châu vào giữa trưa, thì Đông-thắng-thần châu sẽ nhìn thấy mặt trời sắp lặn, chỉ còn lại nữa vòng, và bên Tây-ngưu-hóa châu sẽ nhìn thấy mặt trời mọc đã được nữa vòng. Các châu còn lại cũng diễn tiến tương tự như thế, tức là khi một châu nào đó mặt trời đứng bóng, thì có một châu sắp tối và một châu sắp sáng.

Sự Sáng Và Tối Bốn Châu Trong 1 Năm

Sự chuyển quay của mặt trời, mặt trăng theo nội lộ, trung lộ và ngoại lộ chung quanh núi Tu Di để chiếu sáng bốn châu. Ánh sáng mặt trời không thể cùng một lúc chiếu sáng cả 4 châu, các châu sẽ luân phiên nhận ánh sáng theo lộ trình xoay quanh núi Tu Di của mặt trời. Vì rằng: Núi Tu Di nằm giữa các châu và đã che ánh sáng của mặt trời khi mặt trời đi qua sau lưng núi. Do nhân ấy nên làm cho bốn châu không cùng nhận ánh sáng. Tùy theo sự di chuyển của mặt trời, trực diện với châu nào, thì châu ấy được nhận ánh sáng, châu bị núi Tu Di án thì sẽ tối, châu nào nằm trong lộ mà mặt trời hướng đến cũng nhận được ánh sáng. Cả bốn châu luân phiên nhận ánh sáng và chịu tối tùy theo thời. Sự sáng và tối của mỗi châu được hiện bày mỗi ngày như:

Trong vòng 1 năm, nếu có 3 châu cùng nhận ánh sáng, thì có một châu sẽ tối, châu rơi vào bóng tối này có thời gian là năm tháng, tức từ tháng 5 đến tháng 9. Trong khoảng thời gian 5 tháng này, bất luận một châu nào, khi mặt trời sắp đứng bóng, tức là 11 giờ thì châu nằm đối nghịch sẽ chịu tối, châu nằm phía trước là bình minh, châu nằm phía sau là hoàng hôn.

Nếu có hai châu cùng nhận ánh sáng, hai châu kia sẽ tối. Hai châu bị tối này có thời gian là 2 tháng, là tháng 4 và tháng 10. Trong khoảng giữa hai tháng này, nếu châu nào có mặt trời đứng bóng thì châu hướng đối nghịch là ban đêm, châu hướng trước là bình minh, châu ở phía sau là hoàng hôn.

Nếu có một châu nhận ánh sáng thì ba châu kia sẽ tối, nếu tính lượng thời gian thì khoảng 5 tháng, kể từ tháng 11 đến tháng 3. Trong khoảng 5 tháng này, nếu có châu nào mà mặt trời trụ vào lúc 1 giờ, hay 3 giờ trưa châu hướng đối nghịch sẽ là 1 hoặc 2 giờ khuya, châu ở hướng trước là 4 hoặc 5 giờ, châu ở hướng sau là 6 hoặc 7 giờ tối.

Nhật thực (Suriyagādha) và Nguyệt thực (Candagādha):

Như ở trên, đã trình bày vấn đề hình thành thế gian, mỗi lần hình thành đều có mặt trời và mặt trăng hiện khởi. Khi mặt trời, mặt trăng hiện ra rồi, khi ấy thế gian mới xác định là hình thành trong kiếp ấy. Và khi ấy cả 4 châu trong Cakkavāḷa cũng nhận được ánh sáng mặt trời và mặt trăng, nếu thiếu mặt trời và mặt trăng thì thế gian này chìm trong bóng tối. Tất cả chúng sanh trong thế gian sẽ phải chịu khổ sở, không làm gì được, nên mặt trời và mặt trăng được xem như có ân đức ban lại sự an lạc cho nhân loại cùng chúng sanh khác, như sự diễn tiến hằng ngày đây.

Tuy nhiên, mặt trời, mặt trăng đôi khi cũng bị Asurindarāhu nuốt, chúng ta thường gọi là nhật thực hay nguyệt thực. Khi có nhật thực hay nguyệt thực sanh khởi, ta sẽ thấy ánh sáng mặt trời và mặt trăng yếu dần đi, cho đến khi tối sầm lại trong chốc lát.

Hỏi rằng: Mặt trời và mặt trăng được xem là có đại thần lực, có uy lực nhiều vậy. Vậy tại sao lại bị Asurindarāhu nuốt đi, việc nuốt này có thật hay là thế nào?

Đáp rằng: Việc nuốt của Rāhu là có thật, vì rằng: Asurindarāhu có thân tướng to lớn sau khi nhìn thấy mặt trời và mặt trăng có hào quang sáng chói, nên khởi tâm ganh tị, Rāhu suy nghĩ rằng: "Ta sẽ chờ dịp bắt nuốt mặt trời và mặt trăng". Khi suy nghĩ như vậy xong rồi. Rāhu đi đến lộ trình của mặt trời và mặt trăng sắp đi qua, đứng há miệng chờ đợi để nuốt.

Nói về mặt trời và mặt trăng vẫn xoay quanh theo lộ trình của mình một cách bình thường, khi di chuyển đến chỗ Rāhu đứng há miệng chờ, mặt trời và mặt trăng không còn đường nào khác để thoát thân, nên phải đi vào miệng Rāhu, ví như bị rơi xuống địa ngục sâu 300 do tuần. Tất cả Chư Thiên trong Thiên cung đều hoảng hốt, kinh sợ, kêu la vang động khắp Thiên cung. Asurindarāhu có lúc lấy tay che, có lúc lấy càm nhận xuống, có lúc le lưỡi ra che, có lúc ngậm vào, độn trong miệng. Nhưng thật ra, Asurindarāhu này không thể làm chống đối hay làm giảm sức mạnh của mặt trời và mặt trăng được.

Khi Asurindarāhu nuốt lấy mặt trời hay mặt trăng, uy lực của mặt trời hay mặt trăng có trạng thái ví như sắp thiêu hủy đầu của Rāhu để thoát ra, có lúc trì qua, kéo lại khiến cho Rāhu nghiêng qua nghiêng lại, vì vậy làm chu Rāhu phải xuôi theo mặt trăng hay mặt trời, không thể chận đứng sự di chuyển của mặt trời hay mặt trăng được, mặt trời và mặt trăng vẫn cứ di chuyển xoay quanh núi Tu Di như thường.

Nói Về Bốn Châu Lớn Và Jrang Hy Mã

Có bốn Đại châu là:

1- Jambūdīpa: Nam-thiện-bộ châu.
2- Uttarakurudīpa: Bắc-câu-lưu châu.
3- Pubbavidehadīpa: Đông-thắng-thần châu.
4- Aparagoyānadīpa: Tây-ngưu-hóa châu.

Cả 4 châu này, Nam-thiện-bộ châu có chiều dài, chiều rộng là 10.000 do tuần, cõi Asura, cõi Tam-thập-tam Thiên và cõi Avīci cùng với Đa-khổ địa ngục. Cả ba cõi này có cùng kích thước với Nam-thiện-bộ châu, nghĩa là dài, và rộng là 10.000 do tuần.

Tây-ngưu-hóa châu dài và rộng 7.000 do tuần. Đông-thắng-thần châu dài và rộng là 7.000 do tuần. Bắc-câu-lưu châu dài và rộng là 8.000 do tuần. Mỗi Đại châu có 500 tiểu châu phụ thuộc.

Về hình dạng thì cõi Nam-thiện-bộ châu có hình dạng như bánh xe bò, hay như quả trứng. Tây-ngưu-hóa châu có hình dạng như trăng hình bán nguyệt. Đông-thắng-thần châu có hình dạng như trăng tròn. Bắc-câu-lưu châu có hình tứ giác. Người ở châu nào thì có khuôn mặt như dáng châu ấy.

Trong bốn Đại châu này, Nam-thiện-bộ-châu có 96 vạn Koṭi ngọn núi, có 56 hầm ngọc, có 1 vạn xứ nhỏ là tùy tùng của 99 ức Đại kinh thành. Các Đại thành này khởi lên đầu tiên là 63.000 thành, khi mưa hình thành ngập thế gian, rồi hạ xuống cũng hiện khởi 63.000 thành nữa, đây là lần thứ nhì. Sau đó cũng bị mưa hình thành thế gian làm ngập nữa, khi nước hạ xuống cũng hiện khởi 63.000 thành nữa, đây là lần thứ ba. Tổng cộng ba lần hiện khởi thì được 189.000 thành.

Sự đặc biệt của Nam-thiện-bộ châu là: Ban đầu cõi Nam-thiện-bộ châu có chiều dài và rộng 10.000 do tuần, chúng sanh hữu phước và duyên lành đã hết, phước duyên đã cạn, bấy giờ nước ngập lên 4000 do tuần, phần đất mà nhân loại nương sống chỉ còn 3000 do tuần kia là núi, cao lớn nhất là núi Hy Mã, có chiều cao là 500 do tuần, dài 3000 do tuần, kết hợp với 4000 đỉnh núi, như đỉnh Sudassana, ... có 5 con sông lớn là sông Acitavatī, sông Mahimahā, sông Sarabhū, sông Gaṅgā, sông Yamunā, có 7 hồ lớn là: Anotattā, hồ Kaṇṇamuṇḍa, hồ Rathakāra, hồ Kuṇāla, hồ Maṇḍākinī, hồ SīhapPāta, hồ Chaddanta. Mỗi hồ đều có chiều dài, rộng và sâu là 50 do tuần. Nếu tính chu vi thì mỗi hồ được 150 do tuần. Trong 7 hồ này, hồ Anotatta nằm giữa 5 ngọn núi là Sudassanakūtīa, núi Cittakūtīa, núi Kāḷakūtīa, núi Gandhamādanakūtīa, núi Kelāsakūtīa. Cả năm ngọn núi này vây quanh hồ Anotatta.

Trong năm ngọn núi này, núi Sudassana bằng vàng, cao 200 do tuần, đỉnh núi nghiêng che mặt hồ, có hình như mỏ quạ. Đỉnh núi Cittakūtīa đều bằng ngọc bảy báu, đỉnh Kāḷa toàn là ngọc Añjana có màu xanh, đỉnh núi Gandhamādana toàn bằng ngọc vân, bên trong có màu như màu ngọc trai, kết hợp với 10 loại cây có hương thơm đặc biệt như: Cây có rễ thơm như là quế, có lõi thơm như chiên đàn, có giác thơm như cây thông, có vỏ thơm như quế rừng, có vảy thơm như táo rừng, táo gỗ, có mùi thơm như cây am tức hương, có nhựa thơm, có lá thơm, có mùi thơm toàn diện. Mười loại mộc hương này mọc đầy khắp núi Gandhamādana. Lại nữa, các loại ngãi thuốc và các loại dược thảo cũng có nhiều tại núi này.

Tại núi Gandhamādana này có 1 thung lũng, tên là Nandamūla. Đây là nơi trú của Chư Phật Độc-giác, có ba hạng động là: Suvaṇṇagūhā (Kim-quật) - động vàng, Maṇīgūhā (Ngọc-quật) - động ngọc, Rajatīagūhā (Ngân-quật) - động bạc. Tại động Ngọc có cây Uloka mọc nơi cửa động, cao 1 do tuần. Tăng nhánh xoè ra cũng 1 do tuần ven cây Uloka ấy có căn phòng toàn bằng ngọc tên là Ratanamāḷaka (Bảo-đường), là nơi tụ hội của Chư Phật Độc-giác.

Lại nữa, trong bảo đường ấy, thường có 5 loại gió là:

1- Loại gió thường thổi quét sạch trong phòng ấy, có tên là Sammajjanakavāta.
2- Loại gió tên là Samakaraṇavātā dùng để thổi trãi cát ngọc trong chỗ ấy cho bằng phẳng.
3- Loại gió tên là Siñcanakavāta dùng hút nước trong hồ Anotatta đem lại rãi tấm trong chỗ ấy.

4- Loại gió tên là Sugandhakaraṇavāta dùng để cuốn lấy hoa thơm đến rãi.
5- Loại gió tên là Ocinakavāta trãi các bông hoa ấy ra cho đều.

Chư Phật Độc-giác tụ hội tại Bảo-đường này trong ngày mà có vị giác ngộ quả vị Độc-giác, và trong ngày trai giới. Nên biết rằng: Núi Gandhamādana là chỗ ở của Chư Phật Độc-giác với sự việc là như vậy.

Còn núi Kelāsakūṭīa đều bằng bạc. Cả năm đỉnh núi ấy có hình dáng và chiều cao tương đồng nhau, cùng vây quanh hồ Anotatta. Với uy lực của Chư Thiên và Long vương, làm cho mưa rơi không dứt, nước mưa ấy đều chảy xuống hồ Anotatta. Lại nữa, khi mặt trời và mặt trăng xoay quanh lộ trình hướng Nam, tức là đi vòng ra từ bìa luân vi hay lộ trình phương bắc đi vòng vào đến chân núi Tu Di cũng vậy, ánh sáng của mặt trời và mặt trăng được chiếu rọi qua kẽ giữa của năm ngọn núi chạm vào hồ Anotatta. Nếu xoay theo lộ trình trực hành,, tức là đi theo đường giữa, đường thẳng, ánh sáng ấy không thể chiếu rọi xuống mặt hồ, vì bị núi Sudassana che án. Do nhân ấy, hồ ấy có tên là Anotatta (Vô-nhiệt-não-trì).

Hồ Anotatta là nơi vui chơi khả ý, cạnh bến lên xuống đều được trãi lót đá bjăng phẳng, có nhiều cầu thang ngọc để đi xuống hồ, nước trong hồ rất tinh khiết, không chút bợn nhơ, tựa như ánh sáng ngọc Pha-lê, đây là nơi tắm rữa của những bậc hữu phước như đấng Toàn -giác hay đấng Độc-giác,...

Hồ có 4 cửa là: Sīhamukha (sư tử khẩu), Hatthīmukha (tượng khẩu), Assamukha (mã khẩu), Usabhamukha (ngưu khẩu). Là nơi phát nguồn của 4 con sông lớn. Con sông nào được chảy ra từ Sīhamukha thì bờ sông đầy dẫy sư tử, sông nào chảy ra từ Hatthìmukha thì bờ sông dầy dẫy voi, sông nào chảy ra từ Assamukha thì bờ sông đầy những Đàn ngựa, sông nào chảy ra từ Usabhamukha, thì bờ sông ấy đầy dẫy những Đàn bò.

Nước từ hồ Anotatta thoát ra theo hướng Đông núi Hy Mã, chảy vòng quanh hồ ba vòng, băng qua ba con sông nữa, rồi chảy thẳng về hướng Đông núi Hy Mã, đến vùng đất loài người rồi ra Đại dương.

Nước từ hồ Anotatta theo hướng Tây và hướng Bắc cũng chảy vòng quanh hồ Anotatta 3 vòng, rồi chảy qua những chỗ không có người ở thuộc hướng Tây và hướng Bắc, rồi cũng chảy ra Đại dương. Nước được chảy ra từ hướng Nam, sau khi chảy quanh hồ Anotatta 3 vòng, chảy đến tảng đá to dài 60 do tuần, đụng vào một ngọn núi, khiến dòng nước ấy bị dội lại, và phún lên cao hư không 12 cây số (3 Gāvuta), rồi rơi thẳng xuống tảng đá tên là Tiyoggala, là tảng đá có 3 góc. Tảng đá ấy không chịu nổi sức rơi của nước, nên bị bể lún sâu xuống thành hồ, có tên là hồ Tiyoggalapokkharaṇī. Nước ấy sau khi trãn ngập hồ và chảy trên tảng đá 1 khoảng dài 60 do tuần, phá hủy lớp đất, xuyên qua lòng đất khoảng 60 do tuần nữa, rồi xuyên thẳng đến núi Tiracchāna. Dòng nước ấy soi phá núi Tiracchāna, chảy phân thành năm dòng, ví như năm ngón tay trên bàn tay vậy.

Nước chảy ra từ hồ Anotatta rồi chảy quanh hồ ba vòng, Gọi là dòng nước Āvaṭṭagaṅgā (hằng hà xoáy).
Nước phún lên hư không, tên là Ākāsagaṅgā.
Nước rơi trên tảng đá Tiyoggala, tên là Tiyoggalapokkharaṇī.
Nước chảy vào tảng đá ấy, tên là Bahalagaṅgā.
Nước chảy vào đường ngầm ấy, tên là Umaṅgagaṅgā.
Nước chảy từ núi Tiracchāna chảy ra phân thành 5 dòng, năm dòng ấy tên là: Dòng Gaṅgānadī, dòng Yamunā, dòng Aciravatī, dòng Mahimahā và dòng Sarabhū. Cả năm dòng ấy chảy đến chỗ của nhân loại.

Hồ Chaddanta có chiều dài và rộng 50 do tuần, giữa hồ là nước tinh khiết, không có bèo rong, có khoảng trống ấy là 12 do tuần nước trong vắt, có màu như ngọc Maṇī. Kế khoảng nước trong ấy là 7 rừng sen vây quanh là:

1- Rừng Caṅkalanī rộng 1 do tuần, vây quanh hồ ấy.
2- Tiếp theo là rừng Suddhanīla - uppala rộng 1 do tuần.
3- Kế là rừng sen đỏ rộng 1 do tuần.
4- Tiếp theo là rừng sen trắng rộng 1 do tuần.
5- Tiếp theo là rừng súng đỏ rộng 1 do tuần.
6- Rồi tiếp đến là rừng súng trắng rộng 1 do tuần.
7- Kế đến là rừng súng Komuda, rộng 1 do tuần.

Vây quanh nối nhau thành từng lớp, kế theo 7 rừng sen ấy, là rừng Vomissaka đầy đủ những hoa sen, có màu sắc sai biệt, cũng rộng 1 do tuần. Rồi đến rừng Khuddakagaccha có từng cụm bông nước, với nhiều màu sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng cũng rộng một do tuần. Kế đến ranh bờ, đầy với những đậu xanh, đậu trắng, đậu Rājamāsa. Kế đến là rừng bí, với bí đao xanh, bí rợ đều to lớn trái.

Tiếp đến là rừng mía, mía này to bằng cây cau, rồi là rừng chuối với những buồng rất to, quả của nó lớn bằng ngà voi. Kế là rừng Sāla (rừng gỗ mun), rừng mít với trái bằng cái lu, rồi rừng xoài, rừng me ngọt, rừng táo gỗ nối tiếp nhau. Tất cả khu rừng ấy, có rừng loại quả không lẫn lộn nhau. Kế đến là rừng Vomissaka đầy với các loại trái cây. Rồi là rừng trúc, rừng tre dày đặc với bụi tre và cây, chí đến loài rắn muốn bò vào cũng khó khăn. Kế rừng trúc là 7 ngọn núi vây quanh.

Núi thứ 1, cao 1 do tuần tên là Cūḷakāḷa.
Núi thứ 2, cao 2 do tuần tên là Mahākāḷa.
Núi thứ 3, cao 3 do tuần tên là Udakapassa.
Núi thứ 4, cao 4 do tuần tên là Candapassa.
Núi thứ 5, cao 5 do tuần tên là Suriya.
Núi thứ 6, cao 6 do tuần tên là Maṇīpassa.
Núi thứ 7, cao 7 do tuần tên là Suvaṇṇa.

Tại góc hồ hướng Đông bắc, có cây Da sà, vòn thân cây là 5 do tuần, chiều cao đến chảng là 7 do tuần, chảng này có 4 nhánh lớn, mỗi nhánh dài 6 do tuần, chìa ra 4 hướng, cành đỉnh dài 6 do tuần, nếu tính từ gốc lên ngọn thì được 13 do tuần. Nếu đo thẳng chu vi là 12 do tuần. Cây Da sā này có nhiều vẽ đẹp như sự xinh đẹp của Maṇī.

Còn hồ Maṇḍākinī rộng được 25 do tuần, có bậc thang lên xuống, hình thành bằng bạc, vàng, ngọc lưu ly, và ngọc pha lê, nước trong hồ tinh khiết có màu xanh như ngọc xanh, không chút bèo, rong. Tại ven bờ, nơi có nước vừa ngang lưng voi, là rừng sen trắng vây quanh. Sen này có đài sen to bằng cán cày, mỗi cũ sen to bằng mặt trống Bherī. Trong bọng sen, nước trong bọng ấy có màu trắng như sữa, đong mỗi bọng được một gáo đầy. Khi hoa sen nở, có một loại gió thổi nhụy sen rơi rãi trên lá sen, rồi bụi nước rơi nhiều trên lá sen, trộn nhụy sen ấy lại, khi ánh sáng mặt trời chiếu rọi vào, làm khô lại thành cục, có màu như sắt đỏ ở trên lá sen, có vị ngọt như mật ong, gọi là Pokkharamadha.

Kế rừng súng trắng là rừng súng đỏ, rồi rừng sen trắng, rừng sen xanh, sen đỏ, rồi đến rừng lúa thơm Sāli, rừng bí xanh, rừng bí đỏ, rừng bần đều có vị ngọt, rồi đến rừng mía. Mỗi cây mía to bằng vây cau. Những đàn voi dẫn nhau đến bẻ mía, mang đến đặt trên tảng đá, rồi cùng nhau lên dẫm đạp cho nước mía chảy ra, đọng trên các lỗ hõm lớn nhỏ của tảng đá ấy. Khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, nước mía ấy khô lại thành màu trắng tựa như là đá sữa, các con voi ấy lấy đá sữa dâng lên Đức Chánh-đẳng-giác, Đức Độc-giác và các bậc Lậu Tận khi các Ngài ngự đến. Kế rừng mía là rừng chuối, quả chuối ở đây rất to, người mạnh ăn chỉ dùng một cặp thôi cũng sẽ ôm bụng lăn lộn tại đó. Kế rừng chuối là rừng mít, trái to bằng cái lu. Kế đến là rừng xoài, rừng me nối tiếp nhau.

Tóm lại, tại hồ Maṇḍākinī này có đủ thứ trái cây, bông hoa, không thiếu thứ chi cả.

Trong rừng Hy Mã này, nói đến loài thú, thì có rất nhiều loại. Ở đây, chỉ đề cập đến những loài thú đặc biệt như là: Sư tử chúa, chim Ca lăng tần già mà thôi.

Sư tử chúa này có miệng đỏ như được tha bằng gôm lắc đỏ, có bườm ở cổ đỏ như nhung đỏ, thân màu trắng nuốt như vỏ ốc. Ở giữa lưng từ đầu đến mông có 3 sợi đỏ như gôm lắc đỏ, ví như được vẽ bằng cọ.

Sự tử chúa sống trong động vàng, động bạc và động ngọc. Khi ra khỏi động, đặt hai chân sau cho bằng nhau, rồi duỗi chân trước ra, vươn vai, uốn mình, ngữa mặt lên trời, hú lên, tiếng hú ấy tựa như tiếng sét, rũ lông cho sạch bụi, nhảy dựng lên như bò con giỡn nhảy cỡi, rồi cất tiếng rống của loài Sư tử vương. Tiếng rống của sư tử chúa vang dội xa 3 do tuần. loài thú hai chân, bốn chân khi nghe được tiếng rống ấy, không thể giữ thân cho yên tịnh được, kinh hoàng tựa như là sắp bị bắt được, mỗi con đều nhanh chân chạy khắp nơi trốn, con thì chui vào bọng cây, con thì lặn xuống nước, con thì chui vào bụi. Đối với loài phi cầm thì bay lên không tán loạn, tìm đến nơi trú ẩn của mình, thì còn nói gì đến loài thú rừng. Cho dù là voi, ngựa bị cột trong làng, trong thị trấn cũng không thể dằn tâm được, phải vùng vẫy đến nỗi có khi đứt cả dây buộc cổ. Đây là oai lực của tiếng rống của Sư tử vương.

Hỏi rằng: Có phải tất cả loài thú đều sợ tiếng hú của con Sư tử phải chăng?

Đáp rằng: Không phải tất cả đều sợ, những loài không sợ tiếng rống con Sư tử chúa ấy, là sư tử đồng chủng, voi thuần chủng, ngựa thuần chủng, bò thuần chủng, người thuần chủng và bậc Lậu Tận. Sáu hạng này khi nghe tiếng rống của Sư tử chúa an bình thường, không có gì sợ hãi chi cả.

Giải rằng: Sư tử đồng chủng không sợ, vì nghĩ rằng: Ta đây cũng có chủng tánh và dòng tộc như kẻ ấy, nên không sợ. Còn voi thuần chủng, ngựa thuần chủng, bò thuần chủng, người thuần chủng. Cả bốn hạng này do kiêu mạn với thân kiến rằng: Ta đây cũng có sức mạnh phi thường, do vậy mới không sợ.

Còn bậc Lậu Tận, do Ngài đã đoạn tận thân kiến nên không còn sợ hãi.

Sư tử chúa vươn vai, rống lên ba lần tiếng rống con Sư tử, rồi phóng về phía trái cũng có, phóng về phải cũng có, phóng tới trước cũng có. Xa 1 Usabha (50m) cũng có, 4 Usabha hay 8 Usabha cũng có. Sư tử chúa này, nếu đứng tại chỗ bằng phẳng thì nhảy xa được từ 16 - 20 Usabha. Nếu từ trên đồi hoặc triền núi phóng xuống thì xa 60 - 80 Usabha. Sư tử chúa là dòng tộc thù thắng nhất trong các loài Sư tử khác, bởi có bản chất dũng cảm ... với sự việc là như vậy.

Còn đặc tướng vi diệu của chim Kāraveka (Thụy hồng) là khi ăn trái xoài, uống nước hương vị xoài rồi, vỗ cánh bay lên cất tiếng gáy, tiếng ấy tựa như sáo ngọc và sáo ô hoa réo rắt thấu đến tim các loài thú.

Loài thú hai chân, bốn chân nào khi nghe tiếng chim Kāraveka, liền mê mẫn mất hồn vì tiếng ấy. Nếu đang ngậm mồi thì đánh rơi mồi xuống đất, cọp đuổi mồi toan đưa móng vuốt ra vồ, cũng ngừng lại đứng yên lắng tai nghe. Con mồi đang bị rượt chạy trối chết, cũng quên đi sự chết, đứng lại ngẫn người để nghe tiếng Kāraveka. Chim đang bay trên không, cũng thả cánh lờ đờ để nghe, cá dưới nước cũng ngưng quẫy đuôi, mang, yên lặng lắng nghe tiếng chim ấy. Do vậy, thế gian mới tán thán là có tiếng du dương, êm dịu như tiếng chim Kāraveka - Ca lăng tần già - với sự việc là như vậy.

Lại nữa, Gọi là Nam-thiện-bộ châu hay Diêm-phù-đề là do nương vào cây trâm trụ châu, cây trâm này mọc trong rừng Hy Mã, vòng thân được 15 do tuần, từ gốc đến ngọn cao 100 do tuần. Từ gốc đến chảng là 50 do tuần, từ chảng đến gọn thì được 50 do tuần. Chảng có 4 nhánh, chìa ra bốn hướng, mỗi nhánh dài 50 do tuần, từ đầu nhánh đến cuối nhánh là 50 do tuần. Nếu đo từ gốc cây đến đầu của mỗi nhánh thì được 100 do tuần, chu vi, cao, rộng đều có số lượng như nhau. Dưới bốn nhánh ấy là 4 con sông lớn chảy theo 4 hướng.

Trái trâm có hương vị như mật ong, các đàn chim thường rũ nhau đến ăn những trái chín, và đôi khi quả trâm ấy chín rụng, dọc theo hai bên bờ sông, rồi mọc lên thành từng cục vàng, rồi bị nước cuốn chìm xuống Đại dương, vàng ấy được gọi là vàng Jambūmuda, vì nương sanh từ sông Jambū. Ngoài ra còn có 6 cây chúa nữa là:

1- Cây Simbali (cây gòn gai) trụ ở cõi Kim- Xí -điểu.
2- Paricchattaka: Cây hoa Tán lọng trụ ở Đạo-lợi Thiên.
3- Cây Pātalī (cây so đủa) ở cõi Asura.
4- Cây Kadambo: Trụ ở Tây- ngưu- hóa châu.
5- Kapparukkho: Cây kiếp thọ ở Bắc- câu- lưu châu.
6- Sirisakarukkha: Ở Đông- thắng- thần châu.

Cả 7 cây này, có chiều dài, rộng và cao bằng nhau, và có tuổi thọ dài cho đến hiền kiếp (Bhaddakappa) này.

Lại nữa, trong rừng Hy Mã, tại khu vực tiếp giáp với Taṇhāvaḍdhana, có rừng cây Makkhalīphala. Cây Makkhalīphala này, vào thời ra quả, quả ấy có hình dáng, đặc tướng như nữ nhân, có sự xinh đẹp như tiên nữ, mỗi lần trổ quả, trái Makkhalīphala này giữ lâu được từ 4 - 5 tháng mới hư và trong khi cây Makkhalīphala trổ quả đang nẩy nỡ toàn diện thì nhóm trì minh ở tại khu rừng Hy Mã, cùng nhau đến giữ lấy ân ái. Vị nào ân ái cùng quả ấy, giao hoan cùng mộc nữ Makkhalīphala xong rồi, sẽ rơi vào trạng thái đê mê suốt thời gian là 4 tháng mới tỉnh lại.

HẾT

-ooOoo-